

Chương III

Phương ngữ Huế trong thi ca xứ Huế

Phương ngữ là ngôn ngữ địa phương.

Thi là văn vần như thơ, ca dao, tục ngữ, vè, v.v. .

Ca là hát, bao gồm tất cả các điệu hò dân gian và các điệu ca xuất phát từ cung đình.

Phương ngữ Huế thâm nhập vào vè, lý, châu văn Huế, thâm nhập vào các điệu hò Huế và các điệu ca Huế. Sự thâm nhập này rất tự nhiên, nhẹ nhàng, không gò bó.

Điệu hò phổ thông nhất ở Huế là hò giã gạo. Tiếng nói thường ngày có nhiều phương ngữ đã đưa vào điệu hò này :

Nàng :

Ơi người tĩa đậu hôm mai,

Da đen như quạ lại đòi nàng tiên !

Chàng :

Đen anh, đen mặt, đen môi,

Trắng em, trắng búng sán chồi.

Thử chút chơi, chứ ai cưới của nợ đời làm chi !

Điệu hò mái nhì, hò mái đẩy cũng có nhiều phương ngữ Huế:

Trăm năm trót lỗ hện hò,

Cây đa bến cộ, con đò khác đũa.

Cây đa bến cộ còn lưa,

Con đò đã thục năm xưa tê rồi.

Về là lối kể chuyện bằng văn vần. Về Huế cũng dùng nhiều phương ngữ :

*Hai bên **lẳng lẳng** mà nghe,
Tui đặt cái về **Thất Thủ Kinh Đô** .*

Các điệu lý Huế có nhiều phương ngữ *gợi cảm* :

*Gió mùa xuân **rừng rừng nước mắt**,
Nhớ tới chàng ruột **thất héo don**.*

*Gió mùa hè tiếng ve kêu **đế**,
Mong nhớ chàng bóng **xé trắng lu**.*

*Gió mùa thu mẹ ru **con lú**,
Cha con đã vui thú **nơi mô** ?*

*Gió mùa đông nằm **không thấy bạn**,
Nhớ thương chàng nhiều **đoạn đắng cay**.*

Hò ru con có nhiều phương ngữ *đặc thù* :

***Con tui** buồn ngủ **buồn nghê**,
Con tầm đã chín, **con dê đã muối**.
Con tầm đã chín thì nuôi,
Con dê đã muối làm thịt mà ăn.*

Ngày xưa, giữa nông thôn và thành thị chưa có nhiều cách biệt. Nhà cửa, cách sinh hoạt, giao tiếp, ẩm thực, giải trí giống nhau. Nông dân đem nhiều phương ngữ vào câu hò tiếng hát đồng quê thì các nhà nho cũng đem nhiều phương ngữ vào những sáng tác của mình.

Nhà thơ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy :

*Hòn đá cheo leo, em trèo lên **trọt** xuống,
Trong lòng **luống cuống** em chẳng muốn xa anh.
Quản bao trên thác dưới **gành**,
Cũng liều lặn lội **hy sanh** theo chàng.*

Đặc biệt nhất là sự thâm nhập một số phương ngữ Huế vào Thơ Mới. Đặc điểm này tưởng như chỉ có ở các nhà thơ hiện đại Huế.

Bài thơ sau đây của nữ thi sĩ Nguyễn Thị Hoàng dùng nhiều phương ngữ *đặc sệt* Huế :

*Chi lạ ri, chiều ni tui muốn khóc,
Nhìn chi tui, đồ cỏ mọn hoa hèn.
Ngó chi tui, đồ đom đóm trong đêm,
Cho thêm tui bên ni bờ cô tịch.*

*Tui ao ước có bao giờ tuyết đích,
Tui van xin răng mà cứ làm ngơ.
Rồi ngó tui, chi lạ rúa: hững hờ
Ghép yêu mến, vô duyên và trơ trên.*

*Tui đã tắt nỗi ngại ngừng bên lên,
Bởi vì răng ? Ai biết được người hè !
Nhưng mà chiều đã rủ bóng lê thê,
Ni với nó có khi mô mà gần gũi.*

*Chi lạ rúa ! Răng cứ làm tui tui,
Tàn nhẫn chi với một đứa thương đau.
Cảm tình cảm nên không sắc không màu,
Và vạn thuở chẳng nên tình luyến ái.*

*Chi lạ rúa ? Người cứ làm tui ngại,
Biết sông sâu hay cạn giữa tình đời.
Bên ni bờ vẫn trong trắng chơi với,
Mà bên nó trầm ngâm mô có kể.*

*Tui không muốn khóc chi những giọt lệ
Động làn mi ấp ủ mới tâm tình.
Bên ni bờ hoa thắm hết tươi xinh,*

*Mà bên nó huy hoàng và lộng lẫy.
Muốn lên thuyền mặc sóng cuồn xô đẩy,
Nhưng thân đau nên chẳng dám đánh liều.
**Đau chi mô ! Có lẽ hận cô liêu ...
Mà chi lạ rúa hè ? Ai hiểu nỗi !***

*Tui không điên, cũng không hề bối rối,
Ngó làm chi cho tủi nhục đau thương.
**Tui biết tui là hoa dại bên đường,
Không màu sắc, chi lạ rúa hè, người hí.***

*Tui cũng muốn có một người tri kỷ,
Nhưng đường đời như rúa đó, biết màn rặng ?
Tui muốn kêu, muốn gọi, muốn thưa rằng :
Chờ tui với ! A, cười chi lạ rúa ?*

*Tui không buồn, răng mắt mờ lệ ứa !
Bởi vì răng, tui có hiểu chi mô.
Vì lòng tui là mặt nước sông hồ,
Chi lạ rúa, bên ni bờ tui khóc ...*

Có lẽ vì một số phương ngữ Huế có âm thanh đậm đà, duyên dáng, nhiều phong vị địa phương nên những câu nói thông thường đôi khi trở thành những vần thơ hay :

***Răng mà cứ theo tui hoài rúa ?
Cái ông ni mới dị chưa tề.***

(Đồng Khánh ngày xưa. Ngự Sơn. Câu 1, 2)

Nhà thơ đã cố ý đem âm hưởng địa phương nhiều gợi cảm vào các lời thơ.

* *

Ca dao, tục ngữ, thành ngữ thuộc loại truyền khẩu nên thường không biết tên tác giả, không biết nơi xuất xứ; có thể do

dân Huế sáng tác, mà cũng có thể do dân ở các nơi khác sáng tác nhưng được dân chúng Huế ưa thích. Cho dù từ đâu đến, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, khi được dân chúng Huế biến dạng về âm điệu và từ ngữ thì nó đã trở thành ca dao, tục ngữ, thành ngữ Huế.

Miền Bắc có bài hát ru em :

*Con gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi,
Con chó khóc đứng khóc ngồi;
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.*

Ở Huế có bài hò ru con :

*Con gà tục tác lá chanh,
Con heo ụt ịt đòi hành đòi tiêu,
Con chó khóc đứng khóc ngồi,
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.*

Hai bài này chắc hẳn là một, của một tác giả, nhưng đã thay đổi lời theo ngôn ngữ địa phương. Dân chúng miền Bắc nói *con gà cục tác, con lợn ủn ỉn*, dân chúng Huế nói *con gà tục tác, con heo ụt ịt*. Sở dĩ có sự biến dạng về ngôn ngữ như thế là vì giọng nói của mỗi vùng khác nhau. Điều này chứng tỏ rằng giọng nói của mỗi vùng đã hình thành một số phương ngữ.

* *

Để đọc giả dễ cảm nhận giá trị thi ca xứ Huế, chúng tôi cố gắng giải nghĩa ngắn gọn các từ ngữ, các thành ngữ đặc thù Huế, kèm theo thi ca xứ Huế dẫn chứng :

A, Ǻ, Ǻ

ai hay mô : ai ngờ đâu.

1/ *Em tiếc công anh đi lên đi xuống mòn đàng, đứt nợ (1).*
Cũng tưởng là duyên nợ hòa hiệp cùng nhau.
Ai hay mô phụ mẫu bên anh phụ khó, ham giàu,
Bỏ ân tình nặng, ruột em đau chín chiều.

(1) nợ : dây.

2/ *Giấc thần mộng mơ màng trên gối,*
Lắng tai nghe lắm nỗi đoạn trường.
Ai hay mô mỗi đũa mỗi đường,
Để duyên xa nợ cách những nhớ thương mà hao mòn.

ai mô : người nào.

Nàng :

Rõ (1) sành rõ sệt, rõ rịt tam tàng,
Ai thương chi rõ, rõ lần tới đây ?

Chàng :

Rõ này là rõ Trời cho,
Ai mô mần (2) đặng mà o mi cười.

(1) rõ : mặt có nhiều sẹo vì bệnh đậu mùa.

(2) mần : làm.

ai mô về nấy : ai ở đâu thì về ở đó; người nào về nhà người nấy.

Tới đây hò hát, gá nghĩa làm quen,
Ngày mai ai mô về nấy, chó thả lòng ghen bạn cười.

ai nấy : tất cả, mọi người.

1/ Đò đưa một chuyến năm tiền,
Chi em ai nấy xuống thuyền mà đi.

2/ Đói lòng mặt hây còn tươi,
Miệng hây còn cười, ai nấy cũng thương.

ai nhủ : ai bảo, ai khiến.

Nợ nước này non hây còn như cũ,
Giang sơn hữu chủ ai nhủ em lo.
Rồi đây tái tạo cơ đồ,
Sẽ có cây cho chim đậu, cũng có đò cho em đi.

(Tiếng hát Sông Hương; trang 48. Huế 1971. Ung Bình Thúc Giả)

ai tê : người nào đó.

Lời nguyện trước miếu sau đồng,
Ai tê phụ bạc đây mình thì không.

ảng nước : nơi đặt lu nước để tắm, giặt áo quần, rửa chén bát.

Cây mít ướt trồng bờ ao cũng ướt,
Cây ớt cay trồng nơi ảng nước cũng cay.

anh răng em rửa : anh ra sao thì em cũng như vậy.

Lòng anh răng thì lòng em rửa,
Không phải theo thời mà trở như nước rào (1) Lợi Nông.

(1) rào : con sông nhỏ.

anh xuôi em ngược : anh chèo thuyền xuôi theo dòng sông,
em chèo ngược dòng.

Gặp nhau giữa ngã ba Sinh (1),
Anh xuôi em ngược đem tình nhớ thương.

(1) ngã ba Sinh : nơi gặp nhau của sông Hương và sông Bồ; nơi này thuộc địa phận làng Sinh.

áo năm thân : áo dài có năm mảnh ghép lại : vạt trước hai mảnh, vạt sau hai mảnh, chỗ gài nút áo phía bên phải có một mảnh nằm phía dưới vạt trước.

*Tay bắt tay, lòng thêm vạt vĩa,
Mặt nhìn mặt, thăm quá anh ơi.
Châu sa lụy nhỏ hai hàng,
Áo năm thân ướt vạt,
Thiếp không thương chàng thì thương ai.*

áo thùng : áo mặc khi chịu tang chế.

*Tay mang khăn chế áo thùng,
Đầu đội chữ hiếu tay bồng con thơ.*

áo vá quàng : áo nối; áo nối nửa trên, nửa dưới.

*Áo vá vai vợ ai không biết,
Áo vá quàng chí thiết (1) vợ tui.*

(1) chí thiết : chính là.

ắc đờ : một, hai. Việt hóa chữ *un, deux*, tiếng Pháp.

*Eng (1) bước chùn lên ga,
Lòng nỏ (2) thương cha nhớ mẹ.
Eng bước chùn xuống thuyền,
Lòng nỏ thương vợ nhớ con.
Vai eng mang khẩu súng,
Miệng eng còn ắc đờ.*

(1) eng : anh.

(2) nỏ : chẳng.

ăn-banh : bị hư máy. Việt hóa chữ *en panne*, tiếng Pháp.

Đồng hồ không lên dây, đồng hồ liệt máy,

*Xe điện không chạy, xe điện ăn-banh.
Đó với đây duyên nợ không thành,
Không phải Thầy Mạ mà bởi tại ông Trời xanh đỏ mà.*

ăn bản : ăn xin.

*Lạ chi cái thói tiểu nhân,
Ăn bám (1) buổi sáng, ăn bản buổi trưa.*

(1) ăn bám : sống nhờ người khác.

ăn chi : ăn gì.

Chàng :
Con chim quỳên đậu đó ăn chi ?

Nàng :
Vì thương cây mà đậu, quăn gì đói no !

ăn hàng : ăn vật ngoài chợ, ngoài đường.

*Đền bà (1) không ăn hàng là đền bà khác !
Đền ông (2) không đánh bạc là đền ông hư !*

(1) đền bà : đàn bà.

(2) đền ông : đàn ông.

ăn thếp : ăn khín, ăn nhờ.

*Mọt ruồi màng tang, cả làng ăn thếp.
Mọt ruồi nơi mép, ăn thếp cả làng.*

ăn vàng : ăn những món cao lương mỹ vị, đắt tiền.

*Thiếp xa chàng ăn vàng cũng đáng,
Thiếp gần chàng ăn chút muối trắng cũng ngon.*

âu : chậu nhỏ đựng nước hoặc dùng để rửa chén, vo gạo hay ngâm bột.

Thương ve, thương chén, thương bình,

Thương âu bột lọc, thương tình ta xưa.

B

ba : hoa.

- 1/ *Năm bà yếu điệu phương phi,
Mây ba mắt phụng đầu thì tóc mây.
Thanh tân cốt cách ai tà (1),
Hình dung nhan sắc khác rày (2) thần tiên.*

(Văn châu ngũ vị Thánh Bà. Câu 17 đến 20. Khuyết danh. Châu văn Huế)

- (1) ai tà : ai bằng.
(2) khác rày : khác nào.

- 2/ *Nếp lương quy đôi thúng,
Đậu phụng đôi ang, khoai lang đôi rổ.
Cu cu ra ràng, vịt nổ đôi con,
Rượu ngon đôi bát, trầm hương bát ngát, đường
cát đậu xanh.
Anh lui về thưa với mẹ cha,
Đành lòng hả dạ, bướm giao ngành với ba.*

- 3/ *Thân em như ba cục trên bàn,
Thân anh như cây cỏ, bò ngang dưới thềm.*

ba ba : con rùa.

Nàng :
Trên rìng có một con ba ba,

*Kẻ nói con trạch, người la con rùa.
Dưới biển có một con cua,
Người nói con vò vọ, kẻ hô con còng.
Nam hơn đối đặng thì bạc đồng em thưởng cho.*

Chàng :

*Dưới sông có một con trìa,
Người nói con vọp, kẻ xìa con ngao.
Ngoài đồng có con cào cào,
Kẻ nói con châu chấu, người phao con ngựa trời.
Nam hơn đối đặng trọn nghĩa, trọn câu,
Bạc đồng không thưởng thì trọn đời theo anh.*

(Hò thủ tài đối đáp)

ba cột ba lờn : nói ngược nói xuôi cốt để đùa giỡn.

*Hát nam hát khách thêm nhiều điệu,
Ba cột ba lờn đủ mọi điều .*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

ba tàn : hoa tàn.

*Con chim xanh xanh ăn trái xoài xanh,
Ăn no tắm mát đậu ngành dâu da.
Cực lòng em phải nói ra,
Chờ trăng, trăng lặn, chờ ba, ba tàn.*

ba trợn ba trạc : dở hơi, ngang ngược.

*Anh thiệt tình chớ không ba trợn ba trạc,
Anh ở hai lòng trời bợt (1) anh đi.*

(1) bợt : bắt.

bạ chỗ mô : bất cứ chỗ nào.

Nước Đông Ba chảy qua Đập Đá,

*Nước Vỹ Dạ chảy xuống Ao Hồ.
Em chưa có chồng thì nói việc đẽ đồ,
Bây chừ (1) có chồng rồi thì khác chi trâu đại,
bạ chỗ mô cũng cà.*

(1) bây chừ : bây giờ.

bạc như vôi : phản bội.

*Cau em cũng không ăn, rượu em cũng không uống,
Mang bầu chịu tiếng, dạ khát khao ôm giếng mà ngồi.
Trách tấm lòng anh ở bạc như vôi,
Nghe ai lười mềm chuốt ngọt bỏ em rồi anh ơi !*

bạc trốt : bạc đầu, đã lớn tuổi, đã già.

Bạc trốt xuống nốt cũng chèo.

bán trâu vẽ bóng : không thật thà, nói vậy mà không phải vậy.

*Hỏi em có thương anh thiệt không,
Hay là bán trâu vẽ bóng giữa đồng cho anh ?*

bánh bèo : bánh bèo làm bằng bột gạo, hình tròn, mỏng, giống như lá bèo trên sông. Chấy mỡ heo, rắc nhụy tôm tươi, vài tốp mỡ rải trên mặt bánh, ăn với nước mắm xắc ớt tươi. Ngày nay, nhiều nơi pha chế bột năng, bột nếp với bột gạo để làm bánh bèo; nước mắm cũng pha chế thêm đường, chanh và nước lạnh.

1/ *Con quạ hán đậu chuồng heo,
Hán kêu: ơi mụ Xítng, bánh bèo chín chưa ?*

2/ *Vuốt hột nổ, xỏ bánh bèo.*

Xao xác, vạc kêu.

Nồi đồng, vung méo.

Cái kéo, thợ may.

Cái cày, làm ruộng.

Cái xuống, đáp bờ.

Cái cờ, làng tế.

(Đồng dao)

bao chủ : từ hồi nào đến bây giờ.

*Đêm khuya nghe gió lọt màn,
Mà tương tư cũng như dành riêng ai !
Chong đèn thức suốt canh dài,
Để nghe tiếng đế khoe ngoài mái hiên.
Đôi ta cách trở dặm miền,
Biết làm sao giải nỗi niềm ưu tư.
Duyên thơ ràng buộc bao chủ,
Mà riêng em những sầu tư một mình.*

(Hồng Hoa)

bao đồng : lung tung.

Nàng :

*Ngồi buồn xem nước xem non,
Em xem trăm con cá, đều có **con** không có **thằng**.*

Chàng :

*Cơm mô ăn nói bao đồng,
Xem lên trên núi, một trăm ông cọp (1), đều cọp
ông không cọp **bà**.*

(1) ông cọp : con hổ.

bao lăm : chẳng được là bao nhiêu.

*Chồn đèn bao lăm thịt,
Con nít bao lăm hơi.*

bao nả : không đáng là bao, chẳng to lớn gì đâu.

*Em ơi ! đừng thấy nhỏ mà khinh,
Con thần lẩn bao nả, ôm cột đình cũng sát sao.*

báo : gây thiệt hại.

*Có phước gặp dâu hiền, rể thảo (1),
Vô phước gặp dâu báo, rể thù.*

(1) thảo : biết ăn ở phải đạo.

báo bổ : báo đền, báo đáp.

*Đêm khuya thiếp lại hỏi chàng,
Lấy chi báo bổ song đàng ngày xửa.*

bát cạy: bát là lái thuyền sang bên phải; cạy là lái thuyền sang bên trái.

*Xe xe ngựa ngựa đó ai ơi,
Một chiếc thuyền con bát cạy chơi.*

(Phan Sào Nam)

bay liệng liệng : bay lượn nghiêng cánh theo đường cong, liệng qua liệng lại.

*Ngó lên trên trời, tàu bay liệng liệng;
Ngó xuống dưới đất, xe điện, xe hơi.
Anh nên tính liệu cho rồi,
Thằng Tây hán tới, thiệt đời đời ta.*

bảy mùi : bốc mùi, bay mùi.

*Nhà đây thiệt khó không giàu,
Thân em như lá hẹ bảy mùi thơm tho.*

băng bộ : đi bộ vượt qua một quãng đường.

*Đêm ba mươi, ngã bàn tay không chộ,
Thiếp thương chàng, băng bộ tới nơi đây.*

bấp lòn : bấp đỏ, bấp vàng.

*Bấp lòn vừa dẻo, vừa ngon,
Biết người quân tử có còn nhớ không ?*

bắt chân chữ ngũ : gác chân này trên chân kia thành hình chữ ngũ (Chữ Hán: ngũ là năm).

Bắt chân chữ ngũ,

Đánh củ khoai lang (1),

Bó (2) mụ nhà hàng,

Múc ta chén nước.

(1) đánh củ khoai lang : ăn củ khoai lang.

(2) bó : tiếng kêu gọi người đứng xa.

bắt mắt ngó chừng : quay đầu nhìn bao quát.

Ra đi bắt mắt ngó chừng,

Ngó (1) sông sông rộng, ngó rừng rừng sâu.

(1) ngó : nhìn.

bậm : bậm, to lớn.

Thiếp với chàng như cây bàng rễ bậm,

Vì thầy với mẹ tham nơi nệm gấm thêu hoa.

Xiêu lòng lạc dạ bỏ duyên nợ đôi ta nửa chừng !

bận : mặc (bận áo, bận quần).

1/ Chàng :

Trách lòng thầy mẹ cầm cân,

Không xê đi xích lại một vài phân cho con nhờ.

Nàng :

Thiếp nguyện với chàng có cơm ăn cơm, không

có cơm ăn cháo,

Chàng nguyện với thiếp có áo thì bận áo, không

có áo thì bận da,

Ở rảnh cho trên thuận dưới hòa,

Như Phạm Công thuở trước làm bạn với

Cúc Hoa cho trọn niềm.

(Hò già gạo)

2/ Chàng :

*Xấu như tui đây, thiệt (1) ra phận xấu,
Áo không có mà bận, nón không có mà đội, mũi
chảy thò lò,
Còn có đôi ba mụ vợ (2), tốt như o (3) mà không
có chồng !*

Nàng :

*Rặc (4) bầu (5), cá phải lội sông,
Xấu như anh mà có đôi ba mụ vợ, họa là ông
Trời cũng chịu thua !*

(Hò trâu gheo)

- (1) thiệt : thật.
- (2) mụ vợ : bà vợ.
- (3) o : cô, em.
- (4) rặc : nước cạn.
- (5) bầu : vùng nước lớn ở ngoài đồng ruộng.

bận chủ : bây giờ.

*Bạc mệnh hồng nhan em đón can chàng chẳng đặng (1),
Mở miệng kêu Trời cổ ngán khốn (2) than.
Bận chủ em cúi đầu xin lạy phu lang,
Chàng tả (3) tờ ly dị cho thiếp về làng,
Để cho chàng rộng chân nhẹ bước,
Dọc dọc ngang ngang cho thỏa lòng.*

- (1) chẳng đặng : chẳng được.
- (2) khốn : khó khăn; khó bề giải quyết.
- (3) tả : viết.

bất nệ : chẳng kể.

Trai anh hùng gặp gái thuyền duyên,

Cân đôi bất nệ của tiền màn chi.

bất ngãi : không có tình nghĩa.

*Thuyền rồng bất ngãi bỏ trôi,
Đò ngang có ngãi ta ngồi đò ngang.*

bâu : cổ áo.

*May chi áo nỏ (1) có bâu,
Như chàng vắng thiếp, dạ sầu ngàn năm.*

(1) nỏ : chẳng, không.

bậu : em.

- 1/ *Không đánh bậu, sợ bậu lẳng loàn,
Dang tay đánh bậu, hai hàng lụy rơi.*
- 2/ *Mồ coi phải kiếm chốn sum vầy,
Như mọt mặng giữa bụi, bậu rày (1) khỏi lo.*

(1) rày : nay.

3/ Chàng :

*Ơi người bạn áo trắng tinh,
Có nơi mô trang cân như bậu, kiếm cho mình một nơi ?*

Nàng :

*Nơi cao anh không với tới, nơi thấp dạ anh chẳng màng,
Trang cân như bậu, sợ chàng không ưng (1)!*

(1) không ưng : không ưa, không thích.

bây chừ : bây giờ.

- 1/ *Bởi người tham huệ bỏ lan,
Bây chừ gặp mặt ngõ ngang với nhau.*
- 2/ *Em không nhớ khi thề riêng nơi bồn lan, cội cúc,
thiếp ngúc, chàng ù,
Bây chừ em nghe ai đã xiêu lòng, lạc dạ, lại chối*

từ nghĩa anh.

3/ Ngày xưa em ở với thầy mẹ,
Em bận cái yếm mạng rỗng.
Bây chừ em ra lấy chồng,
Em bận (1) cái áo rách toạc đằng trước, rách toạc
đằng sau.
Ôi anh ơi ! Mua cho em ba thước vải tâu;
Em may em bận kéo thiên hạ nói với nhau họ cười.

(1) bận : mặc.

4/ Khi xưa anh búng (1) anh beo,
Tay cầm chén thuốc, tay đèo múi chanh.
Bây chừ anh khỏi anh lành (2),
Anh âu (3) duyên mới, anh đành phụ em.

(1) búng : nhọt nhạc, xanh xao, có vẻ như sùng húp.

(2) anh khỏi anh lành : anh lành bệnh.

(3) âu : bộc lộ tình yêu thương; âu yếm.

bây lớn : lớn như thế.

Trông cái thì để làm duta,
Con ai bây lớn mà chưa có chồng.

bấy chầy : mấy lâu nay.

Dấu che bưng bít bấy chầy,
Nay đà rõ mặt một bầy mè ngoao.

bấy lâu ni : mấy lâu nay.

1/ Chàng :

Bấy lâu ni buôn bán nuôi ai,
Cái áo em rách, cái vai em mòn ?

béo : mập.

*Chó béo đẹp mặt chủ nhà,
Con dâu béo tốt mụ gia mát lòng.*

bê : xiêu vẹo.

*Anh ơi, không nghĩ khi nghèo,
Buồm bê, lái gậy ai chèo cho anh qua.*

bể : vỡ.

Chàng :

*Thôi rồi bình tích bể tan,
Chén chung lỗ bộ, có ve vàng đợi đây.*

Nàng :

*Chờ chờ, đợi đợi mần chi (1) ,
Vợ con anh lo kiếm, em ở góa thì mặc em !*

(1) mần chi : làm gì.

bên giáo bên lương : một bên theo đạo Thiên Chúa, một bên không theo đạo Thiên Chúa. Ngày xưa, thời Thiên Chúa giáo La Mã mới truyền đạo sang Việt Nam có luật cấm lấy vợ, lấy chồng ngoại đạo; cấm thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Chàng :

*Chộ em anh cũng muốn thương,
Ngặt vì bên giáo bên lương khó lòng.*

Nàng :

*Miễn là anh có lòng thương,
A-men mặc thiệp, khói hương mặc chàng.*

bên ni : bên này.

1/ *Anh đứng bên ni cầu Tràng Tiền ngó sang bên tê*

cầu Tràng Tiền, thấy mười hai vại sáu nhịp,
Ngó lên tháp Thiên Mục, tháp Thiên Mục cao
những bảy tầng.
Em ơi đừng phụ khó khinh bần,
Mấy câu lương duyên ai tạc chín mười phần
trong dạ anh.

2/ Anh ở bên tê sông,
Bắc cầu mười lăm tám ván.
Em ở bên ni sông,
Em dọn quán chín tầng,
Bán buôn nuôi mẹ lần lần đợi anh.

3/ Em đứng bên ni sông, lòng trông vôi vọi,
Qua khỏi sông rồi gặp hội xướng ca.
Tử Kỳ lại gặp Bá Nha,
Đó đưa đờn (1) lên đứng bực để đây họa thi ca vài bài.

(1) đờn : đàn.

4/ Xạ Hiên rồi đến Đình Thuyền,
Bên ni Trường Súng, Trường Tiền bên tê (1).

(1) bên tê : bên kia.

bên nó : bên ấy.

Chiều chiều dắt bạn qua đèo,
Chim kêu bên nó, vượn trèo bên ni (1).

(Lý Hoài nam)

(1) bên ni : bên này.

bên tê : bên kia.

1/ Con cò đứng bên tê hói (1),

*Con cói cói đứng bên ni sông.
Nó kêu ơi mẹ, chớ lấy chồng bỏ con.
Mẹ đi, mẹ chạy bon bon,
Mất lòng phụ mẫu, bỏ con sao đành.*

(1) hỏi : con sông đào nhỏ và hẹp.

*2/ Đứng bên ni Đông Ba, ngó qua bên tê Đập Đá,
Đứng nơi Đập Đá, ngó về thôn Vỹ Dạ phố xá
nghinh ngang.
Kể từ ngày Tây lại, sứt sang,
Em theo đồng xu (1), bạc giắc (2) bỏ chàng bơ vơ.*

(1) xu : đơn vị tiền tệ thời Pháp thuộc.

(2) giắc : các, hào, một giắc bằng 10 xu.

bên tê tê : bên kia kia.

Nàng :

*Con sao Hôm đã lặn, con sao Mai đã mọc bên tê tê.
Anh ơi, anh có điều chi phân đi nói lại, cho em về
kẻo khuya.*

Chàng :

*Mình về răng được (1) mà về,
Câu thư chưa gửi (2), lời thề chưa trao.*

(Hò già gạo)

(1) răng được : sao được.

(2) gửi : gửi.

bến cộ : bến cũ.

*Cây đa là cây đa bến cộ,
Bến cộ là bến cộ đò đưa.
Ôi thôi rồi, người khác sang đưa,
Thiếp nhìn chàng lẻo đẻo (1), nước mắt như mưa*

(1) lẻo đẻo : đi theo sau từng bước.

bện ổ : làm tổ; kết cành khô và lá khô làm thành tổ chim.

*Chim khôn bện ổ lựa nhành,
Gái khôn kiếm chọn trai lành gởi thân.*

bết bê : kém, không ra gì.

*Việc nhà thì để bết bê,
Việc làng chóng vánh (1) hỏi đáng mê không nờ!*

(1) chóng vánh : nhanh gọn.

bị gây : đồ dùng của người ăn mày. Bị để đựng thức ăn xin được, gây để đánh chó.

1/ Chàng :

*Một bên đèn sách văn chương,
Một bên bị gây em thương bên nào ?*

Nàng :

*Bên đèn sách em cũng vì,
Còn bên bị gây em thì cũng thương.*

2/ *Cái số lao đao, phải sao chịu vậy,
Cái số ăn mày, bị gây phải mang.*

biết chùng đổi mô : biết chùng nào, biết bao nhiêu.

1/ *Múi tóc tơ bao giờ phân rẽ,*

*Lòng con thương, thầy mẹ khiến dưng.
Khổ cam trong dạ, biết chùng đổi mô !*

2/ *Nơi con không thương thì thầy mẹ ép,*

*Nơi con tình đẹp thì thầy mẹ khiến dưng.
Khổ cam trong dạ không biết chùng đổi mô.*

biết làm răng : biết làm thế nào.

*Lan huệ sầu ai, lan huệ héo,
Mận bông lát léo, mận bông tươi.
Biết làm răng tạc đặng (1) bóng người,
Để đêm khuya thanh vắng, vui cười giải khuây.*

(1) tạc đặng : ghi nhớ được.

biết lấy chi : biết làm sao.

*On cha ba năm lai láng,
Nghĩa mẹ chín tháng cưu mang.
Bên utor mẹ nằm, bên ráo con lăn.
Biết lấy chi đền nghĩa khó khăn,
Lên non gánh đá xây lăng phụng thờ.*

biết mần răng : biết làm thế nào.

*Thương em nỏ biết mần răng.
Mười đêm ra đưng trông trăng cả mười.*

biết răng chừ : biết khi nào.

- 1/ *Anh xa em ra chưa đầy một tháng,
Nước mắt lai láng hai tám đêm ngày.
Biết răng chừ nước ráo thành mây,
Sông kia hết chảy, duyên nợ này mới thôi thương.*
- 2/ *Biết răng chừ cho biển cạn cát bồi,
Cây bông sen nở trắng thiệp mới thôi nghĩ chàng.*
- 2/ *Em bước xuống thuyền gạt mái chèo eo éo,
Anh ở lại nơi đây ruột héo, gan don.
Biết răng chừ Hán lại gặp Hồ,
Để cho chàng được gặp thiệp phân phô đôi lời.*

bịt : vắn khăn trên đầu.

Nàng :

*Anh nghiêng tai cho em hỏi nhỏ, không dám hỏi to,
Hỏi anh tang chế cho ai ?
Bị cho thân phụ thì xé hai em bị cùng.*

Chàng :

*Thôi thì tang chế chịu chung,
Mũ rơm anh đội, áo thùng em mang.*

bỏ : để, đặt.

*Mâm đồng chùi sáng, bỏ trên bộ phản sáng ngời,
Cháo đậu xanh kia, đường cát nọ em mời anh xơi.*

bỏ : để lại.

*Bạn về đến dốc chợ Cầu,
Bỏ lời ăn tiếng nói, bỏ sầu cho ta.*

bọ : cha.

*Ai đi lên Long Thọ nhân bọ thàng cu về,
Kẻo mà ruộng trưa (1) mạ héo bốn bề, bọ hán ơi.*

(1) ruộng trưa : ruộng nương.

bọ mạ : cha mẹ.

*Hai ta thương chắc như ri (1),
Bọ mạ màn rúa (2), mình thì màn răng (3) ?*

(1) như ri : như thế này.

(2) màn rúa : làm như thế.

(3) màn răng : làm thế nào.

bọ mạ em rắn : cha mẹ em dạy em.

Chàng :

*Miếng trầu của đáng là bao,
Chẳng cầm ăn lấy cho nhau bằng lòng.*

bổ : té, ngã.

1/ Nàng :

*Anh ở màn rặng (1) cho đá nổi bóng chìm,
Muối chua, chanh mặn, mới tìm đặng em.*

Chàng :

*Hòn đá cheo leo, trâu trèo trâu trượt, ngựa trèo ngựa bổ,
Anh thương em vạn cổ lai kim (2).
Biết khi mô (3) cho đá nổi bóng chìm,
Muối chua, chanh mặn, để em nhìn đến anh !*

(1) màn rặng : làm sao.

(2) vạn cổ lai kim : từ xưa đến nay.

(3) khi mô : khi nào.

2/ *Chết trước được mồ được má,
Chết sau bổ ngã bổ nghiêng.*

3/ *Có phước được mồ được má,
Vô phước bổ ngã bổ nghiêng.*

bội : cái lồng tre nhốt gà hay đựng rơm rác.

*Tháp cao em đã từng chơi,
Gánh nước trong bội, không rơi chút nào !*

bôn : vội vã.

*Mã Phụng quỳ xuống thưa qua:
Cúi đầu lạy mẹ cũng cha rõ lòng.
Phò mã nhường lại anh Long,
Phận con em út trong lòng chưa bôn.*

(Về Mã Phụng - Xuân Hương. Câu 2231 đến 2234)

bốn bậy : vụng về.

*Dốt nát tìm thầy,
Bốn bảy tìm thợ.*

bộn bàng : nhiều.

*Bảy mươi một tuổi còn son,
Mười lăm, mười sáu cháu con bộn bàng.*

bông : hoa.

- 1/ Bông lài, bông lý, bông ngâu,
Không bằng bông bưởi thơm lâu dịu dàng.
- 2/ Bông chi thơm bằng bông hoa lý,
Quả chi quý bằng quả đào tiên.
Kiếm nơi thầy thảo, mẹ hiền,
Gửi thân cho trọn vẹn, của với tiền phù vân.
- 3/ Em bưng chén kiêu lá liễu năm bông,
Hai đứa mình nho nhỏ có công đợi chờ.
- 4/ Nhận ven trời, én liệng ngoài khơi.
Cầu Ô Thước, ta bước sang chơi, ấy nơi tình tự.
Về non Giáp, trông dòng Tương,
Sóng rợn rồi sao, nổi đợi chờ, thêm càng thương nhớ.
Vòng nợ duyên,
Ngọc Lam Điền, hiệp đoàn loan phụng,
Hội thần tiên.
Bông đào, bông lý, ấy nhụy bông hường,
Thơm nức bên tường, ấy (1) mùi hương.
Gãy nhịp đàn, dâng cầu quỳnh tương,
Tơ tình lằng lú (2), lú lằng vì sợi tơ vương.

(Nhận ven trời. Khuyết danh. Điệu Hành Vân)

(1) ấy : đó là.

(2) lằng lú : rối ren, vướng víu.

bông cần : hoa dâm bụt.

*Bạn vàng mới đỏ đã phai,
Khác chi bông cần nở mai tàn chiều.*

bông hường : hoa hồng.

- 1/ *Quân tử lao xao là quân tử rác,
Anh hùng xao xác là anh hùng rơm.
Thấy bông hường nở nhụy bắt mùi thơm đến tìm.*
- 2/ *Thân em như bông hường mới nở,
Tấm thân anh như ngọn cỏ may.
Lạy trời cho gió tung bay,
Bông hường rụng xuống, cỏ may xóc (1) nhâm.*

(1) xóc : dâm vào.

3/ Nàng :

*Thân em như thể bông hường,
Anh xem cho có ý, kéo mắc đường chông gai.*

Chàng :

*Thân anh như thể giọt sương,
Đêm đêm tưới mát cho bông hường tốt tươi.*

bống : đại đột, vụng về.

Khôn thì sống, bống thì chết.

bồng : bẽ, ảm.

*Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nắng đục mưa trong.
Bởi vì anh một dạ hai lòng,
Cho nên loan không bồng lấy phụng,
Mà phụng cũng chẳng bồng đặng loan.*

bơ : ròi thì.

*Chờ anh bơ tuổi em cao,
Bơ duyên em lọt (1),
Bơ má hồng đào em phai.*

(1) lọt : lạt.

bơ ngơ báo ngáo : ngơ ngáo.

- 1/ *Thiếp xa chàng bơ ngơ báo ngáo,
Chàng xa thiếp như con sáo đậu giữa vạt đất cày.
Đậu thời khó đậu, bay thời khó bay.
Hỏi anh mutu kế ai bày,
Bỏ duyên em thơ thẩn mỗi ngày một xa.*
- 2/ *Thiếp xa chàng bơ ngơ báo ngáo,
Chàng xa thiếp như bộ nút vàng xa áo gấm xô.
Đầu mà ở nhà thầy mạ có thăm hỏi nơi mô,
Thiếp đây cũng quỳ thưa vâng dạ phân phó cho cạn lời.*

bớ : tiếng kêu gọi một người đứng xa .

1/ Nam :

*Khoan khoan bớ chị hái dâu,
Hái thời hái lá, đừng có bẻ nhánh mà lâu lên chồi.*

Nữ :

*Thôi thôi ơi cụ, tui hái lỗ ra rồi,
Còn da lông mọc, còn chồi nảy bông.*

- 2/ *Tiếng ai thanh vân trong ni,
Hay là bạn cũ có khi mà nhầm.
Bớ người bạn cũ trăm năm,
Quay tơ có biết mùi tầm hay không ?*
- 3/ *Bớ cô tóc xòa kê bè,
Cô mặc áo trắng tóc thề ngang vai.*

*Rửa chùi (1) cô đã nghe ai,
Bỏ anh giữa chốn non đòai thăm chưa.*

(1) rửa chùi : thế thì bây giờ.

4/ *Cầu Tràng Tiền phá đi làm lại,
Cầu Gia Hôi đúc lại xi-mon.
Bố người lỡ hội chồng con,
Vô đây gá nghĩa vương tròn dặng không ?*

5/ *Bố người khăn trắng, mặt tròn,
Lời nguyện bữa trước em còn nhớ không ?*

bố : đưa tay đụng vào, sờ vào, rỏ vào.

*Chim khôn chưa bắt đã bay,
Gái khôn chưa bố đến tay đã hờn.*

bờ xiêu : bờ nghiêng.

*Bơ vơ thân gái dặm trường,
Đôi đường đày đọa.
Nay bến ngã bờ xiêu,
Mấy đoạn lênh đênh.
Kìa suối hiểm, đèo quanh,
Có một mình ngơ ngẩn giữa rừng xanh nhạt.
Khi bóng xế, lúc trăng chênh,
Lui tới cũng có một mình.
Bóng cây thế màn, cỏ làm chẵn, lá rụng làm chẵn.
Hồi chị Hằng xa thấu cho nỗi buồn này chẳng,
Cho trời xanh không màn cay nghiệt kẻ má hồng lấm nổi.
Hiu hắt thổi bông lau,
Giọng ve sầu như hay bởi giục lòng đau.
Xa có thấu cho nhau,
Chia hai một gánh sầu.*

(*Bơ vơ thân gái dặm trường. Khuyết danh. Diệu Nam Ai*)

bợ nợ : bở ngỡ.

*Biết ai tâm sự như mình, cho mình hỏi thiệt (1):
Kìa núi Ngự sông Hương, có thú chi không ?
Vùng trăng dọi (2) non đông,
Con thuyền qua lại dòng trong.
Ai ca vịnh bên sông ?
Thiệt là đau lòng !
Nhớ khi nâng chén quan hà bợ nợ.
Nào tải kỳ tùy ba, có thú chi vui.
Trám hoa không mùi,
Duyên ngoài môi, nợ cũng ngoài môi.
Ở theo thời, ngó vậy mà chơi.
Khuây khóa với đời !
(Khuây khóa vậy, tấm lòng êm dịu)
Song, ơi bạn mình ơi !
Gẫm rồi ai cũng như ai,
Trong cái cuộc buồn vui,
Khác nhau một chữ hoài.*

(*Biết ai tâm sự.* Hỷ Thần Nguyễn Hy. Điệu Nam Ai)

(1) thiệt : thật.

(2) dọi : chiếu sáng, soi sáng.

bới : mang đến.

*Bao giờ cho lúa vàng vang (1),
Cho anh đi cắt (2), cho nàng bới cơm ?*

(1) lúa vàng vang : lúa vàng, lúa chín.

(2) cắt : gặt.

bởi làm răng rứa : tại làm sao thế.

*Gần nhà mà xa cửa ngõ,
Cho chộ mà nỏ cho ăn.
Trời cao dẫu mấy mươi tầng (1),*

Cũng bắc thang lên mà hỏi, bởi làm răng rúa, ông Trời.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) **tằng** : tầng.

bởi vì răng : vì sao.

*Bởi vì răng, chừ anh đến Huế ?
Nhìn em chi dị rúa, anh ơi !
Khi mô hí, anh về trong nó ?
Ngoài ni buồn, biết nhớ về mô ?*

(Huế của ta. Nguyễn Khắc Thiệu. Câu 25 đến 28)

bọm : bạc bẽo, không thật tình, giả dối.

*Qua cầu lật ván tháo đĩnh,
Người thương ở bọm với mình thì thôi.*

bợn : bận bịu, quan tâm.

1/ *Sông Hương một dải, một con thuyền,
Nửa cảnh nhân gian, nửa cảnh tiên.
Gợn sạch trần ai không chút bợn,
Tưởng mình lạc nẻo chốn đào tiên.*

(Khuyến danh)

2/ *Cửa cỏ rèm lau mặt tả tơi,
Sông Hương Nội Lách (1) ấy là nơi.
Dẫu cơn mưa gió ta cũng thích,
E nổi trăng hoa khách khó chơi.
Ghế đá giường tre không chút bợn,
Quần là áo lượt chẳng màng chơi.
Dù ai tưởng tới qua mà nhởi (2),
Thiếu thốn tôi đâu dám rước mời.*

(Tuy Lý Vương)

(1) Nội Lách : làng Vỹ Dạ.

(2) nhởi : chơi.

bợt : bờ, bến.

1/ Bao Vinh cao bợt hằm bờ,
Ghe thuyền lui tới, mẹ nhờ duyên con.

2/ Chàng :
Chèo thuyền ra giữa bến giang khe,
Anh muốn quen em mà sợ, sợ bốn bề sấm ran.

Nàng:
Chàng đà vô bợt chàng ơi,
Không thương thân thiệp giữa phá, giữa vời lênh đênh.

(Hò già gạo)

3/ Chàng :
Rượu không uống mà mang bầu chịu tiếng,
Ngồi trên bợt giếng, chịu chữ cheo leo.
Chừ em giả miếng thịt mỡ,
Anh mần con mèo ăn chơi !

Nàng :
Thân em như cục thịt nạc,
Bỏ vô cũi (1) sắt, bốn mặt lồng gương,
Thấy con mèo leo qua luồn lại,
Thảm thương con mèo !

(Hò trâu ghe)

bú thếp : bú nhờ người khác.

Em tui khát sữa bú tay,
Ai cho bú thếp ngàn ngày mang ơn.

bụ : cái vú.

*Bụ em như trái mướp hương,
Tay anh phật thủ đôi đường gặp nhau !*

bủa : bao vây khắp mọi phía.

1/ *Thiếu chi nơi biển rộng sông dài,
Lưới người ta đang bủa, rặng lại ôm chài rài vô ?*

2/ Nàng :

*Tới đây bể rộng, sông dài,
Anh là con nhà ngư nghệ, rặng ôm chài ngời không ?*

Chàng :

*Anh chài sao khắp bể đông,
Anh chờ con cá mái hóa rồng mới bủa chơi.*

(Hò già gạo)

bụm cát : bốc cát, hốt cát.

*Chồng em chết bữa ba mươi Tết,
Không biết mượn cuộc nơi mô.
Đưa hai tay bụm cát lấp mồ.
Tình sầu nổi thắm biết chùng mô hỡi Trời !*

bung : nồi đồng cỡ lớn.

*Bung ba mươi đúc lại còn niêu,
Duyên em không bán, chứ bán cũng nhiều người mua.*

buổi mai : buổi sáng.

1/ *Qua gặp em buổi mai, em nói thiếu tình yêu,
Lại gặp em buổi chiều, em nói thiếu tiền tiêu.
Ngày xuân em hãy còn nhiều,
Biết bao nhiêu là buổi mai chiều nữa em ơi !*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

2/ Buổi mai bước chân xuống đò
Em cầm lấy mái chèo, chèo kêu eo éo.
Nhớ đến bạn lành ruột héo, gan khô.
Răng chù (1) Hán lại gặp Hồ ?
Chàng mà gặp thiếp phân phò (2) đôi lời.

(1) răng chù : bao giờ.

(2) phân phò : giải bay, phân bua.

buổi xưa kia : ngày trước, ngày xưa.

Tay bưng hộp thiếc năm miếng cau ngâu,
Buổi xưa kia em cũng ước làm dâu mẹ chàng.
Nay chù tẩm đổ vào ang,
Tẩm bao nhiêu hạt thiếp thương chàng bấy nhiêu.

bư : vừa vắn.

Chờ chờ đợi đợi màn chi,
Nơi mô bư nút, bư khuy thì gài.

bư : đủ.

Nắng chửa bư, mưa đã đến.

bư : bỏ, rời thì.

Yêu anh bư cải em ngồng,
Bư dưa em khú, bư chồng em ghen !

bư : chẻ ra thành nhiều phần.

1/ Cau non khéo bư cũng dầy (1),
Dầu thương cho lắm, lâu ngày cũng xa.

(1) dầy : vừa chín tới.

2/ Cau non khéo bư cũng dầy,
Têm trầu cánh phượng để thầy (1) ăn đêm.

(1) thầy : cha.

Ngày xưa, ở nước ta, các nhà nho có phương châm : "quân, sư, phụ", có nghĩa là : nhất là vua, nhì là thầy, thứ ba là cha. Con cái gia đình nho giáo thường gọi *cha* là *thầy*.

3/ *Thương nhau, cau sáu bữa ba,
Ghét nhau, cau sáu bữa ra thành mười.*

bữa : vào ngày.

*Năm Thìn, tháng tám, bữa mồng hai,
Trận gió thành linh nửa buổi mai.
Mưa xuống ào ào tuôn rát mặt,
Gió khoa sà sạt thổi vang tai.
Ngoài sân cây đổ, tàn nghiêng ngửa,
Bên chái (1) phên hư, mái rụng rời.
Bốn nhịp Trường Tiền cầu sắt gãy,
Nhà tan cửa nát khắp nơi nơi.*

(Bão năm Giáp Thìn, 1904. Khuyển danh)

(1) chái : buồng.

bữa ni : hôm nay.

1/ *Bữa rằm gió mát trăng thanh,
Trai bỏ học hành, gái bỏ bán buôn.
Mấy lâu ni thiệp biệt, chàng buồn,
Bữa ni ngộ gặp, dạ có hờn hay không ?*

2/ *Cửa song loan em đóng,
Cửa móng mẹ em gài.
Bữa ni có người khách lạ không vừa chi mô.*

bữa : bữa, buổi.

Thuyền em xuôi ngược sông Hương,

*Dây tơ hồng ai khéo vấn vương.
Gặp nhau một bữa mà thương đời đời.*

bữa ni : hôm nay.

Nàng :

*Em xa anh không phải thiên với hạ, mạ với thầy,
Em trách chẳng là ông Tơ bà Nguyệt không
xe dây, cho nên chi duyên với nợ này xa nhau.*

Chàng :

*Em ơi chớ trách ông Tơ mà tội, bà Nguyệt mà oan,
Có trách chẳng là trách thiên hạ ngoài đàng,
bữa ni gièm mai xiêm nên thiếp với chàng xa nhau.*

bức : vội vã.

*Trách trời bức rạng đông ra,
Không khuya chút nữa đôi ta tỵ tình.*

bường : bằng.

*Trăm nay nào có ép đau,
Vui vầy cá nước trợn màu lửa hương.
Chọn nơi chính bóng soi gương,
Thiên cơ đã định cũng bường dạ khanh.*

(Về Mã Phụng, Xuân Hương. Câu 2375 đến 2378)

bút : giặt mạnh cho đứt ra.

*Ngồi buồn nói chuyện lão thiên (1),
Hỏi nhỏ tui có đi khiêng ông trời.
Ra đồng thấy muỗi bắt dơi,
Bò hung làm giổ đi mời ông voi.
Nhà tui có một củ khoai,*

*Cắt năm thùng lớn hẳn hời vẫn dư.
 Nhà tui có bụi khoai từ,
 Bới lên một củ lẩn hư cả vườn.
 Tui vừa câu được con lươn,
 Lấy thịt quết chả, lấy xương đẻo chà.
 Nhà tui có cái giàng xay (2),
 Đầu cong bịt bạc, đầu ngay bịt vàng.
 Nhà tui có một cái ang (3),
 Đổ lúa bẫy làng, thêm nữa còn lưng.
 Nhà tui có một bụi gừng,
 Bới lên một củ, ước chừng đòn xeo (4).
 Nhà tui có một con mèo,
 Bữa mô (5) thềm thịt, lên đèo bắt nai.
 Nhà tui có một cái chai,
 Đủ tám thùng mắm, thêm hai thùng dầu.
 Ông già tui có một bộ râu,
Bứt đi một sợi, đem câu cá kình.
 Nói ra chị em chớ khinh,
 Thiên hạ nói láo chớ mình chi tui.*

(*Về Nói Láo. Về Thừa Thiên Huế*, tập 2, trang 55. Biên soạn: Tôn Thất Bình, Trần Hoàng, Triều Nguyên, 1999).

- (1) láo thiên: nói láo, nói phết.
- (2) giàng xay: cối xay lúa.
- (3) cái ang: cái lu lớn bằng đất nung, miệng rộng, bụng phồng ra
- (4) đòn xeo: đòn bẫy, một thanh cây lớn dùng để nâng đẩy một vật nặng.
- (5) bữa mô: bữa nào.

bứt cỏ : cắt cỏ.

1/ Nàng :

*Kiểm năm ba quan mà chuộc anh về,
 Kẻo anh đi giữ trâu, bứt cỏ dầm dề (1) khổ thân.*

Chàng :

*Năm ni anh còn nhỏ thì bứt cỏ, giữ trâu,
Sang năm khôn lớn, anh lại bưng trâu cưới em.*

(1) dâm dề : ưót nhèm.

2/ Chàng :

*Ơi o nhỏ nhỏ, bứt cỏ hái dâu,
Bước qua năm nữa, tui bưng trâu cưới o.*

Nàng :

*Ai bưng cau trâu đến đó, chịu khó bưng về,
Em đây còn theo chơn thầy gót mẹ cho trọn bề
hiếu trung.*

C

cá buôi : một loại cá nước ngọt, mình tròn, có nhiều mỡ, thịt thơm ngon.

1/ *Ba đồng một khúc cá buôi,*

Cũng mua cho đặng (1) để nuôi mẹ già.

(1) đặng : được.

2/ Chàng :

*Sông này có cặp cá buôi,
Anh quyết câu cho đặng để nuôi mẹ già.*

Nàng :

*Sông này có cặp cá buôi,
Anh câu không đặng anh quắp đuôi anh về.*

cá lờn bơn : cá thồn bơn; một loại cá nước ngọt, thân dẹp, miệng móm, thường lội từng bầy.

*Đôi ta như cá lờn bơn,
Nằm trên bãi cát gặp cơn mưa rào.*

cá mương : loại cá có rất nhiều trên sông Hương, chuyên ăn đồ dơ.

1/ Công đâu ăn gỏi cá mương,

Thịt thì nở có, chỉ xương với đầu.

2/ Nực cười thầy bói soi gương,

Thầy tu chải chỉ, cá mương hóa rồng.

3/ Nước sông Hương cá mương là thổ sản,

Lội từng bầy ăn cạn dọc bờ sông.

Ai về nhán với ngư ông,

Chớ (1) đem ra mà bán, nửa đồng họ chằng mua.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) chớ : không nên.

cả : kéo.

Mặt trời đã ló đằng đông,

Em ơi thức dậy ra đồng cả trưa.

Thế gian kẻ cấy, người bừa,

Riêng em ngủ sớm, dậy trưa sao đành.

cả thể : danh giá.

*Làm dâu nơi cả thể,
Làm rể nơi đông con.*

cả và (từ cổ) : tất cả.

1/ *Chào anh chào chị, chào cả và cưới (1),
Chào người ngang vế ngang vai,
Có ai ân tình đạo nghĩa, lắng tai nghe lời chào.*

(Hò già gạo)

(1) cưới : sân.

2/ *Sáng trắng sáng cả và nương (1),
Sáng vô cối gạo, không thấy bóng người thương
cũng buồn.*

(1) nương : vườn.

cái nơm : dụng cụ bằng tre già dùng bắt cá, thường dùng chơm cá trên ruộng nước.

*Bởi anh cầm cái nơm không theo đuôi con cá,
Anh cầm cái ná (1) không nhắm bóng con phượng
hoàng.*

*Chứ em đây không tham chim trời cá nước mà
phũ phàng duyên anh.*

(1) ná : nỏ. Ở Huế, trẻ em dùng ná cao-su (caoutchouc) để bắn chim. Ná cao-su gồm một cái nạng gỗ buộc hai sợi cao-su, đầu mút hai sợi cao-su buộc một miếng da nhỏ.

cái ve : cái bình nhỏ.

*Chiều chiều ông Ngự ra câu,
Cái ve, cái chén, cái bầu sau lưng.*

cam rim, hồng rim : mút cam, mút hồng.

Nàng :

*Thiếu chi cam rim, hồng rim,
Mà anh đi tìm khế rụng bờ ao ?*

Chàng :

*Khế rụng bờ ao ngọt ngào anh chuộng,
Tốt như cam sành rụng cuống anh chê.*

cán vá : hình dạng hơi cong cong, giống cái cán của cái vá.
Vá là cái muổng lớn.

Nàng :

*Dậm chùn mở miệng kêu trời,
Rúa chơ tay eng (1) cán vá mấy đời cho ngay (2)?*

Chàng :

*Ui chao ! Có chi mà em sợ, có chi mà em lo.
Miễn rằng bậu bén duyên choa (3),
Ấm dương hòa hợp nó ngay ra mấy hồi.*

(1) eng : anh.

(2) ngay : thẳng.

(3) choa : tui; tôi.

canh : thời gian bằng một phần năm của đêm. Thời gian của một canh thay đổi theo mùa.

1/ Canh một thơ thẩn vào ra,
Chờ trăng, trăng xế, chờ ba, ba tàn (1);
Canh hai thấp ngọn đèn loan,
Chờ người quân tử thở than đôi lời;
Canh ba sương nhuộm càn mai,
Bóng trăng em ngõ bóng ai mơ màng;
Canh tư xích cửa then vàng,
Một mình vò võ đêm trăng xế lần;
Canh năm mé mẩn tâm thần,

Đêm tàn, trăng lụn (2), rạng đông lên rồi.

(Lý dạ khúc còn gọi là Lý năm canh)

(1) ba tàn : hoa tàn.

(2) trăng lụn : trăng lặn.

2/ Năm canh ngủ lấy hai canh,
Ba canh thao thức nhớ bạn lành khổ chưa ?

3/ Năm sao năm có nhuận hai,
Đêm sao đêm chẳng nhuận vài trống canh (1).

(1) trống canh : trống đánh điểm thời gian từng canh một để lính thay phiên canh gác.

4/ Xa mình trời nắng nói mưa,
Canh ba nói sáng, xế trưa (2) nói chiều.

(1) xế trưa : gần cuối buổi trưa.

canh chầy : trong lúc đêm khuya.

*Chen chân vào vòng nhân thế,
Qua dâu bể ngẫm nghĩ thêm buồn.
Không biết ai tri kỷ mà giải tấm son,
Rời ruột tằm (1) ngày một héo hon,
Đành hổ thẹn với nước non.
Thương đóa trà, cơn gió bụi,
Bao nhiêu nỗi trần ai !
Ông Hóa Công cay nghiệt,
Dường lại người trêu người !
Vui chi đời, mà bướm lả với ong lời,
Cho phấn lạt với hương phai !
Đêm thiếp ngời, nương (2) gối tựa, tay dựa cầm xoang,
Nghe tiếng tơ vàng vãn họ, xự, xàng, xê, xàng ...
Khúc đoan trang, càng khêu mối thảm thương.
Sầu trăm nỗi ngổn ngang !
Người đâu sao lại khéo tài danh ?*

Giống dâu đa tình,
Khiến cho mình trần trọc (3) đêm thanh,
Cho mòn mỗi ngày xanh !
Sầu, sầu riêng, tơ lòng có phải là dây,
Vấn vương thế này !
Ấy ai trông đợi,
Mờ mịt sương mây.
Biết bao ngán ngao canh chày,
Ai ra về nhán nhủ cùng ai.

(Vòng nhân thế. Khuyết danh. Điệu Tú Đại Cảnh)

- (1) ruột tằm : bối rối trong lòng như tơ tằm.
(2) nương : dựa vào.
(3) trần trọc : thao thức.

canh gà : thời gian có tiếng gà gáy lúc trời sắp sáng.

*Xóm Lại Ân canh gà xào xạc,
Giục khách thương mua một bán mười.*

canh vắng : đêm khuya vắng vẻ.

*Tiếng chuông Thiên Mục dạn dò,
Anh đi canh vắng nương nhờ cậy ai ?*

canh tàn : đêm gần sáng.

*Gà gáy tàn canh, gà gáy giục,
Canh tàn gà gáy, giục tàn canh.
Trăng treo trên núi Ngự Bình,
Mây trời đầy nước, thuyền tình giữa nghiêng.*

cau xanh, trầu vàng : cau non, trầu héo vàng.

*Cau xanh ăn với trầu vàng,
Không tiền mua thuốc, lượm tàn (1) hút chơi.*

(1) lượm tàn : người nghèo thường lượm tàn thuốc để hút; tàn thuốc là phần cuối của điếu thuốc người ta đã vút đi.

cau tở : cau non.

*Cau tở mới lổ (1) nửa buồng,
Chưa chi hối (2) cười như tuồng theo không.*

(1) lổ : trổ, nở.

(2) hối : thúc giục.

cày thuê cuốc mướn : hoàn cảnh nghèo khổ.

*Thiếp khuyên chàng đừng ham chơi chốn gác tía lầu
son,*

*Nhớ cảnh quê nhà cày thuê cuốc mướn, chớ để
vợ con tồi tàn.*

cắc có : oái oăm, trớ trêu.

*Thương chi mà thương cắc có,
Nhớ chi mà nhớ bao đồng.
Rằng chừ thiệt diệu vợ chồng thì thương.*

cán răng : khổ tâm, cố chịu đau khổ.

*Chờ anh cho đặng ba trắng,
Chờ anh không đặng, cán răng em lấy chồng.*

cẳng : chân.

Nàng :

*Trái chín trên cây, gió lay không rụng,
Thiếp xin cùng chàng : chộ cũng hơn ăn.
Đừng vin, chớ hái lẳng xằng,
Lỡ sa chân sẩy cẳng mà lẩn xuống hào.*

Chàng :

Hai tay anh ôm hai bầu đại thọ,

*Giữa vạt đất bằng anh cắm cây sào.
Trời xô (1) không bổ (2), lẽ nào sa chân.*

(Hò trên ghẹo)

(1) xô : đẩy.

(2) bổ : ngã.

cặp kè : đi bên cạnh, không rời nhau.

*Bà con thân thích rặng hè ?
Đi đâu cũng cứ cặp kè một bên.*

(Sư Viên Thành)

cân : công bằng.

*Trời sao Trời ở không cân,
Người ăn không hết, kẻ mần không ra.*

cân già cân non : cân dư, cân thiếu.

*Chơi hoa cho biết mùi hoa,
Cầm cân cho biết cân già cân non.*

câu mái đẩy : câu hò mái đẩy. *Hò mái đẩy* là điệu hò mái nhì nhịp điệu nhanh hơn, không cần theo nhịp chèo; thường hò trên những con thuyền chèo nhanh; chủ yếu là đẩy mạnh cho thuyền đi nhanh. *Hò mái nhì* là hò nhịp hai, ăn nhịp với mái chèo đưa tới đưa lui, đẩy nhẹ con thuyền thong thả trôi trên giòng sông.

*Chiều chiều trước bến Văn Lâu,
Ai ngồi, ai câu, ai sào, ai thăm,
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông ?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non !*

(Ứng Bình Thúc Giả)

cây hương : cây hồng.

*Còn duyên đóng cửa kén chồng,
Hết duyên ngồi gốc cây hương lượm (1) hoa.*

(1) lượm : nhặt.

cây mè : cây vừng.

*Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Hai tay rũ xuống như tàu chuối te (1).
Tiếc công vun bón cây mè,
Mè không có trái, chim mè đậu lên.
Tiếc công rày (2) xuống mai lên,
Mòn đàng nát cổ không nên tự Trời.
Tưởng rằng kèo cột ở đời,
Ai ngờ kèo rã, cột rời tứ phương.
Ngày nào em nói em thương,
Như trầm mà để trong rương chắc rồi.
Bây giờ khóa rớt chìa rơi,
Rương long (3) nắp vỡ bay hơi mùi trầm.*

(1) tàu chuối te : tàu chuối rách.

(2) rày : nay.

(3) long : ở trạng thái không còn gắn chặt.

cây thầu đầu : cây sầu đông; một loại cây rụng hết lá vào mùa đông.

*Thân em như cây thầu đầu,
Ngoài tươi, trong héo, dạ sầu tương tư.*

cấy : cái.

*Vè vè vè vè,
Nghe vè con gái,
Tay chân mềm mại,
Khác thể bông ba (1),*

*Chờ mẹ đi ra,
Cấp tiền thu giấu,
Đông ăn khoai nướng,
Đông ăn khoai nấu,
Đông ăn xôi chè,
Ngồi xếp bè he (2).
Ăn chùng ăn vụng,
Đã sướng cái thân.
Việc chẳng muốn mần (3),
Dôn (4) con muốn lấy.
Áo năm bảy cáy,
Mặc ra dạo đàng (5).
Con bún nằm ngang,
Con tôm nằm dọc,
Củ khoai chóc góc,
Bánh tráng che dù,
Bước qua chợ Phù (6),
Bánh ít nhụy tôm,
Hai tay lột (7) lá,
Cái mồm há ra :
- Tổ cha cái đứa nhay mồm,
Tui ăn bánh ít nhụy tôm răng chù (8) ?
- Mi ăn bánh ít, mồng tám tháng tư,
Có thằng cha chợ Phù làm chứng mi ăn.*

(Về con gái mất nết. Dân ca Thừa Thiên-Huế; trang 240, 241. Trần Thùy Mai. Nxb Thuận Hóa, 2003)

(1) ba : hoa.

(2) ngồi xếp bè he : ngồi sát đất, ngồi bệt, đầu gối xếp lại, hai chân hai vế song song.

(3) mần : làm.

(4) dôn : chòng.

(5) đàng : đường.

(6) Phù : chợ Phù Lương.

(7) lột : bóc.

(8) răng chừ : lúc nào.

cha chài chú chóp : người sống vất vưởng không rõ tung tích.

*Chạy chừa chai chân chẳng chịu chừa,
Chín chiều chua chát chán chê chừa ?
Cha chài chú chóp chơi chung chạ,
Chả chính chuyên chi chó chực chờ.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

cha ôn chi bắt : cha ông chi bắt buộc, chẳng ai bắt buộc phải làm.

*Khó lại giàu như rau tươi nước,
Giàu lại khó thì xác rác xơ rơ (1).
Trai tơ thì lấy gái tơ,
Cha ôn chi bắt mà vợ (2) nạ dòng (3).*

(1) xác rác xơ rơ : xơ xác, tả tơi.

(2) vợ : quơ, hốt, lấy vội vã không suy nghĩ.

(3) nạ dòng : người đàn bà lớn tuổi đã từng có chồng.

chạ : bậy bạ, sai trái.

1/ *Ba mươi năm làm nô nên giàu,
Bảy mươi làm chạ cho đau thân mình.*
2/ *Thảm thiết vì ai, nước mắt rơi lã chã,
Trách ông tơ hồng xe chạ mối manh.
Trai khôn chẳng gặp gái lành,
Bạn nỉ nã chi nữa, xa đành phận xa.*

chạc : dây.

1/ - *Đôi ta kéo gỗ vàng tâm,
Nỏ may đứt chạc, cọc nó đâm vào lườn.
- Cọc đâm cứ để nó đâm,
Thêm người, thêm lực, gỗ vàng tâm chạy ào ào.*

(Hò kéo gỗ)

2/ *Thuyền về đậu bến Tây Lăng,
Tuy là đậu đó chứ chạc giếng có nơi.*

3/ Nàng :
*Trách trời chẳng trách ai đâu,
Đài (1) kia ngăn chạc, giếng sâu lỗ chùng.*

Chàng :
*Giếng sâu ta lấp giếng đi,
Đài kia ngăn chạc, ta thì nối thêm.*

(Hò già gạo)

(1) đài : gàu múc nước ở giếng.

chạc chuối : dây bện bằng bẹ chuối phơi khô.

*Thương thay con gái Phong Lai (1),
Đầu thì chạc chuối, hai vai gánh rều (2).*

(1) Phong Lai thuộc huyện Phong Điền.

(2) rều : củi vụn.

chái : gian phong nhỏ, buồng nhỏ.

*Làm chái nhà phải có đôi ba cánh cửa,
Anh có vợ rồi, vợ nữa càng hay !*

chán chi : thiếu gì.

1/ *Chán chi rau mà ăn rau bát bát,
Chán chi bạc mà ăn bạc Đông Dương,
Chán chi người thương mà thương Bảo Vệ,
Chán chi người tử tế mà tử tế với thằng Tây.*

2/ *Thiếp trông chàng như nhang trông lửa,
Chàng trông thiếp như đại hạn trông mưa.*

*Chán chi nơi phụng rước loan đưa,
Chi cho bằng tình cũ, nghĩa xưa mặn nồng.*

chàng, đực : hai thứ đồ nghề của thợ mộc.

*Chàng về thì đực cũng về,
Đùi cui (1) ở lại làm nghề chi đây.*

(1) đùi cui : thanh gỗ tròn, ngắn, đầu phình ra, thợ mộc dùng để gõ vào đầu cái chàng, cái đực.

chàng ràng : lằng xằng, rối rít.

1/ Chàng :
*Bản thân không biết thương ai,
Thương dào liễu giận, thương mai trúc hờn.*

Nàng :
*Chàng ràng chi lắm bướm ơi,
Đậu mô (1) thì đậu một nơi cho thành.*

(Hò già gạo)

(1) mô : đậu.

2/ *Chàng ràng như ếch hai hang,
Như chim hai tổ, như nàng hai nơi.*

chạng vạng : vào lúc mặt trời lặn, bầu trời nhá nhem tối.

*Em nói với anh đầu hôm tới sáng,
Từ chạng vạng đến sáng ngày mai.
Nay chừ anh đã nghe ai,
Bỏ em giữ chốn non đồi thăm chửa ?*

chao ơi : tiếng thốt ra để than thở.

*Chao ơi, cơn gió mùa đông cũ,
Còn thổi mưa lên máy cửa thành.*

Vườn nhà ông ngoại thơm hoa bưởi,
Khi tóc em vừa mới chớm xanh.

(Nguyễn Bá Trạc)

chạy khống vô : chạy liều vào, không cần biết hậu quả.

Tự dừng (1) chạy khống vô làm vợ,
Biết phụ mẫu bên nhà có thuận hay không ?

(1) tự dừng : tự nhiên, không rõ vì sao.

chắc chi : không chắc chắn gì đâu.

1/ Cá còn xao xác biển đông,
Chắc chi ai vợ, ai chồng chi ai ?

2/ Nàng :

Nơi mô sang cả anh tìm,
Em đây như ván nổi chìm chắc chi.

Chàng :

Chắc chi đó vợ đây chồng,
Anh giang tay ra đón gió giữa sông giang hà.

Nàng :

Sông giang hà con vịt lội không ướt lông,
Rùa kêu, đá nổi, thiếp không bỏ chàng !

(Hò già gạo)

3/ Em thương anh thầy mẹ có biết không,
Hay là bán trâu vẽ bóng ngoài đồng chắc chi ?

chắc tui : chỉ một mình tôi.

Ngó vô trong cối gạo này,
Cả trai lực lưỡng, cả gái thuyền duyên.
Chắc tui nho nhỏ vô duyên,

*Không ai vô cảm chày giã gạo để kết nguyên
trăm năm?*

(Hò giã gạo)

chằm : khâu, vá.

*Quần chằm, áo vá là tiên,
Quần trơn, áo mỏng là tiền đi vay.*

(Hò ru con)

chằm : bện; kết lá kè khô làm áo tới mưa, làm nón.

*Trám năm, trăm năm, trăm năm,
Nón ai mua anh đội, tôi ai chằm anh mang !*

chặm : lau nhẹ nhẹ cho khô.

1/ *Chiều chiều gió thổi hiu hiu,
Nước mắt em sa chàng chặm, bốn múi dây lưng
điều không khô.*

2/ *Tai em nghe anh đau đầu chưa khá (1),
Em băng đồng ngắt ngọn lá nọ về anh xông.
Ở làm ri (2) đây cho trọn đạo nghĩa vợ chồng,
Đổ mồ hôi em chặm, ngọn gió lòng em che.*

(1) chưa khá : chưa bớt đau.

(2) làm ri : như thế này.

chặm : gí lửa sát vào một vật cho lửa bắt cháy.

*Em trao cho anh một miếng trầu, miếng nhai môi đỏ,
Anh trao cho em một miếng thuốc, lửa chặm khói bay.
Nay chừ (1) tay đã trao tay,
Theo nhau cho trọn, dẫu có ăn mày cũng cam.*

(1) nay chừ : bây giờ.

chẳng đặng : không được.

1/ Đòi ta chẳng đặng sum vầy,
Cũng như chim nhạn lạc bầy kêu sương.

2/ Mình gặp nhau đây đứng bóng giữa trưa,
Rưng rưng nước mắt, tay đưa miếng trầu.
Gối luông (1) chẳng đặng giao đầu,
Trai thương bát ngát, gái sầu bơ ngơ (2).

(1) gối luông : gối dài.

(2) bơ ngơ : ngơ ngác, bỡ ngỡ.

3/ Nàng :

Nước dưới sông nhiều dòng cá lội,
Thiếp với chàng bao nỗi éo le.
Mấy lâu ni (1) cách trở bạn bè,
Khăn lau nước mắt, tay đè lá gan !

Chàng :

Thiếp với chàng vô can vô cú,
Ai buộc sợi tình thương nhớ khôn khuây;
Ôm đờn (2) chẳng đặng vung dây,
Em đừng nhắc lại, dạ đây thêm buồn.

(1) lâu ni : lâu nay.

(2) đờn : đàn.

chẳng **lọ** : không nhất thiết là, không cú là.

Thương nhau chẳng lọ chiếu giương,
Dẫu rằng tàu lá che sương cũng tình.

chẳng **mai** **thời** **mốt** : sớm hay muộn.

Chẳng mai thời mốt đây xa ngái (1),
Mang gánh tương tư sẽ nặng nề.

(1) xa ngái : xa xôi.

chẳng **mốt** **thời** **mai** : sớm hay muộn.

Đôi ta chẳng một thời mai,

Chẳng trong tháng chạp cũng ngoài tháng giêng.

chẳng nài : không lo, không sợ, không quản khó khăn.

Đói no chẳng quản, gian truân chẳng nài.

chẳng nệ : không lo, không sợ, không quản khó khăn.

1) *Áo dài chẳng nệ quần suta (1),*

Bảy mươi có cửa, cũng vừa mười lăm.

(1) suta : thưa.

2) *Sông dài nước chảy sóng reo,*

Thương em chẳng nệ mái chèo ngược xuôi.

chẳng thè : chẳng thà, thà rằng.

1/ *Chẳng thè ăn muối có nhau,*

Còn hơn ăn cá càu nhàu ỏm tai (1).

(1) ỏm tai : làm diết tai.

2/ *Chẳng thè ăn muối có nhau,*

Còn hơn ăn cá thấy nhau nỏ (1) chào.

(1) nỏ : không, chẳng.

3/ *Chẳng thè không biết cho xong,*

Biết bao nhiêu thì lại cực lòng bấy nhiêu.

chẳng thương thời chớ : không thương thì thôi.

Thương thời thương, chẳng thương thời chớ,

Đừng có lỗ dở như hẹn nợ thêm buồn.

Bên chùa đã động tiếng chuông,

Gà thượng thôn đã gáy, chim nguồn đã kêu.

chằm : cái chèo nhỏ, nhẹ, dài chừng ba, bốn tấc.

Thả tay chằm mà cầm tay chèo,

Lấy chồng chó tính giàu nghèo mần chi.

chân thẳng cẳng dùi : ngập ngừng, không muốn bước.

Ra đi chân thẳng cẳng (1) dùi,

Bâng khuâng nhớ mẹ, ngậm ngùi thương cha.

(1) cẳng : chân.

chấp chóa : chớp sáng làm lóa mắt.

An phận thân vô dục, tri cơ tâm tự nhàn.

Đám phù vân chấp chóa bóng giàu sang,

Chớ (1) trông mong cho khỏe bụng,

Cứ chàng ràng (2) mãi mất công.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) chớ : không nên.

(2) chàng ràng : vướng víu; loanh quanh không thoát ra được.

chấp nê : cố chấp và câu nệ.

Rút dây sợ động đến rừng,

Mía sâu có đốt, xin đừng chấp nê.

chập chộ : lơ là, không quan tâm.

Anh thương em có được chi mô,

Ngó em chập chộ cơ hồ người dưng (1).

(1) người dưng : người không có quan hệ họ hàng.

chẹ : chiếc chiếu nhỏ.

Mất chiếu còn chẹ,

Sẩy mẹ bú dì.

chẹn : nhánh.

1/ *Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát,*

Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát

mênh mông.

*Em như chện lúa đòng đòng (1),
Phát phơ dưới ngọn nắng hồng buổi mai.*

(1) chện lúa đòng đòng : nhánh lúa non.

*2/ Gió nam thổi cạn đồng tiền,
Tốt bông đen chện tự nhiên mát mùa.*

chèo leo : cô đơn.

*1/ Giã gạo rồi, cối cất chày treo,
Anh về, em ở chèo leo một mình.*

*2/ Mãn mùa xóc (1) gác, vằng (2) treo,
Bạn về xứ Sịa (3) tui chèo leo một mình.*

(1) xóc : đòn gánh có hai đầu nhọn gọi là đòn xóc.

(2) vằng : lưỡi liềm để cắt lúa.

(3) Sịa thuộc huyện Phong Điền.

chép lừ : chép và lừ là hai dụng cụ để bắt cá.

*Thảm thương những kẻ chép lừ,
Ước mong kiếm gạo nay chừ queo râu.
Từ ngao ruôi (1) đến lái câu,
Ngày đêm lặn lội tốn dầu hao công.*

(Về Nước mặn. Câu 7 đến 10)

(1) ruôi : con tép.

chet : hang hóc, góc, xó.

*Con cá rô vàng, vi vầy cũng vàng,
Hắn núp trong cái chet, đổ chàng câu ăn.*

chéch đôi : lẻ đôi.

Nàng :

*Anh tới đây bỡ ngỡ, bàng hoàng,
Ai thương không biết, ai phụ phàng cũng nỡ hay.*

Chàng :

*Anh tới đây vốn thiệt một mình,
Có ai chéch đỏi lẻ bạn, anh kết nghĩa
chung tình ngàn năm.*

(Hò già gạo)

chênh chênh : lệch sang một phía.

*Trời cao, đất thấp khó đo,
Chênh chênh bóng nguyệt, khó dò ý anh.*

chết tiệt : chết không còn sót lại ai, chết hết trội.

*Ông tơ chết tiệt, bà nguyệt chết trùng tang,
Không ai xe dây nối dợ (1), để lờ làng đỏi ta.*

(1) dợ : dây.

chết trẻ khỏe ma : người chết trẻ thì linh hồn được thanh thản.

*Vẫn biết sống già mệt xác,
Trăm người cũng muốn sống dai.
Tuy rằng chết trẻ khỏe ma,
Mấy kẻ mà ưng chết yếu.*

(Sanh điệu *Ứng Bình Thúc Giạ*, 1951. Nguyễn Khoa Vy)

chệt : người Trung Hoa.

1/ *Bên Tàu ăn ở ngược xuôi,
Xui nên chú chệt mọc đuôi trên đầu (*).*

(*) Ngày xưa người đàn ông Trung Hoa sang Việt Nam để đuổi sam phía sau đầu, phía trước cạo trọc.

2/ Si-noa (1) lộn giống bên Tàu,
Đẻ ra chú chệt hôi mùi cứt heo.

(Đồng dao)

(1) si-noa : dân Trung Hoa. Việt hóa chữ chinois, tiếng Pháp.

chi : gì.

1/ Chồng giận thì vợ làm lành,
Miệng cười chúm chím : Thưa anh giận gì ?
Thưa anh, anh giận em chi ?
Muốn lấy vợ bé em thì lấy cho !

2/ Nàng :

Nghe anh y lý (1) đã tài,
Con rờng đau chín khúc, anh dùng bài thuốc chi?

Chàng :

Em về lấy vỏ lươn, xương ốc, rễ cột nhà, gan Trời,
mỡ muối, nước tiểu gà sắc lên !

(Hò già gạo)

(1) y lý : làm thuốc bắc, thuốc nam.

3/ Chàng :

Ơi người phụ khó tham sang,
Đã xây nên núi ngọc với tòa vàng chi chưa ?

Nàng :

Anh ngồi xuống đây cho em tỏ bày sau trước,
Kể từ ngày hai đứa mình nguyện ước phu thê,
Tóc mai hai mái dựa kê,
Bởi vì anh tham nơi thau đồng với sắt kềm bỏ lời
thề cùng em.

(Hò già gạo)

4/ Nàng :

*Ra về cởi áo lại đây,
Để đêm khuya em đắp, kéo ngọn gió tây lạnh lùng !*

Chàng :

*Giang sơn cái áo trong mình,
Cởi ra em đắp còn tình nghĩa chi ?*

(Hò già gạo)

5/ Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn,

*Bá xa từng, bá ngã, từng nghiêng.
Trai anh hùng xa gái thuyền duyên,
Hỏi thăm trong dạ có phiền chi không ?*

6/ Nàng :

*Tiếng đồn anh hay chữ, em hỏi thử vài lời:
Dưới dương gian có họ, trên ông trời họ chi ?*

Chàng :

*Em nghiêng tai xuống đất, kêu cho đất ơi,
Rồi tới đây anh nói họ ông trời cho em nghe.*

(Hò già gạo)

chi : vì.

Chàng :

*Nỗi sầu biết giải mấy năm,
Dâu kia hết lá bởi tầm, tầm ơi.*

Nàng :

*Dâu kia hết lá không bởi chi tầm,
Bởi người đi hái có dao găm trong mình.*

chi đó : gì đó.

1/ *Một mình ba liêu, bảy lo,
Bé thơ chi đó mà dặn (1) cho hết lời.*

(1) dặn : nói cho biết để nhớ mà làm theo.

2/ *Vì tình nên phải gắng công,
Say sưa chi đó, mận nồng chi đây.*

3/ *Xa xuôi (1) chi đó mà làm,
Phải duyên duyên bén, phải trăm trăm thơm.*

(1) xa xuôi : xa xôi.

chi lạ ri : sao mà lạ như thế này.

*Chi lạ ri, chiều ni tui muốn khóc,
Nhìn chi tui, đồ cỏ mọn hoa hèn.
Ngó chi tui, đồ đóm đóm trong đêm,
Cho thêm tui bên ni bờ cô tịch .*

(Nguyễn Thị Hoàng. Câu 1 đến 4)

chi lạ rửa tề : sao mà lạ thế.

*Hoa bìm bìm tím hoang bờ dậu,
Lòng anh buồn chi lạ rửa tề.*

(Qua mấy ngô hoa. Mường Mán. Câu 45, 46)

chi mà : gì mà.

1/ *Sầu tương tư nên hư nhan sắc,
Không phải bệnh gì mà thuốc bắc, thuốc nam.
Có thuốc chi mà giải được nỗi oan cùng chàng ?*

2/ *Sung sướng chi mà hơn hở vui cười,*

Vai mang áo rách tới đất người làm thuê.

chi mô : gì đâu.

- 1/ *Buồn tình ơi hồi buồn tình,
Không ai đi Huế cho mình gửi thơ (1).
Gửi thơ chắc chắn chi mô,
Hai ta tốt đợi bèn chờ thì hơn.*

(1) thơ : thu.

- 2/ *Gió nam rồi lại gió nồm,
Gió chi mô độc địa khiến bên nớ mở mồm không ra.*
- 3/ *Thiếp như chất chất ngoài đồng,
Khổ thì cam khổ, dám đèo bông chi mô.*
- 4/ *Thức khuya dậy sớm cho quen,
Làm dâu bà Huyện, không hèn chi mô !*

chi rứa : gì vậy.

- 1/ *Đa tình chi rứa hồi trăng,
Nửa treo núi nọ, nửa giàng sông kia.*
- 2/ *Mắm ni ăn ngậm mà nghe,
Ngẩn ngơ chi rứa ngó quê lấm chàng.*
- 3/ Nàng :
*Tà tà bóng ngả về tây,
Ăn chi rứa bạn, cho đây ăn cùng ?*

Chàng :

- Thuyền duyên đã biết anh hùng,
Ăn khoai cho đỡ đói, có ăn cùng thì ăn !*

chìa vôi (chim chìa vôi) : chim chà vôi. Một loại chim có đuôi dài, lông có hai màu trắng và đen, phân của nó màu trắng như vôi.

- 1) *Cây bát bát leo quanh hòn núi chén,
Chim chìa vôi đậu mé ngọn lục bình.
Em muốn vô làm dâu thảo cho phụ mẫu mình,
Trước coi gia cang bề thế (1), sau nấu đôi
bình nước khuya.*

(1) bề thế : cao sang, tốt đẹp.

- 2) *Gió đưa ngọn cỏ phát phơ,
Ngọn cỏ phơ phát,
Nồi đồng sôi, nồi đất cũng sôi.
Đũa bếp có đôi,
Chìa vôi có bạn,
Mà sao anh đành đoạn bỏ em ?*

chích mác : chích mếch, nghiêng lệch, không còn vững vàng.

*Chàng đi cho thiếp theo cùng,
Chiếc khăn chích mác, lạnh lòng chàng ơi.*

chít chiu : tan tác, vất vưởng, xơ xác.

*Mẹ gà con vịt chít chiu,
Mấy đời dì ghẻ nâng niu con chồng.*

chiu chít : tiếng gà con kêu.

*Gà lạc mẹ gà kêu chiu chít,
Nhạn lạc đàn nhạn thao thức kêu sương.*

choái : thanh tre khô ghép thành giàn cho các loại cây leo.

*Có choái thì cây mới leo,
Có cột có kèo mới có đôn tay.*

chóc ngóc : đờn độc, lẻ loi.

*Sông Mỹ Chánh bủa bao ngang dọc,
Đèo Hải Vân chóc ngóc cheo leo.*

chọc thềm : kêu gọi sự thềm muốn.

*Đừng làm như rượu chọc thềm.
Như ong tưởng nhụy, bướm quen qua về.*

chỏe : vắng vẻ.

*Trường ca, quán rượu đông nằng nhởi (1),
Nẻo lợi đường danh chỏe ít đi.*

(1) nhởi : chơi.

chói chang : ánh sáng làm lóa mắt.

*Thấy nhau như thấy mặt trời,
Chói chang khó ngó, trao lời khó trao.*

chon : dòn.

*Đưa em cho tới làng Hồ,
Em mua trái mít, em bờ (1) trái thơm (2).
Trái thơm đựng trái thơm non,
Bổ (3) ra làm mắm ăn chon như dĩa.*

(1) bờ : bù vào, thêm vào.

(2) trái thơm : trái dứa

(3) bổ : chẻ ra thành nhiều phần.

chon von : ở tư thế chơi vơi, ngất ngưỡng trên cao.

*Ba mươi sáu động tiên phước địa,
Cảnh bồng lai gác tía lầu son.
Mấy lần đỉnh giáp chon von,
Đèn khuya mây sớm nỉ non chơi bời.*

(Văn châu Đức Thiên Y Thánh Mẫu. Câu: 17 đến 20. Khuyết danh.
Châu văn Huế)

chỗ mô : nơi nào.

- 1/ *Cây khô tưới nước cũng khô,
Phận nghèo đi tới chỗ mô cũng nghèo.*
- 2/ *Chỗ mô vui không bằng chỗ Thượng Tú,
Chỗ mô tình tự bằng núi Ngự sông Hương.
Cảnh tình ai thấy không thương,
Tiếc công em chờ đợi, can trường bấy lâu.*
- 3/ *Đứng bên ni Si-nhô (1) ngó qua bên tê Dây thép (2).
Chỗ mô đẹp bằng chỗ Mô-ranh (3).
Thiếp với chàng như gói với chanh,
Hai đứa mình gặp nhau là ông Trời xanh đã đề.*

(1) Si-nhô : trường tiểu học Chaigneau (thời Pháp thuộc).

(2) Dây thép : Bưu Điện Huế.

(3) Mô-ranh : khách sạn *Morin* của người Pháp.

4/ Chàng :

*Hỏi em đã có chỗ mô chưa,
Hay là như ngọn đèn treo trước gió cứ đong đưa
rúa hoài?*

Nàng :

*Bởi vì anh sơ ý buổi đầu,
Cơ chi (1) anh bỏ miếng trầu là xong.*

(Hò già gạo)

(1) cơ chi : giá mà.

chỗ ni : nơi này.

*Đứng xa xa cách ba con sáo,
Nghe giọng anh hò, ôm áo ra đi.
Sâm hồ ngó đạo nhất dĩ quán chi,*

Ai xui em tới chỗ ni gặp chàng ?

chỗ : thấy.

1/ *Đập sóng Bờ có khúc sâu khúc cạn,
Chàng có thương thiếp, cho thiếp chỗ hình
chỗ dạng để bớt nhớ thôi thương.
Kể từ ngày đào lưu cách trở hai phương,
Trông cho thấy mặt kẻ hai đứa hai đường thăm chưa.*

2/ Chàng :

*Cơ chi (1) có miếu giữa đồng,
Để anh vô thề thẳng dạ (2), kẻ lòng em nghi.*

Nàng :

*Có thiệt như lời anh nói không ?
Hay là loan đang ăn với phụng, chỗ rỗng lại muốn bay.*

(Hò già gạo)

(1) cơ chi : giá mà.

(2) thẳng dạ : thẳng thắn tỏ rõ lòng mình.

3/ *Tay cầm một nắm hương (1), khi tắt khi đở,
Tay cầm nắm cỏ, cây héo cây khô.
Tay ôm nắm (2), tay lại thoa mồ,
Anh như thử (3) như thi, biết đời mô (4) chỗ chông.*

(1) hương : nhang.

(2) nắm : mặt trên của cái mồ.

(3) như thử : đường ấy, thế ấy.

(4) đời mô : khi nào.

chòm lên cao : vườn mình lên cao.

*Bìm bịp đời sánh chòm chòm,
Giẻ rách, hủi lở đời chòm lên cao.*

chòn : chông chất cái này trên cái kia.

Nước chảy ào ào không hao bằng lỗ mối,
Đất đầu miệng mối, chôn lâu nổi lên gò.
Biết ăn mà chẳng biết lo,
Non cao cũng phải lở, cửa kho cũng không còn.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

chồng chèn : chồng chành, nghiêng qua nghiêng lại.

Chồng chèn như nón không quai,
Như thuyền không lái, như ai không chồng.

chồng để : chồng bỏ.

Chàng :

Sáng trắng sáng cả vườn đào,
Ba cô đứng đó, cô nào chồng chưa ?

Nàng :

Có chồng năm ngoái năm xưa,
Năm nay chồng để, cũng như chưa có chồng !

(Hò già gạo)

chống mông : cúi lom khom, đưa mông lên cao.

Chàng :

Cô kia con gái nhà nông,
Cả ngày sao cứ chống mông lên trời ?

Nàng :

Anh ơi, thời vụ chín thì,
Mông em sao không chống, lấy gì anh ăn !

chột nưa : củ nưa. Củ nưa giống củ môn nhưng ăn ngứa cổ.

Mắm chuồn (1), dưa cải, chột nưa,
Héo rắng (2) Tiên Nộn, nắng mửa qua ngày.

(1) mắm chuồn : cá chuồn ướp muối, để một thời gian khá lâu cho đến khi cá lên men thành mắm chuồn.

(2) hẻo rắng : gạo hẻo rắng. Gạo hẻo rắng màu đỏ, còn gọi là gạo chiêm hay gạo chiêm đạo; hơi ngọt, hơi cứng, thơm, ngon.

chớ : chú.

1/ Nàng :

*Đứng xa, em hỏi với người gần,
Vợ con anh cách trở đôi ba lần phải không ?*

Chàng :

*Trúc thưa với mai, trúc đã lỡ lúta,
Trúc hỏi mai rằng đã dựa mô (1) chưa ?*

Nàng :

*Trúc hỏi thì mai xin thưa,
Cá còn ẩn vệt, chớ chuta vào lờ (2).*

(Hò già gạo)

(1) mô : nơi nào.

(2) lờ : dụng cụ bằng tre dùng để nhử cá tôm chun vào.

2/ *Nghèo mà làm ruộng thì em theo,
Chớ giàu mà chòi vệt, vàng treo cũng mặc vàng.*

chớ : không nên, không được, đừng.

1/ *Con quạ hán đứng bên sông,
Hán kêu ơi mẹ, chớ lấy chồng bỏ con.*

2/ *Được mùa chớ phụ ngô khoai,
Đến năm Thân, Dậu (1) lấy ai bạn cùng.*

(1) Thân, Dậu : Thân và Dậu là hai năm đói kém vì mất mùa.

3/ *Hai ta đã **vậy** thì **vùng**,
Đã **vương** thì **vấn** chớ nghĩ cùng làm chi.*

- 4/ *Họ giàu thì họ ăn ngày ba bữa,
 Mình nghèo thì mình đổ lữa ba lần.
 Khuyên anh chớ tảo cùng tần,
 Ngon ăn, ngon ngủ, nợ nần có em.*
- 5/ *Mua thịt nhớ mua thịt mỡ,
 Lấy chồng chớ lấy đỡ ông đỡ thàng.*
- 6/ *Ong kia khoan đã chớ bay,
 Cho em hỏi thử nhụy này ngọt chưa ?!!*
- 7/ *Thừa tiền thì đem đi cho,
Chớ nghe thầy bói thêm lo thêm phiền.*

chớ chơi bạn cùng : không nên làm bạn.

*Gà rừng chim cú đừng nuôi,
 Râu rìa, lông ngực chớ chơi bạn cùng.*

chớ rãng : tại làm sao.

Chàng :

*Tại nghe súng nổ Nam Đài (1),
 Dây lưng quần em cột, chớ rãng mà
 lẳng nhăng, lúu nhúu, anh mở hoài không ra ?*

Nàng :

*Tại nghe súng nổ Nam Đài,
 Sợi dây ngắn anh không rút, chớ (2) anh rút sợi
 dây dài mần chi (3)!*

(Hò già gạo)

(1) Súng nổ ở Nam Đài báo hiệu giờ mở cửa thành mỗi buổi sáng. Vào những năm từ 1930 đến 1945, súng nổ đúng Ngọ (12 giờ trưa).

(2) chớ : tại sao.

(3) mần chi : làm gì.

chơi leo : vói cao, vói cao, mơ ước những chuyện cao sang.

*Tự xét mình không dám chơi leo,
Hoa sen tưởng tới hoa bèo cũng đội ơn.*

chơi ngang : chơi bừa, không sợ mang tiếng xấu.

*Có chồng càng dễ chơi ngang,
Lỡ ra con thiếp, con chàng, con ai ? !*

chờng lèo : giường bằng tre.

*Một vợ thì nằm chờng lèo,
Hai vợ thì nằm chuồng heo một mình.*

chúi : lao đầu về phía trước.

*Chim buồn thì chim bay lên núi,
Cá buồn thì cá chúi xuống sông,
Anh buồn uống chén rượu nồng,
Em buồn ăn miếng trầu không giải buồn.*

chủi rên : chối rành.

Một loại cây cảnh cứng, thấp, lá nhỏ. Loại cây này mọc rất nhiều ở các đồi núi thuộc các tỉnh Đồng Hới, Quảng Trị và Thừa Thiên. Nhánh cây tuy nhỏ nhưng rất cứng; cắt nhánh, phơi khô, bó lại thành chối rành; thường dùng để quét sân đất, nền đất.

*Thân tui mô dám nhìn lên,
Chủi rên ai quét nhà trên răng chừ (1).*

(1) răng chừ : bao giờ.

chụm : làm cho gần lại với nhau.

*Một cây làm chàng nên non,
Ba cây chụm lại, thành hòn núi cao.*

chùm hum : cong lưng cúi đầu xuống.

*Nhà em cái trại cái chum,
Anh mà thương đến, chùm hum mà lòn (1).*

(1) lòn : chui qua, luồn qua.

chùm kết : trái của cây chùm kết màu đen, kết thành từng chùm; dân chúng Huế nấu nước trái chùm kết rồi hòa với nước trái chanh để gội đầu.

*Mẹ ơi, ông Chánh đòi hầu,
Mua chanh, chùm kết gội đầu cho thơm.*

chùng bùng : nặng trĩu.

*Giận chi hai má chùng bùng,
Khi hôm đây rủ nằm chung không nằm !*

chuôm : một bó cành cây nhiều lá ngâm xuống ao, đĩa hay sông để nhử cá. Xấu chuôm có nghĩa là chuôm có ít cành, ít lá.

Nàng :

*Thôi anh, về ngủ cả khuya,
Xấu chuôm cá nỏ vào đĩa (1) thì thôi !*

Chàng :

*Xấu chuôm anh bỏ thêm chuôm,
Ban ngày anh tát, ban đêm anh mò (2)!*

(1) đĩa : chỗ đất trũng ở ngoài đồng.

(2) mò : dùng tay tìm một vật ở chỗ mắt không trông thấy được (*Mò ốc, mò cua, mò rạm*).

chuông mèn : chuông tốt.

*Thiệt vàng thử lửa thử than,
Chuông mèn thử tiếng, người ngoan thử lời.*

chuột réo : chuột kêu; chuột rúc (Điềm tốt).

*Nhất là đom đóm (1) vô nhà,
Thứ nhì chuột réo,
Thứ ba bông đèn (2).*

(1) đom đóm : một loại côn trùng bay trong đêm tối phát ra ánh sáng (Điềm tốt).

(2) bông đèn : tim đèn đốt cháy nở ra hình dạng như bông (Điềm tốt).

chút chơi : chơi trong một thời gian ngắn.

Nàng :

*Ơi người tía đậu hôm mai,
Đa đen như quạ, lại đòi nàng tiên !*

Chàng :

*Đen anh đen mặn, đen mòi,
Trắng em trắng bủng sán chòi.
Thứ chút chơi, chớ ai cưới của nợ đòi mần chi (1).*

(1) mần chi : làm gì.

chút nữa : chốc nữa.

*Ai nhớ thương ai lảng lai (1) thương nhớ,
Chút nữa ra về có dang dở chi không ?*

(Lý giao duyên)

(1) lảng lai : lai láng, tràn đầy khắp mọi nơi.

chút xíu : rất nhỏ.

*O té đừng thấy tui nhỏ mà khinh,
Chứ con thần lằn chút xíu cũng ôm cột đình sát sao !
O té đừng thấy tui nhỏ mà sàu,
Chứ con ong bé tẹo nó chích bí với bầu rưng rơ !*

chừ : bây giờ.

1/ Nàng :

Chữ em hỏi anh :

Chữ chi là chữ chôn xuống đất ?

Chữ chi là chữ cất lên cao ?

Chữ chi nặng không ai na (1) nổi ?

Chữ chi mà gió thổi không bay ?

Trai nam nhi, anh mà đối đặng (2), miếng trầu cay
cho chàng.

Chàng :

Này hỏi em ơi,

Chữ tử là chữ chôn xuống đất,

Hai chữ nhân nghĩa anh cất lên cao,

Hai chữ nhớ thương phượng tha không nổi,

Chữ tình chữ hiếu gió thổi không bay.

Trai nam nhi, anh đà đối đặng miếng trầu cay đâu nào ?

(Hò thủ tài đối đáp)

(1) na : mang đi.

(2) đặng : được.

2/ Mình chữ sợ kẻ tây tà,

Mà đi giết đạo, đạo mà kêu oan.

Sống thì mắc tội Ngọc Hoàng,

Chết về thập điện mắc nần (1) Diêm Vương.

(Về Thất Thủ Kinh Đô. Câu 101 đến 104)

(1) nần : nạn, tai nạn.

3/ Nàng :

Quân sư phụ là tam cang dã,

Qua chiếc đò đây, đò ngã cứu ai ?

Tới đây hỏi thiệt anh tài,

Đò đây sóng lượn cứu ai hỏi chàng ?

Chàng :

Khi xưa anh đi lính, dĩ quân vi thủ (1),

*Anh ở nhà, đi phụ vi tiên (2),
Anh đi học chữ thánh hiền, đi sư vi trọng (3).
Chừ anh qua chiếc đò đầy sóng cả nên anh phải ra tay.
Đầu phò vua, vai công thầy, tay lại đất cha.
Rứa mới thiệt anh hùng trung hiếu tài ba.
Đạo quân sư phụ sau về nhà lại hay.*

(Hò thử tài đối đáp)

- (1) đi quân vi thủ : lấy vua làm đầu.
- (2) đi phụ vi tiên : lấy cha làm trước.
- (3) đi sư vi trọng : lấy nghĩa thầy làm nặng.

4/ *Trước mở lời chào bà con đông đảo,
Sau mở lời chào bạn cũ xướng ca.
Chừ tui muốn vô kết nghĩa giao hòa đặng không?*

(Hò già gạo)

5/ *Từ thuở bé thơ mãi đến chừ,
Bây giờ mới biết chữ tương tư,
Ngâm câu biệt hận đà xơ xác,
Thất giải đồng tâm vẫn chắc khư.
Ngàn học tình đong, đong vẫn thiếu,
Một thành sâu chất, chất còn dư.
Mảnh trăng thề với người tri kỷ,
Dấu nát tan thân há dám tử !*

(Nguyễn Thi Khanh, phi tần của vua Thành Thái)

chừ gặp chắc : bây giờ gặp nhau.

*Mấy lâu ni, thiệp quê nam, chàng quê bắc,
Hết giặc rồi, chừ gặp chắc giữa chốn quê ta.*

(Ca dao)

chừ chừ : bây giờ đây.

Nay chự chừ, em giậm chân, kêu một tiếng,
Anh đập nước bên ô cũng phải về !

chưa hề chi mô : chưa sây sút, chưa hư hại.

Chàng :

Tới đây hỏi thiệt đôi lời,
Giếng Long Vân đang còn đầy đặn hay đã lưng voi
chút nào ?

Nàng :

Chàng hỏi thì thiếp xin thưa,
Giếng Long Vân đang còn đầy đặn chứ chưa hề chi mô.

(Hò già gạo)

chưa ừ : chưa bằng lòng, chưa muốn, chưa chấp nhận.

- 1/ Con thương, thầy mẹ khước từ,
Chàng khoan lấy vợ, thiếp chưa ừ nơi mô.
- 2/ Đôi ba nơi Thầy Mẹ nói tới, em chưa ừ,
Anh có thương em thì thủng thẳng, chớ gởi thư từ làm chi.

chưa vô đảng con rể : chưa phải là con rể.

Thầy mẹ đánh em một trăm roi vô một chỗ,
Đánh rồi ngồi dậy, máu đổ tràn lan.
Anh đây chưa vô đảng con rể,
Chứ vô đảng con rể cũng nằm ngang chịu đòn.

chứn : chân.

- 1/ Chứn dày, chứn dép vô ra,
Kêu cô cũng lỗ, kêu bà khó nghe.
- 2/ Ba bên kể lẻ (1), bốn bề người đứng,
Trái bước lỗ chứn, ai nưng (2) ai đỡ.

*Kể từ ngày, đó đây gặp gỡ,
Biết đâu là không nợ không duyên.
Mấy lời ngỏ với thuyền duyên,
Chớ thay lòng đổi dạ, cho thêm phiền bụng đây.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

- (1) kể lể : nói dài dòng có ý phàn nàn hay than thân trách phận.
(2) nung : nung.

3/ *Trăng khuya soi bóng anh đi,
Thấy chữ anh bước, ruột em thì quặn đau.*

chùng mô : chùng nào.

1/ Nàng :

*Em đứng trên ga Lớn, ngó về ga Hương Thủy,
lòng bao chi chiết,
Ngó về Nong, Truôi, thăm thiết biết chùng mô !
Kể từ ngày anh Hán, em Hồ,
Đêm năm canh cứ thương tình một chắc (1),
biết phân phó (2) ai chừ !*

Chàng :

*Anh ngồi cầu Trường Tiền, ngó lên Phu Văn Lâu,
dạ sầu bát ngát,
Ngó về Thương Bạc, ruột nát gan don (3).
Đoái nhìn phong cảnh nước non,
Bạn chờ qua, qua chờ bạn, chịu chữ hao mòn mà hư.*

- (1) một chắc : một mình.
(2) phân phó : giải bày tâm sự.
(3) don : héo queo.

2/ *Mùng loan nửa nằm nửa để,
Gối phụng nửa kê nửa chờ.
Hai hàng nước mắt như mưa,
Lau cái khăn, cái khăn không ráo,*

*Lau vạt áo, vạt áo không khô.
Tam tông chi đạo khổ biết chùng mô, ơi hỡi Trời!*

có chi đẹp để mô nờ : có gì đẹp đâu.

*Không ngờ anh rằng (1) nhìn xuống đất,
Đất có chi đẹp để mô nờ.
Theo nhau từ hôm nọ hôm tê (2),
Anh hỏi mãi rằng o không nói.*

(*Qua mấy ngô hoa. Mừng Mán. Câu 25 đến 28*)

(1) rằng : tại sao.

(2) hôm tê : hôm kia.

có đâu mà đặng : ở đâu mà có được.

*Thế gian được vợ mất chồng,
Có đâu mà đặng tiên rông cả hai.*

có hề chi không : có trở ngại gì không.

*Cây bồ đề lá cũng bồ đề,
Anh lương em giáo (1) có hề chi không ?*

(1) *lương* là những người Việt Nam không theo Thiên Chúa giáo. *Giáo* là những người Việt Nam theo Thiên Chúa giáo La Mã. Ngày xưa, theo luật của đạo Thiên Chúa La Mã thì không được lấy chồng hay lấy vợ ngoại đạo. Ngày nay, có thay đổi luật, nhưng đa số con chiên ngoan đạo vẫn theo luật lệ xưa của La Mã.

có hời : có lúc.

*Thương cha thương mẹ có hời,
Thương em lúc đứng lúc ngồi cũng thương.*

có khi mô : có lúc nào.

*Xa Huế rồi anh có nhớ nhung,
Hoàng thành cổ độ nếp rêu phong,*

*Dấu xưa chứng tích mờ nhân ảnh,
Anh có khi mô thấy chạnh lòng ?*

(Bài thơ Huế. Mạnh Hồ. Câu 9 đến 12)

có khôn : có hay không.

Nàng :

*Ai lên trên trường cho tôi gởi một mo com,
Hai bên thịt nạc, giữa tôm kho với đường.*

Chàng :

*Tôm kho đường xin kính (1) lại mẹ ôn (2),
Anh đây phận rẻ có khôn cũng đành.*

(Hò già gạo)

(1) kính : dâng, biếu.

(2) mẹ ôn (ôn mẹ): ông bà (thường dùng để chỉ người đàn ông và người đàn bà nhiều tuổi).

có mần răng đi nữa : đâu có chuyện gì xảy ra.

1/ Nàng :

*Câu lương duyên thề nguyện giao ước,
Nghĩa sắt cầm giữ vẹn trước cũng như sau.
Anh chớ tham sang mà bỏ bạn cật, chớ tham
giàu mà bỏ em.*

Chàng :

*Dãy dọc tòa ngang, giàu sang có số,
Kim Long, Nam Phổ nước đổ về Sinh.
Đôi đứa mình chút nghĩa ba sinh (1),
Có mần răng đi nữa cũng không đành bỏ nhau.*

(Hò già gạo)

(1) ba sinh : ba kiếp: kiếp trước, kiếp hiện tại, kiếp sau.

2/ Kim Long dãy dọc tòa ngang,
Em chèo một chiếc xuồng nan về Sinh.
Đôi đứa mình lỗi hẹn ba sinh,

Có màn rặng đi nữa cũng trọn tình với nhau.

3/ *Thiếp nguyện với chàng tam sơn tứ hải (1),
Chàng nguyện với thiếp chó thay vải đổi tơ.
Đâu trăm năm thiếp đợi chàng chờ,
Có màn rặng đi nữa cũng đừng ngờ chi nhau.*

(1) tam sơn tứ hải : ba núi, bốn biển.

có mô : có đâu.

1/ Có mô lao khổ như ri,
Lòng dòng theo bậu thành chi không thành.

2/ Chàng :

*Thấy nhau nghiêng nón bước đi,
Có mô lao khổ như ri (1), hỡi Trời !*

Nàng :

*Gặp nhau đây bỡ ngỡ khó chào,
Nghiêng mình lách nón, nước mắt trào như mưa.*

(Hò già gạo)

(1) như ri : như thế này.

3/ *Ve vàng đem rót chén vàng,
Có mô lại rót chén ngang mà anh chờ.*

4/ *Tháng giêng thì tam túc yêu lợng,*

Tháng hai sĩ tượng pháo xe.

Cơ chi (1) em nói anh nghe,

*Có mô chừ (2), tay bưng nắm gạo, tay vợ (3) nắm
củi nè đã thắm chuta !*

(1) cơ chi : giá mà.

(2) chừ : bây giờ.

(3) vợ : lấy nhanh không cần chọn lựa.

có ngãi : có nghĩa.

1/ *Người đưng (1) có ngãi thì đãi người đưng,*

Bà con không ngãi xin đừng bà con.

(1) người dưng : người không quan hệ họ hàng.

2/ *Thuyền rồng bát ngãi bỏ trôi,
Đò ngang có ngãi ta ngồi đò ngang.*

có ừ đặng không : có bằng lòng được không.

*Anh về tằm năm miếng trầu cho thân cho thiết,
Bỏ vô hộp thiếc, khay cần xa-cù.
Mượn người ăn nói tươm tươm,
Để em vô thuta thầy với mẹ có ừ đặng không ?*

cỏ cụt : ngọn cỏ ngắn.

*Trâu ta ăn cỏ đồng ta,
Tuy rằng cỏ cụt nhưng mà cỏ quê.*

coi : săn sóc, trông nom.

*Trò Ba đi học đường xa,
Cơm canh ai nấu, mẹ già ai coi ?*

coi : xem.

1/ *Cấm coi ca, cấm coi hát,
Cấm đánh bạc, cấm ăn hàng,
Cấm ra thấp thoáng ngoài đàng,
Cấm chào, cấm hỏi bạn vàng khi xuta.*

(Chồng già ghen vợ trẻ. Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

2/ *Đêm nằm nghĩ lại mà coi,
Lấy chồng đánh bạc như voi phá nhà.*

3/ *Cồng cộc (1) bắt cá bầu eo (2),
Chị chê tôi bé, cho tôi trèo chị coi !*

(1) cồng cộc : một loại chim bắt cá, lông đen, thường lặn sâu xuống nước để bắt cá.

(2) bầu eo : vũng nước sâu, nhỏ, nằm ngoài đồng ruộng.

còi : cần cỗi, không phát triển bình thường.

*Nhà bà có bụi tre còi,
Có con gái út, bà đòi bao nhiêu ?*

con ai ri : con ai vậy.

*Mấy chục năm rồi nay về quê ngoại,
Mảnh vườn xưa đã lở xuống sông.
Mít ổi hàng hàng, bờ tre bóng mát,
Mát hết rồi còn lại bến đò xưa.*

*Nhớ ngày xưa mỗi khi về thăm ngoại,
Chợ Cẩm Sa bà cháu dắt nhau đi.
Bà ngoại thường mua quà cho nhiều thứ,
Gặp người quen họ hỏi con ai ri.*

*Nhớ những năm về quê ăn Tết,
Cùng gia đình rộn rịp những ngày xuân.
Hết Tết rồi trở lên thành phố lại,
Buồn làm sao khi em, mẹ tiễn đưa chân.*

*Cách biệt thời gian ở bên nội,
Trở lại quê xưa Bà Ngoại mất rồi.
Thằng em mình đã đi theo bộ đội,
Nhà quạnh hiu buồn bã nhứt trong đời.*

*Mấy chục năm sau chị em gặp lại,
Nổi xót xa hai hoàn cảnh khác nhau.
Thằng em về, thằng anh (1) đi cải tạo,
Cảnh đau lòng trong thị xáo nòi da.*

(Về quê ngoại. Hồng Hoa, 1980)

(1) thằng anh : ông anh rể.

con mần chặng : con cá bần chặng, một loại cá biển nhiều xương.

*Ai ơi, đừng phụ của trời,
Có con mần chặng cũng ăn rồi bữa cơm.*

con trắng : cách nói để chỉ một thời gian một tháng.

*Thiếp chờ chàng đã bốn con trắng,
Chàng không lai vãng, nên thiếp ra đi lấy chồng.*

còn lưa : còn lại.

*Trăm năm dầu lổi hẹn hò,
Cây đa bên cũ con đò khác đũa.
Con đò đã thác năm xưa,
Cây đa bên cũ còn lưa đến chừ .*

còng : con dã tràng, một loại cua nhỏ ở bờ biển.

*Gió đưa về biển ăn còng,
Về sông ăn cá, về đồng ăn cua.*

còng còng : con dã tràng, một loại cua nhỏ ở bờ biển.

*1/ Cánh chuồn chuồn nhởn nhơ trên mặt nước,
Tiếng ve ve vang dậy bốn phương trời.
Con còng còng đại lắm ai ơi,
Cong lưng xe cát, sóng dồi lại tan.*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

*2/ Thở với than, nghe càng thêm bận,
Không than không thở, thêm giận thêm phiền.
Con còng còng xe cát làm viên,
Anh thương em lắm có tuyền (1) đặng không?*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

(1) tuyền : trọn vẹn.

cọng : chân cua, chân rạm.

1/ Bao giờ bạc giấy ra tro,
Cua đồng đổi con chữ Nho (1) lại dùng.

(1) chữ Nho : chữ Hán.

2/ Nàng :
Thầy mẹ sinh ra không đòi bạc, nỏ đòi vàng,
Đòi con của tám con, hai càng cân nhau.

Chàng :
Em về thuta với thân phụ em cho rõ ràng,
Khi hai con họp lại thì tám con, hai càng cân nhau.

cổ cày tay cuốc : cổ mang dây kéo cày, tay cuốc đất. Nghĩa bóng : lao động cực khổ.

*Không làm mà nhịn cho cam,
Cổ cày tay cuốc có làm không ăn.*

cộ : củ.

*Năm ngoài trồng khoai, khoai không có cộ,
Năm ni cấy lúa (1), lúa lỗ mất mùa.*

(1) lúa : lúa.

cộ : củ.

*Trám năm trót lỗ (1) hện hò,
Cây đa bến cộ, con đò khác đũa.
Cây đa bến cộ còn lư (2),
Con đò đã thác năm xưa tê rồi !*

(1) trót lỗ : để xảy ra điều gì không hay.

(2) còn lư : còn lại.

côi : trên.

1/ *Của mình thì gác côi tran (1),
Của người ta thì tha cho mòn.*

(1) tran : cái giá cất đặt trên cao.

2/ *Ngó lên côi trời, mặt trăng khi tròn khi méo,
Ngó về đồng nội, ngọn cỏ khi héo khi tươi.
Em thấy anh ít nói ít cười,
Ôm sầu vô dạ, chín mười năm ni.*

3/ Nàng :

*Tiếng đồn anh hay chữ, em hỏi thử vài lời:
Dưới dương gian có họ, côi ông Trời họ chi ?*

Chàng :

*Em nghiêng tai xuống đất, kêu cho đất ơi,
Rồi tới đây anh nói họ ông trời cho em nghe.*

(Hò thủ tài đối đáp)

côi bộ : trên đất.

*Vè vè vè ve, nghe vè nói ngược,
Chim ăn dưới nước, cá đẻ trên cây,
Thằng thác đi cày, thằng sống nằm ngay cửa lỗ,
Thuyền chèo côi bộ, ngựa chạy dưới sông,
Gặp trộ mưa (1) giông, mới ra ăn gà,
Cứ tài đàn bà đánh giặc thờ vua,
Con tôm cắn cọng con cua,
Cả bầy chuột nhắt chạy đua với mèo,
Cái dù bẻ cổ con trâu,
Trái bí trái bầu châm trả con ong,
Cái hèn thì kêu long tong,
Cái keng (2) thì kêu ò e,
Ai mà chặt chuỗi đầu ghe,*

*Chặt sắn chặt súc làm ghe cho chìm,
Ai mà vác xỉa bán chim,
Vác ná đơm cá đi tìm non cao ?*

(*Về nói ngược*. Dân ca Thừa Thiên - Huế. Trần Thùy Mai sưu tầm và biên soạn; trang 238. Nxb Thuận Hoá; 2003)

- (1) trộ mưa : trận mưa.
(2) kếng : cái kiếng.

cội : gốc.

1/ *Anh ăn nơi cội cây cam,
Anh nằm cội cây cam mới biết đường **cam** là **khố**.
Em ăn nơi cội cây sung,
Em nằm cội cây sung mới biết đường **sung** là **sướng**.*

2/ *Chàng :
Tuổi em còn bé ngây thơ,
Đôi ba năm nữa, anh chờ được không ?*

*Nàng :
Anh về dựa cội cây dứa,
Đôi ba năm nữa cho vừa tuổi em.*

cơ chi : giá mà.

1/ *Bần dũ tiện thị nhân chi sở ố (1),
Bởi anh nghèo nên duyên số lừng lơ.
Cơ chi anh giàu sang như thiên hạ, bà nguyệt với
ông tơ đã xây vắn.*

(1) bần dũ tiện thị nhân chi sở ố : nghèo hèn là điều ai cũng ghét.

2/ *Cơ chi mạ khó vừa thôi,
Con đây đâu phải hoa trôi lỗ làng.*

3/ *Em có chồng rồi an tâm, đành phận,
Ngó qua bên chàng chưa vợ lặn đặng thêm thương.
Thương thời sợ lỗi đạo gia nương,
Cơ chi rảnh tay như ngày trước mà kết nghĩa
vấn vương mặn nồng.*

4/ *Gối ngả nghiêng, phiền không có bạn,
Giọt lệ tình lai lẳng thâm sâu.
Cơ chi Ô Thước bắc cầu,
Cho mình qua lại thăm nhau hằng ngày.*

5/ *Họa hổ họa bì, nan họa cốt (1),
Tri nhơn tri diện, bất tri tâm (2).
Cũng vì ở xa không biết mà làm,
Cơ chi biết đặng, vàng cầm cũng không.*

(1) vẽ cọp, vẽ da con cọp thì dễ, vẽ xương thì khó.

(2) biết người, biết mặt, nhưng khó biết lòng dạ của họ.

6/ Chàng :
*Thương em, anh phải đi đêm,
Anh té (1) xuống ruộng, đất mềm không đau.*

Nàng :
*Đất mềm nên mới không đau,
Cơ chi đất cứng xa nhau lâu rồi.*

(1) té : ngã, bổ.

cơ nghèo : nghèo khổ, đói rét.

*Thiếp than thân thiếp cơ nghèo,
Đã mang gánh nặng, lại trèo non cao.*

cớ chi : tại sao, vì lý do gì.

Chàng :

*Trai làng ở quá còn đông,
Cớ chi em bậu lấy chồng làng xa (1) ?*

Nàng :

*Trai làng chê khó không dùng,
Nên chi em bậu bạn cùng làng xa.*

(Hò già gạo)

(1) lấy chồng làng xa : lấy chồng ở xa quê nhà.

cớ sao : tại sao.

Nàng :

*Cửa nhà gia thế anh ra sao ?
Tới đây làm thợ, cớ sao không về ?*

Chàng :

*Cửa nhà anh phú quý đã đành,
Vì hiền thê chảnh mắng, anh buồn tình ra đi.*

(Hò già gạo)

cơi : cái tráp đựng trầu cau, thuốc lá.

1/ *Muốn hôn em cũng cho hôn,
Cơi trầu chén rượu rồi thì sẽ hôn.*

2/ *Uống nước chè tàu, ăn trầu cơi thiếc (1).*

(Tục ngữ)

(1) cơi thiếc : tráp đựng cau trầu làm bằng thiếc.

cởi trật : cởi hết.

Câu đố :

*Bàn bàn tay nằm ngay bàn Phật,
Tụng kinh rồi, cởi trật áo ra.*

(Giải đáp : Nải chuối)

cồi ngựa : cuồi ngựa.

*Thằng cuồi ngồi gốc cây đa,
Để trâu ăn ló gọi cha ới ời.
Cha còn cắt cỏ côi trời,
Mẹ còn cồi ngựa đi chơi cầu vồng.*

cơm búng : cơm nhai cho nhuyễn để cho con ăn, khi con còn nhỏ bé chưa có răng.

*Bùi ngủi nhớ mẹ thuở xưa,
Miệng nhai cơm búng lưỡi lùa cá xương.*

cơm đùm : cơm gói sẵn trong mo hay trong lá chuối, để ăn khi phải đi đường xa.

*Vợ anh như ngọc như ngà,
Anh còn tình phụ nữa là thân tui.
Vợ anh như thể đĩa xôi,
Anh còn phụ bạc nữa tui cơm đùm.*

cơm hột : phần nằm trên nồi cơm vừa nấu xong, hột cơm hơi cứng.

*Công anh làm rể đã lâu,
Chỉ ăn cơm hột với đầu cá rô.
Bao giờ anh lấy được cô,
Cơm hột phần chó, đầu rô phần mèo.*

cơ : cây.

*Thân em như cơ thâu đầu,
Ngoài tươi trong héo, dạ sầu tương tư.*

cơ dao : con dao.

1/ Cầm cơ dao sắc, cắt một củ gừng (1),
Bỏ vô thuốc bắc, sắc (2) lại vài phân.
Cái tay em bưng, cái chutn em bước,

*Cái tóc em xướt, cái lược em rơi.
Vừa đi vừa vãi với Trời,
Cho anh mau khoẻ mạnh, để sống đời với em.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

- (1) củ gừng : củ gừng.
(2) sắc: nấu thuốc bắc (hay thuốc Nam) cho nước bốc hơi, cô đọng lại.

*2/ Xa anh một ngày cũng tày (1) ba tháng,
Như ai cầm cơn dao vàng cắt bộ ngũ tạng, quăng
vãi (2) xuống sông.
Nghĩ làm sao mà không đau ruột, sót lòng,
Ơi thương, ơi nhớ, đạo vợ chồng chia ly.*

- (1) cũng tày : cũng như.
(2) vãi : vung vãi.

cu : chim cu

*Ngó lên trên trời cặp cu đang đá,
Ngó xuống dưới biển cặp cá đang đua.
Anh lui về lập miếu thờ vua,
Xây lăng thờ mẹ, lập chùa thờ cha.*

cu cu : chim cu.

*Ác là (1) là cha cà cưỡng (2),
Cà cưỡng là dượng cu cu,
Cu cu là dâu ác là.*

(Đồng dao)

- (1) ác là : một loại chim quý hiếm, lông đen, vãi lông màu tím và lục;
bên hông màu trắng, mắt nâu, mỏ và chân đen; đuôi dài.
(2) cà cưỡng : một loại chim sáo nhỏ.

cù cu : chim cu.

*Vợ chồng như đôi cù cù,
Chồng thì đi trước, vợ gặt gù (1) theo sau.*

(1) gặt gù : nhẹ nhẹ cúi đầu rồi ngẩng lên nhiều lần.

cục trối : của nợ.

*Chưa lấy chồng, đêm mong ngày đợi,
Lấy chồng rồi, như cục trối (1) trăm năm.*

(1) trối : khúc rễ cây, khó chẻ, khó dùng.

củi nè : cành tre khô làm củi.

*1/ Một mình thua kém, kém thua,
Củi nè than mọn, không dám đua trăng tròn.*

*2/ Đêm chơi tam túc yêu lượng (1),
Ngày chơi sĩ tượng pháo xe (2).
Cơ chi vợ nói chồng nghe,
Đến nổi mô nay tay bưng nón gạo, tay vợ (3)
nắm củi nè thăm chưa ?*

(1) tam túc yêu lượng : chơi đánh lữ.

(2) sĩ tượng pháo xe : chơi bài tứ sắc.

(3) vợ : lấy nhanh vật gì không cần lựa chọn.

cũng tà : cũng như.

*Trao lời mà nỏ trao duyên,
Cũng tà trao bực, trao phiền cho anh.*

cúp : dùng răng cắn cho bể nát ra.

*Ngồi buồn bắt rận cúp chơi,
Mỗi con một miếng có mô mà mời chi em.*

cụt đọt : mất ngọn.

Chàng :

Tui có cây mít cụt đọt, rễ mọc tứ phương,

*Cho o đem về, sống làm nhà mà ở, chết gọt
bát lư hương mà thờ !*

Nàng :

*Anh có cây mít cụt đọt, rễ mọc tú phương,
Em ra lấy chồng để phụng sự gia nường (1).
Thầy mạ bên anh còn sống thì làm nhà cho
thầy mạ ở, đã chết thì gọt lư hương mà thờ !*

(Hò già gạo)

(1) gia nường : gia đình chồng.

cừ : cộc.

*Đất bờ lở xuống dưới sông,
Anh hàn răng đặng, tiếc công hàng cừ.*

cửa ngõ : cửa ngõ, cổng đi nhà vườn.

Nàng :

*Giàu sang chi anh mà chánh chánh hầu hầu.
Ngày hôm qua em đi qua cửa ngõ thấy
anh ăn bát canh bầu thế cơm.*

Chàng :

*Anh thường ăn cháo gà, cháo vịt, cháo thịt bò câu.
Hôm qua trời nóng nực mới ăn canh bầu cho mát
chân răng.*

cực như con chó không lông : quá cực khổ, cùng cực.

*Cực như con chó không lông,
Còn theo các câu thổi ống đồng mà chơi.*

cươi : cái sân.

1/ *Có con mà gả chồng xa,
Cũng như con cạp bắt tha trong lùm.
Có con mà gả chồng làng,
Cũng như hũ vàng chôn ở trong cươi.*

2/ *Hỡi em ơi, khi cái chân anh đi thì con mắt ai ngó,
Nay chừ em nghe ai mà xa ngõ, ngái cười.
Đêm năm canh khôn tạc đặng bóng người,
Nhớ chẳng là nhớ lời ăn tiếng nói, nhớ nụ cười
người thương.*

D

da diết : thiết tha.

*Anh thương em da diết, diết da,
Áo lụa hồ năm vạt trải ra cho em nằm.*

dã dươi : rã rười.

*Tắm thân em như cây chuối dưới nương,
Bón bên dã dươi, anh thương bên nào ?*

dạc dài : xơ xác, mòn mỏi.

*Thầy mẹ anh khi tỉnh khi say,
Em xê vô (1) kết nghĩa, sợ dạc dài tắm thân.*

(1) xê vô : sa vào, nhào vô, nhảy vào.

dang lưng : đưa lưng ra.

Nàng :

*Dẫu mà thầy mẹ có đánh em đau đòn,
Em dang lưng em chịu, sao cho vuông tròn cùng anh.*

Chàng :

*Hỡi em ơi, lại đây cho anh bóp muối xoa chanh,
Em còn từng cư phụ mẫu, anh không dám vô
giành ngọn roi.*

dang tay : đưa tay ra.

1/ *Dang tay đánh thiệp sao đành,
Áo rách ai vá, áo lành ai may ?*

2/ Dang tay đánh bậu, bởi bậu lẳng loàn,
Dang tay đánh bậu, hai hàng lụy sa.

dạng : hình dáng.

*Khen ai khéo đúc chuông chì,
Dạng thì tốt dạng, đánh thì không kêu.*

day : lay, đưa qua đưa lại một chỗ.

*Mùa Đông nhiều ngọn gió day,
Thuyền quỳên thả lỏng chờ ngày khổ thân.*

dắt : dẫn đi, đưa đi cùng với mình.

*Chiều chiều dắt bạn qua đèo,
Chim kêu bên nó, vượn trèo bên ni.*

(Lý Hoài nam)

dâm : ngâm, nhúng.

1) *Nước mắm ngon đem dâm cá trích,
Anh có vợ rồi đừng xịch cho xa.
Kẻ một mai thiên hạ đồn ra,
Trai mê dâm mà bỏ vợ, gái đắm nguyệt say hoa
mà bỏ chồng.*

2) *Nước mắm ngon đem dâm con cá đối,
Nhấn với nàng đợi tới anh qua.*

dẫm : đi lên trên, đạp lên trên.

*Lập vườn, sao không sớm viếng tới thăm,
Để trâu bò dẫm, biết mấy năm cho thành.*

dật dờ : vật vờ.

*Lụt bão rồi, ngành ngọn xơ rơ,
Con chim không nơi đậu, biết dật dờ nơi mô ?*

dầu chi : dầu sao.

*Dâu chi em cũng đã có chồng,
Thôi anh về lấy vợ, đừng đêm tưởng ngày trông làm gì.*

dèm : gièm pha, xuyên tạc.

*Hai ta như rựa với nem,
Đang say ngáy ngất, ai dèm chớ xa.*

dễ mô : đâu phải là dễ.

*Dễ mô thuốc nổ, bệnh này,
Dầu hay cũng có ông thầy mới hay.*

dị : kỳ cục, kỳ dị.

*Răng mà cứ theo tui hoài rứa ?
Cái ông nì mới dị chưa tề.
Sáng chiều trưa ba buổi đi về,
Đưa với đón làm chi (1) không biết.*

*Ôi đôi mắt chi mà tha thiết,
Đừng nhìn hoài làm ngược bước tui đi.
Lá thư tình ông gửi làm chi ?
Chú mẹ biết rầy la tui chết !*

*Ông tán tỉnh làm chi không biết,
Tui như ma quỷ dưới âm ti.
Nói hoài lời hoa mỹ làm chi,
Tui còn nhỏ chuyện tình răng biết được (2).*

*Tội tui lắm cách xa vài bước,
Đừng đi gần hai bước song đôi.
Xa xa chớ, kéo bạn tui cười,
Mai vô lớp cả trường dị nghị.*

*Theo chi rứa (3) người răng không biết dị,
Thôi được rồi đưa lá thư đây.*

Mai bãi trường đợi ở gốc cây,
Thương với nhớ làm chi không biết !

(Đồng Khánh ngày xưa. Ngy Sơn)

- (1) làm chi : làm gì.
- (2) rằng biết được : sao biết được.
- (3) chi rứa : gì vậy.

dim : râm, không có ánh nắng.

1/ Cây cao bóng mát nở ngòi,
Ra ngòi giữa nắng trách trời không dim.

2/ Chuồn chuồn bay thấp thì mưa,
Bay cao thì nắng, bay vừa thì dim.

dò : một loại bầy chim.

Chim khôn tránh bẫy, tránh dò,
Người khôn tránh tiếng hò dò mới khôn.

dọi : theo.

Ra về anh chẳng ngó lui,
Để em ngó dọi, bùi ngùi nhớ thương.

dọi : chiếu sáng.

1/ Chàng :

Đêm khuya trăng dọi thềm đình,
Hỏi người bạn cũ thương mình hay không ?

Nàng :

Em thương, còn bụng mẹ thầy,
Đèn treo trước gió biết xoay ngả nào ?

2/ Tình tự gió đưa câu mái dấy,

Ngửa nghiêng trăng dọi chiếc thuyền bơi.

dòm : nhìn, ngắm nghía.

1/ *Nì (1), trước nhà có mấy giàn thiên lý,
Hẹn ngày về mình hái nấu canh tôm.
Cây khế sau hè hôm trước mẹ lôn (2),
Ra dòm thử đã trở bông chưa rứa ?*

(Kỷ niệm xanh. Hồ Đắc Thiều Anh. Câu 29 đến 32)

(1) nì : này.

(2) lôn : trồng.

2/ *Thương em không dám nói ra,
Để trong tay áo, lâu lâu hé dòm.*

don : héo queo.

*Anh ngồi cầu Tràng Tiền ngó lên Phu Văn Lâu,
dạ sầu bát ngát,
Ngó về Thương Bạc ruột nát gan don.
Đoái nhìn phong cảnh nước non,
Bạn chờ qua (1), qua đây cũng chờ bạn, chịu chữ
hao mòn mà hư.*

(1) qua : tôi.

dòn : trẻ trung, xinh đẹp.

*Trong nhà nhất mẹ, nhì con,
Ra đường có kể lại dòn hơn ta.*

dọp : móp méo.

*Chồng tôi như thể cái oi,
Hôm dọp, mai đẹp (1) tôi cũng coi bằng vàng.*

(1) đẹp : xẹp lép.

dộ : dụ dỗ.

Cây sương cành lá cũng sương,

Gái khun (1) trai độ lâu ngày cũng xiêu.

(1) khun : khôn.

đôn : chồng.

1/ *Lên non hái lá bời lời,
Lộn kiếp lộn đời cậy (1) nậy (2) hơn đôn.*

(1) cậy : vợ.

(2) nậy : lớn.

2/ *Ông đôn vốn của trời cho,
May nhờ rủi chịu biết mô mà lường.*

động : đánh mạnh vào.

1/Nàng :

*Thân em như cái chuông vàng,
Để trong thành nội, có một ngàn quân lính hầu.*

Chàng :

*Thân anh như thế cái chày (1),
Bỏ lăn bỏ lóc, chờ ngày động chuông !*

(1) chày : đùi gỗ lớn để đánh chuông.

2/ *Đêm nằm nghe vạc kêu canh,
Nghe chuông động sáng, nghe anh dỗ (1) nàng.
Dỗ nàng nàng chẳng muốn nghe,
Trách con gà trống tía cứ te te gáy hoai !*

(1) dỗ : nói nhẹ, dịu dàng, khéo léo sao cho người nghe tin theo ý mình.

đơ : đưa, đưa ra.

1/ *Hoa sen lai láng giữa hồ,
Đơ tay ra bể, sợ chùa có sư.*

2/ *Mẹ ơi trái bí còn non,
Dợ dao mẹ cắt dạ con sao đành.*

3/ *Nước Nam có bốn anh hùng,
Trường gian, Viêm đối, Khiêm hùng, Thuyết ngu.
Lại thêm hai đứa vũ phu,
Đề Đức, Đề Soạn dợ mông chịu đòn.*

dở áo : vén áo.

*Làm một bài thơ dán cội cây chanh,
Trai bỏ học hành, gái bỏ bán buôn.
Gái bỏ bán buôn đang còn nhẹ tội,
Trai bỏ học hành một chữ năm roi.
Không tin chàng dở áo cho thiệp coi,
Phụ mẫu đánh chàng, xát muối, năm lần roi vẫn còn.*

dợ : dây.

*Gái có chồng như gông mang cổ,
Trai có vợ như dợ buộc chân.*

dợn sóng : gợn sóng.

*Trái cau lửa, sao mà anh gọi là cau không nóng ?
Tóc dợn sóng, sao mà sóng không trào ?
Trai nam nhi mà đối đặng, gái má đào xin theo.*

(Hò già gạo)

duồng : nương theo.

1/ *Duồng gió bẻ măng,
Duồng trăng ản trộm.*

2/ *Chàng về em cũng duồng theo,
Để khi thương nhớ, vui buồn có nhau.*

dưng không : bồng không, không có lý do gì.

*Thế gian không ít thì nhiều,
Dưng không ai dễ đặt điều cho ai.*

dưới hà bá : dưới sông. (Hà bá là thần sông).

Nàng :

*Đố anh, trên trời có mấy con sao, dưới ao có
mấy con cá, dưới hà bá có mấy ông vua,
Đông, tây, nam, bắc có mấy cái chùa,
Chợ Đông Ba kẻ bán, kẻ mua mấy người ?*

Chàng :

*Em ơi, trên trời có hai con sao, dưới ao có hai
con cá, dưới hà bá có bốn ông vua.
Đông, tây, nam, bắc có bốn cái chùa,
Chợ Đông Ba kẻ bán, kẻ mua hai người.*

Đ

đa đa : một loại chim, tiếng hót nghe như tiếng kêu đa đa. Đa đa cũng là tên của cây đa, một loại cây to thường trồng để lấy bóng mát, có nhiều rễ phụ mọc từ cành thòng xuống đất.

*Chim đa đa đậu nhánh đa đa,
Chồng gần không lấy, đi lấy chồng xa.
Mai sau cha yếu mẹ già,
Chén cơm ai bới (1), bộ kỷ trà ai dâng ?*

(1) bới : xới, đơm.

đà : màu nâu.

Chàng :

*Phụ mẫu sinh ra em trắng như bột, tốt như ngà,
Sao cái áo sa không bận (1), bận cái áo vải đà
ngang lưng.*

Nàng :

*Áo đà thay vạt vá vai,
Tôi chỉ hầu mọn cho ai giày bừa (2).*

(1) bận : mặc.

(2) giày bừa : hành hạ, mắng nhiếc.

đà : đã.

1/ Nàng :

*Anh về kiếm vợ kéo già,
Kiếm con kéo muộn, em đà có nơi.*

Chàng :

*Không ăn đã thấy rõ (1),
Không ngồi cỗ, đã nếm đến của ngon.
Dẫu mà em có chồng con,
Nhớ khi gót mỏng da mòn có anh.*

(Hò trêu ghẹo)

(1) rõ : đồ dùng bằng tre, đáy sâu.

2/ *Em biết rằng anh đà chọn đá mài kim,
Anh lui trở về đặt bàn xây hướng mới kiếm tìm đặng em.*

3/ *Qua cầu lật ván tháo đình,
Đó đà ở bạc với mình thì thôi.*

4/ *Thôi thôi, đêm anh không tưởng mà ngày anh
cũng không trông,
Loan đà xa phượng, có muốn theo rờng thì theo !*

đã có đôi : đã có bạn, đã có người tình, đã có bồ, đã có chồng.

*Tai nghe đó đã có đôi,
Dạ đây xao xuyên như nôi ươm tơ.*

đã lâu chi mấy : đâu có lâu lắm.

*Oi người bạn cũ kia ơi,
Đã lâu chi mấy mà nguôi tấm lòng.*

đã vít thì vin : vít là kéo cong đầu xuống; vin là nắm lấy cho khỏi bị ngã. Nghĩa bóng : đã làm thì phải nhận.

Anh ơi, đã vít thì vin,

Đã chơi bông trắng thì nhìn quả xanh.

đái mế : đi tiểu trong lúc đang ngủ.

*Mưa lâm râm ướt dầm cây khế,
Tui thương một người đái mế hôi xon !*

đam : một loại cua nhỏ sống ở nước ló.

*Hò cua không phải hò đam,
Ai hò nhân nghĩa thì hò với, chứ hò phàm thì thôi.
(Hò già gạo)*

đan đát: dùng tre vót mỏng làm các đồ dùng như rổ, rá, thúng, mủng.

*Bao La (1) đan đát suốt ngày,
Nông phu Bác Vọng (2) cấy cày tăng gia.*

(1), (2) Bao La, Bác Vọng là hai làng thuộc huyện Quảng Điền.

đàn ôn : đàn ông.

*Đàn bà không nuôi heo là đàn bà nhác,
Đàn ôn không biết chẻ lạt là đàn ôn hư.*

đàng : đường.

1/ *Ách giữa đàng mang vào cổ.*

2/ *Ai đứng chi ngoài đàng cho muỗi cắn (1) đau chân,
Vô đây cầm chày già gạo phân trần đôi câu.*

(Hò già gạo)

(1) muỗi cắn : muỗi đốt.

3/ *Đi một ngày đàng, học một sàng không.*

4/ *i anh ơi, anh sang sao mà thầy mẹ không sang?
Một là chẻ em bé nhỏ, hai là nghĩ đàng hơn thua?*

5/ Thân em như giếng nước giữa đàng,
Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.

đàng mô : đường nào.

Con kiến mày ở trong nhà,
Tao đóng cửa lại, mày ra đàng nào ?
Con cá mày ở dưới ao,
Tao tát nước vào, mày chạy đàng mô ?

đàng sau : phía sau.

Nàng :

Gáo vàng đem múc giếng tay,
Anh khôn ngoan chi lắm cũng tỏ thầy người ta !

Chàng :

Em đập chó (1) không ngó (2) đàng sau,
Thân phụ già em khi trước, cũng ở cửa nhà giàu đó thôi.

(1) đập chó : đánh chó.

(2) ngó : nhìn.

đàng xa : ở nơi xa.

Chàng :

Tay anh cầm gói mít,
Tay anh xách bình tích trà.
Em về thưa thầy với mẹ, có chàng rể đàng xa đến mừng.

Nàng :

Thầy mẹ em không hay ăn mít,
Cũng không hay uống trà.
Em xin kính (1) lại cho mẹ già bên anh.

(1) kính : dâng, biếu.

đạo ngãi : đạo nghĩa.

- 1/ *Không tiện chi khéo bằng tiện cau,
 Không rau chi ngon bằng rau cải,
 Không đạo ngãi chi bằng đạo ngãi vợ chồng.
 Anh làm quen em không đặng, anh về.
 Có điều chi hay để lại, điều chi què đừng cười.*
- 2/ *Nhân tình chán, biết nhân tình bạc,
Đạo ngãi chi hơn đạo ngãi tiền.
 Lòng người chín khúc đảo điên,
 Chữ huỳnh kim hắc thế, sách thánh hiền chẳng sai.*
- (Thảo Am Nguyễn Khoa Vỹ)

- 3/ *Nước dưới sông có khúc sâu, khúc cạn,
 Đá trên rừng có hòn đứng, hòn nằm.
 Thiếp với chàng đạo ngãi trăm năm,
 Dầu có xa ngàn dặm cũng gởi lời thăm kẻ buồn.*
- 4/ *Tưởng theo nhau cho trọn niềm bông trái,
 Ai hay nửa chừng đạo ngãi dứt lia.
 Nổi sầu này chàng giải sớm khuya một mình.*

đát : đan với tre hay mây vót thật mỏng.

1/ Nàng :

*Anh ơi, đát đặng thì đan,
 Chớ có bày ra rồi bỏ đó, thế gian chê cười.*

Chàng :

*Anh đây đan cũng giỏi mà đát cũng tài,
 Lặn thì nhún lên nhún xuống, nứt thì chui ngoài chui vô.*

2/ *Đan một lát (1), đát một ngày.*

(1) một lát : trong một thời gian ngắn.

đăng : dụng cụ bắt cá làm bằng tre.

1/ *Trách ai tham đó bỏ đăng,*

Thấy lê quên lựu, thấy trắng quên đèn.

2/ *Trách người có đó bỏ đăng,
Tham bông (1) bỏ bưởi, có ngày quên đêm.*

(1) bông : một loại trái cây cùng họ với bưởi.

3/ *Trách người ham đó (1) bỏ đăng,
Có chuông phụ mõ, có trắng phụ đèn.*

(1) đó : dụng cụ bắt cá.

đặng : để.

1/ *Sanh ra đạo làm trai,
Chăm lo học cho đặng (1) nên người,
Để đua trí, đua tài kịp người ta,
Đường lớn xa; khi bên thầy,
Khi bên bạn, khi bên đèn,
Lấy văn tự, đêm ngày đặng mà coi.
Này con ơi ! Này con,
Gắng công mà học, học đặng nên người,
Gặp thời giúp đời.
Ai mà chăm chỉ thì nên,
Cố công rèn tập,
Thời gặp, gặp hội rồng mây (2),
Cố công rèn tập, thời (3) gặp !*

(*Khuyến học. Khuyết danh. Điệu Kim Tiền*)

(1) đặng : được.

(2) hội rồng mây : cơ hội làm nên công danh, sự nghiệp.

(3) thời : thì.

2/ *Chưa chông ở vậy cho duyên,
Đặng anh dọn (1) chiếc thuyền quyên rước về.*

(1) dọn : sắp đặt.

đặng : được.

- 1/ Dù anh không đặng ái ân,
Tới lui thấy mặt cũng ấm thân thỏa lòng.
- 2/ On cha nghĩa mẹ tào khang,
Thiếp chửa trả đặng, hướng chi chàng là người dưng.
- 3/ Rắn không đầu có đầu bò đặng,
Chim phượng hoàng lỗ cánh khó bay.
Từ ngày xa bạn đến nay,
Sầu đêm quên ngủ, sầu ngày quên ăn.
- 4/ Sầu này ai giải đặng cho,
Ra ngồi đường vắng khóc no lại về.
- 5/ Anh về bán đất cây đa,
Bán cặp trâu già mới cưới đặng em.
- 6/ Đòi ta chẳng đặng sum vầy,
Cũng như chim nhạn lạc bầy kêu sương.
- 7/ Khôn ngoan em mới đứng đầu gió,
Tài giỏi em mới lấy đặng chồng người !
Chị em ơi không biết mà cười,
Em lấy chồng người, trăm sự khỏi lo !
- 8/ Nói nên dạ ở không nên,
Giống rom gánh đá có bền đặng không ?
- 9/ Nước lên khóa lấp tràn bờ,
Thương thì nói vậy, biết chờ đặng không.
- 10/Xa nhau ra thiên thăm địa sầu,
Biết ngày nào giải đặng mấy câu ân tình ?

đáp điểm : giúp đỡ, che chở.

Thương thời đáp điểm muôn phần,

Đồng hồ còn có sai phân hướng người.

đặt : sáng tác.

*Hai bên lắng lắng (1) mà nghe,
Tôi đặt cái về Thất Thủ Kinh Đô:
Năm Mùi thất thủ Thuận An,
Tài gia bá hộ các làng kêu ca.*

(Về Thất Thủ Kinh Đô. Câu 1 đến 4)

(1) lắng lắng : im lặng.

đần : ăn (Cách ăn nói thô bạo).

*Được mùa thì chê cơm hẩm,
Mất mùa thì đần cơm thiu.*

đâu : ráp.

*Son sen như áo mới may,
Như chuông mới đúc,
Như cày mới đâu.*

đầu gối quá tai : về già. Lúc về già lưng cong, đầu cúi xuống, khi ngồi chồm hỏm thì đầu gối cao quá vành tai.

*Tưởng sinh ra chút con trai,
Để khi đầu gối quá tai mà nhờ.*

đây chừ : bây giờ đây.

*Lật đật bên sông, qua biển Đông cũng lỗ chợ,
Bôn ba qua bến Bắc, qua bến Bắc cũng lỗ đồ.
Gặp nhau đây chừ, tình tự duyên do,
Trên ông Thiên Tào đã định tui với o cũng lỗ rồi.*

đề : đề nén, nén xuống, dần xuống.

*Nào khi băng rú băng ri,
Băng tràm (1), băng chúi (2), khi thì băng khe.
Nào khi mưa dập (3) gió đề,*

Thiếp như đất đẻ, ai hăm he không sờn.

- (1) tràm : cây tràm. Lá cây tràm biến chế lấy nước cốt làm dầu tràm.
(2) chổi : cây chổi. Nhánh cây chổi phơi khô, bó lại làm thành chổi đót.
(3) đập : đê lấp, phủ lấp.

đèn chai : đèn thấp bằng dầu phụng, tim đèn là phao bắc, bóng đèn bằng thủy tinh trên nhỏ dưới phình ra.

*Ai ơi chớ phụ đền chai,
Thấp trong Càn Chánh rạng ngoài Ngọ Môn.*

đẹp ý : tánh tình tốt.

*Sông Hương Càn vừa trong vừa mát,
Đường Hương Càn nhỏ cát dễ đi,
Trai Hương Càn như bông hoa lý,
Gái Hương Càn đẹp ý dễ thương.*

đề : viết.

*Ở đây cặm (1) bảng quan đề,
Đi không đem lễ thì về cho mau.*

(1) cặm : cắm.

đề : định.

*Lương duyên do túc đế, giai ngẫu tự thiên thành.
Chàng mà gặp thiếp, Trời xanh đã đề.*

đề mưu : bày mưu.

- 1/ *Con chim đại bàng bay ngang giữa chợ,
Hỏi o bán hàng duyên nợ về đâu.
Lời thề tại chốn khe dâu,
Ai đề mưu chi cho bậu mà bậu bỏ mấy câu ân tình ?*
- 2/ *Đường đi lên tâm tâm niệm niệm,
Đường đi xuống lụy nhỏ hạt châu.
Hai đứa mình ăn ở đã lâu,*

Ai đề mutu chi cho bậu mà bậu bỏ mấy câu ân tình ?

3/ Lời thề bên cội cây ngâu,
Ai đề mutu cho bạn để bạn dứt câu ân tình.

để đời : để lại cho đời sau.

Người trồng cây hạnh người chơi,
Ta vun cây đức để đời cho con.

đêm hôm : thời gian về đêm.

Đèn hết dầu đèn tắt,
Nhang hết vị hết thơm.
Anh đừng lên xuống đêm hôm,
Thế gian đàm tiếu nam nồm (1) khổ em.

(1) nam nồm : gió nam, gió nồm.

đi dọi : đi theo.

Nàng :

Chàng về, thiếp một (1) theo mây,
Con thơ để lại chốn này ai nuôi ?

Chàng :

Thiếp theo mây, chàng cũng lên trời,
Bố con thơ đi dọi, cho trọn lời thủy chung.

(1) một (từ cổ) : chết.

đi mô : đi đâu.

1/ Anh từng vô Nam ra Bắc,
Thấy nhiều nơi cảnh sắc cũng xinh.
Đi mô cũng nhớ quê mình,
Nhớ Hương Giang gió mát,
Nhớ Ngự Bình trăng thanh.

2/ Có ông mới gọi rằng bà,
Không ông, ta gọi mụ già (1) đi mô ?

(1) mục già : người đàn bà nhiều tuổi.

3/ Đi mô bỏ chiếu ai nằm,
Bỏ dâu ai hái, bỏ tầm ai nuôi ?

4/ Đi mô cho thiệp theo cùng,
Đói no thiệp chịu, lạnh lùng thiệp cam.

5/ Đi mô mà bỏ em đây,
Như chim chích cánh, biết bay phương nào.

6/ Đi mô mà bỏ mẹ già,
Gối nghiêng ai sửa, chén trà ai lau ?

7/ Đi mô mà nỏ thấy về,
Hay là ai bỏ bùa mê cho chàng ?

8/ Đi mô ôm sách đi hoài,
Cử nhân không có, tú tài cũng không.

9/ On tình xa nhưng đạo nghĩa không xa,
Đi mô cũng ghé vô nhà,
Trước thăm thầy với mẹ, sau là thăm em.

đi nhởi : đi dạo chơi.

Thương em từ thuở lên ba,
Mẹ bồng đi nhởi, anh bẻ hoa em cầm.

đĩa : chỗ đất trũng ở ngoài đồng ruộng.

Chàng :

Thương thì nấp đây, dây phong,
Không thương thì em nói lại rõ lòng anh hay ?

Nàng :

Em thương anh không biết làm sao,
Muốn múc nước vô đĩa làm ao trầm mình !

điều : màu đỏ thắm.

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người quân tử khấn điều vắt vai.*

điều chi : điều gì, chuyện gì.

1/ *Em tới nơi đây, quen xóm lạ làng,
Có điều chi sơ hở, cây chàng bấm thuta.*

(Hò già gạo)

2/ *Trai ở bạc lấy vôi mà tạc,
Gái ở bạc lấy đá mà ghi.
Nào ai ăn ở điều chi,
Dưới có Diêm Vương thập điện, trên có thiên tri quỷ
thần.*

3/ *Một khoan, hai khoan, ba bốn xin khoan, mời nàng ở lại,
Có điều chi không phải, cho tôi phân giải đôi lời.
Quen nhau chưa ráo mờ hôi,
Chưa xong cối gạo, đã nỡ chia đôi nẻo đường.*

(Hò già gạo)

điu : diu; dựa vào nhau để di chuyển.

*Hai ta như rắn liu điu (1),
Nước chảy mặc nước, ta điu lấy nhau.*

(1) liu điu : một loại rắn nước. Rắn liu điu tiêu biểu cho hạng người thấp hèn.

đó : dụng cụ bắt cá.

*Trời mưa trời gió,
Vác đó ra đơm.
Chạy vô ăn cơm,
Chạy ra mất đó.
Kể từ ngày xa đó (1), đó ơi,*

Đó (1) không phân qua nói lại vài lời cho đây (2) hay.

(1) đó : anh (hay em).

(2) đây : em (hay anh).

đó : anh (hay em).

1/ *Qua cầu lật ván tháo đình,
Đó đà ở bạc với mình thì thôi.*

2/ Chàng :

*Chiều chiều mây phủ đá bia,
Đá kia mây phủ, cô kia mất chồng !*

Nàng :

*Mất chồng em chẳng có lo,
Sợ đó mất vợ, nằm co một mình !*

3/ *Trăm năm đá nát vàng phai,
Để cho đó găm thử ai bạc tình ?*

đó, đây (đây, đó) : anh, em (hay em, anh).

1/ *Ai làm cho đó xa đây,
Cho chim chèo bẻo xa cây măng vòi ?
Thà rằng chẳng biết thời (1) thôi,
Biết rồi mỗi đứa mỗi nơi thêm sầu.*

(1) thời : thì.

2/ *Biết là đó có thương đây,
Để đây thương trả, nợ vay không lời.*

3/ *Đó buồn có chốn thờ than,
Đây buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya.*

4/ *Đó buồn đây nở vui chi,
Đó sa nước mắt, đây có khi tủi thềm.*

5/ *Lời thề trước miếu sau đình,*

Đây chưa bỏ đó, đó đành bỏ đây.

6/ *Mừng đó ở đây, đây có bạn,
Lòng đây mến đó, đó hay không ?*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

7/ *Vì ai nên đó xa đây,
Nên con chim phụng xa cây ngô đồng.*

8/ *Vì ai nên đó xa đây,
Như con chim quế xa cây nhãn lồng.*

đò : thuyền chở khách trên sông.

Chàng :

*Anh về cửa ván đóng đò,
Trước đưa quan khách, sau dò ý em.*

Nàng :

*Ý em, em ở khó dò,
Bắc cầu khó bắc, đưa đò khó đưa.*

đò đưa : làm nghề chèo đò đưa khách.

*Gái khôn tránh khỏi đò đưa,
Trai khôn tránh khỏi vợ thừa người ta.*

đoái nhìn : quay lại nhìn, ngoảnh lại nhìn.

*Núi Ngự Bình mơ màng trắng gió,
Niềm tâm sự ai thấu rõ cho mình.
Đoái nhìn sông Hương nước chảy xinh xinh,
Sông bao nhiêu nước, dạ em si tình bấy nhiêu.*

đòi chi : muốn gì.

1/ *Phụ mẫu đòi chi thì anh đi đủ,
Một giỏ hột xoài, một oai hột mít,
Một vít khoai lang, một sàng đậu rá,*

Một tá cân môn, một còn dưa cải,
Một nải chuối chát tra,
Một ổ trứng ung, một thùng mắm thúi,
Một cùi ca-rốt, một ô gạo xác.
Em về thưa với cha với mẹ,
Hai mươi cho anh thách bày.

2/ Phụ mẫu em nghèo chẳng dám đòi chi,
Đòi nếp hương đôi thúng, đậu phụng đôi ang (1),
Khoai lang đôi rổ, vịt nổ đôi con,
Rượu ngon đôi bát, trà hương bát ngát, đường
cát đậu xanh,
Gạo lương mảnh đừng cho lộn vỏ.
Anh lui về thưa thầy với mẹ có bằng lòng không?
Để em vô kết nghĩa tam tòng cùng anh.

(1) ang : ảng; lu miệng rộng, thành lu hơi phình ra.

3/ Trời đông ngày ngắn, đêm dài,
Vợ ho một tiếng, bầm bà đòi chi.

đòi đoạn : đày đọa, chịu cảnh khổ sở.

Thương nhau hoài, nhớ nhau mãi,
Mấy lời sơn hải, quyết trái gan vàng.
Tơ bao đoạn, đòi đoạn lan tư lan.
Thiếp băng ngàn, lời thệ hải minh sơn, xin đá tạc
niềm đơn.
Khi ăn ở, khi than thở, với bạn hơn thiệt hơn.
Giấc mơ màng, mừng tượng (1) loan bóng loan.
Bóng trắng tàn hột lựu (2) nhỏ chứa chan, sầu
tình tự đa đoan.
Năm canh chạnh, em ôm gối lạnh, cảm cảnh
thương người thương.
Thương vì bạn dày nắng sương tuyết sương.

Một mai (3) ròi, dầu lạt phẩn phai hương, xin
 thủy trọn cùng gương.
 Đôi mình đây, như ngày trước Kim Lang,
 Kiều nương (4), lúc đoan trường gánh nặng oan ương.
 Sầu tình tự đã đoan, thở thở than.
 Chim nhận, đến gửi lời thăm, tri âm chút tình.
 Đêm thanh, vắng tin người ngọc, trần trọc, lụy
 nhỏ canh năm canh.
 Đêm khuya, nghe tiếng oanh kêu sầu,
 Đưa tin nhận cạn mấy lời trước sau.
 (Thương nhau hoài. Khuyết danh. Điệu Tú Đại Cảnh)

- (1) mừng tượng : mơ tưởng.
- (2) hột lụy : giọt nước mắt.
- (3) một mai : mai sau.
- (4) nương : nàng.

đội : cái chén lớn làm bằng đất nung.

Cái của một đồng, cái công một gói,
 Miếng ăn khi đói, bằng đội khi no.
 Ông Hàn Tín khi cơ cần lộ đồ,
 Một chén cơm bà Phiếu Mẫu, giá cũng so
 như ngàn vàng.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

đội đất mâm đan : đội đất là chén lớn làm bằng đất nung;
 mâm đan là cái mâm làm bằng tre già, còn gọi là cái trệt.

Người ta giàu sang thì ăn đũa trác bịt bạc,
 Khó như đôi đũa mình thì đội đất mâm đan.

đòn tay : thanh gỗ hay đoạn tre đặt trên kèo để nâng mái nhà.

Có cột nỏ có (1) đòn tay.

Có tau mà nỏ có mi (2) thật buồn.

(1) nỏ có : chẳng có, không có.

(2) mi : mây.

đồng đánh : chậm rãi.

*Gió đưa mây, mây lên rục rũ,
Ba (1) kia cười hớn hỡ mùi hương.
Rượu kinh kiên đem rót chén quỳnh hương,
Giọng cười đồng đánh, ta thương chút tình.*

(1) ba : hoa.

đồ màu : đồ gia vị.

Nàng :

*Em nấu cơm quên đơm (1) vào rá (2),
Em kho cá quên bỏ đồ màu.
Ra lấy chõng sợ nổi làm dâu.
Em đây vụng đường nội trợ, e mai sau anh buồn.*

Chàng :

*Canh cá không ngon, miệng giòn (3) là đắng,
Dù ai nói muối mặn, mình cứ bảo muối cay.
Quyết lòng gá nghĩa sum vầy,
Thân phụ già có chê chua chê chát, đã có anh đây đỡ*

lời.

(1) đơm : xới.

(2) rá : cái rổ nhỏ.

(3) giòn : khéo nói.

đổ : chảy mạnh.

Nàng :

*Đứng bên ni sông, thấy thuyền năm ván,
Đứng bên tê quán, thấy quán năm căn.
Quán năm căn còn chờ người, không mở,*

*Thuyền thục nữ để chở người thương.
Một thương, hai thương, ba thương, bốn nhớ,
Ai làm cho dang dở duyên mình.
Trách ông tơ hồng, bà nguyệt lão không
phân minh rõ ràng !*

Chàng :

*Dãy dọc tòa ngang, giàu sang có số,
Kim Long, Bạch Hổ, nước đổ về Sinh,
Đôi đưa mình chút nợ ba sinh,
Dẫu có xa nhau đi nữa, cũng nhớ chút tình viếng thăm.*

đối đặng : giải đáp được.

1/ Nàng :

*Em đi qua đò quán **Hàu**,
Em gặp một o đội nón xoáy **ốc**,
Tay bắt **hến**,
Miệng hát **nghe**u ngao.
Trai nam nhi anh **đối đặng**, em sẽ mở lời chào đón anh.*

Chàng :

*Anh đi qua đò chàng **ch**,
Anh gặp ông xã **Cóc**,
Tay xách xâu **nhái**,
Đi bán chợ Mỹ **Hương**.
Trai nam nhi anh **đối đặng**, lời chào nợ em hãy
mở đường cho anh.*

2/ Nàng :

*Gái **Ba Nguyệt** tắm sông **Ba Nguyệt**,
Hai chữ nguyệt ghép lại thành chữ **bằng** (1).
Bằng là bằng hữu, giao là chi giao.
Trai nam nhơn **đối đặng**, thiếp (2) xin trao*

một lượng vàng.

Chàng :

Trai Kỳ Sơn ngắm cảnh Kỳ Sơn,

***Hai chữ sơn** ghép lại thành chữ **xuất**,*

Xuất là xuất nhập, giao là chi giao.

*Trai nam nhen đổi đặng, thiếp phải trao một lượng
vàng.*

(1) bằng : bạn.

(2) thiếp : em.

đổi : quăng đường.

Thiếp với chàng đương (1) vui đương về,

Ai ngờ cách một phút đồng hồ chia rẽ nhau ra.

Cúi đầu lạy mẹ cùng cha,

Cho con đưa chồng con lên một đổi đến ga con về.

(1) đương : đang.

độn : đòi, gò.

Đói lòng lên độn ăn sim,

Xuống khe gánh nác (1), đột (2) chìm gióng trôi.

(1) nác : nước. (2) đột : lu nhỏ, vại nhỏ, chum.

đồng bạc trắng : đồng bạc Đông Dương, đơn vị tiền tệ ngày trước ở Đông Dương.

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,

Sông An Cựu nắng đục mưa trong.

Trách ai một dạ hai lòng,

Tham đồng bạc trắng, nữ phụ lòng dân đen.

đồng rạ : cánh đồng chỉ còn rạ sau khi gặt xong. Rạ là phần gốc của cây lúa.

Gặt rồi đồng rạ trơ vợ,

*Xẹo xiên trơ gốc lơ thơ như chợ chiều.
Em với anh một mến hai yêu,
Đồng không chẳng quản mà chợ chiều cũng không quen.*

đồng tiền chiếc đũa bẻ đôi : biểu thị sự chia ly.

*Đồng tiền chiếc đũa bẻ đôi,
Anh về lấy vợ cho tôi lấy chồng.*

đột (từ cổ) : may, khâu, vá.

*Áo anh ai cắt ai may,
Đường tà ai đột, cửa tay ai viền ?*

đột : cái lu nhỏ, cái chum.

*Đột nác (1) ngoài cươi (2) hứng đã bư (3),
Nồi cơm côi (4) núc (5) lả (6) đun vừa,
Trách (7) cá trả (8) keng (9) bù (10) nêm mồi (11).
Rào (12) sau xác (13) nạng (14) đặng (15) ngơi (16) trư.*

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| (1) nác: nước. | (2) cươi: sân. |
| (3) bư: vừa. | (4) côi: trên. |
| (5) núc: bếp. | (6) lả: lửa. |
| (7) trách: niêu đất. | (8) trả: nồi đất. |
| (9) keng: canh. | (10) bù: bầu. |
| (11) mồi: muối. | (12) rào: sông. |
| (13) xác: giặt. | (14) nạng: quần. |
| (15) đặng: để. | (16) ngơi: nghỉ ngơi. |

đỡ mình : làm cho bớt đau.

*Anh trở lui về trồng cây trác bá,
Để khi mô đau đầu, nghệt mũi, có ngọn lá đỡ mình.*

đợ : giúp đỡ.

Chàng :

*Ngó gia đình bên thiếp (1) thấy mạ tóc bạc tuổi
tác cao niên,
Em không ra lấy chồng mà kiếm chút tương lai.
Cứ ôm duyên thủ tiết rúa (2) hoài em ơi.*

Nàng :

*Anh ngó gia đình bên thiếp không có em gái
nỏ (3) có chị dâu.
Một chắc (4) thầy với mạ như lửa với dầu,
Em ở làm ri (5) đợ tay thay việc cho trọn câu hiếu tình.*

- (1) thiếp : em.
- (2) rúa : như thế.
- (3) nỏ : chẳng.
- (4) một chắc : một mình.
- (5) ri : thế này.

đom : bắt cá.

*Chàng ràng (1) như cá trong nơm (2),
Nhiều con anh rạng (3), biết đom con nào ?*

- (1) chàng ràng : lãng xãng.
- (2) nơm: dụng cụ làm bằng tre già dùng để bắt cá trên đồng ruộng nước.
- (3) rạng : hoa mắt.

đờn : đàn.

- 1/ *Ai làm cho đó xa đây,
Cho chàng xa thiếp, cho dây xa đờn.*
- 2/ *Có cha, có mẹ thì hơn,
Không cha, không mẹ như đờn đứt dây.*
- 3/ *Con chim xanh xanh ăn trái xoài xanh,
Ăn no tám mát đậu cành mầu đơn.
Bạn nghe không rõ bạn hờn,
Dạ qua ở thẳng như đờn năm dây.*

- 4/ Dạ em đây ở thẳng như đòn,
Lòng anh cong queo, thất hơn quá trời.
- 5/ Lòng lại dạn lòng ở cho bền bỉ,
Dạ lại dạn dạ ở cho chí đỉnh cao sơn.
Em chớ nghe tiếng sáo mà bỏ tiếng đòn,
Chớ tham giàu bỏ bạn, tham hơn mà bỏ chàng.
- 6/ Chàng :
Ơi người thực nữ hồi gia,
Tại căn duyên em trắc trở hay tại người ta bạc tình ?
- Nàng :
Bạc tình chi lắm ân nhân,
Chưa bao lắm ngày tháng đã thay đòn đổi dây.
- 7/ Rượu kim lang ve vàng chước tửu,
Em mở miệng chào bạn hữu tương tri.
Bá Nha vắng mặt Tử Kỳ,
Ôm đòn luống chịu sầu bi một mình.
- 8/ Thử vàng, thử lửa, thử than,
Đòn kêu thử tiếng, người ngoan thử lời.

đụn : đồng.

- 1/ Nàng :
Anh chê em khó (1), lui về lấy đó giàu sang,
Mấy lâu ni (2) đã làm nên đụn bạc non vàng nào chưa ?
- Chàng :
Khốn (3) than, khốn thở, lỗ hội phân trần,
Tóc không xe mà tóc rối, ruột không dần (4) mà ruột đau!
- Nàng :
Ruột đau chi nữa (5) mà đau,
Anh đã phụ khó tham giàu thì thôi.

(1) khó : nghèo khổ.

- (2) lâu ni : lâu nay.
(3) khốn : trong tình trạng khó giải quyết.
(4) dằn : đánh.
(5) chi nữa : còn gì nữa.

2/ *Số giàu lấy khó cũng giàu,
Số nghèo chín đụn (1) mười trâu cũng nghèo.*

- (1) chín đụn : chín đồng rơm.

đựng : thẳng đứng.

*Đứng bên ni khe ngó qua bên tê khe,
Thấy bụi tre, bụi trùta, bụi đứng.
Ngó xuống dưới sông có mấy hòn đá,
Hòn đựng, hòn nằm.
Thiếp với chàng là đạo nghĩa trăm năm,
Đâu mai sau không thành chồng vợ,
Sớm viếng tới thăm cũng tình.*

đứng đầu tiên chinh : đứng trước mọi người.

*Khi làm chẳng thấy gã đầu,
Khi ăn thấy gã đứng đầu tiên chinh.*

đứng xa xa : đứng chỗ hơi xa.

*Thương em hãy đứng xa xa,
Con mắt anh liếc cũng bằng ba đứng gần.*

đường dây múi chỉ : công việc của người đàn bà Việt-Nam ngày xưa. Ý muốn nói đàn bà con gái.

Chàng :

*Đến đây hỏi bạn một lời,
Đường dây múi chỉ có người nào chuta ?*

Nàng :

*Anh hỏi thì em xin thưa,
Xa gần đã có mà chửa vừa lòng.*

đường hoàng : đường hoàng, tử tế.

Nàng :

*i anh ơi, hai ngang hai phết,
Em mới kết lại thành thiên.
Ai mà vắn nho trời lên chút nữa, ai võ biên xin lui (1).*

Chàng :

*Em ơi, chữ thiên đây chửa tròn nét ngược,
Chữ liễu kia sao lại trở vạch ngang (2) ?
Em trở về thưa với thầy mẹ cho đường hoàng,
Có chi đi nữa cũng để cho chàng liệu lo.*

(Hò trêu ghẹo)

(1) Hai ngang hai phết là chữ thiên, nếu nét dọc kéo lên một chút nữa thì thành chữ phu. Chữ phu là chồng.

(2) Chữ liễu có thêm gạch ngang là chữ tử. Tử là con. Ý chàng muốn nói : cô gái đã có thai.

đường quan : đường cái quan, con đường chính.

*Đường quan vừa rộng vừa dài,
Mặc lòng ông ký (1), ông cai đi về.*

(1) ông ký : ông thư ký; ngày xưa gọi là ông ký lục.

đượm đượm : thắm đậm, đậm đà.

*Trai thương gái lẳng xăng như bướm,
Gái thương trai đượm đượm như dầu.*

E, Ê

e : còn ngại.

1/ *Đêm đông nhớ bạn ra vào,
Lá gan bào, ruột quặn (1).
Vì cảnh ngộ phải ra đi, cách trở non sông.
Thăng Long nọ (2) có vui không ?
Chốn Hương Bình em vội vội (3) ngồi trông!
Dầu cách mặt tri âm, em cứ giữ dạ,
Dạ đồng tâm đồng.
Những e cho đó quên lời cùng hẹn,
Không thấu nỗi cho tình đây,
Đất khách mệnh mỏng,
Tưởng thêm đau lòng,
Luống những ngồi trông, trần trọc canh chong.
Gió như đồng, lạnh lẽo phòng không.
Xót xa tấm lòng,
Trách con Tào đem lòng cay nghiệt (4).
Dầu cách trở phương xa,
Giữ một lòng, chẳng dám sai ngoa.
Ai không tỏ cho lòng ta,
Xét soi có trắng già !*

(*Đêm đông nhớ bạn. Khuyết danh. Điệu Nam Ai*)

(1) quặn : đau thắt, đau xoắn, đau xoáy.

(2) nọ : kia.

(3) vội vội : vội vội; rất xa.

(4) cay nghiệt : khát khe, độc ác.

2/ *Hỡi anh ơi, anh về thăm mẹ e lâu,
Để khăn vương anh lại, em làm gối kê đầu
kẻo nhớ thương.*

(Hò già gạo)

3/ Nàng:

*Thân em như trái vả non,
Ăn thì được đó, ẹ còn hôi hăng.*

Chàng:

*Lo chi một nỗi hôi hăng,
Đá trên muối dưới anh dần hết hôi.*

(Hò trêu ghẹo)

4/ Xa xôi đi nỏ đến nơi,

Gởi thơ ẹ lậu, gởi lời ẹ quên.

e : có lẽ.

Tới đây (1) đầu lạ sau quen,

Quen người,

Mở miệng cười quen tiếng,

Đào mận quen hơi.

Chuông vàng, khánh ngọc quen lời.

Đó quen đây (1), ẹ cũng có Trời,

E Trời xui khiến.

Yến thương oanh, oanh càng thương yến,

Minh lại thương mình.

Cái thương lận đận (2) chung quanh,

Đèn thương bóng, dưới trăng thương hình.

Một mối tình chia đôi,

Cân lại càng thêm nặng.

Bạn mình ơi,

Vậy thời (3) thôi,

Thương nhau cho rồi.

(*Tới đây đầu lạ sau quen.* Ứng Bình Thúc Giạ. Điệu Nam Bình)

(1) đây : đây.

(2) lận đận : gặp nhiều khó khăn.

(3) thời : thì.

eng : anh

1/ *Bần cư náo thị vô nhân vấn (1),
Phú tại thâm sơn hữu khách tâm (2).
Ai tâm, đây em cũng không làm,
Tam đẳng nhân, tam đẳng vật,
Eng chó có làm ai cũng như ai.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) vấn : hỏi han.

(2) tâm : tìm kiếm.

(Câu 1 và câu 2 : Nghèo mà ở nơi chợ đông người cũng không ai hỏi thăm; giàu mà ở nơi rừng sâu vẫn có người tìm đến).

2/ *Mọt măng là mọt măng tre,
Eng tẻ dỏ dỏ (1) mà ve mẹ dòng (2).*

(1) dỏ dỏ : nhỏ nhỏ.

(2) mẹ dòng : nạ dòng; đàn bà lớn tuổi đã từng có chồng.

ết : ếch.

1/ *Chàng ràng như ết hai hang,
Như chim hai tổ, như nàng hai nơi.*

2/ *Của Trời, Trời lại lấy đi,
Giương hai mắt ết làm chi được Trời.*

3/ *Còn duyên kén cá chọn canh,
Hết duyên ết đực, rạm đồng cũng vợ.*

G

gá nghĩa : gấn bó tình duyên.

*Hết dầu đèn cháy tới tim,
Một ngày gá nghĩa cũng niềm phu thê.*

gái tơ : người con gái còn non trẻ.

*Murop già thì murop có xơ,
Ông già lắm của gái tơ thiếu gì.*

gài : cài.

*Đêm năm canh, cửa đóng then gài,
Người trong ơi hỡi, có tưởng đến người ngoài hay không.*

gánh lấy : nhận lấy.

*Thầy mẹ đánh thiếp, chàng đứng chàng coi,
Rằng chàng không vô gánh lấy ngọn roi cho thiếp nhờ.*

gành : ghềnh .

1/ *Chiều chiều mây phủ i Vân,
Chim kêu gành đá, tử thân mà buồn.*

2/ Nàng :

*Em cũng liều sống chết tại đầu gành,
Ba kim có gãy, bướm mới đành phận bay.*

Chàng :

*Thiệt như lời ấy anh chờ,
Dầu mà tóc bạc như tơ cũng đành.*

gạo de An Cựu : tên một loại gạo ngon thơm trồng trên cánh đồng An Cựu, thường để vua ăn. Sau 1975, cánh đồng An Cựu không còn nữa.

*Tôm rần lột vỏ bỏ đuôi,
Gạo de An Ctu em nuôi mẹ già.*

gạo hỏ rần : gạo hỏ rần màu đỏ còn gọi là gạo Chiên hay gạo Chiên Đạo; hơi ngọt, hơi cứng, thơm, ngon.

*Gạo hỏ rần mười hai lon tộn (1),
Gạo Tiên Nộn (2) mười bốn lon bằng.*

(1) lon tộn : lon sữa bò nông đáy để chứa nhiều gạo hơn.

(2) Tiên Nộn : cánh đồng ruộng Tiên Nộn đối diện với làng Bao Vinh bên kia sông.

gảy đàn : đánh đàn, chơi đàn.

Nàng :

*Xưa kia ai gảy đàn cầm,
Cuộc cờ ai đánh dưới trần gian nguy;
Ai mà tài đặt thơ ri,
Ai mà uống rượu chín mươi bì không say ?
Mong anh nói lại em hay,
Em lui về lấy nhẫn đeo tay cho liền.*

Chàng :

*Xưa ông Bá Nha gảy đàn cầm,
Cuộc cờ Đế Thích đánh, dưới trần gian nguy;
Tài Lý Bạch hay đặt thơ ri,
Lutu Linh uống rượu chín mươi bì không say.
Chàng đà nói đặng, thiếp tính rằng đây thiếp hề!*

(Hò già gạo)

gặm : khới.

*Bao giờ cho mía đơm bông (1),
Cho chị có chồng em gặm dò heo (2).*

(1) đơm bông : nở hoa.

(2) dò heo : giò lợn.

gặp chắc : gặp nhau.

*Mấy lâu ni thiếp quê Nam, chàng quê Bắc,
Nay chừ gặp chắc giữa chốn quê Đông.
Gặp anh đây giữa chốn hội đồng,
Cho em trộm lời hỏi thiệt : thầy với mẹ
định chốn mặn nồng nơi mô ?*

(Hò già gạo)

ghe (từ cổ) : nhiều.

*1/ Con nước lửa người bề khổ ngự,
Cũng ghe phen cứu tử hoàn sinh.
Những loài ác thú sơn tinh,
Ra oai lại hiển phép linh khử trừ.*

(*Văn châu Đức Thiên Y Thánh Mẫu. Câu: 109 đến 112. Khuyết danh.
Châu Văn Huế*)

*2/ Chồng khôn vợ đặng (1) đi giày,
Vợ khôn chồng đặng ghe ngày cày trồng.*

(1) đặng : được.

ghe : thuyền lớn.

*Đêm khuya nghe giọng anh hò,
Tưởng ghe quan lớn, không dè (1) đò bán than !*

(1) không dè : không ngờ.

ghe bầu : thuyền có phần phía sau lái rộng hơn phía trước.

*Ghe bầu trở lái về đông,
Con gái theo chồng mẹ ở với ai ?*

ghè : cái lu nhỏ, cái vại nhỏ.

*Nước trong khe chảy ra róc rách,
Anh đây hứng lấy vại ghè,*

*Để khi mù nhạc (1) qua thăm rể,
Nấu nước chè xanh mù uống chơi.*

(1) mù nhạc : bà gia.

gheo trai : trêu chọc, đùa cợt với đàn ông.

*Ghét thay con gái Phong Chương,
Đầu thì tóc kẹp, ra đường gheo trai.*

gia nương : gia đình chồng.

*Cực lòng em mới ra đi,
Bởi gia nương hà khắc,
Chồng con thác mắc lăm lời.
Em cũng muốn vô lòn ra cúi,
Không muốn nhiều lời làm chi.*

già lời nói : nói đi nói lại nhiều lần.

*Chương già đồng điệu (1) chương rền,
Anh già lời nói, em xiêu tấm lòng.*

(1) già đồng điệu : nhiều đồng nguyên chất.

giả đồ : giả bộ, giả vờ, làm như thiệt.

1/ Nàng :

*Cửa nhà gia thế thế nào,
Răng tới đây anh ở lân la không về ?*

Chàng :

*Anh tới nơi đây nhám hương đắp nèn,
Lập vườn trồng đậu, giả đồ quên không về !*

2/ Giả đồ mua kế bán chanh,

Giả đi đòi nợ thăm anh kéo buồn.

3/ Giả đồ buôn hẹ bán hành,

Ghé vô chợ Cống thăm anh kẻo buồn.

4/ *Giả đồ buôn hẹ bán hành,
Ghé vô trường học thăm anh kẻo buồn.*

5/ *Giả đồ nói chuyện gì đâu không,
Thiệt tủi cho em tiếng có chồng.
Tối đó chờ hoài sang sáng sớm,
Đêm kia đợi mãi đến hừng đông.
Hôm nay chẳng chịu ôn bài vở,
Mai mốt làm sao có chút bông ?
Ông xả mình ơi, xin thức dậy,
Chiều em một chút có được không ?*

giả lơ : làm như không biết.

Chàng :

*Bắp non xao xác trở cờ (1),
Người thương đứng đó, rằng giả lơ không chào ?*

Nàng :

*Đó đã được chốn giàu sang,
Đây lơ đi (2) cũng phải nỏ chào mần chi (3).*

(1) bắp trở cờ : bắp nở hoa.

(2) lơ đi : lò đi, coi như không biết.

(3) mần chi : làm gì.

giả như : ví như, giống như.

*1/ Anh đi biệt dặm mây mù,
Giả như con ve ve kêu mùa hạ,
Biết mấy thu cho gặp chàng ?*

*2/ Gái Trườn làm bạn với trai Dinh,
Giả như Phu Văn Lâu đứng sánh núi Ngự Bình
xứng không ?*

3/ Con cá thia thia mắc câu Hàn Tín,
Con chim đại bàng mắc ná Thạch Sanh.
Đố em thoát khỏi tay anh,
Giả như Triệu Tử (1) xuống phá thành Châu Do (2).

(1) Triệu Tử : Triệu Tử Long.

(2) Châu Do : Chu Du. (Triệu Tử Long và Chu Du là hai nhân vật trong Tam Quốc Chí).

4/ Mẹ già gần đất xa trời,
Giả như ngọn lá vàng treo trước gió không biết
rơi khi nào.

5/ Tham giàu phụ khó ai khen,
Giả như châu chấu thấy rặng đèn nháy vô.

6/ Thương nhau nên phải giấu lời,
Giả như con cá mắc cạn chờ trời mưa sa.

giác : hào; một giác bằng 10 xu.

1/ Cau Nam Phổ mỗi trái một giác,
Trầu chợ Dinh mỗi lá một tiền (1).

(1) tiền : đơn vị tiền tệ của Việt Nam thời xưa.

2/ Sớm mai em buôn mớ (1) gạo,
Buổi chiều em lại tạo mớ trầu.
Tai nghe anh ngỏ bệnh đau đầu,
Em bán buôn chi cũng bỏ, lại hầu thuốc thang.
Anh đau thương hàn nhập lý, em nuôi hết ý tận tâm,
Mỗi ngày mỗi bát gà hầm,
Con bò câu năm giác đi tầm (2) mà mua.

(1) mớ : tập hợp những cái cùng loại.

(2) tầm : tìm.

giải đặng : giải đáp được.

1/Nàng :

Con chi (1) trên rừng chỉ ăn không uống ?

Con chi dưới ruộng có uống không ăn ?

*Trai nam nhơn (2) giải đặng, dầu khó khăn em
cũng chịu cùng.*

Chàng :

Con mọt trên rừng chỉ ăn không uống,

Con đĩa dưới ruộng có uống không ăn.

Trai nam nhơn giải đặng, chịu khó xin mời về với anh.

(1) chi : gì.

(2) nam nhơn : nam nhi.

2/ Nàng :

Cây chi trên rừng không lá ?

Cá chi dưới biển không xương ?

*Trai nam nhơn giải đặng, thiếp xin kết nghĩa
tao khang (1) với chàng.*

Chàng :

Cây xương rồng trên rừng không lá,

Con sứa dưới biển là cá không xương.

*Anh đà đối đặng, em phải kết nghĩa tương thường
với anh.*

(Hò già gạo)

(1) tao khang : tao là bã rượu, khang là cám gạo. Tao và khang là hai thứ đồ ăn của người nghèo. Nghĩa bóng: tình nghĩa vợ chồng gắn bó nhau từ thuở còn nghèo khổ đến khi giàu có.

giại : bãi đất chôn người chết.

Chợ Đông Ba đem ra ngoài giại,

Cầu Trường Tiền đúc lại xi-mon (1).

Ơi người lỡ hội chồng con,

Về đây gá nghĩa vương tròn với ta.

(1) xi-mon : xi-măng. Việt hóa chữ ciment, tiếng Pháp.

giáo bột : quấy bột trong nước cho nhuyễn.

*Giả giọng hoàng oanh kêu chị bánh canh Nam Phổ,
Cho em biết tên, biết họ, biết cửa ngõ, biết nhà.
Biết thêm nẻo lại đường qua,
Em học nghề giáo bột, rải nhụy hoa tươi màu.*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

giày bừa : hành hạ, giày vò.

*Trách cái phận,
Giận cái duyên,
Ba cái râu mọc sớm,
Để gái thuyền quyên giày bừa.*

gieo neo (tù cổ) : gian nan vất vả.

*Tháng năm ra đứng ngõ Âm Hồn (1),
Thấp hương van vái ai khôn thì về.
Về thời thăm quán cùng quê,
Đừng quệt ông già, thoa con nít, nhiều bề gieo neo.*

(1) Âm Hồn : am thờ linh hồn người chết trong những ngày Thất Thủ Kinh Đô Huế, cái am này nằm ở ngã tư của hai đường Mai Thúc Loan và Lê Thánh Tôn.

gió đập sóng dồi : gió thổi mạnh, sóng lô nhô.

*Ngó lên trời, thấy sao đời vật đổi,
Ngó xuống nước, thấy bè nổi hoa trôi.
Mênh mông gió đập sóng dồi,
Trên thuyền hiu quạnh em ngồi trông anh.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

gióng giả : vội vã, hối hả.

*Nghe anh gióng giả ra về,
Cũng bằng lửa đốt tứ bề lưng em.*

giùm : giúp.

*Mẹ già là mẹ già chung,
Anh lo thang thuốc, em giùm cháo cơm.*

giường thờ : bàn thờ.

1/ Nàng :

*Ba mươi anh không đi Tết,
Mồng một anh không tới lạy giường thờ.
Hiếu trung chi anh nữa mà bảo em chờ cho uống công.*

Chàng :

*Ba mươi, anh mắc đóng hương án,
Mồng một, anh lo hầu ngài ngự (1) Nam Giao.
Hiếu trung bên anh còn bỏ, hướng chi (2) bên nàng,
nàng ơi !*

(1) ngài ngự : vua.

(2) hướng chi : hướng hồ.

2/ *Mình về mình nhớ ta không?*

*Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.
Năm quan mua lấy miệng cười,
Mười quan không tiếc, tiếc người tình nhân.
Người tình nhân ta để trên coi,
Nấp vàng đây lại để nơi giường thờ.
Đêm qua ba bốn lần mơ,
Chiêm bao thì thấy, dậy sờ (1) thì không !*

(1) sờ : sờ mó.

3/ *Thầy cúng ngồi cạnh giường thờ,*

Mồm thì lẩm bẩm, tay sờ đĩa xôi.

giặt : giặt.

*Ai về nhẩn với ông câu,
Cá ăn thì giặt, để lâu hết mùi.*

gối luông : gối dài.

*Năm ni mùa màng thông thả, cho em mượn
bút nghiên, em tả (1) đôi câu.
Gửi lời qua thăm bạn kéo sào,
Gối luông chẳng đặng kê đầu thì thôi.*

(1) tả : viết.

gông : dụng cụ thời xưa dùng để đeo vào cổ phạm nhân.

*Đêm khuya mộ dạ (1),
Ai cho người lạ đáo tới phòng trung (2).
Hỏi anh có sợ hay không,
Em la một tiếng, họ đóng gông anh liền.*

(1) mộ dạ : đêm tối.

(2) phòng trung : buồng dành cho đàn bà con gái.

gỏi : gửi.

1/ *Chim khôn làm tổ lựa cành,
Gái khôn tìm chốn trai lành gỏi thân.*

2/ *Gỏi lời thăm huệ, viếng lan,
Tốt tươi cho biết, khô tàn cho hay.*

3/ **Chàng** :

*Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nắng đục mưa trong.
Đưa tay trao bức thư phong,
Hỏi thăm bên bạn đã bằng lòng ai chửa ?*

Nàng :

Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,

Sông An Cựu nắng đực mưa trong.
Em đây vốn thiệt chưa chồng,
Núi cao sông rộng, biết gởi lòng cùng ai ?

(Hò già gạo)

4/ Xa xôi cũng muốn gởi thư về,
Gởi thư sợ lộ, gởi lời về sợ quên.

)

H

hàm côi : hàm răng trên.

Em khéo phỉnh phờ,
Anh bỡ ngỡ như trâu mất hàm côi.
Nay chừ (1) lo đường duyên nợ,
Anh biết đứng ngồi với ai.

(1) nay chừ : bây giờ.

hàng xứ : ở nơi khác, quê người.

Đói khổ xứ làng (1),
Còn hơn giàu sang hàng xứ.

(1) xứ làng : quê nhà.

hay chữ : học rộng.

1/ Đêm nằm nghĩ lại mà coi,
Lấy chồng hay chữ như soi gương vàng.

2/ Nàng :

Tiếng đồn anh hay chữ,
Cho em hỏi thử đôi lời.
Ngày xưa ai câu sông Vĩnh,
Ai cày núi Lịch Sơn ?

Chàng :

*Em hỏi ra, anh xin đà nói thiệt,
Ngày xưa vua Nghiêu câu sông Vịnh,
Vua Thuấn cày Lịch Sơn.*

hay mô : ngờ đâu.

1/ *Giấc thần mộng mơ màng trên gối,
Lắng tai nghe lắm nỗi đoạn trường.
Ai hay mô mỗi đứa mỗi đường,
Để duyên xa nợ cách, nhớ thương mà hao mòn ?*

2/ *Thiếp ngỡ theo chàng cho đến đầu râu tóc bạc,
Đá tạc thành bia,
Không hay mô sớm kết, tối lia,
Bỏ nỗi sầu cho thiếp giải đêm khuya một mình.*

3/ *Chàng :*

*Thiếp với chàng xưa kia tưởng đi chung một kiếp,
Ai hay ông Trời phân biệt mỗi đứa một đàng.
Chậu ngả đường chậu, cây da vàng theo cây !*

Nàng :

*Tưởng theo nhau đến bách niên giai lão,
Không hay mô duyên nợ chùng này đà phân áo rẻ ban.
Duyên em hư đành phận, cũng vọng cầu cho anh nên.*

4/ *Tưởng là đó nhúm dây nhen,
Hay mô đó bạc, dây hèn thì thôi.*

hăm ba : hai mươi ba.

1/ *Mồng năm, mười bốn, hăm ba (1),
Đi chơi cũng lỗ hướng là đi buôn.*

(1) mồng năm => 5
mười bốn (14) => 1+4= 5
hăm ba (23) => 2+3= 5.

2/ Ông tha mà bà chẳng tha,
Làm cho cái lụt hăm ba tháng mười.

hăm mốt : hai mươi mốt.

Tuổi nàng đã chẵn hai mươi,
Tuổi anh hăm mốt, tốt đôi quá chừng.

hằm : sâu.

Bao Vinh cao bặt hằm bờ (1),
Ghe mành lui tới, mẹ nhờ duyên con.

(1) cao bặt hằm bờ : bờ sông thì cao, dưới chân bờ sông thì sâu.

he : ráng, bầu trời ửng màu sắc.

He vàng thì gió, he đỏ thì mưa.

hè : nhĩ (Tiếng đệm gọi sự chú ý).

Nàng :

Tiếng đồn anh đi học đã thông,
Con điều bay qua đó, có mấy cái lông anh hè?

Chàng :

Em làm răng (1) gánh nước cho khô sông,
Anh đây mới chỉ (2) cái lông con điều.

(1) làm răng : làm sao.

(2) chỉ : nói cho biết.

hẹ : một loại rau làm gia vị. Củ hẹ làm thuốc trị bệnh suyễn.

Giả đò (1) buôn hẹ bán hành,
Vô ra chợ Cống thăm anh kéo buồn.

(1) giả đò : giả bộ, giả vờ, làm như thiệt.

heo : lợn.

Gió đưa trái mít leo đeo,

Lấy vợ Thủ Lễ (1) thịt heo lảng mồm.

(1) Thủ Lễ là một xã thuộc huyện Quảng Điền.

héo don : héo queo, héo hon.

*Gió mùa Xuân rừng rưng nước mát,
Nhớ tới chàng ruột thắt heo don.*

*Gió mùa Hè tiếng ve kêu dế,
Mong nhớ chàng bóng xế trăng lu (1).*

*Gió mùa Thu mẹ ru con lú (2),
Cha con đã vui thú nơi mô ?*

*Gió mùa Đông nằm không thấy bạn,
Nhớ thương chàng nhiều đoạn đắng cay.*

(Lý Vọng Phu)

(1) trăng lu : trăng mờ.

(2) con lú : con ngủ.

hèo : cái gậy.

*Bắt ông Tư mà đánh vài hèo,
Ông xe nam xe bắc, chê tôi nghèo không xe.*

hết dạ hết lòng : tận tình, chung thủy.

*Cho dầu số kiếp long đong,
Anh cũng ở cho hết dạ hết lòng với em.*

hiện yêu : sinh chuyện bậy bạ.

*Dặn lòng em bậu đừng xiêu,
Ở nhà nuôi Thầy với Mẹ, chớ hiện yêu đi lấy chồng.*

hím hím : hai mí mắt gần sát nhau, giống như mắt con lươn.

*Những người hím hím mắt lươn,
Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người.*

hoài : mãi mãi, luôn luôn.

1/ Tóc mai sợi ngắn sợi dài,
Lấy nhau không đặng, thương hoài ngàn năm.

2/ Xa xôi gửi lời thăm,
Lúc nhẩn nhe, đôi bạn sắt cầm.
Mong kết nghĩa đồng tâm,
Với người tri-âm.
Thương nhau hoài, nhớ nhau mãi,
Thương nhau hoài, ai chớ phụ tình ai.
Duyên vầy trúc mai.
Mai trúc hòa hiệp, cùng bạn lâu dài,
Đặng lâu dài.
Thương thời xin đó đừng phai.
Ấy ai tình tự, tạc dạ chớ phai.
Chớ phai, hỡi người tình tự.

(Trai gái tự tình. Khuyết danh. Điệu Kim Tiền)

hói : con sông đào nhỏ, hẹp.

1/ Sông mô sâu bằng sông An Cựu,
Hói mô rộng bằng hói Vạn Niên (1).
Em tưởng là kết nghĩa trao duyên,
Không hay mô chàng xa thiệp cách để phiền cho em.

(1) hói Vạn Niên thuộc làng Vạn Niên, xã Dương Xuân, huyện Hương Thủy.

2/ Sông mô sâu bằng sông Cái Vạn (1),
Hói mô cạn bằng hói Vạn Niên.
Em đây có sai lời hẹn, có lỗi lời nguyên,
Trăm vui về bạn, ngàn phiền em cứ.

(1) sông Cái Vạn : một nhánh sông con của sông Hương.

3/ *Tối trời chẳng quản chi ma,
Thương nhau chẳng quản hỏi hà cạn sâu.*

hòn núi : núi nhỏ (Hòn : từ chỉ một vật hình khối không quá to lớn, như hòn bi, hòn đá, hòn núi non bộ).

*Trông lên hòn núi con Rùa (1),
Ngó xem cái tháp ngày xưa hãy còn.*

(1) núi Con Rùa : núi Linh Sơn, phía đông nam núi Túy Vân.

hóp : một loại tre nhỏ, cao chừng 8 m; mỗi lóng dài chừng 2, 3 dm.

*Trai anh hùng nho nhỏ,
Gái tục nữ con con.
Khác chi đôi đũa hóp vót tròn, lau tron.*

hổ hang : xấu hổ.

*Ngoảnh lui (1) cố quốc, ngấp ngừng gót ngọc,
Mây phủ kín trời thương, ngơ ngẩn băng khuâng.
Hoa đang độ thanh xuân, dập vùi, cứu nạn muôn dân,
Không sánh đặng (2) Chiêu Quân, cho trọn đạo
quân thần.*

*Vẻ chi một đóa yêu kiều, diễm lệ.
Vàng thau lẫn lộn, xót phận hổ hang.
Duyên nợ dở dang, ôi Phụ Hoàng !
Vị nghĩa giao bang, hiếu trung đôi đàng (3).
Thân ngọc vàng đem vùi cát bụi,
Cho rãnh nợ Ô Ly, ngậm ngùi kẻ ở người đi.
Cơn nước lửa phò nguy,
Nát thân sá gì.*

- (1) ngoảnh lui : quay nhìn về phía sau.
(2) sánh đặng : so sánh được.
(3) đôi đường : đôi đường.

hổ ngại : mắc cỡ, xấu hổ, hổ thẹn, hổ người.

Nàng :

*Tiếng đồn anh học sách kinh thi,
Con trâu đực đi theo con trâu cái, hán cười
chi rúa (1) anh?*

Chàng :

*Con trâu cái cầu lục, con trâu đực cầu tài,
Hán cũng muốn đường tử tôn miêu duệ sinh nhai,
Bởi vì hán trèo lên trượt (2) cẳng (3) trước, nên hán
hổ ngại, đứng cười !*

- (1) chi rúa : gì vậy.
(2) trượt : trượt.
(3) cẳng : chân.

hồi chừ : bây giờ.

*Sao mai đã mọc, sao hôm đã lặn,
Hồi chừ con gà lại gáy ran.
Đàn năm ba câu tình tự kéo bạn vàng ước ao.*

hồi ni : lúc này.

*Đèn ra giữa gió đèn tắt,
Đèn treo nam bắc gió giật đèn chao.
Oi người ẩn cội cây đào,
Hồi ni không vô đây mà phân giải, đợi hồi nào
mới giải phân.*

hồi tê : một thời gian ngắn về sau.

*Thiếp thương chàng, ngó nghiêng con mắt,
Chàng thương thiếp, ngó liếc con ngươi.
Đừng còn chúm chím miệng cười,
Hồi tê thế gian (1) họ nói tui với mình gái trai.*

(1) thế gian : thiên hạ.

hối : hư hỏng, khô héo.

*Ba phen trâu hối cả ba,
Phen này hối nữa thiệt là số em.*

hôm mai : cả đêm lẫn ngày.

*Một ngày còn biết ý nhau,
Huống chi kếp ở với đào hôm mai.*

hôm tê : hôm kia.

*Đạp nước hò xe duyên thán trước,
Thay vàng (1), đổi lạt (2) nghĩa hôm tê.*

(1) vàng : liềm gặt lúa.

(2) lạt : tre chẻ mỏng làm dây buộc.

hôn : con rùa.

*Ngó lên trên rùng, thiếu chi hươu, nai, chồn, cú;
Ngó về hạ thú, thiếu chi lươn, chạch (1), chình (2), hôn.*

(1) chạch : cá nước ngọt, hình dạng giống con lươn nhưng ngắn hơn, sống trong bùn.

(2) chình : cá chình. Cá chình ngon, thơm. Loại cá này rất hiếm.

hột : hạt.

1/ Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Đẻo thơm một hột, đắng cay muôn phần.

2/ Nhà tui có việc có vàng,
O cho tui mượn cái cối, tui cà (1) ba hột tiêu.

(1) cà : chà xát.

3/ Tiếc thay hột gạo trắng ngần,
Đã vò nước đục lại vẩn lữa rơm.

4/ Việc triều đã có quân binh,
Hãy còn việc mình ta phải dỗ dân.
Đồng tiền hột gạo là của phù vân,
Còn ăn hết nhịn miễn tấm thân cho toàn.

(Về Thất thủ Kinh Đô. Khuyết danh. Câu: 9 đến 12)

hở : hỏi.

Thuyền ai lơ lửng bên sông,
Có lòng đợi khách hay không hở thuyền ?
Để ta kết nghĩa kết duyên,
Anh hùng gặp gái thuyền duyên còn gì.

hụ : hũ.

Thiếp xa chàng, hái dâu quên gió,
Chàng xa thiếp, cắt cỏ quên liềm,
Xuống sông gánh nước, hụ chìm gióng trôi.
Cực lòng thiếp lấm chàng ơi,
Hụ chìm kiếm được, gióng trôi phương nào ?

huê : hoa.

Tử vi dầu dãi nắng sương,
Huê cam, huê quít biết thương huê nào ?
Anh thương huê mặn, huê đào,

Còn bông huê cúc biết vào tay ai ?
Oì này ơi ! Thăm thăm chớ phai,
Tưởng như hoa lài mà lại thơm lâu.
Người ơi chớ phụ hoa ngâu,
Tham nơi phú quý đi hầu mẫu đơn.
Em tìm anh trăm giận trăm hờn;
Ước sao cho gặp hỏi lòng sao thay ?
Có thương xích (1) lại gần đây,
Đừng còn mơ ước nước mây trên đèo.
Trèo lên hòn đá cheo leo,
Khác nào nỗi mẹ khóc nghèo phận con.
Tìm anh khắp cả núi non.

(Lý Tử vi)

(1) xích : xê dịch.

huê râu mái tóc : đầu có tóc bạc lấm tấm.

Tội nghiệp cho con bướm bướm bà (1),
Quanh vòng cứ liệng mãi theo ta.
Huê râu mái tóc chòm râu bạc,
Nó ngỡ cành lau, ngỡ đóa hoa.
Nó ngỡ cành lau, ngỡ đóa hoa,
Hay đâu tướng mạo của ông già.
Nó làm tôi cũng thương cho nó,
Thương nó không đành tẽ (2) nó ra.

(Ung Bình Thúc Giạ)

(1) bướm bướm bà : một loại bướm bướm to, cánh lớn, nhiều màu sắc.

(2) tẽ : rời; tránh xa, tách ra.

hùm : cọp, hổ.

Đôi cụm trúc la đà trên thác,
Giọt sương cành lác đác hoa lau.

*Quyền ba tám côi ngàn châu,
Chim kêu vượn hót voi châu hùm ngâm.*

(Văn châu Mậu Thượng Ngàn. Câu 41 đến 44. Khuyết danh. Châu văn Huế)

hung : nhiều, nhiều lắm.

*Ngỡ rằng năm Mão được mùa hung,
Trận lụt hay đầu lớn lạ lùng.
Mưa xé mái tranh rơi sạt sạt,
Gió xô vách đất ngã ùng ùng.
Đậu, mè, lúa, bắp trôi tằm bậy,
Mèo, chó, heo, gà chạy tứ tung.
Cao lắm ông Trời soi chẳng thấu,
Mồ hôi, nước mắt của dân cùng.*

(Bảo lụt năm 1939. Kinh Chỉ Phan Văn Hy, Y khoa Bác sĩ)

huống chi : hướng gì, hướng nữa, hướng hồ.

*Nhôn lông trong bọc ngoài bao,
Con ong châm còn được, huống chi quả hồng đào
chín cây.*

hư đời : hư hỏng về đạo đức.

*Say sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thời hư vậy, say thời cứ say !*

hường : hồng.

*Tròng hường bẻ lá che hường,
Thương nhau bắt quẩn đổi đường (1) xa xuôi (2).*

(1) đổi đường : quăng đường.

(2) xa xuôi : xa xôi.

I, K

ích bụng : thành bụng.

*Dầu lai đậu phụng,
Đậu phụng dầu lai.
Ăn no ích bụng,
Đậu phụng dầu lai.*

(Phong dao)

in như : giống như.

*Em lấy chồng từ lúc mô ?
Răng mà cái bộ in như nạ dòng.*

ít át : hiền lành.

Đường Hương Cần vừa dim (1) vừa mát,

Gái Hương Cần ít ít dễ thương.

(1) **dim** : không có ánh nắng.

kèo: thanh bằng gỗ hay bằng tre đỡ các xà gỗ hay các đòn tay.

1/ *Có cây dây mới leo,
Có cột có kèo mới có đòn tay (1).*

(1) **đòn tay** : đoạn tre hay gỗ đặt trên kèo để đỡ mái nhà.

2/ **Chàng** :

*Thầy mẹ bên anh khó, ngó qua thầy mẹ bên em
cũng nghèo.
Không biết bên mô dựng cột, sửa kèo cho đôi ta?*

Nàng :

*Anh ơi, lo chi phận khó nỗi nghèo,
Thiên hạ lắm kẻ cheo leo như mình.*

kéo một mai : chú không thì sau này.

*Mẹ bỗng con qua cầu Ái Tử,
Gái trông chồng lên núi Vọng Phu,
Kéo một mai bóng xế trăng lu,
Con ve kêu mùa hạ, biết mấy thu cho gặp chàng.*

kết ngãi : kết nghĩa.

*Thuyền ai lơ lửng trên sông,
Có lòng đợi khách hay không hỏi thuyền ?
Để ta kết ngãi nối duyên,
Trai anh hào gặp được gái thuyền duyên còn gì ?*

kết nghĩa vuông tròn : làm bạn trăm năm, thành vợ chồng.

*Đêm khuya anh nghe con nọan kêu sương,
Anh buồn, anh thương, anh trông, anh giận,*

Anh vợ vợ vẫn vẫn dưới ngọn đèn tàn.
Từ đây tâm dạ anh hoang mang,
Biết cùng ai kết nghĩa vương tròn được chăng ?

kết phút : kết hôn liền cho xong.

Kết phút đi, đây duyên đó nợ,
Kết phút đi, đây vợ đó chồng.
Dù ông Trời trên chưa định,
Dù ông Tơ Hồng chưa xe !

kêu vói : kêu gọi một người đứng xa.

Đứng xa kêu vói người cày.
Trâu kia ai giữ, đất này ai canh.

khác chi : khác gì.

1/ Cây đĩnh Ngự gió càng hiu hắt,
Khói sông Hương dầu dặt mạn thuyền.
Kể từ ngày em xa bên bạn, khác chi người dỏ với
người điên,
Con chim xa lồng, chim nhớ; con cá xa suối
Vạn Niên, con cá buồn.

2/Chàng :

Gái mảnh mai gặp trai thanh cảnh,
Khác chi rượu hồng đào gặp nhánh cau sây.

Nàng :

Ngộ tình cò thiệp gặp chàng đây,
Khác chi chậu sành lại gặp nhánh cây cảnh quỳ.

3/Thầy mẹ bên anh khác chi thầy mẹ bên nàng,
Lẽ thời tạc đá, bia vàng thờ chung.

khách : người Trung Hoa ở Việt Nam.

1/Thà rằng ăn cá liệt xuôi (1),
Còn hơn lấy khách có đuôi trên đầu (2).

(1) cá liệt xuôi : một loại cá rẻ tiền, có nhiều xương. Cá sơn và cá liệt xuôi là hai loại cá có nhiều xương, rẻ tiền.

(2) đuôi trên đầu : người Trung Hoa, đời nhà Thanh, khi đến Việt Nam, tóc đánh đuôi sam.

2/Thương ai chí quyết thương luôn,
Đừng ni thay, mai đổi như khách buôn trâu Lào.

khách thương : người mua bán; thương gia.

Xóm Lại Ân (1) canh gà xào xạc,
Giục khách thương mua một bán mười.

(1) xóm Lại Ân : làng Sinh.

khắc : khoảng thời gian bằng một phần sáu của ngày (không kể đêm).

1/ Đêm năm canh (1), em mơ màng bóng bạn,
Ngày sáu khắc, thương dạng nhớ thăm.
Nào ai nhắc đến bạn cũ tri ân,
Ruột em đau từng chặng, lá gan bầm như dưa.

(1) canh : khoảng thời gian bằng một phần năm của đêm.

2/ Kể từ ngày anh ra đi, nước mắt em không ráo,
Ngày sáu khắc, bốn chéo áo không khô.
Hỏi rằng chéo áo không khô ?
Vợ ở nhà, chồng đi khỏi, biết đời mô cho thành !

khe khẽ : nhỏ nhẹ, từ tốn.

Chàng :
Em về thưa với thầy khe khẽ,
Bấm với mẹ cho mình,

Để anh vô kết nghĩa chung tình đặng không ?

Nàng :

Em thua với thầy e (1) thầy máng,

Bấm với mẹ e mẹ la (2).

Trai làng thì kết (3), khách đàng xa thì đưng.

(1) e : sợ có điều không hay sẽ xảy ra.

(2) la : máng; rầy.

(3) kết : thành vợ chồng.

khêu : làm cho ra khỏi chỗ bị dính.

Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ,

Dầu hao thiếp rót (1), đèn mờ thiếp khêu.

(1) rót : đổ vào.

khi mô : lúc nào.

1/Chàng :

Khi mô thề thốt cùng anh,

Vo vo tóc kết trên ngành, nhớ không ?

Nàng :

Chờ ai, ai nỏ biết ơn,

Lâu ngày nên phải đưa đơn lấy chồng.

2/ *Không ăn cũng để cầm tay,*

Biết khi mô đôi, biết ngày nào no.

3/ *Mẹ già gần đất xa trời,*

Giả như lá vàng trước gió không biết rụng rời khi mô.

khi mô cũng rứa : lúc nào cũng vậy.

Huế e lệ nón nghiêng Tôn Nữ,

Huế lầy lũng thắm bút vương gia.

*Huế dịu dàng pha nét kiêu sa,
Cái Huế nở khi mô cũng rứa.*

(Hẹn với Huế. Tôn nữ Cẩm Bàn. Câu 13 đến 16)

khi tê : trước kia.

*Khi tê anh ở nơi mô ?
Bây giờ có bí, ché bầu răng hôi.*

khiến ðùng : bảo không ðược.

*Nơi không thương thì thầy mẹ ép,
Nơi duyên ðẹp thì thầy mẹ khiến ðùng.
Dạ em bối rối bần thần anh ơi.*

khít rít : sát rạt, sít sao.

Chàng :

*Vạt áo em trước ngắn, sau dài,
Hay là em ðã mang thai trong người ?*

Nàng :

*Áo năm khuy em cài khít rít,
Yếm bốn dải, em nịt chặt như ðóng ðinh.
Hỏi làm răng anh lách người vô lọt (1), mà biết
trong mình em có thai.*

(Hò trêu gheò)

(1) vô lọt : vào ðược.

khỏ : gõ.

*Nhớ ðến vợ hiền lụy tuôn không ráo,
Sách có chữ rằng: "Phu chi tình thê chi ðạo".
Ai ngờ phân áo, rẽ bầu.*

*Đêm cha thăm, ngày con sầu,
Sợ mẹ gà nuôi con vịt, đánh óc khô đầu thăm chửa.*

khỏa nước : khuấy mặt nước.

*Ngồi buồn khỏa nước giỡn trăng,
Nước xao trắng lặng buồn ơi hỡi buồn.*

khô héo lá gan : buồn rầu đau khổ.

*Khô héo lá gan cây đình Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.*

(Nghệ sĩ Bửu Lộc)

khốn : khó, khó khăn.

1/ *Chim ra khỏi lồng khốn trông trở lại,
Cá ra khỏi bãi nhớ kẻ buông câu.
Xa anh em cảm thấy sầu,
Sầu em em giải, vọng cầu cho anh nên.*

2/ *Đò chèo sông Hương nghe giọng hò văng vẳng,
Dương trông núi Ngự gió thổi vo vo.
Gặp nhau đây cũng muốn rày (1) chuyện, mai trò,
Lo rằng: "nhân tâm mạc trác", khốn dò nợ duyên.*

(1) rày : nay.

3/ *Một mai trống lũng khốn hàn,
Dây dùi khốn dứt, bạn loan khốn tìm.*

4/ *Sợ e con thương, thầy mẹ không cho,
Rượu bình khốn chúc (1), lửa lò khốn nhen.*

(1) khốn chúc : khó rót.

không bì : không bằng.

Mời chi mời anh chén bánh canh Nam Phố,
Xôi vô khỏi cổ, có chất bổ có mùi hương.
Lại thêm mát mẻ can trường,
Sâm Cao Ly cũng sút, rượu Quỳnh Tương cũng
không bì.

(Ứng Bình Thúc gia)

không cân : không công bằng.

Trời sao Trời ở không cân,
Người ăn không hết, kẻ mần (1) không ra.

(1) mần : làm.

không chi : không có gì đáng giá.

Biết đủ, dầu không chi cũng đủ
Nên lui, đã có dịp thời lui.

(Ứng Bình Thúc Gia)

không chi lạ : không có gì đặc biệt cả.

Bạn cũ tới lui kèm bạn mới,
Người gần yêu mến rủ người xa.
Cùng chơi với lão không chi lạ,
Chỉ mấy vần thơ, mấy điệu ca.

(Tình Thúc Gia. Bài 167. Ứng bình Thúc Gia. Huế, 1942)

không có dạng : không được đâu.

Trời sinh giéng, trời sinh mo (1),
Trời sinh o (2), trời sinh tui (3).
O ở một mình không có dạng,
Tui ở một mình không có dạng.
Gió ngoài biển đồn (4) vô,

Mây trên trời cuộn lại;
O với tui cũng cuộn lại !

- (1) mo : bẹ cau.
(2) o : em, cô.
(3) : tui : tôi.
(4) đồn : tập trung về một chỗ.

không dưng : không phải vô cớ.

*Thế gian không ít thì nhiều,
Không dưng ai dễ đặt điều cho ai.*

không đặng : không được.

1/ *Chờ anh cho đặng ba trắng,
Chờ anh không đặng cản rặng em lấy chồng.*

2/ *Dù anh không đặng ái ân,
Tới lui thấy mặt cũng ấm thân thỏa lòng.*

3/ *Kể từ ngày gặp nhau,
Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau.
Dây tơ mảnh xe chặt lấy nhau;
Xe không đặng, đem tình thương nhớ,
Cảm thương người, ngậm ngùi ba thu.
Xa cách nhau, đêm nằm vẫn thấy,
Thấy là thấy chiêm bao.
Biết bao vấn vương bên mình,
Dực mình (1) đòi cơn (2).
Biết sao đặng, keo sơn mọi đường,
Tình thương, tư lương đoạ trường.
Xin cho trọn cương thường.
Ai đơn bạc thì mặc lòng ai,
Xin cùng bạn trúc mai,
Trăm năm lâu dài.*

(*Gửi tình nhân. Khuyết danh. Điệu Lưu Thủy*)

(1) dục mình : giật mình, đột nhiên thấy lo.

(2) đòi cơn : nhiều lần.

không hề chi mô : không trở ngại gì đâu, không quan trọng gì đâu, không can chi.

Chàng :

*Cây bình tinh lá bình tinh,
Anh ngoại em đạo lấy nhau khó lòng.*

Nàng :

*Cây bồ đề lá bồ đề,
Em đạo anh ngoại không hề chi mô.
A-men mặc thiếp, nam mô mặc chàng.*

không lại : không đủ sức đối phó.

*Nói với người khôn không lại,
Nói với đứa dại không cùng.*

không mòn : không mất mát, không thiệt hại gì.

*Cho anh một chút không mòn,
Anh về anh nói, vợ con anh cười !*

không mộ : không ham, không chuộng, không mến.

1/ Nàng :

*Duyên cách, thủy cách bởi vì áo em rách nên
duyên mới xa,
Cơ chi em có áo lương đen, quần lãnh thì đà nên duyên!*

Chàng :

*Làm trai như anh, nơi giàu sang không mộ,
nơi bá hộ cũng chê.*

Chẳng qua Trời định, đất đẽ mà thương em.

2/ *Chim trong lồng chích đôi lẻ bạn,
Cá trong bể cạn còn nhớ người múc nước thả bèo.
Thiếp nguyện cùng chàng hai chữ sơn keo,
Nơi giàu sang thiếp không mộ, nơi khó nghèo
thiếp mong.*

không răng : không sao.

*Không răng đi nữa cũng không răng,
Chỉ có thua người một miếng ăn.
Miễn được nguyên hàm nhai tốp tếp,
Không răng đi nữa cũng không răng.*

(Răng rụng. Tôn Thất Mỹ)

không tà : không bằng.

*Thiếp xa chàng rẽ đàng (1) tơ tóc,
Chàng xa thiếp như đôi đũa ngọc xa chén kiếu xua.
Lắm nơi phụng rước, loan đưa,
Không tà tình cũ, nghĩa xưa đôi mình.*

(1) đàng : đường.

khơi : nông cạn.

*Đàn ông nông nổi giếng khơi,
Đàn bà sâu sắc như cơi (1) đựng trầu.*

(1) cơi : cái traps đựng cau trầu.

khun : khôn.

1/ *Cây suông cành lá cũng suông,
Gái khun trai dỗi lâu ngày cũng xiêu.*

2/ *Khoai to vồn tốt cộ (1),
Độ ba lá vừa un.
Gà mất mẹ lâu khun,
Gái muôn chồng thậm khổ.*

(1) cộ : củ.

khun ngoan : khôn ngoan.

*Khun ngoan tới cửa quan (1) mới biết,
Sự giàu nghèo đến chết mới hay.*

(1) cửa quan : công đường.

kiếng : cảnh.

*Tui xin chào làng, chào xóm, chào họ, chào hàng,
Tui đây là kẻ qua đàng (1), thấy cái kiếng vui
vào nhớn (2),
Chớ (3) tui không dám luận bàn văn chương.*

(Hò già gạo)

(1) đàng : đường.

(2) nhớn : chơi.

(3) chớ : chú.

Kim Luông : Kim Long, một làng nằm trên đường đi từ thành phố Huế lên chùa Thiên Mụ. Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi lấy danh hiệu là Gia Long. Long là chữ húy nên nói trại ra thành luông.

*Thuyền nan (1) đủng đỉnh sau hàng phượng,
Cô gái Kim Luông yếu điệu chèo.
Tôi xuống thuyền cô, cô chẳng biết,
Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo.
Thuyền qua đến bến, cô lui lại,*

*Vấy chiếc chèo ngang giọt nước gieo.
Đăm đăm mỗi mắt vì chèo,
Chèo cô quấy nước trong veo giữa dòng.
Biết không ? Cô hỡi, biết không ?
Chèo cô còn quấy, sóng lòng còn xao.*

(Nam Trân)

(1) thuyền nan : thuyền nhỏ đan bằng tre hay nứa.

kim sút khu : lỗ khâu chỉ của cây kim bị mẻ.

*Kim sút khu, em đòi luồn chỉ thắm,
Hoa tàn rồi, em đòi cắm bình cao !*

kình nghê : cá voi.

*Kình nghê vui thú kình nghê,
Tép tôm vui thú theo bè (1) tép tôm.*

(1) theo bè : theo cách, theo lối.

kịp : kịp thời, đúng lúc.

*Đến đêm ăn thịt vịt thịt gà,
Nguyễn cùng giao ước tài gia hết lòng.
Sửa sang binh mã gần xong,
Chẳng chầy thì kịp cố công báo cừu.*

(Về Thất Thủ Kinh Đô. Câu 69 đến 72.)

L

lá lay : các có, tró trêu, bỡn cợt.

- 1/ *Chẳng qua lòng dạ lá lay,
Tham nơi giàu sang phú quý, gặp anh đây chối từ.*
- 2/ *Chờ anh cho mãi tấm lòng,
Kẻ một mai anh trách con dòng lá lay.*

3/ *Thiếp thương chàng đừng cho ai biết,
Chàng thương thiếp đừng tỏ ai hay.
Thế gian nhiều kẻ lá lay,
Cực chàng chín nổi, cực em đây mười phần.*

4/ *Thiếp thương chàng vì duyên vì nợ,
Chàng thương thiếp vì con tạo lá lay.
Sự tình đã lỡ ra đây,
Đò ra giữa biển dù lưng đầy cũng phải đi.*

lá rằm : lá rau rằm, một loại rau thơm.

*Những người con mắt lá rằm,
Lông mày lá liễu, đáng trăm quan tiền.*

là đà : la đà; sà xuống thấp, nhẹ nhàng đưa qua đưa lại.

1/ *Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,
Đò về Vỹ Dạ, thắng ngã ba Sinh.
Là đà bóng ngã trắng chênh.
Giọng hò xa vọng, nặng tình nước non.*

2/ *Gió đưa cành trúc là đà,
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương (*).
Thuyền về xuôi mái (1) sông Hương,
Có nghe tâm sự đôi đường đắng cay.*

(1) xuôi mái : chèo theo dòng nước.

(*) Ở Hà Nội có huyện Thọ Xương. Nhà thơ Dương Khuê có câu:

*"Phát phơ ngọn trúc trắng tà,
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương".*

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí có ghi rằng: Dưới thời vua Gia Long (1802-1820), gò Long Thọ có tên là Thọ Khương, nhưng chữ khương là chữ húy phải đọc là Thọ Xương. Đến đời vua Minh Mạng (1820-1840), Thọ Xương đổi tên là Long Thọ

Cường, có nghĩa là gò Long Thọ. Cạnh gò Long Thọ có nhà máy
vôi Long Thọ, ngày nay có tên là nhà máy xi-măng Long Thọ.

là ruột là rà : quan hệ huyết thống.

1/ *Anh em là ruột là rà,
Vợ chồng như áo cổn ra là rồi.*

2/ *Vợ chồng là ruột là rà,
Anh em có cửa có nhà anh em.*

lả : lừa.

Ăn hương hỏa thì thổi lả thấp đèn.

lạ chưa tề : lạ thế kia.

*Bình sen kiểu mới lạ chưa tề,
Nhìn kỹ, ờ ra (1) vở mọt-chê.
Cạnh đở, tua vàng xem vẫn đẹp,
Dáng bom, hình đạn ngó mà ghê !
Hoa kia ví biết nhường nông nổi,
Sắc nó, e chừng phải ủ ê !
Một lọ danh ba (2) chưng trước án,
Buồn vui chi khéo gợi lòng quê.*

(1) ờ ra : té ra.

(2) ba : hoa.

lam nham : không đâu vào đâu.

*Lời thề lời thốt lam nham ,
Non cao biển thẳm, ai làm chứng cho ?*

làm chạ : làm bậy bạ, làm không đúng.

*Ba mươi làm chẳng nên giàu,
Bảy mươi làm chạ thêm đau thân mình.*

làm chi : làm gì.

1/ *Bên em nút nẻ đã yên,
Bên anh không nút nẻ, sấm cái niền làm chi ?*

2/ Đối :

*Cầu Trường Tiền bấy nhiêu năm qua lại,
Kể từ đời Thành Thái đến nay.
Chạnh lòng biết hỏi ai đây,
Việc chi nên nổi dang tay giựt cầu (1) ?*

Đáp :

*Lắm chuyện ly kỳ, hỏi làm chi cho rối dạ,
Nhịp cầu nghiêng ngả, chưa lạ anh ơi !
Điện Cần Chánh họ đút (2) họ chơi,
Khói bay nghi ngút tận trời, anh thấy không ?*

(Ung Bình Thúc Giạ)

(1) giựt cầu : giựt mìn cho
cầu sập.

(2) đút : đốt cháy.

3/ *Chàng ơi phụ thiếp làm chi,
Thiếp là cơm nguội để khi đói lòng.*

4/ *Đường ra Kinh thâm thâm diệu vợi,
Đường lên Đại Nội xa đã quá xa.
Chàng ra làm chi mà mỗi tháng mỗi ra,
Chàng ra một bận (1), cực em ba bốn ngày.*

(1) một bận : một lần.

5/ *Em ở làm chi như Điêu Thuyền, Hậu Hán thuở
trước em ơi,
Nước mắt ra với Đổng Trác, miệng nở cười với
Phụng Tiên !*

6/ *Em thách cười làm chi cho to,*

Anh vay, em phải trả, ai lo cho mình ?

7/ *Nhật nguyệt rõ ràng khó soi châu úp,
Bạn làm chi cho lắm lúc đã mang.
Nửa tâm sư học đạo, nửa mơ màng với tri âm.*

8/ *Nơi bến Trường Tiền có cây đa bóng mát,
Gần bến Bồ Đề có bãi cát phẳng lì.
Trời ơi sanh giặc làm chi,
Để quan Trấn Vũ phải ra đi cơ hàn.*

9/ *Ở vậy nuôi mẹ,
Có chồng làm chi ?*

10/ *Ngọ Môn năm cửa chín lầu,
Một lầu vàng, tám lầu xanh,
Ba cửa thẳng, hai cửa quanh.
Sinh em ra phận gái, hỏi chốn kinh thành làm chi ?*

làm chính, làm lẽ : làm vợ chính, làm hầu.

*Thà làm lẽ thứ mười,
Còn hơn làm chính cho người đàn ngu.*

làm du : làm dâu.

Nàng :

*Bánh cả mâm rặng gọi là bánh ít,
Trầu cả chợ rặng gọi là trầu không ?
Trai nam nhơn (1) đối đặng (2) thì
làm chồng nữ nhi!*

Chàng :

*Con cá chuta tra (3) rặng gọi là cá móm,
Con cá nằm giữa chợ rặng gọi là cá thu ?
Nam nhi đà đối đặng, nàng phải làm du suốt đời!*

(1) nam nhơn : nam nhi.

(2) đối đặng : đối đáp được.

(3) tra : già, nhiều tuổi.

làm răng : làm sao.

1/ Lòng lại dạn lòng non mòn, biển cạn,
Dạ lại dạn dạ đá nát, vàng phai.
Chàng làm răng trúc lại thành mai ?
Lụy lâm, lâm lụy bạn nghe ai mà nguôi lòng ?

2/ Trăm năm gánh nặng chữ tình,
Anh làm răng cho Dương Lễ - Lưu Bình gặp nhau.

3/ Từ ngày Tây lại sứ sang,
Đò đưa khác bến, chợ Đường Ngang đổi dời.
i em ơi, em ăn ở làm răng cho có đất có trời,
Đừng ham duyên mới phụ đời nước non.

4/ Nàng :

Vì chàng nên thiếp mắc đòn oan,
Thiếp ôm lòng thiếp chịu khổ thế gian chê cười.

Chàng :

Hèn chi anh đi qua ngoài cửa ngõ,
Thấy thầy mẹ đánh em lăn, em lóc, em khóc, em van.
Khổ tứ bề cửa đóng song loan,
Anh không biết làm răng mà vô đặng để chịu
đòn oan với nường.

làm răng : tại sao.

Em chờ anh cho mãi con trăng,
Kéo mà anh trách làm răng không chờ ?

làm ri : như thế này.

1/ Anh bạc, em đây không bạc,
Lòng em bát ngát hai chữ sầu bi.
Lương duyên Trời không định,

Em ở làm ri cũng đành.

2/ *Quan quân lao khổ làm ri,
Ngày thì dãi nắng, đêm thì dầm sương.
Quan quân lao khổ trăm đường,
Lạy Trời phù hộ thánh vương Nam trào.*

(Về Thất Thủ Kinh Đô. Từ câu 241 đến 244. Dân Ca Thừa Thiên Huế, Trần Thùy Mai; nxb Thuận Hóa, 2003)

3/ *Thiếp gặp chàng như lan gặp chấu,
Chàng gặp thiếp như hạc đậu lưng qui.
Thiếp dặn chàng là dặn làm ri,
Nơi giàu sang không chuộng, nơi đói khó
hàn vi đội cùng.*

làm tà tà : làm thong thả, chậm rãi.

*Làm cho lảm cũng mắm với cà,
Làm tà tà cũng cà với mắm.*

làm tốt : trang điểm, thoa phấn sáp vào mặt làm cho đẹp.

*Xấu ưa làm tốt,
Dốt ưa nói chữ.*

lãnh nợ : bảo lãnh cho một người vay nợ.

*Ở đời có bốn chuyện ngu,
Làm mai (1), lãnh nợ, gác cu (2), cầm châu (3).*

(1) làm mai : làm môi giới cho hai bên thành vợ chồng.

(2) gác cu : bẫy chim cu.

(3) cầm châu : cầm đuôi đánh vào trống để khen thưởng các đào kép đang múa hát trên sân khấu (hát bội).

lao xao : ồn ào, náo nhiệt.

1/ *Gặp nhau đường vắng thì chào,*

Gặp nhau giữa chợ lao xao xin đừng !

2/ Thế gian giúp miệng lao xao,
Ai giúp đồng nào cho đỡ khó khăn.

lảm bảm : lảm bảm.

Vừa đi vừa nói lảm bảm,
Bữa ni mười bốn, mai rằm chè xôi.

lãng lú : rối ren.

Tiết Thanh Minh Kiều đi tảo mộ,
Đường du lộ Trọng mới lần qua.
Bởi vì ai mà bóng xế với trăng tà,
Sự tình lãng lú, xin Trọng phân qua cho Kiều tường.

lặng tờ : yên tĩnh, im phăng phắc, hoàn toàn không có tiếng động.

Sương mỏng manh, canh vắng lặng tờ,
Buồn xua náo động mấy vần thơ.
Rừng rưng mắt lệ trai mong nhớ,
Phơi phới mây xa thiệp hững hờ.
Bến quạnh lau già, người chảnh mắng,
Rượu tàn canh vắng khách bơ vơ.
Lầu cao ai đó nâng rèm trúc,
Hồn ngủ đêm nay có thần thờ.

(Hà Thượng Nhân)

lấp xấp : xấp xỉ.

Nước lên lấp xấp bờ xanh,
Dù ai sang trọng, thiệp cũng theo anh một niềm.

lặt : lượm, nhặt.

Nàng :

*Anh về em cũng muốn về theo,
Sợ qua truông (1) cát nóng, qua đèo đá dăm (2).*

Chàng :

*Cát nóng thì anh công em đi,
Đá dăm anh lật, can gì em lo.*

(1) truông : vùng đất cát hoang vu có nhiều cây cỏ dại.

(2) đá dăm : đá nhỏ, nhọn.

lâm râm : nhỏ, nhẹ và kéo dài thời gian.

1/ *Mưa lâm râm ướt đầm cây họ,
Tui thương một người có mẹ không cha.*

2/ *Mưa lâm râm ướt đầm cây khế,
Tui thương một người đái mế hôi xon.*

3/ *Mưa lâm râm ướt đầm lá chuối,
Tui thương một người có sẹo màng tang.*

4/ *Tối trời mưa bắc lâm râm,
Bắt tay quân tử, bắt làm tiểu nhân.*

lấn lự : tràn trọc.

*Gắng công chờ đợi sông Tương,
Vắng người thương.
Nặng tình trắng gió, vì sợi tơ vương.
Đâu mà gởiặng (1) can trường,
Xa xa trông muôn dặm tin hồng,
Tin càng thêm vắng,
Vắng tin hồng, thêm càng cay đắng.
Lấn lự canh trường.*

*Gánh tương tư,
Thôi đà gánh nặng khôn (2) lường.
Nhớ khi vành nguyệt tây tương,*

*Càng thêm nhớ tiếng ai bên tường !
Bắc nhịp cầu cho qua,
Xin cây hồn Tinh Vệ, chị Hằng Nga,
Vì tình đợi ta.
Chuyện gần xa,
Dưới sông Ngân Hà.*

(Gắng công chờ đợi. Khuyết danh. Điệu Nam Bình)

(1) gói đặng : gửi được.

(2) khôn : khó mà.

lật chồng : lườm gạt chồng.

*Bậu trở lại với gia nương bậu,
Qua lui về với vợ con qua,
Kéo một mai thiên hạ đồn xa,
Trai mê dâm bỏ vợ, gái chua ngoa lật chồng.*

lật đật : vội vã.

*Dị kể chi,
Rằng làm rúa.
Người chi mô,
Nhật thấy mờ.
Anh bên nó,
Tui bên ni,
Rằng có chi,
Ưa lẩn đật.
Đừng lật đật,
Mạ ra chừ,
Mang tiếng hư.
Nói nhỏ ni,
Tối hôm ni,
Mình "mần" hí !*

lật ván tháo cầu : làm chia ly, ngăn trở.

*Bướm xa hoa ôm cành khóc vôi;
Duyên tiếp với chàng chưa đặng bấy lâu.
Ai vô lật ván tháo cầu,
Gái ngất ngư đàng gái, trai thảm sầu đàng trai.*

lậu : để lộ, để cho người khác biết.

*Xa xôi đi nỏ tới nơi,
Gởi thơ e lậu, gởi lời e quên.*

lấy dôn : lấy chông.

*Mọt măng là mọt măng tre,
O té dỏ dỏ (1) đòi ve học trò.
Mọt măng là mọt măng vôi,
O té dỏ dỏ (1) mà đòi lấy dôn !*

(1) dỏ dỏ : nhỏ nhỏ; con bé.

le le : vịt trời, vịt thiên nhiên, nhỏ con hơn vịt nhà.

*1/ Thương chồng nấu cháo le le,
Nấu canh bông (1) bí, nấu chè hột (2) sen.*

(1) bông : hoa.

(2) hột : hạt.

*2/ Tiền tài như phấn thổ,
Nghĩa trọng tựa thiên kim.
Con le le mấy thuở chết chìm,
Người bất nhơn bạc nghĩa nỏ kiếm tìm làm chi.*

lè kê : đem theo bên mình.

*Vai mang bị bạc lè kê,
Nói quấy nói quá (1), chúng nghe ầm ầm.
Trong lũng không có một đồng,
Lời nói như rỗng cũng chẳng ai nghe.*

(1) nói quấy nói quá : nói bậy bạ.

lễ mô : lễ nào.

*Em có chồng, sợ chồng em đánh,
Anh có vợ, sợ vợ anh ghen.
Lễ mô một lễ, há để đĩa đèn (1) hai tim.*

(1) đĩa đèn : ngày xưa, dùng đĩa đựng dầu phụng và một sợi bấc (sợi vải) làm đèn.

lèo khèo : cao, gầy, ốm yếu.

*Ưa chi con vợ lèo khèo,
Việc thì không khéo, đèo queo ăn hàng.*

lể : khươi.

*Qua truông (1) em đập phải gai,
Em ngồi em lể, trách ai không chờ.*

(1) truông : một vùng đất cát hoang vu, nhiều cây cỏ dại.

lển mển : còng kệnh, không gọn.

*Khói un lửa dấy mịt trời,
Nhân dân chạy loạn toi bời lá hoa.
Cháu thơ lển mển công bà,
Chồng xiêu vợ lạc kêu la kiếm tìm.
Đào thơ chân yếu tay mềm,
Bay hồn chị kéo bừa em chạy ào.
Cảnh tình thảm thiết đường bao,
Con thơ lạc lõng, khóc gào mẹ cha.
Ngoài thành : Gia Hối, Đông Ba,
Bỏ phường, bỏ phố xuống phà qua sông.
Nước sâu, sóng rộng mênh mông,
Gió xao, sóng lượn, người đông, đò đầy.
Thật là thảm nào vậy thay,
Loạn kia khủng khiếp, nạn này hiểm nguy.*

*Tháo thân, thực mạng, chạy đi,
Không qua sông, biết chạy đi phương nào ?
Đò giang, thuyền bến lao xao,
Trùng trùng, nghiêng úp, xiết bao đoạn sầu !
Phủ Cam, An Cựu đâu đâu,
Lò Rèn, Bến Ngự chung sầu nước non.*

(Về Tết Mậu Thân, 1968. Hoàng Trọng Thước ghi. Bài về nay ghi lại trong cuốn "Tủ Điển Tiếng Việt" của Bùi Minh Đức, 2004)

lia thia : cá thia đá. Một loại cá nước ngọt, nhiều màu sắc, gặp con cá nào dù lớn hay nhỏ nó cũng tấn công.

*Chim quyên ăn trái nhãn lồng,
Lia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.*

liếc : mài dao cho bén.

*Dao vàng đem liếc đá vàng,
Mắt anh anh liếc (1), mắt nàng nàng đũa.
Giả lơ (2) đi kéo thái gian (3) ngờ,
Rằng đây thương đó, biết cơ hội nào gặp nhau.*

(Lý Quỳnh tương)

- (1) liếc : nhìn nghiêng sang một bên.
- (2) giả lơ : làm như không biết.
- (3) thái gian : thế gian, thiên hạ.

liền tay : ngay lập tức.

*Cưới vợ thì cưới liền tay,
Chớ để lâu ngày, lắm kẻ dèm pha.*

linh đình : lệnh đêngh, trôi nổi.

*Mẹ với thầy chê chàng quê mùa thôn dã,
Nên chi đôi lứa mình chịu chìm nổi linh đình rứa hoài (1).*

(1) rửa hoai : như thế mãi.

lính khố vàng : lính Việt Nam trước tháng 8 năm 1945, bấp chôn dưới quần tẩm vải màu vàng (xà cạp vàng), có nhiệm vụ canh gác cung điện nhà vua (triều Nguyễn).

*Con chim nhỏ nhỏ, cái mỏ hấn vàng,
Hấn đứng trước cửa tam quan.
Hấn kêu hỏi bác lính khố vàng,
Chớ có ham nơi giàu sang sắc mặt mà phụ phàng
duyên em.*

lính tập : lính Việt Nam trước tháng 8 năm 1945.

*Nhớ Trười có dâu, nhớ cau Nam Phổ,
Nhớ đóa hoa hường (1) đường Lục Bộ xinh xinh,
Nhớ chợ Bao Vinh ghe màn tấp nập,
Nhớ dáng con đò đờn lính tập sang ngang.*

(Lý Giao duyên)

(1) hoa hường : hoa hồng.

lịnh : lệnh.

*Duyên tơ hồng cây nhờ tạo hóa,
Nghĩa tao khang nhờ lịnh ông xanh.
Thiếp đành lòng bầu bạn cùng anh,
Ai có tấm lòng điệu chạ thì có nhật nguyệt đôi
vành chứng chi.*

líp : cái nón.

*1/ Em ra đi cơm chưa kịp ăn,
Khăn chưa kịp bịt,
Líp chưa kịp đội,
Áo nỏ vội cài (1),
Bằng mình tới chốn non đoài gặp anh.*

(1) cài : gài.

2/ Tưởng là anh líp em toi (1),
Không hay hai đứa đội trời cả hai !

(1) tới : áo mưa bện bằng lá kè.

liu lít : lờ mờ, leo lét.

Ngọn đèn liu lít bất nhân;
Sao anh không khêu cho tỏ (1),
Để thấy nghĩa nhân mà chào.

(1) tỏ : sáng.

lố : để lộ ra.

Đôi ta như lửa mới nhen (1),
Như trăng mới lố, như đèn mới khêu (2).

(1) nhen : làm cho cháy.

(2) khêu : làm cho ra khỏi chỗ bị dính.

lò : lòi ra, lộ ra.

Nàng :

Tiếng đồn anh là thợ khéo,
Em đem qua một bức,
Mộn mẹo anh cũng có dò.
Có làm sao anh không đưa cái lưỡi chàng
vô chấn mộn (1),
Để cái mộn lộ khó coi.

Chàng :

Anh đây là thợ khéo,
Em đem qua một bức,
Mộn mẹo anh cũng có dò.
Bữa qua anh có sang bên nhà,
Thầy mạ em có nói:

Chấn thì chấn, để cái mộn (1) lò treo nghi (2).

(1) mộn : chốt.

(2) nghi : tấm màn che bàn thờ.

lóc vổ : tróc vỏ.

*Cây cao lóc vổ khó trèo,
Mẹ ơi thương lấy rể nghèo đường xa.*

lợi : gãy, gãy.

1/ *Ăn lưng đoai (1), làm lợi lưng!*

(Tục ngữ)

(1) đoai : cái tô, cái chén lớn.

2/ *Cây cao đại thụ, có khi rớt lá, lợi cành,
Đây chừa bỏ đó, răng đó dứt đành bỏ đây ?*

3/ *Anh ra tay vun cây quén cội,
Nay chừa cây tốt, lá xanh.
Anh chơi cho thỏa chí,
Úa lá, lợi cành thì thôi.*

lom xom : ở tư thế đầu hạ thấp, lưng cong xuống; lom khom.

*Ông lên (1) ông nhảy lom xom,
Bà lên bà nhảy bể om (2) nước chè.*

(1) lên : lên đồng bóng.

(2) om : nòi đất nhỏ.

lòn : chui vào, chun qua, luồn vào.

1/ *Ăn tình cao như núi,
Nhân nghĩa trọng bằng non.
Chàng đừng sợ thiếp nghe ai mà má mỏng, gót mòn,
Vườn ba kia thiếp giữ trọn, con ong lòn cũng không vô.*

2/ Đền kheo đền tỏ hơn trăng,
Đền ra trước gió, được chăng hỡi đền ?
Trăng khoe trăng tỏ hơn đền,
Có sao trăng lại phải lòn đám mây ?

3/ Khi em gặp anh thì dầm mưa dãi nắng chưa tới.
Nay chùi cát hái, em dầm sương dãi nắng
nên má em mỏng, chun đập gốc tốt (1),
nên gót em mòn.
Vườn hoa em giữ trọn, con ong lòn cũng không vô.

(1) tốt : gốc cây lúa còn lại trên ruộng, sau khi gặt.

lọn tóc : mó tóc cột lại thành chùm. Đàn bà, con gái ít tóc thường chêm thêm lọn tóc để bồi tóc cho đẹp.

Nam :

Có chồng rồi thì bớt lọn tóc, bông tai,
Bớt khăn chéo hạnh, kéo trai tơ làm.

Nữ :

Trai làm, trai phải mang gông,
Cái khăn chéo hạnh của chồng em cho.

long : ở trạng thái không còn gắn chặt.

Gái không chồng như ván long đành (1).
Ván long đành anh còn chữa đặng,
Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi.

(1) đành : đình.

lòng dòng : vướn víu.

1/ Chờ anh ba bốn năm ni,
Lòng dòng duyên nợ, thành chi không thành.

2/ Có mô lao khổ như ri,

Lòng dòng theo bậu thành chi không thành.

3/ Vì cam quýt phải đèo bồng,
Vì em nên anh phải lòng dòng đợi em.

4/ Xe ông Văn Vương chưa tới,
Đường bà Nguyệt Lão chưa thông.
Hai ta duyên nợ lòng dòng,
Thiếp đã đành phận thiếp, chàng chưa xong phận chàng.

(Hò bài chòi. "Con Nhút Trờ")

lọng chùng : bất ngờ, lúc nào không hay.

Sao Hôm chờ đợi sao Mai,
Hay mô (1) Mai vượt theo ai lọng chùng.

(1) hay mô : ngờ đâu.

lót lá : trải lá.

Mồ coi cha ăn cơm với cá,
Mồ coi mẹ (1) lót lá mà nằm.

(1) mẹ : mẹ.

lổ : trở, nở hoa.

1/ Mẹ già lo bầy lo ba,
Lo cau lổ muộn, lo già hết duyên.

2/ Đói thì ăn môn ăn khoai,
Chớ thấy lúa lổ giêng hai (1) mà mừng.

(1) giêng hai : tháng giêng, tháng hai.

3/ Tưởng là bụi tre che một phía,
Tưởng là bụi mía lổ cả hàng.
Ai hay tiền tài phá nhân nghĩa, hết đàng tới lui.

lỗ không : chỗ không người.

*Chó đâu chó sửa lỗ không,
Chẳng thằng ăn trộm thì ông ăn mày.*

lỗ miệng : cái miệng.

*Ăn nhịn thì qua ngày, ăn vay thì mắc nợ,
Ăn cho thiên hạ sợ, ăn cho vợ con kinh.
Ăn cho sượng lỗ miệng mình,
Ăn cho đổ quán xiêu đình cũng cứ ăn.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vỹ)

lôi : nắm và kéo.

*Lấy chồng từ thuở mười ba,
Chồng chê tôi bé, chẳng nắm cùng tôi.
Đến năm mười tám đôi mươi,
Tôi nằm dưới đất, chồng lôi lên giường.
Một răng thương, hai răng thương,
Có bốn chân giường, gãy một còn ba.
Ai về nhắn nhủ mẹ cha,
Chồng tôi nay đã giao hòa cùng tôi.*

lôn : tròng.

*Mặt trời không lôn, răng kêu mặt trời mọc,
Trăng không giận, răng bảo trăng quầng.*

lộn gan lên đầu : giận dữ; tức tối.

*Miếng ăn là miếng tời tàn (1),
Mát ăn một miếng lộn gan lên đầu.*

(1) tời tàn : hèn hạ, bần tiện, tầm thường.

lộn lạo : lẫn lộn.

Nàng :

*Khen ai chống chiếc thuyền dò,
Đi chưa tới bến đã miệng hò, chân quay !*

Chàng :

*Tưởng bến sạch, nước trong nên anh ghé thuyền vào,
Không ngờ rong rêu lộn lạo, anh nhỏ sào xin lui.*

lộn vô : trở vào.

*Cửa thành đã bị nghiêm canh,
Chạy ra chằng được, phải đành lộn vô.*

lông lộng : mênh mông, khoáng dang.

Nàng :

*Ngó lên trên trời, trời cao lông lộng,
Ngó xuống dưới biển, biển rộng mênh mông.
Anh đã thương em thì thương cho trọn thủy trọn chung,
Đừng nghe ai lười mềm chuốt ngọt, lánh đục tìm trong
mà phụ tình.*

Chàng :

*Ngó lên trên trời, sao băng tứ diện,
Ngó xuống dưới biển, chim liệng cá đua.
Anh thề với em hết miếu hết chùa,
Ai cho anh uống thuốc, đeo bùa mà mê !*

lơ lơ : lơ là, không để ý.

1/ *Công cha ba năm tày núi,*

Nghĩa mẹ chín tháng tày non.

Anh có thương em thì phải chịu đòn,

Kéo thầy với mẹ đang còn lơ lơ.

2/ *Vách mây (1) ngồi trên đồng bạc tiền,*

Chồng khôn nên chị sướng như tiên.

Chồng em đọc sách ngâm thơ mãi,

*Như đại như ngậy ngó dễ phiền.
Em giận chồng em lắm chị ơi !
Giậm chân em cũng muốn kêu trời.
Bảo đừng đọc sách ngâm thơ nữa,
Va cứ lơ lơ lại mỉm cười.*

(Ung Bình Thúc Giạ)

(1) vách mảy : ngồi gác chéo chân, chân này trên chân kia với thái độ thỏa mái.

3/ *Cá nục nấu với dưa hồng,
Lơ lơ có kẻ mắt chồng như chơi.*

lờ (lừ) : dụng cụ bằng tre dùng để nhử cá tôm.

*Cá trong lờ đỏ hoeen (1) con mắt,
Cá ngoài lờ ngúc ngác muốn vô.*

(1) đỏ hoeen : đỏ hoe.

lờ : mờ, không sáng rõ.

*Ngó lên nhang tắt, đèn lờ,
Mẫu thân đầu vắng, bàn thờ lạnh tanh !*

lỡ đi : đã làm điều gì không hay.

*Đôi ta đã lỡ đi ra rồi,
Lo cán bông tha trái để lần hồi nuôi con.*

lu : không sáng tỏ.

*Em lên chùa thấy Phật muốn tu,
Thấy tam quan rách nát, thấy đèn lu mà buồn.*

lúc lắc : lắc qua lắc lại.

*Lúc lắc bầu tây,
Rót chén rượu đông,
Sai lời biển bắc,*

*Khá dễ mận nòng non **nam**.*

lúc nhặt lúc khoan : lúc nhanh lúc chậm.

*Gặp lúc trăng thanh gió mát,
Mái chèo lúc nhặt lúc khoan.
Vui chi như gặp mặt chàng,
Em thương ai nên nổi lòng vàng héo hon.*

lúc ni mới chợ : bây giờ mới thấy.

*Từ năm Ất Dậu niên lai,
Mùa màng nông vụ chẳng thấy ai ăn mần (1).
Tráng cũng như bần,
Cửu (2) cũng như dân.
Thấy đời mà ngán.
Ngó quanh gia bạn,
Thịt nát xương mòn,
Bỏ vợ bỏ con,
Cũng vì Ất Dậu.
Gạo có một đấu,
Bốn quan tiền chì.
Gái đẹp lúc ni (3),
Lưng còn má cọp.
Trai đang ăn học,
Mặt búng mày sưng.
Bầu bí không chùng,
Sắn khoai hết củ.
Chừ ta mới chợ (4),
Cháu bỏ ông bà,
Con bỏ cha mẹ.
Thay đời đổi thế,
Đình chùa phế trệ (5),
Thảm thiết giang sơn,
Rừng chẳng có con (6),*

Trâu bò xiêu bổ (7).
Lúc ni mới chợ,
Tà nịnh ra nhiều.
Thấy bạc thì xiêu,
Thấy nghèo thì hiếp.
Tra (8) đời trót kiếp (9),
Tội nợ còn mang.
Người cực búng vàng,
Chết đi sống lại.
Ngó ra đồng nội,
Cọng khoai con con.
Bới thì còn non,
Để thời sợ mất.
Cầu Trời khẩn Phật,
Có gạo chấn bản.
May được đôi phần,
Lần hồi đỡ bữa.
Trách người ở giữa (10),
Thèm rượu thèm nem,
Ăn chận, nói thêm,
Dân còn mô nữa.
Hết phương lần lửa.
Bỏ làng mà đi,
Cũng đành băng rú, băng ri (11),
Lên Lào kiếm một chút chi sống đời.

(Về nạn đói năm Ất Dậu (1945). Về này do cụ Tá làng Điền Môn, xã Điền Hải, Huyện Quảng Điền kể. Ghi chép trong cuốn Dân Ca Thừa Thiên Huế, Trần Thùy Mai, trang 277 đến trang 279; Nxb Thuận Hóa, 2003)

(1) mần : làm.

(2) cữu : chúc cữu phẩm, một chúc quan nhỏ nhất trong quan lại Nam Triều.

(3) lúc ni : lúc này.

- (4) chù ta mới chộ : bây giờ ta mới thấy.
 (5) phế trệ : bỏ hư hỏng.
 (6) cõn : cây.
 (7) bỗ : ngã. (8) tra : già.
 (9) trót kiếp : trọn kiếp.
 (10) người ở giữa : người hương lý làm trung gian tiếp nhận gạo phát chẩn cho dân nghèo đói.
 (11) ri : rừng.

lui cui : cặm cụi làm việc.

1/ *Sống không vui, lui cui cho mệt xác,
 Thác qua đời, tiền bạc cũng ra ma.
 Thạch Sùng xuta nhứt hạng phú gia,
 Bởi vì tiếc của, hóa ra con thần lằn.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

2/ *Lá cây rợp ở rằm rì,
 Đèn trăng chiếu đất vậy thì cũng vui.
 Một mình non núi lui cui,
 Chim kêu vượn hót voi lui về rừng.
 Chồn beo nó thấy cũng mừng,
 Hồ long ác thú cũng ủa theo châu.*

(Văn châu ông Chín Thượng Ngàn. Từ câu 9 đến 14. Khuyết danh. Châu văn Huế)

lúi búi leng beng : bận rộn.

*Lúi búi leng beng làm eng không biết,
 Leng beng lúi búi, eng túi dạ (1) nên nghi không ra.*

(1) túi dạ : chậm hiểu.

lùi : vùi trong than nóng hay tro nóng để nướng cho chín.

1/ *Vô nhà lửa tắt bếp vùi,
 Mấy o thức ngủ, cho tui lùi củ khoai ?*

2/ *Xù xì xụt xịt,*

Hột mít lùi tro,
Ăn no té địt (1).
Thằng cha nào địt,
Phải kiếm cho ra.
Đến ngày mồng ba,
Thằng cha này địt.

(Đồng dao. Một trò chơi thời thơ ấu)

(1) địt (từ thô tục) : trung tiện.

luống tuôn : chảy ra thành dòng liên tục.

Tin đâu sét đánh lưng trời,
Ôi thôi rồi ! bạn ngọc !
Cơn huyễn mộng, kiếp phù sinh, chỉ có mong manh !
Vén mây hỏi ông Trời xanh, nỡ làm cho thỏa lòng ganh,
Đem một áng xuân xanh chôn chặt sao đành?
Loan bay xót kẻ cô phòng,
Luống tuôn dần giọt thảm.
Trông mấy cụm liễu dương,
Đau đớn hay chưa !
Hương phai, phấn thù.
Cảnh còn lưa (1), cảnh cũ còn lưa.
Tưởng bao giờ mừng tượng (2) bóng người xưa.
Phách mai bơ sờ (3) !
(Phách mai bơ sờ cũng vì người ngọc !)
Bây giờ đã cách phân, côi trần thêm bận cho thân.
Tìm đâu dựng cố nhân,
Nuốt oan ăn hờn !

(Kiếp phù sinh. Khuyết danh. Điệu Nam Ai)

(1) còn lưa : còn lại.

(2) mừng tượng : mơ tưởng.

(3) bơ sờ : ngơ ngẩn, thần thờ, bơ phờ.

lút : tràn ngập.

1/ Bao giờ lút lút bến Mai,
Lút chùa Linh Mục mới phai nghĩa tình.

2/ Chười cho nước lút cột cờ,
Lư hương trúc ngã, bàn thờ trúc nghiêng.

(Đồng dao)

lút lịt : ít nói, điều gì cũng để bụng.

1/ Mụ o (1) chèo chęc (2) không chi (3),
Ông chú lút lịt có khi mất chồng !

- (1) mụ o : chị hay em gái của chồng.
(2) chèo chęc : hay nói những chuyện nhỏ nhặt, lời lẽ chua chát.
(3) không chi : không có hại ai.

2/ lút lịt mà địt (1) ra khói.

- (1) địt (từ thô tục) : trung tiện.

lụy : chiều theo ý của người khác.

Cách sông nên phải lụy đò,
Tối trời nên phải lụy o bán dầu.

lụy : nước mắt.

1/ Cầu Trường Tiền mười hai vại sáu nhịp,
Em qua không kịp tội lắm anh ơi.
Đêm năm tám tức (1) lụy nhỏ tuôn rơi,
Đầu có xa nhau đi nữa cũng tại ông Trời mà ra.

- (1) tám tức : bút rút, bực bội.

2/ Mình, một mình ngồi trông,
Bên non Tề, dựa kè dòng sông.
Xa, xa chồng nên nổi trông chồng.
Hai hàng lụy, hai hàng lụy ứa,

a (1) hai hàng, lụy càng chứa chan.
Chốn Trường giang, phương trời mênh mang.
Trông rồi thấy; thấy quan san,
Thấy chim nhạn, xa xa dặm ngàn,
Sự tình bên mình ngổ ngang.
Trách con Tào chi chi phụ phàng,
Vì đâu nên câu đoạn trường.
Châu lụy khôn hàn.
Trăm nghìn giận, càng giận càng thương.
Như lời hẹn, đừng thẹn tác gang.
Gánh cương thường xa đường phải nặng.

(Một mình ngồi trông. Khuyết danh. Điệu Lưu Thủy)

(1) ủa : tiết ra từng giọt.

3/ Nghĩa tào khang ai mà vội dứt,
Đêm nằm tấm tức (1) lụy nhỏ tuôn rơi.

(1) tấm tức : âm ức, tức tối.

4/ Thương chàng là thương hình đi, dáng đứng,
Nhớ chàng là nhớ nét ở, nét ăn.
Hai hàng lụy nhỏ khôn ngăn,
Đôi ba nơi tìm kiếm cũng không bằng nơi anh.

lừa : còn thừa, còn dư.

Mấy chục năm thừa khéo uống công,
Vô duyên gặp phải cái ông chồng :
Khoa danh có sẵn, quan quyền có,
Của cải không gì, ruộng đất không.
Đại chữ, thường ôm ba quyển sách,
Yêu hoa, lại rảo (1) mấy bồn bông.
Bạc hươu tháng lãnh xài đâu hết,
Thiếp hỏi khôn lừa (2) lấy một đồng.

(Vợ ông quan hươu than phiền. Ung Bình Thúc Giạ)

- (1) rảo : đi dạo.
(2) khôn lữa : không thừa.

lũng : không đầy.

*Đói lòng ăn nửa trái sim,
Uống lũng bát nước đi tìm người thương.*

lũng lũng : ít ít, không nhiều.

*Ăn cơm ba chén lũng lũng,
Uống nước cầm chừng để dạ thương em.*

lũng lơ : ngó ngẩn, không khôn ngoan.

*Tiếc tiền mua cá không tươi,
Mua rau khô héo, nuôi người lũng lơ.*

lụng đụng : lộn độn, trắc trở, gặp khó khăn.

1/ *Chồng con mô có (1) anh ơi,
Em còn lụng đụng vườn đào sớm trưa.*

- (1) mô có : đầu có.

2/ *Bác thang lên cung mây mà hỏi,
Hỏi rằng: ông tơ rằng không buộc trời cho mình nhờ.
Làm chi cho ba (1) lụng đụng, cho bướm dật dờ,
Đêm năm canh thiếp những đợi chờ cả năm.*

- (1) ba : hoa. Hoa là chữ húy, tên mẹ của vua Thiệu Trị là Hồ Thị Hoa.

3/ *Khi mô trúc đứng với mai,
Thế gian đồn đại là hai vợ chồng.
Bây chừ kẻ bắc, người đông,
Trai anh hùng lụng đụng, gái má hồng bơ vơ.*

lưỡi mềm chuốt ngót : dụ dỗ.

*Ngó lên trên trời, trời buồn, trời bực,
Ngó về sông An Cựu nắng đục, mưa trong.
Em đã quyết theo anh thì theo cho trọn thủy, trọn chung,
Đừng nghe ai lười mềm chuốt ngót (1) lánh đục,
tìm trong mà bỏ tình.*

(1) chuốt ngót : mài cho sắc bén.

M

má núng đồng tiền : má *lúm* đồng tiền; hai chỗ nhỏ hơi lõm hai bên má.

*Một thương tóc bỏ đuôi gà,
Hai thương ăn nói mặn mà (1) có duyên,
Ba thương má núng đồng tiền,
Bốn thương răng lóng, hạt huyền kém thua,
Năm thương cổ hãy đeo bùa,
Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng,
Bảy thương ăn nói khôn ngoan,
Tám thương má phấn lại càng thêm xinh,
Chín thương cô ngủ một mình,
Mười thương mắt biếc đưa tình cho ta.*

(Lý Tang tình)

(1) mặn mà : dễ thương, dễ mến.

mà chi : làm gì.

*1/ Mẹ ơi, bìm bịp kêu chiều,
Buôn bán không lời, chèo chổng mà chi.*

2/ Trai mà chi, gái mà chi,
Con nào có ngài (1) có nghì (2) là hơn.

(1) có ngài : có nghĩa.

(2) có nghì : có nghĩa.

mạ : mẹ.

1/ Anh thương em thì bày vẽ cho em cùng,
Em quen nhà mạ, lạ lòng nhà anh.

2/ Cơm với cá như mạ với con.

3/ Dượng chưa qua, làm gà chi mạ,
Dượng qua rồi, mạ đuổi con đi.

4/ Nghé (1) đi với mạ, được ngọn rau khoai,
Nghé đi với ai thì tiêu, hành, nước mắm.

(1) nghé : trâu con.

5/ Con qua, hán đứng bên sông,
Hán kêu ơi mạ, chó lấy chõng bỏ con.

6/ Mạ ơi, đừng gả con xa,
Chim kêu vượn hú, biết nhà mạ đâu.

7/ Anh ơi buông áo em ra,
Để em đi bán kẹo mà chợ trưa.
Chợ trưa không có người mua,
Lấy gì nuôi mạ, lấy gì nuôi em.

8/ Sông sâu sào ngắn khó dò,
Ai từng bẻ thóc mà đo dạ người.
Thảm thương mạ góa con cô,
Như thân cây khô mùa hạ, không biết có nẩy
chồi đặng không ?

mai mốt : một ngày rất gần.

*Gửi lời về thăm mẹ với cha,
Còn mình, mai một sẽ qua thăm mình.*

mai tê : ngày sau, sau này.

1/ *Anh có thương em thì trở lui về,
Thưa cho thầy (1) biết, thú thiệt (2) cho mẹ (3) hay.
Kẻo hai ta thương nhau công trượng (4) nghĩa dày,
Một mai tê, không thành đường chồng vợ,
đó đây chề cười,*

(1) thầy : cha.

(2) thú thiệt : thú thật.

(3) mẹ : mẹ.

(4) công trượng : ngụ ý theo nhau, thương yêu nhau từ lâu.

2/ *Anh cũng muốn ghé vô nhà hút thuốc ăn trà,
Nhưng sợ mai tê quan trên biết được, nói anh đặt
câu cho em leo !*

3/ *Con chim phượng hoàng bay ngang biển Bắc,
Con cá ngư ông móng nước ngoài khơi.
Gặp nhau đây xin phân tỏ một đôi lời,
Kẻo mai tê con cá về sông vinh,
Con chim nọ đổi đời non Nam.*

mạn : thành gỗ ghép hai bên thuyền.

*Thuyền rồng cao mạn, cạn mui,
Em đẩy ra lạch cạn, anh ngậm ngùi nhớ thương.*

màng : để ý, quan tâm.

*Khó nằm giữa chợ ai màng,
Làm nên quốc trạng, ba ngàn bà con.*

may mô may : may mắn.

1/ *May mô may chút nữa em làm,*

Khoai khô xắt lát tưởng sâm Cao Ly bên Tàu.

2/ *May mô may thiệp lại gặp chàng,
Trăm năm xin tạc đá vàng thủy chung.*

mắc : bận, bận bịu.

Nàng :

*Bấy lâu ni anh mắc đi mô (1),
Thả sen không đáo tới hồ thăm sen ?*

Chàng :

*Bấy lâu anh bận việc nhà,
Tai nghe phảng phất em đà (2) có đôi.
Tưởng thả sen thì bông tươi lá tốt,
Ai hay nửa chừng lá rụng, bông khô.
Không còn sinh ba (3), nở nhụy, nở đáo (4) tới hồ làm chi!*

(1) đi mô : đi đâu.

(2) đà : đã.

(3) ba : hoa.

(4) nở đáo : chẳng đến.

mặc may : may ra, may mắn.

*Mặc may mà gặp kim vàng,
Chẳng may thì phải kim gang, kim chì.*

mặn mòi : càng nhìn càng thấy mến, thấy dễ thương.

Nàng :

*Ơi người tía đậu hôm mai,
Da đen như quạ, lại đòi nàng tiên !*

Chàng :

*Đen anh, đen mặn, đen mòi,
Trắng em trắng bủng sán chồi,
Thử chút chơi, chớ ai cưới của nợ đòi làm chi !*

mặn nồng : tỏ bày tâm sự thiết tha.

*Bước tới vườn hoa, sao vườn hoa sớm nở ?
Bước tới chợ, sao chợ sớm đông ?
Anh trách em sao vội lấy chồng,
Để anh chờ đợi biết mặn nồng cùng ai ?*

măng già tre rụi : đến khi lớn tuổi, về già.

*Em không ra lấy chồng mà kiếm chút con trai,
Kẻo một mai măng già tre rụi, lấy ai bạn cùng.*

măng giang : măng là cây tre còn non, chưa có cành, chưa có lá. Măng giang là măng của một loại tre ở vùng núi.

1/ *Măng giang nấu cá ngạnh nguồn (1),
Tới đây ta phải bán buồn mua vui.*

(1) cá ngạnh nguồn : giống cá ngạnh sinh sống ở nguồn các con sông.

2/ *Rừng rú thì có hươu mang,
Khe suối thì có măng giang,
Đò dọc thì có đò ngang,
Chợ búa thì có mụ bán hàng.*

mặt chằm bằm : mặt nặng, khó chịu.

*Lấy chi con vợ tuổi thân,
Cái mặt chằm bằm, như đá dựng bia.*

mắt lác mày lay : nhìn qua ngó lại, liếc nhìn lảng lơ.

*Chưa chồng, mắt lác mày lay,
Chồng rồi, ruồi đậu ruồi bay mặc ruồi.*

mản : làm.

1/ *Làm quan phải xét cho dân,
Không tin ngài xuống, ngài mản ngài coi.*

2/ *Thôi đừng buôn tảo bán tần,
Về ở với chú, chú mần chú nuôi.
Thôi đừng chạy ngược chạy xuôi,
Về ở với chú, chú nuôi chú mần !*

3/ *Xa thì xa cho khuất,
Đã gần thì gần cho thành thất, thành gia.
Đừng mần như bướm với ba (1),
Lâu lâu viếng tới dạ ta thêm buồn.*

(1) ba : hoa.

4/ *Vè vè vè ve, nghe vè nói ngược,
Con chim mần tổ dưới nước,
Con cá mần tổ trên cây,
Trâu chết dắt ra đi cày,
Trâu sống, chôn mày xuống lỗ,
Thuyền đi trên bộ, ngựa lội dưới sông.
Một bầy cá nhám lên đồng kiếm ăn.
Cái thàng nói ngược, thoi đà dễ nghe :
Con voi ấp trứng sau hè,
Con gà cao bành để đưa,
Con tôm cắn trả con cua,
Một bầy cá mại hù hù ăn theo.
Bao giờ cho cá m ăn heo,
Cho chuột ăn mè, cho cỏ ăn trâu.
Chim én cắn cổ điều hâu,
Gà con tha quạ bay đâu mịt mù !*

(*Vè nói ngược*. Vè Thừa Thiên - Huế, 2001, Tôn Thất Bình (Chủ biên). Bài *Vè nói ngược* này khác bài *Vè nói ngược* trong cuốn "Dân Ca Thừa Thiên Huế" của Trần Thùy Mai, Nxb Thuận Hòa, 2003)

mần chi : làm gì.

- 1/ *Họa hổ, họa bì, nan họa cốt,
Tri nhơn, tri diện, bất tri tâm.
Ôi thôi rồi ! thiếp đã lỡ lầm,
Chàng đà bạc nghĩa, thiếp ôm cầm mần chi ?*
- 2/ *Đường xiêu xiêu, ngành dâu lúu rúu,
Thả anh về chớ trún trúu mần chi.
Em mà thật bụng như ri,
Theo anh làm vợ, cần gì cười cheo.*
- 3/ *Chờ chờ đợi đợi mần chi,
Trai anh hùng có vợ, gái nữ nhi lấy chồng !*
- 4/ *Lôi kéo mần chi cho cực khổ tám thân chàng,
Về nhà bòn rong khe cạn, hơn tìm vàng núi cao.*
- 5/ *Mần chi cho bí mật (1) nhau,
Miếng trầu khô héo, miếng cau rã rời.*

(1) bí mật : xấu hổ, mất mặt.

- 6/ *Ngọ Môn năm cửa, chín lầu;
Một lầu vàng, tám lầu xanh.
Ba cửa thẳng, hai cửa quanh,
Thân em là phận gái,
Chớ hỏi chốn Kinh Thành mần chi !*

mần răng : làm sao.

- 1/ *Kim Long dẫy dọc tòa ngang,
Em chèo một chiếc xuồng nan về Sinh.
Đôi đứa mình lỗi hẹn ba sinh,
Có mần răng đi nữa cũng trọn tình với nhau.*
- 2/ *Lửa thử vàng, gian nan thử sức,
Đạo cương thường, đồng lực, đồng tâm.*

*Em ở màn răng cho trọn nghĩa sắt cầm,
Như đá Vọng Phu kia biết bao nhiêu mưa sa,
gió táp, mấy ngàn năm cho phai mờ.*

màn răng đặng chủ : làm sao được bấy giờ.

1/ *Mẹ già không muốn gả con,
Lấy nhau không đặng màn răng đặng chủ ?*

2/Chàng :

*Em thương anh mà thầy mẹ cản ngăn,
Giả như hòn đá đàn (1) trên cỏ, biết màn răng đặng chủ?*

Nàng :

*Anh thương em thì nhờ thầy mẹ định toan,
Không phải vô sòng già gạo, hát hò khoan mà thành !*

(1) đàn : đề mạnh.

3/ *Thế gian khẩu thuyết vô bằng,
Không mà nói có, màn răng đặng chủ.*

màn răng màn rửa cho xong : làm đại, làm nhanh cho xong.

*Màn răng màn rửa cho xong,
Kéo cau em hỏi (1), kéo trâu em khô.*

(1) hỏi : khô héo, hư hỏng.

màn ri : như thế này.

*Vừa nghe anh mệt anh đau,
Em đây đã vội ra hầu một khi.
Bằng đồng hái ngọn lá ni,
Ở màn ri cho trọn đạo phu thê vợ chồng.*

màn rửa : như thế kia.

*Em không ra lấy chồng thì thiên hạ đàm tiếu,
Em ra lấy chồng thì bỏ mẹ yếu con thơ.
Thôi thôi em ở màn rửa, dầu tóc bạc như tơ cũng đành.*

màn thính : không nói, không lên tiếng.

*Đi qua nghiêng nón, không chào;
Màn thính rửa mái, biết ngày nào cho quen ?*

mập ù : béo tròn, béo múp, mập thù lù.

*Trời sinh con cút cụt đuôi,
Chui bờ lủi bụi, ai nuôi mập ù.*

mất bụng nhau : mất lòng nhau.

*Anh em vốn thiệt người hiền,
Chỉ tại đồng tiền mà mất bụng nhau.*

mấy hồi : chẳng lâu, chẳng mấy chốc.

*Ai mau chân, qua chuyến đò trước,
Ai lữ bước, qua chuyến đò sau.
Thuận buồm xuôi gió gặp nhau mấy hồi.*

mấy bữa ni : mấy ngày nay.

*Có mặt trời thì chớ (1),
Tắt mặt trời, dạ thiếp nhớ băng khuâng.
Trời mấy bữa ni mưa mô gió nấy (2), đò Tuần (3)
không đưa.*

(1) thì chớ : thì không có chuyện gì.

(2) mưa mô gió nấy : mưa nhiều gió lớn.

(3) đò Tuần : bến đò chợ Tuần.

Ngày xưa, chợ Tuần có bến đò đưa khách qua lại trên sông Hương; chợ Tuần có bán bún lá ăn với nước cá thu hay nước cá

ngù xắng ớt tươi. Tại đây, có trạm quan thuế Tuần Hà thu thuế các thuyền bè buôn bán sản vật từ thượng nguồn sông Hương về kinh thành Huế.

mấy lâu ni : một thời gian dài đến nay; bấy lâu nay.

- 1/ Cầu Trường Tiền mười hai vại sáu nhịp,
Anh qua không kịp tội lắm em ơi.
Mấy lâu ni mang tiếng chịu lời,
Có xa nhau đi nữa cũng tại ông Trời mà ra.
- 2/ Em ngó vô vườn cau, lấy khăn vuông lau nước mắt,
Em ngó về vườn trầu, ruột thất gan khô.
Mấy lâu ni Hán đã xa Hồ,
Trông cho đây gặp đó, phân phối đôi lời.
Sông dài nước chảy bèo trôi,
Dễ tìm rún biển, dạ người khó đo.
- 3/ Mấy lâu ni chàng cách, thiếp xa,
Sầu tương tư rũ rượi như hoa lìa cành.
- 4/ Mấy lâu ni tin tức vắng hồi,
Cây dâu khô rụi, dạ bồi hồi lá gan.
- 5/ Mấy lâu ni vắng bật thư từ,
Không biết người thương ngày cũ có đợi chờ
mình không ?
- 6/ Chàng :
Mấy lâu ni xa ngài, xa nhơn,
Ngài nhơn có giận, có hờn chi không ?
Nàng :
Xa ân nhơn cho vẹn chữ tam tòng,
Em đây không đặng lá thắm chỉ hồng thì thôi.
- 7/ Mở lời chào, chào nam, chào nữ,

Chào trai quân tử, chào gái thuyền duyên.
Mấy lâu ni, cách trở nợ duyên,
Đau lòng chàng chửa mấy bằng phiền dạ em.

(Hồ già gạo)

8/ Thiếp gặp chàng thì thiếp hỏi thăm,
Mấy lâu ni chọn kén đã đặt tâm đâu chửa ?

mấy năm cho rồi : bao lâu mới xong.

Dâu kia hết lá vì tầm,
Nổi sầu thiếp giải mấy năm cho rồi.

mè : vừng.

Kim long tươi tốt vườn chè,
Gạo de An Cựu, đĩa muối mè cũng theo nhau.

mẹ hả : mẹ hài lòng, mẹ vui.

Ru con a hả a hà,
Con nín mẹ hả, con la mẹ buồn.

mèn ơi : Trời ơi.

Ngày xưa em nói thương anh,
Anh về làm sàng, làm súc, làm cửa, làm nhà.
Nay chừ em đã thương ai,
Để tranh cùn, rui (1) mục, mèn ơi hồi mèn.

(1) rui : thanh tre hay thanh gỗ đóng theo chiều dọc để lợp mái nhà.

mèo vá : mèo có những mớ lông màu khác nhau. (Mèo tam thể có ba màu: đen, vàng, trắng).

Con mèo không rách răng kêu mèo vá,
Con cá không thờ rằng gọi cá linh (1) ?

(1) cá linh : cá nước ngọt, cùng họ với cá chép.

mề mề : rành rành; rõ ràng.

*Có tội mề mề,
Chồng để ra về,
Còn nói việc thương con.*

mệt đứt : mệt nhừ, rất mệt.

*Rù rờ (1) đổ vỡ thật là hư,
Để trước quên sau kiếm mệt đứt.
Ăn uống vãi rơi làm họ bực,
Ra vào đụng chạm thấy mình hư.
Gặp người quen cũ nhìn ngơ ngẩn,
Biết nói làm răng nữa đặng chừ (2).
Ai ngờ rằng nay ra thế ấy,
Xưa kia lỗi lạc một tay cừ (3).*

(Bà Như Không)

(1) rù rờ : chậm chạp.

(2) làm răng nữa đặng chừ : làm sao được bây giờ.

(3) cừ : tài giỏi nổi tiếng.

mi : mày.

*1/ Con kiến mi ở trong nhà,
Tao đóng cửa lại, mi ra đường nào ?
Con cá mi ở trong ao,
Tao tát nước vào, mi chạy đường mô ?*

*2/ Độc ác chi mi lắm hồi tiền,
Mi làm kẻ thế có khi điên.
Mi xui lòng dạ đen thay trắng,
Mi dục lòng người thẳng hóa xiên.
Mi xô can thương (1) vào một xô,
Mi phân chia rẽ ngả đôi bên.
Sinh ra vạn tội vì mi cả,*

Độc ác chi mi lắm hỡi tiên.

(Chép theo lời bà Nguyễn Thị Huệ)

(1) can thượng : cường thường.

miệt : vùng, miền.

*Mít chuối thì có miệt ngoài,
Lúa khoai huyện Phong (1), huyện Quảng (2),
Lâm hải sản Phú lộc, Phú Vang.
Quê ta biển bạc rừng vàng,
Chè thơm Hương Trà, mía ngọt Hương Thủy
nuôi thế gian tháng ngày.*

(1) Phong : Phong Điền.

(2) Quảng : Quảng Điền.

mình trần thân trụi : nghèo khó, không có của cải.

Nàng :

*Chuông vàng đem treo giữa gió,
Khuyên anh đừng bám, chớ béo, mó (1) mà
méo chuông đi.
Mình trần thân trụi biết lấy chi mà trả đền ?*

Chàng :

*Chuông vàng đem treo giữa gió,
Anh đây bám, béo có méo mó chuông đi.
Anh là thợ hàn phá ra đúc lại, can gì mà em lo.*

(1) mó : rờ.

mó : rờ, sờ mó.

*Tưởng đâu mười bảy hoặc mười ba,
Cụ Thảo Am tôi chữa chữa già.
Rượu đến khi say ửng mó nguyệt,
Trời dù bóng xế thích dòm (1) hoa.*

*Đa tình là Phật, chớ sao nữa,
Vô sự thì Tiên, cũng thế mà.
Sân khấu còn vui ta cứ sống,
Sống mà hò hát với người ta.*

(Cụ Kính Chỉ Phan Văn Hy họa lại bài thơ của cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) **dòm** : ngắm, nhìn.

mói : muối.

*Đổ cơm thì dổi,
Đổ mói thì đui.*

mọn : nhỏ, bé.

*Nước trong khe mọn chảy ra,
Đó ché đây đục, đó đà trong chưa ?*

mỏng mảnh mong manh : mỏng manh, rất mỏng.

*Mỏng mảnh mong manh,
Đó ai câu đượ cá hanh nguồn Truồi.*

mọng : chứa nhiều nước, làm căng ra.

*Dâu Truồi vỏ mọng dày cơm,
Mùi mọng màu hồng, ngọt lịm thơm ngon.*

mô : đầu.

1/ *Bụi lách khô sâu mô rũ rượi,
Con thỏ núp lùm chờ đợi bóng trắng.
Chỉ hiềm vàng đá khăng khăng,
Một trăm chón mới không bằng nghĩa xưa.*

2/ *Cây khô tưới nước cũng khô,
Phận nghèo đi tới nơi mô cũng nghèo.*

3/ Chàng :

*Con anh mới chết cứng đờ,
Chôn mô cũng chẳng được, tới nhờ đất em.*

Nàng :

*Anh ơi, đất em là đất bác ái từ bi,
Chôn cha anh cũng được, hướng gì con anh !*

(Hò trêu ghẹo)

4/ Người thương người ở mô đây ?

Lân cận xóm này tìm kiếm không ra !

5/ Trăm năm thiếp không bỏ chàng mô,

Chớ ưu sầu dạ ngọc mà héo khô gan vàng.

mô : nào.

1/ Đèo mô cao bằng đèo Phước Tượng (1),

Nghĩa mô trượng bằng nghĩa chồng con ?

Trông lên nước chảy đá mòn,

Dẫu xa ra ba trăm dặm, vẫn còn nhớ thương.

(1) đèo Phước Tượng nằm trên quốc lộ số 1, phía đông-nam huyện Phú Lộc. Trước kia có tên là Khúc Tượng, đến đời Minh Mạng đổi tên là Phú Tượng, qua đời Tự Đức lại đổi tên là Phước Tượng.

2/ Nàng :

Lỗ vàng, lỗ bạc, lỗ em,

Hỏi anh ba lỗ, anh thềm lỗ mô ?

Chàng :

Anh xem vô ba lỗ cũng vững vàng,

Hai lỗ làm giàu làm có, một lỗ để nối đànang tử tôn.

3/ Một cội cây tùng ba bốn con vượn leo chung,

Tam túc yêu lượm (1), em dùng con mô ?

(1) tam túc yêu lượm : bốn quân bài trong trò chơi đánh lú.

4/ Thang mô cao bằng thang danh vọng,

*Nghĩa mô trọng bằng nghĩa vợ chồng.
Trăm năm nước chảy đá mòn,
Xa nhau ngàn dặm dạ vẫn còn nhớ thương.*

mô có : đầu có.

1/ Nàng :

*Mấy lâu ni tin tức vắng hời,
Em tưởng rằng thầy với mẹ kiếm vợ rồi cho anh.*

Chàng :

*Vợ con mô có em ơi,
Anh hãy còn nấp cây ẩn bóng chờ ông thiên tào định*

xây.

2/ Chàng :

*Tới đây biệt xã bất tri tình,
Em có đôi không biết, một mình không hay.*

Nàng :

*Có đôi mô có, anh nờ,
Em đây còn mặt phấn, má đào chờ anh .*

mô mô : không đầu vào đầu cả.

*Nói chi những chuyện mô mô,
Chàng ưng làm rể thì vô mà hầu.*

mô nà : đầu nào.

*Chờ anh dầu cạn, bác (1) khô,
Trắng tàn, sao lặn nỏ (2) thấy anh mô nà.*

(1) bác : tim đèn.

(2) nỏ : chằng.

mô nào : đầu có.

Nàng :

Tham giàu phụ khó ai khen,

Tất trắng có đỏ, lỗ đèn có đây.

Chàng :

Thăm giàu phụ khó mô nào,

Chẳng qua duyên nợ ông thiên tạo định xây.

(Hò già gạo)

mô nờ : đầu nào.

Nàng :

Anh ơi anh, con rắn không chân mà đi khắp rú.

Con gà không vú, mà nuôi đặng chín mười con.

*Trai nam nờn anh đối đặng, em phải chịu hầu
non già đời.*

Chàng :

Em ơi em, cây tiêu côi rình rặng kê bằng cây tiêu thọ,

Cây chuối không tư tình, rặng cây chuối nọ nhảy con.

Trai nam nờn anh đã đối đặng, hầu non mô nờ ?

(Hò thử tài đối đáp)

mô nữa : đầu còn.

Chàng :

Rượu nồng rót khéo nghiêng ve,

Rượu nồng mô nữa mà em khoe rượu nồng ?

Nàng :

Rượu hờ hơi ra không phải rượu khàng,

Ba (1) tàn rụng xuống, mửa đàng lên côi (2).

Anh buông câu ra để đó anh ngời,

Cá kia có đỏi, tìm mồi mà ăn.

Chàng :

Cá không ăn câu, ắt là cá dại,

Anh vác câu về để giở lại đây.

*Đêm khuya thổi ngọn gió tây,
Anh đảo lại một trận, cá rày phải ăn.*

(Hò già gạo)

(1) ba : hoa.

(2) côi : trên.

mỏ : dùng mỏ cắn nhau.

*Chim chích (1) mà gheo bờ nông (2),
Đến khi nó mỏ, lạy ông tôi chừa.*

(1) chim chích : chim sâu, một loại chim bé nhỏ.

(2) bờ nông : một loại chim ó, mỏ cong, nhọn.

mỗ : tôi.

Chàng :

*Không ai lao đao như mỗ, cực khổ như nàng,
Buổi mai lên non đốn củi, đốt than,
Chiều về hạ thủy, đào hang bắt còng.*

Nàng :

*Khó như em đây mai củi, chiều than,
Giàu như anh không ở nhà để người ta kêu bằng cậu,
Răng lại trốn làng tới đây ?*

mối tơ : đầu mút của sợi tơ tằm.

*Sáng trắng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.
Quay tơ phải giữ mối tơ,
Dầu mắt bầy mối cũng chờ mối (1) anh.*

(1) mối : người làm mai mối.

mông quạnh đồng không : cánh đồng vắng vẻ. Thành ngữ :
"đồng không mông quạnh".

*Kẻ đi người ở gây thương nhớ,
Mông quạnh đồng không gấm chán chê !*

một chắc : một mình.

1/ Nàng :

*Ngó lên trên trời, sao dòi vật đổi,
Ngó xuống dưới nước, bè nổi hoa trôi.
Mông mênh sóng dập gió dòi (1),
Thuyền quyen một chắc, đứng ngòì với ai ?*

Chàng :

*Lòng lại dạn lòng ở cho bền bỉ,
Dạ lại dạn dạ ở cho chí đỉnh cao sơn.
Em chớ nghe tiếng sáo mà bỏ tiếng đờn (2),
Chớ tham giàu bỏ bạn, tham hơn mà bỏ chàng.*

(1) dòi : tung lên rơi xuống liên tiếp.

(2) đờn : đàn.

2/ *Tánh chi bần lạ bần lùng,
Ăn thì một chắc, chẳng cùng với ai.*

3/ *Tới nơi đây một chắc, đơn cô,
Khác chi đũa so le một chiếc, ai bỏ (1) thành đôi.*

(1) bỏ : thêm vào.

một đôi lời : vài lời.

*Một đôi lời,
Nhấn bạn tình ơi !
Thề non nước, giao ước kết đôi,
Trám năm tạc dạ.
Dầu xa cách, song tình thương chớ (1) phụ thì thôi.*

Niềm trọn niềm, xin đừng sao nhãng.
Trời kia định nợ ba sinh (2),
Đẹp duyên lành,
Trọn niềm phu phụ, bậc tài danh.
Dầu tiên có tại non Bồng,
Kết mối tơ hồng.
Ấy thời trông.
Nghĩa sắt cầm,
Hòa hợp trăm năm.
Bởi vì xa cách, nhắn nhe cùng bạn tri âm.

(Một đôi lời. Khuyết danh. Điệu Hành Vân)

(1) chó : không nên.

(2) nợ ba sinh : cái nợ trong ba kiếp : kiếp trước, kiếp hiện tại, kiếp sau.

một mai : ngày sau, mai sau.

1/ Con chim đại bàng bay ngang hòn núi bạc,
Con cá Ông Voi nó khạc nước ngoài khơi.
Anh gặp em đây phân giải một đôi lời,
Kẻo một mai chim kia, cá nọ đổi đời không gặp nhau.

2/ Còn cha gót đỏ như son,
Một mai cha mất, gót con đen sì (1).
Còn cha nhiều kẻ yêu vì,
Một mai cha thác, ai thì yêu con ?

(1) đen sì : đen đui; đen thui.

3/ Mẹ già không tính liệu cho con,
Một mai tre già gốc rui, để măng non một mình.

4/ Một mai thiệp có xa chàng,
Đôi bông thiệp trả, đôi vòng vàng thiệp xin.

5/ Chàng :

Sợ đẹp lòng anh, e không đành lòng mẹ,
Một mai em về nặng nề khổ thân.

Nàng :

Em thương anh, anh đừng nghi ngại xa khơi,
Thầy mẹ thương con không nỡ nặng lời nàng dâu.

6/ Tiếc con **voi** vàng ăn cây mía **tượng**,
Tiếc con **rùa** vàng đậu bến kim **quy**.
Anh có thương em thì thúc tới cho kịp thì,
Kẻo một mai thầy mẹ gả em đi,
Như đá đàn ngon cỏ, lấy mưu chi mà cứu nàng ?

một mai tê : một ngày kia, một ngày nào đó.

1/ Biển tình chìm nổi bối rối tư lương,
Thiếp với chàng như lửa với hương.
Một mai tê, dù hương tàn lửa tắt,
Đạo nghĩa cang thường (1) xin chớ bỏ nhau.

(1) cang thường : cương thường.

2/ Em không ra lấy chồng mà kiếm chút con,
Kẻo một mai tê người ta có mình không cũng buồn.

mớ : tập hợp những cái cùng loại.

Ba đồng một mớ trâu cày,
Sao anh không hỏi những ngày còn không ?
Nay em tay bế tay bồng,
Xin đừng lui tới mà chồng em ghen.

mờ như : mà như.

Anh thương huê (1) mận, huê đào,
Còn bông (2) mờ như huê cúc biết vào tay ai ?

(1) huê : hoa.

(2) bông : hoa.

mụ gia : mẹ chồng.

1/ *Chó béo đẹp mặt chủ nhà,
Nàng dâu rách rưới, mụ gia thẹn thường.*

2/ *Thương chồng để chế mụ gia,
Chớ tui với mụ có bà con chi.*

mụ o : chị hay em gái của chồng.

*Một trăm ông chú không lo,
Chỉ lo một chút mụ o nhọn mõm.*

mụ ơi : Em ơi. Tiếng gọi vợ một cách thân mật của ông chồng già.

*Mụ ơi ! Nghĩ lại chớ nên ghen,
Diện mạo tuy tra (1), sức chữa hèn.
Bởi bệnh đa tình còn vương vít,
Xui lòng hiếu sắc cứ mon men !
Gối chán giữ trọn niềm âu yếm,
Ông bướm chi nè chuyện nhỏ nhen.
Nước đổ trăm khe, nguồn vẫn một,
Ghen tương thêm bận mấy ai khen ?!*

(Xin thứ. An Đình Trần Kinh)

(1) tra : già.

mùi khê khê : mùi khét, mùi hắc của đồ nấu bị cháy.

*Khen ai khéo nấu nồi chè,
Đã ngon lại ngọt, có mùi khê khê.*

mung : tôm.

*Sông Ô Lâu nước chảy vòng quanh xã,
Xứ Phong Nguyên lắm cá, nhiều mung,
Khoai thừa, sắn đủ, gạo thơm,*

Bốn mùa hoa quả, ấm áo, no cơm đủ đầy.

mung lung : rộng mênh mông, ánh sáng mờ nhạt.

Thuyền ai trôi trước,

Cho tôi lướt tới cùng.

Chiều đã về trời đất mung lung,

Phải duyên thì xích lại cho đỡ náo nùng tiếng sương.

(*Quê Mẹ*. Thanh Tịnh. Ấn quán Tân Sanh. 10/4/1975)

mủng : đồ dùng bằng tre, đan sít, hình tròn, lòng sâu; nhỏ hơn cái thúng.

O ơi ! Tui đây không phải là trai hư,

Tui đan đặng, tui đát (1) đượ, tui lần (2) chừ (3)

cho o coi (4).

Lần rồi tui chận lột hẳn hoi,

Ở trên tui nấn (5) xuống, ở ngoài tui đê vô.

Nói ra sợ mất lòng o,

Ngó trong cái mủng, chỗ mô tui cũng dùi.

(1) đát : đan.

(2) lần : mò.

(3) chừ : bây giờ.

(4) coi : xem.

(5) nấn : ấn mạnh, đè mạnh.

muối mè : mè rang trộn với muối. Mè là vừng.

Kim Luông (1) tươi tốt vườn chè,

Gạo de An Cựu đĩa muối mè cũng ngon.

(1) Kim Luông : Kim Long.

muốn kè : muốn đến gần.

Thấy em da trắng muốn kè,

Hình dung cũng đẹp, sợ bề có đôi (1).

(1) sợ bề có đôi : sợ em đã có chồng hay có bạn trai rồi.

mút : ở đằng cuối.

Nàng :

*Con cá **đối** nằm trên **cối đá**,*

*Mèo **đuôi cụt** nằm **mút** **đuôi kẻo**.*

*Anh mà **đối** **đặng** (1), dẫu khó nghèo em cũng theo.*

Chàng :

*Con **mỏ kiến** đậu trên **miếng cỏ**,*

*Con **vàng lông** **đáp xuống vòng lang**.*

*Nay anh **đối** **đặng**, xin nàng theo anh.*

(1) **đối** **đặng** : giải đáp được.

mút mùa : cuối mùa.

Mút mùa, rạ ngã, rơm khô,

Bạn về quê bạn, biết nơi mô mà tìm.

mưa già : mưa lớn.

Sấm sầm sịch lừng chùng ngoài biển Bắc,

Giọt mưa tình tãng rỉ rắc (1) chồn hàng hiên.

Em muốn làm ngơ đi mà ngủ, ngủ cũng không yên,

Sợ mưa già nước ngập, biết tựa con đò vô mô (2)?

(1) rỉ rắc : tũ tũ, rơi từng giọt.

(2) vô mô : vào đâu.

mưa mô gió nấy : nhiều mưa lại nhiều gió.

Đàt Cầu Hai (1) nam thanh nữ tú,

Đường Bạch Mã (2) vượn hú, ve van.

Thảm thương mấy chị bán hàng,

Mưa mô gió nấy cũng băng ngàn ra đi.

(1) Cầu Hai thuộc huyện Phú Lộc.

(2) Bạch Mã tên một vùng núi cao, phong cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ.
Bạch Mã cũng thuộc huyện Phú Lộc.

mưa sa nước sĩa : mưa rơi nước chảy mạnh.

*Cha đi đốn (1) củi trên nguồn,
Mưa sa nước sĩa, cha tuông (2) cha về.*

(1) đốn : chặt.

(2) tuông : vội vã.

mương : rãnh nước dẫn nước vào vườn để lấy nước tưới cây.

*Đường mương nước chảy làm hai,
Cha ghe mẹ ruột, khổ trăm đường em ơi.*

mường tượng : mơ tưởng.

*Nước non ngàn dặm ra đi,
Cái tình chi ?
Mượn màu sơn phấn, đèn nợ Ó Ly.
Đáng cay vì đương độ xuân thì,
Độ xuân thì !
Cái lương duyên, hay là cái nợ duyên gì ?
Má hồng da tuyết,
Quyết liễu như hoa tàn trăng khuyết.
Vàng lộn theo chì !
Khúc ly ca,
Sao còn mường tượng nghe gì !
Thấy chim hồng nhạn bay đi,
Tình lai láng, bóng như hoa quì.
Dặn một lời Mân Quân,
Nay chuyện mà như nguyện,
Đặng (1) vài phân,
Vì lợi cho dân,
Tình đem lại mà cân,
Đáng cay muôn phần !*

(Huyền Trân công chúa. Võ Chuẩn. Điệu Nam Bình)

mượt : mặc kệ, không quan tâm đến.

1/ Lòng dạn lòng dù non mòn đá lở,
Dạ dạn dạ bền bỉ keo sơn.
Dạ em ở thẳng như đờn,
Mượt lòng anh đó, nơi mô hơn cứ tìm.

2/ Mượt lòng thầy mạ định toan,
Em không biết ai giàu, ai khó mà từ ngài ai.

3/ Mượt lòng nỏ ép, nỏ can,
Có nơi mô đẹp ý, thanh nhàn thì bạn đi.

4/ Mượt trời gió đẩy, mây đưa,
Sa đâu ấm đó, nỏ kén lựa (1) mần chi.

(1) kén lựa : lựa chọn.

5/ Ngó lên côi (1) trời, trời cao lồng lộng,
Ngó xuống dưới đất, đất rộng cả bóng cơn (2).
Dạ em ở thẳng như đờn (3),
Mượt lòng bên bạn, chỗ mô (4) hơn thì tìm.

(1) côi : trên.

(2) cơn : cây.

(3) đờn : đàn.

(4) chỗ mô : nơi nào.

6) Núi nào cao bằng núi danh vọng,
Nghĩa nào trọng bằng nghĩa vợ chồng.
Dầu cho nước chảy đá mòn,
Đó làm sao mượt đó, đây còn đợi đây.

N

nạ dòng : người đàn bà lớn tuổi đã từng có chồng.

1/ *Cau già khéo bổ (1) thì non,
Nạ dòng trang điểm lại giòn như xuta !*

(1) bổ : chẻ, xẻ, cắt theo chiều dọc.

2/ *Trai tơ mà lấy nạ dòng,
Cầm bằng đôi dạ, xương rồng cũng ăn.*

3/ *Trai tơ thì lấy gái tơ,
Đi mô lật đật (1) mà vợ nạ dòng.*

(1) lật đật : vội vã, hấp tấp.

nài : dây thừng bện thành hình tròn, mang vào hai bàn chân để leo cây hái cau.

*Thương nhau rồi lại ghét nhau,
Giả như một bận trèo cau đứt nài.*

nại : e ngại.

*Muốn bỏ thương, mà sương (1) thì nặng,
Bỏ thì khôngặng, phải gắng mà thương.
Bởi vì có nợ oan-ương (2),
Theo nhau chi nại đổi đường (3) xa xuôi.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) sương : gánh.

(2) oan-ương : tai họa.

(3) đổi đường : quăng đường.

nam nhơn : đàn ông, nam nhi.

Nàng :

*Em đố anh trên trời có mấy ông sao ?
Dưới rào (1) có mấy con cá ?
Trong nhà mạ (2) mấy con, đũa mấy đôi,*

*nồi mấy cái, giấy mấy tờ, tơ mấy múi, núi mấy hòn ?
Trai nam nhơn giải đặng, cặp đào non em trao liền.*

Chàng :

*Trên trời có một ông sao,
Dưới rào có một con cá,
Trong nhà : nhất mẹ nhì con, đũa một đôi,
nồi một cái, giấy một tờ, tơ một múi, núi nọ hai hòn.
Trai nam nhơn đã giải đặng, cặp đào non em mô nào*

(3)?

(Hò đối đáp)

(1) rào : sông.

(2) mạ : mẹ.

(3) mô nào : đâu nào.

nạng : gậy có hai nhánh ở đầu trên để chống đỡ.

*Đó ai bẻ nạng chống trời,
Đan gàu tát bể, gọi người khôn ngoan.*

nay chừ : bây giờ.

1/ *Ai xưa hẹn trúc thề mai,
Nay chừ ai đã nghe ai quên lời.*

2/ *Em can mà chàng chẳng nghe,
Nay chừ tay bưng nón gạo, tay xách bó củi nè (1),
thảm chưa ?*

(1) nè : cành tre khô.

3/ *Em thương anh từ khi răng trắng, tóc ngắn ngang vai,
Nay chừ răng đã nhuộm, tóc đã dài.
Anh nghe ai xiêu lòng, lặc dạ bỏ em giữa chốn
non đoài thảm chưa !*

4/ *Khi xưa em nói rằng thương,*

*Anh về bán nhà, bán cửa, bán ông táo, thổ công.
Nay chừ bạn nói rằng không,
Anh nghe như sấm sét giữa đồng ơi em !*

5/ *Khi xưa thầy mẹ hứa gả cho anh,
Nay chừ thầy mẹ không gả cho anh.
Anh ra anh đứng cây sanh, cây cù,
Hai hàng nước mắt như mưa,
Anh lau cái khăn không ráo,
Anh lau cái áo không khô.
Ôi thôi rồi, công lao anh đổ xuống ao hồ,
Tiếc cái công hầu hạ từ thuở mô đến chừ !*

6/ *Không thành bữa trước thì thôi,
Nay chừ lợp ngôi, tô vôi không màng.*

7/ *Nàng:
Liếc mắt nhìn chàng, lòng càng thêm hổ,
Sách có câu kim đao cổ bất hành.
Tình duyên buổi trước không thành,
Nay chừ đến hội gặp anh,
Muốn xe tơ kết tóc, dạ có đành hay không ?*

*Chàng:
Buổi sơ dương mà không vương vấn,
Có lẽ đâu chừ mà lại vấn vương ?
Thôi thôi, em đừng thốt nữa, thêm thương, thêm sầu.*

8/ *Chàng:
Nào khi thề thốt giao ngôn,
Nay chừ phụ khó tham giàu, ai ơi ?*

*Nàng:
Ai tham giàu thì mang câu sỉ nhục,
Em không tham giàu, lánh đục tìm trong.*

9/ *Ngồi xuống nơi đây cho anh phân mấy lời sau trước,*

*Ngày xưa kia nguyện ước vợ chồng.
Nay chừ trời đất khiến không,
Thiếp một nơi, chàng một ngả, thăm vô cùng trời ơi.*

*10/Thiếp xa chàng, trăm người trăm tiếc,
Chàng xa thiếp, vạn kẻ vạn thương.
Tưởng rằng vạn thọ vô cương (1),
Nay chừ như đòn gánh gẩy giữa chặng đường bơ vơ.*

(1) vạn thọ vô cương : sống lâu hàng vạn năm, không giới hạn.

nay chừ chừ : bây giờ đây.

*Anh nói với em như rìu chém xuống đá,
Như rạ (1) chém xuống đất, như mật rót vào tai.
Nay chừ chừ anh đã nghe ai,
Bỏ em giữa chốn non đòi thăm chửa !*

(1) rạ : rựa, dao to bản dùng bửa củi, đốn cây.

nay ngúc mai ngắc : không chắc chắn, không quyết định dứt khoát.

*Đã thương thì thương cho chắc,
Đã trọc trọc thì trọc trọc cho luôn.
Đừng học cái thói luông tuồng (1),
Nay ngúc mai ngắc thêm buồn chàng ơi.*

(1) luông tuồng : tự do buông thả bừa bãi, quá trớn.

nây : tôi đan bằng lá kê để che nắng mưa phía sau lưng người làm ruộng.

*Thiếp xa chàng như nón xa nây,
Như cột kèo mà xa đòn tay,
Như đường rầy mà xa xe lửa.
Đêm nằm ngửa mặt mà kêu ông Trời.*

năm canh : suốt đêm. Một canh là khoảng thời gian bằng một phần năm của đêm.

1/ Anh đi đàng (1) ấy xa xa,
Để em ôm bóng trắng tà năm canh.
Nước non chung một mối tình,
Nhớ ai ai có nhớ mình hay không ?

(1) đàng : nơi, chỗ, phía.

2/ Nàng :
Nước trong xanh bên thành con én trắng,
Thăng cánh bay tới cõi xa xăm.
Anh đi mô không bóng không tăm,
Năm canh em đợi ruột tâm héo hon.

Chàng :
Ngày xưa kia thiệp với chàng như vôi với gạch,
Bởi vì em ở cách đạo nên chi chàng mới giả lơ.
Cơ chi thiệp nhớ tới tình xưa nghĩa cũ,
Chàng đã đưa tới bọt (1) tới bờ cho thơm danh.

(1) bọt : bến.

năm lọc bầy lừa : chọn lọc quá cẩn thận.

Mẹ em năm lọc bầy lừa,
Mua gà hóa cuốc,
Mua dứa hóa bầu.

năm xưa : những ngày xa xưa.

Năm xưa hai đứa thân tình,
Chừ xa đôi ngả, khổ vô cùng Trời ơi.

nằm đèo queo : nằm nghiêng, cong lưng, co chân lại, hai tay ôm đầu gối.

*Khó nằm giữa chợ đèo queo,
Sơn lâm có cửa cũng trèo mà lên.*

nằm chèo queo : nằm nghiêng, co quắp người lại.

*Một vợ thì nằm giòng lèo,
Hai vợ thì nằm chèo queo một mình.*

nằm queo : nằm nghiêng, co quắp người lại.

1/ *Thái Bình Dương gió thổi,
Chiếc thuyền em trôi nổi khác thể cánh bèo.
Ý làm sao anh không ra giúp chống đỡ chèo,
Anh hùng sao lại nằm queo trong thuyền.*

2/ *Biển Thái Dương ngày rày sóng gió,
Gái thuyền duyên em đây nhỏ nhỏ như cánh tai bèo.
Cũng muốn ra nâng chống đỡ chèo,
Anh hùng chi quái lạ cứ nằm queo trong dò !*

nặng chang chang : nặng gay gắt.

*Chị ấy năm nay còn gánh thóc,
Dọc bờ sông trắng nặng chang chang.*

(Hàn Mặc Tử)

nặng doi : tia sáng mặt trời xuyên qua đám mây đang mưa.

Nặng doi mưa lòi con mắt.

nặng quắn : sức nặng đè xuống làm đau xoắn.

*Biết lấy chi mà trả nghĩa khó khăn,
Đền ơn cha mẹ, nặng quắn hai vai.*

nặng trĩu trĩu : nặng trĩu.

*Hai vai gánh nặng trĩu trĩu,
Vai mang chữ hiếu, vai địu chữ trung.*

nặng trĩu : rất nặng, nặng trĩu.

*Xa xuôi (1), cách mấy năm tròn,
Ruột héo gan mòn, từng đoạn.
Sông dầu cạn, đá dầu trôi, ai nữ quên ai !
Sanh ra đạo làm trai, há phụ tình, cùng bạn đào mai !
Còn nặng trĩu hai vai, quân với phụ, đền, ta chưa đền !
Ngọn rau tác đất, nhớ chùng, ta khó nổi lấp ngừng luy
đổ,*

*Thương trăm họ làm than, Tôn Miếu giữa nghiêng.
Ái phi chớ có phiền, gác tình riêng,
Đừng giận nợ hờn duyên.
Chí dốc nguyên, luyện thạch bổ thiên.
Ái ân mới vẹn tuyền.
Khi ấy sẽ mây rồng đặng gặp.
Ngoài ngàn dặm xa khơi, gọi mấy lời thăm bạn hỏi ai ơi!
Con bĩ cực thái lai,
Gặp nhau có ngày.*

(*Xa xuôi cách mấy năm tròn. Khuyết danh. Điệu Nam Ai*)

(1) xa xuôi : xa xôi; rất xa.

nẫu : anh.

*Chiều chiều chớp biển muta nguồn,
Bao nhiêu vui về nẫu, bấy nhiêu buồn về tui.*

nấy : người ấy.

*1/ Phá Tam Giang lâu ngày cũng cạn,
Trông nhà Hồ ai dạn (1) nấy đi.
Lòng dạn lòng chớ (2) ngại đừng nghi,
Đã thương đừng sợ, sợ thì đừng thương.*

(1) ai dạn : người nào can đảm.

(2) chớ : không.

2/ *Ruộng ai thì nấy đắp bờ,
Duyên ai nấy gặp, xin anh đừng có mối chờ.
Em nguyện ở vậy để phụng thờ mẹ cha.*

nậy : lớn.

1/ *Con chi to nậy trắng hai sừng,
Cấy mũi (1) lòn thòn tọt dưới chưn (2).
Một vạt da đen thui thúi thúi,
Bốn đùi chưn (3) cứng nững nững nưng.
Chày vồ (4) lọt thọt treo kề háng,
Bụi dừa lùm thùm mọc giữa lưng.
Từ dỏ (5) đến chừ chưa ngó chộ (6),
Con chi to nậy trắng hai sừng.*

(Con voi. Khuyết danh)

- (1) cấy mũi : cái mũi.
- (2) lòn thòn tọt dưới chưn : lòn thòn tọt dưới chân.
- (3) chưn : chân.
- (4) chày vồ : (ngụ ý nói) bộ phận sinh dục của con voi đực.
- (5) từ dỏ : từ lúc còn nhỏ tuổi.
- (6) chộ : thấy.

2/ *Chiếu liền trái rạp,
Đèn sáp thắp lên,
Đứng lại hai bên,
Hoa lên một mái.
Cúi đầu mà lạy,
Tổ tiên ông bà,
Thuở trước đề ra,
Nay chừ phải tập.
Nậy nhỏ cho rập (1),
Cầm mái chèo hoa,
Lên rước ông bà,*

*Đưa ngài về rập,
Đèn đội đèn sáp,
Thắp lên hai hàng.
Đố bằng treo ra,
Ngón đà rất tốt.
Hồng đơn dán cột,
Coi đã nên xinh.
Bốn tập đồng tình,
Nghe màu lo lắng.
Áo điều (2), áo trắng,
Ăn mặc nhớn nhỡ,
Hoa lên mặt mái.*

(Hát múa tập chèo)

- (1) rập : nhịp nhàng, đều đặn ăn khớp với nhau.
(2) điều : màu đỏ.

nệ : cố chấp; câu nệ.

*1/ Điều hát dễ dàng là điệu hò khoan xứ Huế,
Không pha tiếng quyến, không nệ tiếng đàn.
Miễn làm sao giọng hát du dương,
Tình kia nghĩa nọ, đôi đường phân minh.*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

*2/ Ấy ai quên hẹn với mình,
Ra tình hờ hững,
Tu cho khỏe thì hơn.
Bận bịu đã mang.
Đời ít hiệp nhiều tan,
Dây sầu ràng buộc tâm can.
Cho rồi nợ hồng nhan.
Ôi ! đau khổ trăm đàng !
Khuây khoa, bán giận mua cười cho rồi, đừng nệ.*

*Câu ước nguyện dành thôi,
Nước chảy hoa trôi, quên đi cho rồi.
Rặc (1) trò chơi, đời chỉ vậy đó mà thôi !
Khi đón mời, khi ngoảnh mặt, đó là ai ?
Nói thêm dông dài (2).
Chi chi (3) cũng tại mình xấu phận !
Buồn trong hạt sương gieo.
Lệ tình nhẹ nhẹ rơi theo,
Càng nghe tiếng thông reo,
Xót thân mây bèo !*

(*Ấy ai quên hẹn.* Nhạc sĩ Bửu Lộc. Điệu *Nam Ai*)

- (1) rặc : đây rầy.
(2) dông dài : kéo dài thời gian vô ích.
(3) chi chi : gì gì, có gì, có chuyện gì.

nên chi : cho nên.

1/ *Ai đem con sáo qua sông,
Nên chi con sáo sổ lồng bay xa.*

(Lý Con sáo Huế)

2/ *Núi Ngự Bình trước tròn sau méo,
Sông An Cựu nắng đục mưa trong.
Bởi vì thầy với mẹ lánh đục tìm trong,
Nên chi duyên chàng nợ kiếp long đong (1) rứa hoài.*

- (1) long đong : khó khăn, trắc trở, không được may mắn.

3/ *Vông đồng (1) chẳng gói được nem,
Tại anh chậm bước nên chi em lấy chồng.*

- (1) vòng đồng : một loại cây có hoa màu đỏ thắm, lá màu lục, mỏng. Ở Huế dùng lá vòng đồng để gói nem.

ngái : xa.

- 1/ Có tình đứng ngái cũng mê,
Không tình đứng cận ngồi kề cũng dư.
- 2/ Còn duyên đứng ngái cũng mê,
Hết duyên ăn cận ngồi kề cũng không.
- 3/ Dù cho đường ngái mấy mươi,
Anh thương, anh nhớ, anh liều đi thăm.
- 4/ Đêm nằm, tay mặt bỏ qua tay trái, nghĩ ngái suy xa.
Nhớ tới công ơn cha mẹ nước mắt sa đầm dề.
- 5/ Đi đâu cho ngái cho xa,
Ở đây với dượng bằng ba lấy chồng,
Đêm đêm dượng thắp đèn lồng,
Dượng sửa chiếu lại, dượng bồng cháu lên !
- 6/ Yêu nhau đứng ngái cũng mê,
Không yêu ăn cận , ngồi kề cũng không.

ngãi : nghĩa, quan hệ tình cảm.

- 1/ Đêm năm canh trăng thanh, bóng tỏ,
Nghĩ đến chữ tình lụy nhỏ như mưa.
Thề sơn, nguyện hải ngày xưa,
Nghe ai nguôi lòng, lạt dạ, dứt ngãi sớm trưa sao đành.
- 2/ Nặng vì tình, say mê vì ngãi,
Vì ai nên thân đại ma tà.
Chuyện trò nhiều nỗi vương mang,
Chàng nghe ai lười mềm chuốt ngọt, mà dứt
nghĩa tao khang giữa chừng.
- 3/ Ngó lên trên trời, mây giăng tứ phía,
Ngó xuống dưới biển sóng dựng tứ bề.
Làm sao nên ngãi phu thê,

Đây chồng đó vợ, ra về có đôi.

4/ *Quyết theo nhau đầu xanh cho đến khi đầu bạc,
Sống gửi nạc, thác lại gửi xương.
Một mai chiếu có xa giường,
Giường mà xa chiếu, đạo ngãi cang thường đừng xa.*

5/ Nàng :

*Ra về răng dít mà về,
Bỏ non, bỏ nước, bỏ mấy lời thề cho ai ?*

Chàng :

*Thả bè cho nước phân hai,
Quê em, em ở, quê ai, ai về.*

Nàng :

*Ra về răng dít, anh ơi,
Xa nhân, xa ngãi, xa lời với em !*

(Hò già gạo)

6/ *Thuyền chài đổ lộn thuyền câu,
Biết thuyền duyên ngãi ở đâu mà tìm ?*

ngại ngại dàng : e ngại đường sá xa xôi.

Nữ :

***Dạ là đêm, đêm nay rồi đêm nữa;**
Hỏa là lửa, lửa ngọn đến lửa than.
Em thấy anh cao họ, lớn làng,
Muốn trao duyên gởi nợ, nhưng ngại ngại dàng
không dám trao.*

Nam :

***Nhật là ngày, ngày này sau ngày trước;**
Thủy là nước, nước đục lại nước trong.
Tiếng đồn em cao họ lớn giòng,*

Ước kết duyên Tần Tấn nhưng ngại ngần biết nói sao.

(Hò thủ tài đối đáp)

(dạ là đêm, hỏa là lửa đối lại nhật là ngày, thủy là nước)

ngàn : rùng; núi có nhiều cây.

*Chim lạc bầy, nó kêu khắc khoải,
Vượn xa ngàn, ôm trái khóc than.
Đêm nằm lệ nhỏ chứa chan,
Chàng không nhớ câu tình tự băng ngàn ra đi.*

ngày còn không : lúc chưa có chồng.

*Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh không hỏi từ ngày còn không.
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra.*

ngày rày : ngày nay.

Chàng :

*Nhớ em anh cũng muốn vô,
Sợ truông Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.*

Nàng :

*Phá Tam Giang ngày rày đã cạn,
Truông Nhà Hồ, Nội Tán (1) cấm nghiêm.*

(1) Nội Tán : Danh tướng thời Nguyễn Phúc Chu tên thật là Nguyễn Khoa Đăng đã dẹp yên giặc cướp ở vùng truông nhà Hồ.

ngặt nghèo : khó khăn, rắc rối.

Nàng :

Tiếng đồn anh hay chữ, em hỏi thử đôi lời,

Rằng anh ăn cơm bằng đũa, bắt cá đồng bằng tay ?

Chàng :

*Em ơi, em đó chi câu quá ngặt nghèo,
Em về đếm thử con mèo mấy sợi lông !*

nghĩa nhân : người có tình có nghĩa.

*Được nghĩa nhân như sơn với thủy,
Mất nghĩa nhân như nước rỉ đầu non.*

nghỉn mô (từ cổ) : hơi mô (mà).

*Đêm năm canh, ngày sáu khắc chàng ơi,
Nghỉn mô thiếp chịu khúc nôi đoạn trường.*

nghỉn ngẩn (từ cổ) : hơi thờ ngẩn.

*Đứng bên ni sông, dòm (1) qua bên tê sông,
người đông như hội,
Em bực tẩm tình muốn lội sang sông.
Sợ một mai e sông dài nghỉn ngẩn, thiếp
không gặp chàng.*

(1) dòm : nhìn, ngó.

ngó : nhìn.

*Anh đứng cầu Trường Tiên, ngó vô chợ Đông Ba,
thấy người ta đông như hội,
Anh ngó vô trường Bà Tuần (1), hát bội xôn xao.
Gặp em đây giữa chốn ba đào, cho anh trộm lời
ướm thử, em đã có nơi nào hay chưa ?*

(1) trường Bà Tuần : rạp hát Bà Tuần (trên đường Gia Long cũ).

ngó cho rành : nhìn cho kỹ.

Nước chảy một sông, có nơi trong chỗ đục,

Mười không như chục (1), có kẻ tục người thanh.
Ai ơi phải ngó cho rành,
Chớ cho đồ đất đồ sành cũng như nhau.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) chục : ở Huế, thông thường một chục là 10 đơn vị, nhưng về ngành buôn bán đôi khi một chục là 12, 14 hoặc 15 đơn vị tùy theo người buôn bán.

ngó chộ : nhìn thấy.

*Em đứng ngã tư Anh Danh,
Em ngó quanh đường Lục Bộ.
Em đứng đường Lục Bộ,
Em ngó chộ ngã Tam Tòa.
Thiệt sự tình nên phải nói ra,
Nay em còn theo chân thấy, gót mẹ,
chứ chưa ra lấy chồng.*

ngó dọi : nhìn theo.

*Em về răng chẳng ngó lui,
Để anh ngó dọi, bùi ngùi nhớ thương.*

ngó khom : cong lưng mà nhìn.

*Ngán cho người đã có đống rơm
Còn ngó khom qua đống tót,
Có vợ rồi còn eo ót hầu non.*

ngó vọi : nhìn theo hình ảnh ở đằng xa.

*Ra về ngó vọi chơi vơi,
Lòng thương cảm động, bốn phương trời đều hay.*

ngõ : cổng ra vào nhà vườn. Các tỉnh miền Bắc: ngõ là con đường nhỏ, hẹp; cái hẻm.

- 1/ *Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.*
- 2/ *Chiều chiều ra ngõ mà trông,
Ngõ thì thấy ngõ, người không thấy người.*
- 3/ *Chim buồn chim bay về núi,
Cá buồn cá chúi xuống sông.
Em buồn ra ngõ đứng trông,
Ngõ thì thấy ngõ, người không thấy người.*
- 4/ *Gái thương trai, đứng đường ngoài ngõ,
Trai thương gái, tối mấy cũng đi.*

5/ Nàng :

*Giàu sang chi anh mà chánh chánh, hầu hầu,
Ngày hôm qua em đi qua cửa ngõ, thấy anh ăn
bát canh bầu thế cơm.*

Chàng :

*Anh thường ăn cháo gà, cháo vịt, cháo thịt bò câu,
Hôm qua trời nóng nực, mới ăn canh bầu cho
mát chân răng.*

- 6/ *Trong nhà chửa tỏ,
Ngoài ngõ đã hay.*

ngoai : ngoài.

*Trăng lên gác bóng non đoài,
Lòng thiếp thương nhớ chẳng ngoai hỡi chàng.*

ngoắt : vẫy tay kêu gọi một người nào đó.

- 1/ *Mừng đến bốn ba mươi năm bể hoạn,
Lái còn nguyên, lèo lạt hãy còn nguyên.*

Ngoắt ông câu cày gởi con thuyền,
Ôm sách cũ lại theo miền núi cũ
Biết đủ dầu không chi cũng đủ,
Nên lui đã có dịp thời lui.
Sẵn có đây phong nguyệt kho trời,
Câu hành lạc cập thời ta chó trẻ.
Có lầu Ngạc liên-huy, có đình Lai vũ-thể,
Hội Kỳ Anh thêm lắm vẻ phong tao,
Thỏa lòng rày ước mai ao.

(Phủ doãn về hưu. Ung Bình Thúc Giạ)

2/ Em đứng bên ni đình chợ,
Em ngó bên tê đình chợ.
Bóng ai tương tợ bóng chàng,
Em giang tay ngoắt chiếc ò ngang,
Trách ò tê qua không kịp, nên duyên thiếp
nợ chàng xa nhau.

ngoắt đuôi : ve vẫy cái đuôi.

Con cá về sông Vịnh ngoắt đuôi,
Em lấy chồng biệt xã, ai nuôi mẹ già ?

ngoắt với : vẫy tay kêu gọi một người đứng xa.

Cách phá Tam Giang em sang ngang không dặng,
Ngoắt với , ơi chàng nghĩa nặng còn đây.

(Lý Giao duyên)

ngọn ngành ra răng : gốc gác ra sao.

Biết răng chù (1) đi tới quê anh,
Lá lay thì rúa (2), biết ngọn ngành ra răng (3) ?

(1) răng chù : khi nào.

- (2) rửa : như thế.
(3) ra răng : ra sao.

ngóng cổ mà trông : trường cổ mà nhìn.

*Tới đây không hát thì hò,
Chẳng lẽ con cò ngóng cổ mà trông.*

ngồng : to lớn khác thường.

Nàng :

*Ai làm cho cái tôi ngồng,
Cho dưa tôi khú (1), cho chồng tôi chề ?*

Chàng :

*Chồng chề thì mặc chồng chề,
Dưa khú nấu với cá trê cũng bùi.*

- (1) khú : thúì, thối, có mùi hôi.

ngùi ngùi : bùi ngùi.

*Ngó đâu ngó đó thì vui,
Ngó về chốn cũ ngùi ngùi nhớ anh.*

ngút : ngắt một vật cho rời ra.

*1/ Thảm thương thân bèo nằm trên mặt nước,
Thảm thương thân bạc đeo trước lỗ tai,
Thảm thiết thương khoai đào lên bới xuống,
Thảm thương thân muống ngút đọt nấu canh,
Thảm thương thân anh vợ con chưa có.
Ai lo đồng này, ai lo đồng nọ, ai lo sự kia ?
Dầu mà sừng bắn bên kia,
Hai ta như khóa với chìa đừng rời.*

*2/ Thò tay (1) mà ngút ngọn ngô,
Thương em bút chết (2) giả đò ngó lơ (3).*

- (1) thò tay : đưa tay ra.
(2) thương bút chết : quá thương, thương nhiều lắm.
(3) giả đồ ngó lơ : nhìn chỗ khác, giả bộ như không để ý.

nhà khó : nhà nghèo.

*Nhà giàu bỏ cơm bỏ cá,
Nhà khó bỏ rau má khoai lang.*

nhà rường : nhà có sườn gỗ.

*Nhà rường mà lợp tranh mây,
Thân anh hai vợ, như dây buộc mình.*

nhân sắc chi đó : có đẹp đẽ gì đâu.

*Thiếu chi bị lác hai quai,
Nhân sắc chi đó mà hai đứa dành (1).*

- (1) dành : giành.

nhang : hương.

1/ *Anh buồn có chốn thở than,
Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya.*

2/ *Tay em cầm nạm nhang, cây tắt cây đỏ,
Tay em cầm ngọn cỏ, cây héo cây khô.
Đêm năm canh ra đứng còn mờ,
Gọi vong hồn chàng dậy, phân phó đôi lời.*

nhần : cần nhần, cầu nhàu, trách móc.

*Đèn không khươi lấy đâu sáng cả,
Rượu không mở khàng, răng biết rượu ngon.
Khổ thân cho thiếp héo hon,
Nay nghe nhần, mai nghe chưởi (1) vẫn sát son
với chồng.*

(1) chuỗi : chuỗi.

nhân ngãi : nhân nghĩa; người tình, bồ.

1/ Sông dài có lắm đò ngang,
Gái nhiều nhân ngãi, nhọc mang oán thù.

2/ Sông sâu đò dọc đò ngang (1),
Anh nhiều nhân ngãi em mang mang sầu.

(1) đò dọc đò ngang : đò dọc là con đò đưa khách một quãng đường xa, dọc theo dòng sông, từ làng này qua làng khác; đò ngang là đò đưa khách qua sông.

nhim : râm, không có ánh nắng.

Nàng :

Con nhà phú quý chán chi kẻ thương yêu,
Cớ làm răng (1) anh phòng không gối chiếc,
Chịu cảnh bóng xế trăng chiều, hỏi anh ?

Chàng :

Ai thương yêu mặc họ thương yêu,
Bóng xế mặc bóng, càng chiều càng nhim.

(1) cớ làm răng : tại làm sao.

nhông nhông : nhông nhèo, nũng nịu.

Nhông nhông như chiếc sáo chông,
Lại còn nhông nhông kén chồng trai tơ.

nhớ trai : nhớ người tình (trai).

Đêm nằm vượt bụng thở dài,
Nhớ chồng thì ít, nhớ trai thì nhiều !

nhởi : chơi.

Thương em từ thuở lên ba,
Mẹ bỗng đi nhởi, anh bẻ hoa em cầm.

nhóm gót : bước đi.

Chàng :

*Anh tới đây ở mãi không về,
Rằng chừ (1) hai bên cha mẹ đến, anh mới về quê anh.*

Nàng :

*Thôi thôi chàng nhóm gót ra về,
Kẻo thế gian đồn đại thiếp say mê với chàng.*

(1) răng chừ : khi nào.

nhơn nghĩa : nhân nghĩa.

*Đứt tay một chút còn đau,
Huống chi nhơn nghĩa lia nhau sao đành.*

nhờn : chơi.

1/ *Mở lời chào quân tử xa hương,
Tham vui tới nhờn hay vắng mặt người thương tới tìm.*

(Hò già gạo)

2/ *Oi trò đi học nhà trường,
Phải chăm mà bước kẻ đường còn xa.
Giữa đường chớ (1) nhờn chớ la,
Phải so ngày tháng thoát đà đường thoi.
Nào gương nào phép phải noi,
Vâng lời dạy bảo theo đòi sử kinh.
Đừng theo bướm bạc lảng lênh,
Bạn bè giỡn hót sa tình say vui.
Ông kia chăm việc lui cui (2),
Dầm sương lấy mật góp mùi trăm bông.
Lưng eo liệng giữa thình không,
Lấy lời khuyên trẻ hết lòng siêng năng.*

(Lý Hoài xuân)

- (1) chớ : không nên.
(2) lui cui : lúi húi, cặm cụi.

3/ *Tui tới đây xin mở lời chào anh em trai quân tử,
Chào chi em gái thực nữ thuyền quyên.
Chào rồi lại hỏi thăm riêng,
Em ham vui tới nhờn, hay bằng miền tìm ai ?*

(Hò trêu ghẹo)

nhờn : nhãn; một loại cây thân to, trái nhỏ, tròn, mọc thành chùm, vị ngọt.

*Nhờn lồng trong bọc ngoài bao,
Con ong châm còn được, hướng chi quả hồng
đào chín cây.*

nhớp nhúa : dờ bần.

*Trời sinh các có giống con ruồi,
Có cánh sao mà chẳng có đuôi ?
Mắt lớn chuyên dòm (1) đồ nhớp nhúa,
Vòi dài chỉ hút vật tanh hôi.
Gặp may lắm lúc đèo (2) khu (3) ngựa,
Thừa thế nhiều khi đậu trớt (4) voi.
Cúng cấp cỗ bàn đều ních trước,
Gươm vàng cũng xếp đứng mà coi.*

(Con ruồi. Khuyết danh)

- (1) dòm : nhìn, ngắm nghía.
(2) đèo : đeo, bám vào.
(3) khu : đít.
(4) trớt : đậu.

nhúm : làm cho lửa cháy.

Nàng:

*Nhật là ngày, không biết ngày này hay ngày trước,
Thủy là nước, không biết nước đục hay nước trong.
Em gặp anh đây muốn gá nghĩa vuông tròn,
Chỉ sợ thực bất tri kỳ vị, khó lòng ngày sau.*

Chàng:

*Dạ là đêm, đêm nay em chưa vừa, anh xin thêm đêm nữa,
Hỏa là lửa, có lửa được lửa đèn.
Ngộ tình cờ đó nhúm đây nhen,
Chàng thường dùng cao lương mỹ vị, không phải kẻ hèn
mà em lo.*

(Hò thủ tài đối đáp)

như hử (từ cổ): như thế.

*Đời, gặp đời cạnh tranh,
Khuyên ai mà tuổi tác xuân xanh,
Đua nhau vào sân Khổng cửa Trình.
Chăm mà học cho đặng tấn tới (1),
Tới con đường, tới đường văn minh.
Sĩ, nông, thương, cổ, bách công,
Học thông, học cho biết,
Biết biết khôn,
Biết cơ xảo, tinh thông mọi nghề.
Học mà văn luyện võ hay,
Sao nước mạnh, sao cho dân giàu.
Về sau, về vang hoàn cầu.
Kìa non nước, vóc gấm thêu màu.
Thân nam tử như hử mới ngoan.
Hết nghĩa vụ, nghĩa vụ làm trai,
Sánh trên đời anh tài mấy mặt !*

(Khuyến học. Khuyết danh. Điệu Lưu Thủy)

(1) đặng tấn tới : được tiến bộ.

như ri : như thế này.

1/ Dạ em ăn ở như ri,

Anh còn bán tín bán nghi lẽ nào.

2/ Gốc tre già đổ ra đòn xóc,

Chồng đi lính, vợ ở nhà khóc như ri.

Trời ơi sinh giặc làm chi,

Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường.

3/ Chàng :

Thấy nhau nghiêng nón bước đi,

Có mô lao khổ như ri, hỡi Trời !

Nàng :

Gặp nhau đây bờ ngõ khó chào,

Nghiêng mình lách nón, nước mắt trào như mưa.

4/ Thiếp gặp chàng như bông lan gặp chậu,

Chàng gặp thiếp như hạc đậu lưng quy.

Thiếp dặn chàng là dặn như ri,

Chỗ mô giàu sang mặc kệ, khó khăn thì đợi chờ.

như rúa : như thế.

1/ Chàng :

Anh đến với trăng thì trăng đã mọc,

Anh đến với hoa thì hoa đã nở,

Anh đến với đò thì đò đã sang sông,

Anh đến với em thì em đã lấy chồng.

Em đối với anh như rúa,

Hỏi có mặt nòng chằng em ?

Nàng :

Anh đến với trăng, trăng đến giờ thì trăng mọc,

Anh đến với hoa, hoa đến thời thì hoa phải nở,

Anh đến với đò, đò đầy thì đò phải sang sông,
Anh đến với em, đến duyên thì em phải lấy chồng.
Em đối với anh như rứa, còn mặn nồng thì tùy anh.

2/ *Chữ duyên nghĩa nó vẫn là duyên,
Duyên đâu lại có già mà rượng (1).
Duyên phải chi làm vợ nổi ghen ?
Duyên liếc đàn bà, xem cũng nguy,
Duyên ưa gái trẻ, đáng nào khen.
Duyên mà như rứa, duyên là nợ,
Duyên nợ cho không, cũng nỏ thêm.*

(An Đình Trần Kinh)

(1) rượng : trang thái ham muốn tình dục.

3/ *Duyên thắm duyên càng đượm, vì giống đa tình,
Thêm nhiều ngày mặn nồng càng xinh.
Bực (1) huynh thành thật là tài danh.
Song duyên kia đừng phụ, nào trách chi mình,
Chỉ non thề nguyện cùng trời xanh,
Lòng dặn lòng cho đành,
Nổi kết mình.
Thư nhận đưa tin tháng ngày,
Nguồn ân ái dấm dàu với đây.
Thương càng bận, lặn bận (2) lòng đây,
Vấn vương tình tự, duyên nợ vì đây,
Tơ hồng khéo xe, thực là hay.
Trăng rọi (3) thềm hoa,
Lâu ngọc sáng lò,à,
Hương thơm ngạt nhà.
Khắp gần xa,
Tiếng đàn (4) hòa ca.
Ngâm vịnh mấy chén quỳnh,
Say sưa cùng mình,*

Sánh tàỵ (5) vai.
(Nhơn nhơn nghĩa),
Nhơn nghĩa (6) lâu dài.
Thực là vui, dám nào phai.
Tâm đầu ý hợp, như ríta mấy người ?
Ngọc vô hà, Biên Hòa mới hay.
Một ngày tương tri, tình si, ấy là ai ?
Muôn vàng không ngại, mua một tiếng cười,
Gọi mười người như mười.
Anh hùng có đâu, có là đâu.
Thôi thôi đừng, thôi đừng nản nỉ, suy nghĩ thêm sâu.
Mặc ai dầu, lại hầu thương yêu.
Mặn nồng bao nhiêu.
Đường còn lâu,
Chút tình sâu,
Vui lòng ưa ý, danh lợi chi cầu !

(Tự tình. Khuyết danh. Điệu Cổ Bản)

- (1) bực : bực.
- (2) lặn bậ : bậ bậ, lặn đậ.
- (3) rọi : chiếu sáng.
- (4) đờn : đàn.
- (5) sánh tàỵ : sánh bằng.
- (6) nhơn nghĩa : nhân nghĩa.

như thử : giống như, như thế.

1/ Nàng :

Mình em như thử chuông vàng,
Treo trong thành nội một ngàn linh canh.

Chàng :

Anh về đấng lính võ lâm,
Ngày thì canh trong thành nội, tối anh đâm chuông vàng.

2/ Tay chân nắng rám nâu sồng,
Đôi chân như thừ đôi chằm (1) thuyền khơi.

(1) đôi chằm : cặp chèo nhỏ, nhẹ, dài chừng ba hay bốn tấc.

nhường : như là.

Khuyên ai gấn bó, báo đền công trình thầy mẹ.
Ăn nặng nhường sông, nghĩa chất non cao.
On cúc dục (1) cù lao, sinh thành lo sợ xiết bao.
Lo cơm bữa nhường nao (2), ẩm bồng ra vào.
Nâng niu bú mớm đêm ngày, xem tày (3) vàng ngọc.
Hay chạy hay đi, lúc nắng lúc mưa.
Từ xưa tới giờ, lúc hầy còn thơ đến bây giờ,
Chịu nhục nhơ (4), biết bao nhiêu mà.
Trong năm trọn ngày qua,
Da mồi tóc bạc mây xa.
Khuyên trong cõi người ta,
Thảo ngay mới là.

(Khuyến hiếu. Khuyết danh. Điệu Nam Ai)

(1) cúc dục : nuôi dưỡng và dạy dỗ. (Cúc là nuôi nấng; dục là dạy dỗ)

(2) nhường nào : như thế nào.

(3) xem tày : xem bằng.

(4) nhục nhơ : dơ bẩn.

ni : nay.

1/ Anh trách em bạc mà em không bạc,
Bởi vì dao kia sút ngạc cho nên đèn nọ lu li.
Thiếp chờ chàng ba bốn năm ni,
Chàng không bước tới, thiếp đi lấy chồng.

2/ Anh trách em một dạ hai lòng,
Tiếc công anh chờ đợi, mấy thu đông ni rồi.

3/ Chàng :

Mấy lâu ni tin tức vắng hồi,
Cây dâu khô rụi (1), dạ bồi hồi lá gan.

Nàng :

May mô may (2) thiệp gặp lại chàng,
Ba trông trong chậu vừng vàng khỏi lo.

(1) rụi : ngã gục.

(2) may mô may : may mắn.

4/ Tay bắt tay là hai mươi ngón,
Mắt nhìn mắt là bốn con người.
Em thấy anh không nói không cười,
Em ôm lòng hoài vọng chín mười năm ni.

5/ Tay bên tả anh bưng chén ngọc,
Tay bên hữu anh cầm đôi đũa ngà.
Anh ngồi chửa xuống chiếu, đôi đũa đà gãy đi.
Buồn phiền anh mới ra đi,
Đạo hiền thê chéch mác ba bốn tháng ni hồi nàng.

ni : này.

1/ Hò bài chòi :

Mười hai chòi, lắng lắng mà nghe ni,
Thuyền ta thì đậu bến ta,
Can chi nhỏ cọc cắm qua thuyền người ?

(Giải đáp: con *nọc* trong bộ bài chòi. Cái *cọc* còn gọi là cái *nọc*.)

2/ Nàng :

Tưởng anh đến để lòng thương,
Nửa thương nửa sợ, tính đường sao đây ?

Chàng :

Cây vông đồng gai không vót mà nhọn,

*Con kiến trong hang ai dọn đường đi ?
Nghiêng tai nói nhỏ em nì :
Thương thì đừng sợ, sợ thì đừng thương.*

ních : ăn tham lam, ăn thô tháp.

*Quảng Nam hay cãi,
Quảng Ngãi hay co (1),
Bình Định hay lo,
Thừa Thiên ních hết.*

(1) co : đánh lộn.

niết : mắng nhiếc.

*Của mình nó lấy ăn chơi,
Hãy còn ở đời nó niết dân ta.
(Vé Thát Thủ Kinh Đô. Câu : 18, 19.)*

núu : giữ lại.

*Núu anh ở lại với em,
Đêm khuya trăng tỏ ta thời có nhau.*

nò : cái lờ làm bằng tre già dùng để nhử cá tôm.

*Sông dài nước chảy quanh co,
Khen ai khéo đặt trước nò sau chuôm (1).*

(1) chuôm : một bó cành cây thả trong ao, đìa, hói hay sông để nhử cá tôm.

nỏ : chẳng, không.

*1/ Gặp anh đây không hỏi của, nỏ hỏi tiền,
Hỏi thăm thầy mẹ có tuyền đặng không ?*

*2/ Muốn gần duyên nỏ hiệp cho,
Những nơi duyên hiệp, cách đò trở giang.*

3/ Ra đi là sự đã liêu,
Muta mai không biết, nắng chiều nỏ hay.

4/Thương anh không dám lên võng, cũng nỏ dám
trèo thang,
Em nưng niu (1) như trính mỏng, anh phàn nản nỗi chi?

(1) nưng niu : nâng niu.

6/ Thương người người nỏ thương ta,
Thương cây cây héo, thương hoa hoa tàn.

nỏ biết : chẳng biết.

1/ Đi mô nỏ biết đi mô,
Thấp đèn mà đợi, tim khô hao dầu.

2/ Chàng :

Em thương anh, rằng anh không đặng biết,
Còn anh thương em, giường trần sát vật,
chiếc chiếu nọ mòn lưng, áo năm thân rách nát,
khăn xéo xeo lau mòn.
Sự tình thâm nhiễm, em bậu hãy còn nhớ hay quên ?

Nàng :

Anh thương, không thương nỏ biết,
Anh thốt (1) ra những lời thảm thiết hơn thương,
Khiến cho ba phủ Thừa Thiên,
Thấy anh có nghĩa nên em ôm duyên ngồi chờ.

(1) thốt : nói.

3/ Giàu như ai, ăn mô nỏ biết,
Thiếp gắp chàng đây vốn thiệt cả nghèo.
Chàng lên non kiếm củi, thiếp xuống đèo hái rau.

4/ Thương anh, anh nỏ biết mô,
Công em đổ xuống ao hồ thì thôi.

nỏ có : chẳng có, không có.

1/ *Có chồng mà nỏ có con,
Cũng bằng hoa nở trên non một mình.*

2/ *Nửa đêm thức giấc mở trầu,
Tơi nón nỏ có, lấy đầu che mưa.*

nỏ có chi : không có gì, chẳng có gì.

1/ *Anh về nỏ có chi đưa,
Môn khoai đang dại,
Mít dứa đang non.*

2/ *Mẹ già, mẹ nỏ có chi,
Thương con thì lại bù trừ (1) cho con.*

(1) bù trừ : giúp đỡ, làm phụ thêm.

nỏ đặng : chẳng được.

*Sông sâu bắt nỏ đặng cá,
Vườn rộng bắt nỏ đặng gà.
Biết lấy chi đãi khách đường xa,
Mua ngao, bóp nghệ, pha trà uống chơi !*

nỏ ma mô nhìn : chẳng ai muốn nhìn.

Câu đố :

*Mặt mẹ như gương như hoa,
Mặt cha nhăn nhó nỏ ma mô nhìn.*

(Giải đáp : Mặt trăng, mặt trời)

nỏ màng : chẳng muốn.

*Bàn cờ thế sự ai cao thấp,
Ta nỏ màng nghe, ta nỏ hay !*

(Ung Bình Thúc Giạ)

nở mồm : nói nhiều, nói to tiếng khiến người khác khó chịu.

*Đàn bà chân yếu tay mềm,
Làm ăn chẳng được lại hay nở mồm.*

nở muốn : chẳng muốn.

1/ *Trồng cây ai nở muốn cây xanh,
Cha mẹ sinh thành ai nở muốn con nên.*

2/ *Nói rằng chửa, thời tôi chửa muốn nói,
Nói rằng có, thời tôi nở muốn thưa.*

nở nói làm chi : chẳng nói làm gì.

*Anh đánh thua ba năm quan, em nở nói làm chi.
Chỉ sợ mai tê (1) anh buồn tình xách nón ra đi,
Chung quanh làng xóm mất chi, họ ngờ.*

(1) mai tê : sau này, về sau.

nở thà : chẳng thà.

*Chim xa rìng còn thương cây nhớ cội,
Người xa người tội lắm người ơi.
Nở thà không chộ (1) thì thôi,
Chộ rồi đôi đứa đôi nơi thật thắm sâu.*

(1) chộ : thấy.

nọ : kia, kia.

1/ *Con chim phượng hoàng bay ngang biển bắc,
Con cá ngư ông móng nước ngoài khơi.
Gặp nhau đây xin phân tỏ một đôi lời,
Kẻo mai kia con cá về sông Vịnh,
Con chim nọ đổi đời non Nam.*

2/ *Đường danh nẻo lợi ngó đông đông,
Chen chúc nhau chi đám bụi hồng.
Kìa bóng bạch câu qua chẳng lại,
Nọ tranh thương cầu có rồi không.*

*Dở cười dở khóc trên sân khấu,
Khi nở khi tàn mấy cụm bông.
Sao kiếp phù sinh cho khỏi lụy,
Quyển kinh câu kệ chớ nài công.*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

3/ Chàng :

*Gặp nhau đây, mắt liếc miệng chào,
Hỏi người bạn cũ có nơi nào hay chưa ?*

Nàng :

*Ba bốn nơi tới nói, dạ nợ bất bằng,
Em ôm lòng chờ đợi bóng trăng xế chiều.*

4/ Nàng :

*Hai ta thì cứ hai ta,
Chớ nghe miệng thế gièm pha mà lia.*

Chàng :

*Lìa cành, lìa cột, lìa cây,
Ai cho mình nợ, mình này lìa nhau.*

nói cho rành : nói cho minh bạch, rõ ràng.

*Em thương ai thì nói cho rành,
Kéo đôi con chim đậu một cành khó coi.*

nói hô : vu oan giá họa.

*Nước trong ai khuấy ra hồ,
Mình không há để nói hô cho mình.*

nòi : thói quen.

*Vi dầu nợ bắt, nợ đòi,
Phong lưu vẫn giữ cái nòi phong lưu.*

nòi người : loài người.

Cha mẹ hiền mà sanh con lú (1),

*Cha mẹ cú, lại để con tiên.
Nòi người cũng có đảo điên,
Nên chi vua Nghiêu Thuấn chọn hiền mà nhường ngôi.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vỹ)

(1) lú : trạng thái kém trí khôn.

non : núi nhỏ.

1/ *Án tình nghĩa nặng bằng non,
Thương sao cho vẹn vương tròn thì thương.*

2/ *Chim bay về núi về non,
Cá kia về vực (1), ai còn trông ai ?*

(1) vực : chỗ nước sâu.

3/ *Con ơi đừng khóc nữa con,
Cha con còn ở trên non chưa về.*

4/ *Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ truông Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.*

5/ *Em lên non anh cũng lên theo,
Mà em xuống thuyền, anh cũng xin đeo theo mạn thuyền.*

6/ *Gánh cực mà đổ lên non,
Cong lưng mà chạy, cực còn theo sau.*

7/ *Gió thổi pho pho đưa đò lên Huế,
Trắng non đoài vôi xé Bao Vinh.
Gặp nhau đây giữa ngã ba Sinh,
Có ai vô kết nghĩa chung tình ngàn năm ?*

8/ *Kim Liên ơi hỡi Kim Liên,
Kéo xe cho chi qua miền Hà Kê,
Hà Khê gió thổi buồn ghê,*

Chim kêu vượn hú bốn bề núi non.

9/ *Lên non đón gió tìm trầm,
Đốt lò hương xạ, em làm quế thanh.*

10/ *Sầu ai sầu ngoại, sầu em đây sầu tại trong tâm.
Chớ nghe thiên hạ mà làm,
Lòng đây thương đó, núi lở non trầm đó ơi.*

11/ *Thương nhau bất kể xa gần,
Dù có trèo non lặn suối, thiếp cũng lần thiếp đi.*

non : ít.

*Trầu chợ Dinh ăn với cau Nam Phố,
Non vôi cũng đỏ, thiếu vỏ cũng ngon,
Hột thơm mà xác cũng giòn,
Được tiếng khen là phải, dậy tiếng đồn không sai.*

nong nả : hăm hở.

*Cầm tú hồ sơn vi địa chủ,
Hỏi còn ai hơn chú Phan Lang,
Có ca cơ, có thi hữu, có ngọc địch quỳnh tương,
Sông Hãn có, sông Hương mình chẳng có.
Chấp cánh những mong ra đến đó.
Dừng chèo xin hãy đợi chờ đây.
Khúc tỳ bà hãy cứ lên dây,
Câu bạch tuyết thêm gây mùi xướng họa.
Ngã tối liên khanh, khanh ái ngã,
Dệt tờ mây nong nả đứng, ngồi, trông !
Thấu tình Thúc Giạ hay không ?*

(Ung Bình Thúc Giạ)

nồi rang : nồi đất dùng để rang bắp, rang muối, rang mè, rang đậu phụng.

*Con mèo nhảy bể nồi rang,
Con chó chạy lại, chó mang lấy đòn.*

nông tang : làm ruộng trồng dâu.

*Kẻ nông tang than van trời hạn,
Người buôn bán thán oán trời mưa.
Trời còn lăm kẻ không ưa,
Hướng chi là em bậu, sao cho vừa bụng anh.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

nốt : chiếc thuyền nhỏ.

*1/ Có thương để nốt đợi tròng (1),
Tròng kia đợi nốt, hai lòng đợi nhau.*

(1) tròng : thuyền nhỏ.

*2/ Em ra lấy chồng xa xứ,
Như chiếc nốt đậu giữa vời.
Phú vinh không chộ,
Em chỉ chộ biển với trời mênh mông.*

*3/ Hồng hồng phát phát bên trời,
Ông sấm bà sét đánh người ở không.
Mười một tuổi em đã có chồng,
Mười hai vú dậu trong lòng có thai,
Mười ba sinh đặng một trai,
Bước qua mười bốn là hai đời chồng.
Mười lăm chồng chết ở không,
Bước qua mười sáu lấy Đức Ông (1) trong đền.
Mười bảy tuổi, em lấy chú lính Long tuyền,
Mười tám em lại cao quyền hầu vua.
Mười chín em lấy lão câu cua,
Hai mươi lên chùa lấy cả thầy tu.*

*Hai mươi mốt em lấy lão thợ dù,
Hâm hai lấy gã trạo phu (2) chèo thuyền.
Hâm ba về làng tính lấy quan viên,
Hiềm vì đồ hư, nốt rạc (3), phải cầm duyên thẹn thùng.*

(1) Đúc Ông : tiếng gọi các hoàng thân quốc thích.

(2) trạo phu : người chèo đò.

(3) rạc : xơ xác, tàn lụi.

(*Về lấy chông. Dân ca Thừa Thiên Huế; trang 241, 242; Trần Thủy Mai; NxbThuận Hóa, 2003*)

*4/ Lầu ba tầng tay lần chân bước,
Biển rộng ai khá dễ lấy thước mà đo.
Em không ham nốt lớn với đò to.
Em ham hai chữ văn nho để anh dạy học trò mà nuôi
con.*

nó : đó.

*1/ Đất Cầu Hai (1) trai hiền, gái đảm,
Người Cầu Hai lịch lãm dễ quen.
Dù cho mưa gió bao phen,
Mai kia về ngoài nó, chớ có quên trong này.*

(1) Cầu Hai thuộc huyện Phú Lộc.

*2/ Muốn sang nhưng ngại vãng thuyền,
Muốn về bên nó nhưng duyên lỡ rồi !*

3/ Chàng :

*Mược (1) lòng, nỏ ép, nỏ can,
Có nơi mô đẹp ý, thanh nhàn thì bạn đi.*

Nàng :

*Một mình em một huyện hai quê,
Ai lên trên nó, ai về dưới ni.*

(1) mược : mặc kệ.

nờ : à.

1/ Chàng :

*Anh xa em ra, thăm lăm em oi,
Đường đi cỏ mọc, chỗ ngồi nhện giăng.*

Nàng :

*Em xa anh ra, thăm lăm anh nờ,
Ngày vui cùng chúng bạn, đêm dật dờ (1) sầu riêng.*

(1) dật dờ : thao thức.

2/ *Việc nhà thì để bết bết,
Việc làng chóng vánh (1) hỏi đáng mê không nờ?*

(1) chóng vánh : nhanh gọn.

nơi mô : chỗ nào, nơi nào.

1/ *Mẹ ơi ông Chánh đòi hầu (1),
Ông Phó đòi vợ (2),
Biết nhận cau trầu (3) nơi mô?*

(1) đòi hầu : đòi cưới một người nào đó về làm hầu.

(2) đòi vợ : đòi cưới về làm vợ.

(3) nhận cau trầu : chấp nhận lễ cưới.

2/ *Mưa sa ướt áo anh rồi,
Kiếm nơi mô lửa đỏ, vô ngồi mà hơ (1).*

(1) hơ : sưởi cho khô, cho ấm.

3/ *Nơi mô kiếm lấy một nơi,
Mẹ không kết tóc già đời nuôi con.*

4/ *Sóng sầm sịch ì ầm ngoài biển Bắc,
Hạt mưa tình rỉ rắc (1) chốn hàng hiên.
Muốn làm lơ đi mà ngủ cho yên,
Sợ mưa già (2) nước ngập, biết dựa con thuyền nơi mô?*

- (1) rỉ rấc : rỉ rả, tủi tủi, chặm chạp.
(2) mưa già : mưa lớn, mưa nhiều.

- 5/ *Tầm giăng tơ, con nhện cũng giăng tơ,
Nghĩa phong loan anh còn đợi, còn chờ nơi mô ?*
- 6/ *Thuyền về Đại Lược,
Duyên ngược Kim Long.
Đến nơi đây là ngã rẽ của lòng,
Biết nơi mô bến đực, bến trong cho em nhờ ?*
- 7/ *Tới nơi đây bỡ ngỡ, bỡ ngỡ,
Biết nơi mô nương tựa, duyên hờ hời duyên.*
- 8/ *Trai không vợ như chợ không đình,
Mưa dông một trận biết nép mình nơi mô ?*
- 9/ *Trúc xa mai thì hoài lúa trúc,
Anh hỏi mai rằng đã có nơi mô nương tựa hay chưa?
Có nơi mô nương tựa khi nắng khi mưa,
Hay còn ôm duyên đi sớm về trưa một mình ?*

nu : màu nâu.

- 1/ *Đi mô mà nỏ thấy về,
Hay là quần lãnh dựa kề áo nu.*
- 2/ *Không nu thì nhuộm vỏ già,
Không chồng thì lấy ông tra (1) cho đỡ buồn.*

- (1) ông tra : ông già.

nửa mai : ngày sau, sau này, mai sau.

- 1/ *Em là con gái Vạn Niên,
Bán rau, mua bút, mua nghiên cho chồng.
Nửa mai chồng chiếm bằng vàng,
Bỏ công tằm tưới vun trồng cho rau.*

2/ Nữ mai quá lúa lỡ thì,
Cao thì chẳng tới, thấp thì chẳng thông.

nưng : nâng.

Ước gì anh hóa ra hoa,
Để em nưng lấy, để rồi cài khăn.
Ước gì anh hóa ra chăn,
Để cho em đắp, em lăn, em nằm.
Ước gì anh hóa ra gương,
Để cho em cứ ngày thường em soi.
Ước gì anh hóa ra cơi (1),
Để cho em đựng cau tươi trầu vàng.

(1) cơi : cái tráp đựng trầu cau, thuốc lá.

nước đứng : nước không lưu thông.

Nước không chân sao anh gọi rằng nước đứng ?
Lửa không miệng sao anh gọi rằng lửa cười ?
Trai nam hơn chàng mà đối đặng,
Em xin gọi rằng người tài ba.

(Hò giả gạo)

nước mã : nước lấy được khi vút gạo, có nhiều cám.

1/ Nàng :

Con ngựa ô uống hồ nước mã,
Con gà ăn cả vườn kê.
Một mai anh ở, em về,
Trai ham sắc bỏ vợ, gái chịu bề hãm hiu !

Chàng :

Con cọp trắng nằm cầu Bạch Hổ,
Chiếc thuyền rồng đậu bến Thanh Long.
Tuy rằng đậu đó, đây thông có nơi.

(Hò thủ tài đối đáp)

2/ Ngựa cái ô uống khô nước mã,
Gà trống nở ăn đồ nôi kê.
Chủ đi đâu vắng chửa về,
Ở nhà thú vật ngựa nghề lung tung.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

nước rặc : nước rút cạn xuống.

Nước rặc anh cầm cơn (1) sào cụt (2),
Nước lụt anh cầm cơn sào dài.
Vái Trời cho em bầu có thai,
Để anh lên non đốn củi, xuống bãi dài đốt than.

(1) cơn : cây.

(2) sào cụt : sào ngắn.

nước xô bờ : sóng nước vỗ vào bờ.

Núi Bạch Mã hai hàng sau trước,
Đất Lộc Trì khi ướt khi khô.
Đường về Đá Bạc lô nhô,
Cầu Hai đầm nước xô bờ ngày đêm.

nương : vườn.

1/ Chuột kêu chít chít sau nương,
Anh đi cho khéo, đừng giuồng mẹ nghe.
2/ Lấy chồng xem trước, ngó sau,
Chớ chộ nương rộng, nhiều cau mà mìnng.
3/ Núi Trồi ai đắp mà cao,
Sông Dinh ai bới, ai đào mà sâu ?
Nong tầm, ao cá, nương dâu,
Đò xưa bến cũ nhớ câu hẹn hò.

nường : nàng.

1/ *Nào khi thè thốt giữa đường,
Vìn cây đề chữ sao nường với quên ?*

2/ *Sáng chợ Cầu, chợ Kẹ; tối Thủ Lễ, Hạ Long.
Hiếu trung chi bên anh, anh cũng bỏ, hướng chi
bên nường, nường ơi.*

3/ *Trông cho lửa bén duyên hương,
Anh với nường bén nghĩa cương thường phen ni.*

4/ *Chàng :*
*Xa lắm ai ơi, ngại lắm ai ơi,
Ước chi gần tiện, kết đôi vợ chồng.*

Nàng :
*Xa thòi mướn ngựa mà đi,
Miễn sao cho tốt tuổi, nỏ lo chi xa đường.
Dầu xa năm bảy ngày đường,
Duyên ưa phận đẹp thì nường cũng theo.*

(Hò già gạo)

O, Ô, O

o : em, cô.

1/ *Còn trời, còn nước, còn non,
Còn o bán rượu, anh còn say sưa.*

2/Chàng :

*Đứng bên ni bụi cà, ngó bên tê cũng bụi cà,
Thấy o mặc áo đà (1), thương đã quá thương.
Thương rồi để đó không biết lập lờng mưu chi ?*

Nàng :

*Anh trở lui về mua một buồng cau cho tốt,
Mua một cặp rượu cho đầy.
Đặt lên bàn tọa, để xuống ghé xây,
Thiếp đứng đó, chàng lại đứng đây.
Thầy mẹ thương thiếp thương lây cho chàng.*

(1) đà : nâu.

3/Nàng :

*Đường về hai ngã phân tư,
Đạo chàng nghĩa vợ, ai trao thut chó cầ.*

Chàng :

*Xa xa cách ba que sáo (1),
Anh nghe giọng hò, anh ôm áo ra đi,
Q mô có chồng rồi thì xích lại bên ni,
Q mô chưa có chồng cho tôi phân giải đôi khi
cho đỡ buồn.*

(1) que sáo : tấm mảnh mảnh làm bằng những thanh tre kết lại thành từng tấm, dùng để làm hàng rào chắn bắt cá tôm.

4/ Sơn cách, thủy cách,

*Chữ kim, chữ thạch, hai chữ đồng liêu.
Thiếp dặn chàng ai dỗ đừng xiêu,
Như o Hiên thuở trước, như trò Siêu (1) mấy lần.*

(1) O Hiên và trò Siêu là đôi tình nhân chung thủy cùng chết với nhau.
Câu chuyện này là chuyện trong về "o Hiên, trò Siêu", về Huế.

o tê : cô kia.

*O tê đừng nói khát khe,
Tui liều mo com bới,
Tui ve o đặng liền.*

oi : giỏ túm miệng, thường dùng đựng cá.

*Chèo thuyền thả chẹp (1) bên sông,
Cá mô có cá, đem oi không mà về.*

(1) chẹp : lò, dụng cụ nhử cá tôm.

om : rau om, một loại rau thơm.

*Chiều chiều gọt mướp nấu canh,
Thấy anh qua lại, bỏ hành lộn om.*

ôm tai : làm điếc tai.

*Nỏ thè (1) ăn muối có nhau,
Còn hơn ăn cá cầu nhàu ôm tai.*

(1) nỏ thè : chẳng thà.

ót : gáy.

*Nói người phải nghĩ đến ta,
Hãy rờ (1) sau ót xem xa hay gần ?*

(1) rờ : sờ mó.

ôn mệ : ông bà.

*Của đời ôn mệ để cho,
Mần không, ăn có, của kho cũng ròi.*

ông thiên : con chuột.

Cá bình **thiên** bán giữa chợ **trời**,
Ông thầy **địa** mua về cúng **đất**.
Ông thiên tha mắt, **thầy địa** ngồi rầu,
Kêu **trời** vang **đất** một hồi lâu (1),
Ông thầy **địa** thăm, **thiên** sàu biết bao.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) một hồi lâu : một khoảng thời gian khá lâu.

ông tra : ông già.

1/ Ham tiền mà lấy ông tra,
Hôi nách, bạch điếng (1) thúi tha (2) đủ đường.

(1) bạch điếng : một thứ bệnh ngoài da.

(2) thúi tha : hôi thối.

2/ Ông kia đã trở về già,
Cùng cô gái nọ la cà kết duyên.
Có người lại bảo ông điên,
"Đã già sao lại còn nghiền gái tơ?"
Ông bèn vác gậy ông quơ :
"Tuy ta già thật nhưng ta thiếu tình"
Người kia lại bảo cô mình :
"Gái tơ sao lại kết tình ông tra?"
Cô kia vừa nói vừa la :
"Tuy ta trẻ thật nhưng ta thiếu tiền!".....

(Vì tình vì tiền. Vân Am Nguyễn Bá Nhiệm)

ông vải : tổ tiên.

Mông năm thịt vịt chẻ kê,
Ông bà ông vải xin về mà ăn.

ở bạc : không còn giữ trọn vẹn tình cảm như trước.

*Qua cầu lật ván tháo đình,
Đó đà ở bạc với mình thì thôi.*

ở làm rửa : ăn ở như thế.

*Em không ra lấy chồng thì thiên hạ đàm tiếu,
Mà em ra lấy chồng thì bỏ mẹ yếu, em thơ.
Thôi thôi em ở làm rửa, dẫu tóc bạc như tơ cũng đành.*

ở lỗ : không mặc quần.

Gái Nam Phổ ở lỗ trèo cau.

ở lỗ mô : ở chỗ nào, ở đâu.

*Làng trên xóm dưới,
Mau mau ra đây nghe mụ chưởi!
Con gà mái nở của tau,
Truta hán kêu ổ, chớ chừ hán ở lỗ mô ?
Bay (1) đánh bẫy lạ hay bẫy đánh bẫy mổ ?
Bay thất cái cần hay bay thất cái cổ ?
Bay làm thịt hay bay nhổ lông ?
Bay nấu nồi đồng hay bay nấu nồi đất ?
Bay hầm chạng vạng hay bay rục nửa đêm ?
Bay nấu, bay nếm hay bay ăn chay, ăn lạt ?
Bay nuốt hết nạc hay bay lúm (2) trụi xương ?
Bay ăn trên giường hay bay ăn dưới đất ?
Bay nốc cho no cho bà bay chưởi : "Tổ Cha bay".*

(Về Chưởi mát gà. Ghi chép theo Tôn Nữ Long Huyền; Hương Quê Ngoại; Đặc san Quốc Học Đồng Khánh, Bắc Cali, 2002).

(1) bay : bẫy.

(2) lúm : ăn nhanh, ăn vội, ăn lẹ.

ở quá : sống độc thân đến già.

*Bán rẻ hơn ngồi không,
Lấy chồng hơn ở quá.*

ở rứa : sống như thế.

- 1/ *Hai ta đã cân đôi vừa lứa,
Em nói rằng em ở rứa với mẹ thầy.*
- 2/ *Trúc đương với mai, trúc đà lỡ lứa,
Trúc hỏi mai rằng : đứng dựa mô chưa ?
Hay là ôm duyên ở rứa sớm trưa một mình.*

ới : tiếng kêu gọi người thân

*ị Thị Bằng ơi, đã mất rồi !
ình, ó nghĩa, ó duyên ơi !
Muta hè (1), nắng chái (2) oanh ăn nói,
Sớm ngô, trưa sân liễu đứng ngồi.
Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn y lại để dành hơi.
Mối tình chám dứt càng thêm bận,
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.*

(Dục Tông, vua Tự Đức)

(1) hè : phần nhỏ dưới mái hiên sau nhà.

(2) chái : gian phòng nhỏ (Nhà xưa ở Huế thường có một căn , hai chái hay ba gian, hai chái)

P

phách tấu : kiêu căng, lên mặt ta đây.

*Lười hái cùn thì phải cắt chấu,
Anh hay phách tấu không sợ hư người.
Nói chi những chuyện động trời,
Bạn bè xa lánh, hổ ngươi lắm chàng.*

phải phải phân phân : rõ ràng, rành mạch.

*Nói cho phải phải phân phân,
Cây đa cây thần, thần cây cây đa.*

phăng : dò, tìm.

Chàng :

*Thiếp thương chàng thì thương, không thương thì chớ,
Đừng có lỡ dở như hẹn nợ thêm buồn.
Trên chùa đã động (1) tiếng chuông,
Gà thượng thôn đã gáy, chim nguồn đã kêu.*

Nàng :

*Dạ ái hoài tâm bất khuyết,
Lòng ưu tư nhật nguyệt vô vong.
Hai ta như chỉ lộn vòng,
Phăng chưa đặt mui (2) trong lòng ngại nghi.*

(1) động : đánh mạnh.

(2) mui : đầu mối của sợi dây.

phân : phân trần.

*Đêm khuya nguyệt lặn sao đời,
Xin chàng bớt giận, nghe lời thiếp phân.*

phân phô : giải bày tâm sự.

*Thiếp gặp chàng như rồng mây gặp hội,
Chàng gặp thiếp như chim phượng hoàng gặp
cội ngô đồng.*

*Mấy lâu ni (1) kẻ Hán người Hồ,
Bữa ni thiên tri lý ngộ, quyết phân phô cho tận tình.*

(1) mấy lâu ni : bấy lâu nay.

phân rẽ : chia rẽ.

*Ông Trời phân rẽ thất nơn (1),
Không cho bên Tấn bên Tần kết đôi.*

(1) thất nơn : bất nhân, cay nghiệt, độc ác.

phấn giồi : xoa phấn; đánh phấn.

*Chỉ sợ Trời hại mà hư,
Còn như người hại chỉ như phấn giồi.*

phất cạnh : vỗ cánh.

*Đêm đã sáng te tè,
Gà sẹ sẹ phất cạnh,
Sạt, sục sạt, te tè rạng đông.*

(Đồng dao)

phất phường : phong phanh.

*Lâu ni anh mắc làm chi,
Em nghe phất phường anh đà có đôi.*

phen mô chứ phen ni : lần nào chứ lần này.

*Phen mô chứ phen ni lựu bắc, đào đông;
Chừ thờ than khốn (1) thờ, phân trần khốn phân.*

(1) khốn : khó khăn.

phen ni : lần này.

*Trông cho lửa bén duyên hương,
Anh với nường bén nghĩa cương thường phen ni.*

phì phà : hít vào, thổi ra một cách thoải mái.

*Nem công anh đi mua cũng khó,
Rượu hồng đào có có cũng xa;
Chi bằng anh đi mua chục gói thuốc,
Để thân phụ hút phì phà cho vui.*

phiêu phiêu : không chắc chắn.

*Nực cười cho lão tánh phiêu phiêu,
Đợi nước lên trôn mới nhảy liều.*

(Đời Thúc Giạ; trang 78. Ung Bình Thúc Giạ. Nxb Bốn Phương, Sài Gòn, 1961)

pho pho : tiếng gió thổi.

Chàng :

*Gặp nhau đây, không chào thì ra câu tình tẻ,
Mà chào rồi sự thể bất minh.
Ở xa xôi không đặng rõ (1) sự tình,
Em có đôi rồi không biết, em một mình
cũng không hay.*

Nàng :

*Gió thổi pho pho, đưa đò lên Huế,
Trăng non đoài vợi xế về Vinh (2).
Em đây vốn thiệt một mình,
Có ai vô dựng nợ, gá nghĩa chung tình cho vui.*

(1) không đặng rõ : không được biết.

(2) Vinh : chợ Bao Vinh.

phớt phớt : tỏ ra không để tâm đến.

*Bất úy hễ sanh tam cá khẩu,
Chỉ khùng nhân loài lưỡng dạng tâm.
Ngoài môi phớt phớt dễ lắm,
Trong lòng sâu sắc, thước tầm khôn đo.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

phưởng phất : phản phất.

*Bốn bề vui thú gió trăng,
Đào nguyên chốn cũ cũng bằng quê xưa.
Dạo chơi trở lại cung mây,
Mùi hương phưởng phất xa bay ngạt ngào.
Có khi dạo cảnh hồng đào,
Mây đưa gió rước hoa chào trăng thanh.
Hoa thơm nức mức đủ mùi,
Non xanh nước biếc thú vui yên hà.*

(Văn châu Đệ Nhất Trung Thiên)

Q

qua : anh.

1/ Kể từ ngày, em thâm công đổ nợ, em lo, em sợ,
Em gỡ không ra (1), em sang năn nỉ cùng qua.
Qua cho em mượn hết ba quan tiền.
Tưởng là có nợ có duyên, nên chi qua phải chịu
phiền mất công.
Ai ngờ nợ có duyên không,
Một hai em phải trả, ba quan tiền đồng lại cho qua.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) gỡ không ra : không tìm được cách giải quyết.

2/ Thẳng mực tàu thì đau lòng gỗ,
Qua không phải con người dành dỗ chi ai.
Địa bàn nhắm hướng còn sai,
Vợ với chồng kia chửa chắc, gái với trai chắc gì.

3/ Nam đáo nữ phòng, căn duyên Trời định,
Nữ đáo nam phòng, trộm lệnh mẹ cha.
Buổi chiều bạn hẹn với qua,
Đêm năm canh đáo đến phòng ba (1) phân trần.

(1) phòng ba : phòng hoa.

quả bồng : đĩa bằng gỗ có chân cao, đựng trái cây đặt trên bàn thờ để cúng.

Oi người quân tử tài danh,
Chớ thấy chanh chua mà chíp miệng,
Chớ thấy vườn rộng mà bước vào thành.

*Cam sành đang đợi quả bông.
Em đây không phải loài khế rụng mà trai
anh hùng ước mơ.*

quả hộp : hộp tròn bằng gỗ, sơn mài, vẽ hình đẹp, dùng để đựng đồ tặng phẩm.

*Thân em như trái măng cầu,
Để trong quả hộp, đã hầu có nơi.
Phải chi anh hóa dạng chim sâu,
Chui vô quả hộp mà xơi măng cầu.*

quai : tai nồi, hai vòng khuyên gắn hai bên nồi; *quai nồi* hay *tai nồi* dùng để duỗi nồi cơm từ trên bếp xuống cái kiềng.

*Con mèo, con chó có lông,
Bụi tre có mắt, nồi đồng có quai. (*)*

(*) Lời khuyên phải thận trọng, có thể có người nghe thấy.

quan : (tiền tệ ngày xưa) một quan bằng 600 *tiền ăn ngang*, bằng 200 *tiền ăn ba*, bằng 100 *tiền ăn sáu*. *Tiền ăn ngang* là đơn vị tiền tệ ngày xưa. Một quan gọi là một "xâu tiền", vì ngày xưa, cứ mỗi quan người ta xâu vào một sợi dây, rồi buộc lại từng xâu.

- 1/ *Muốn cho gần mẹ gần cha,
Khi vào thúng lúa, khi ra quan tiền.*
- 2/ *Sáng mai ngủ dậy, súc cái miệng, rửa cái mặt,
Vô trong nhà, xách cây rửa quéo.
Lên hòn núi Queo đón một cảnh trúc,
Về vũng nước đục, câu đặng chục con cá mè trê.
Em đi chợ Mè em bán,
Anh sò (1) quan mốt, em thề em thốt, anh trả quan hai.
Khen cho anh vai rộng lưng dài,
Vừa duyên em thắm, vừa tài anh khôn.*

(1) anh sò : anh trả giá.

quàng : vướng phải một vật gì khi đang đi.

1/ *Đi đâu mà vội mà vàng,
Mà vấp phải đá, mà quàng phải dây ?*

2/ *Đò Tư Hiền băng qua sông Đại Hải,
Đường có gập ghềnh thì xin chịu khó đi băng.
Khổ chơ (1) chàng ơi !
Chàng đi mô (2) mà trời tối không trăng.
Em sợ quàng cây vấp đá, rồi trách em rằng (3)
không dặn dò.*

(1) khổ chơ : khổ chưa.

(2) đi mô : đi đâu.

(3) rằng : sao.

quào : vớ vét.

*Được bữa nào quào bữa nấy,
Bữa nào không thấy thì thôi.*

quay quắt : bồn chồn, thấp thỏm, đứng ngồi không yên.

*Đất khách quê người mười năm nhớ mẹ,
Quay quắt hoài vì tiếng hát à ơ.*

quần hai vai : oằn hai vai, quẹo hai vai.

*Biết lấy chi mà trả nghĩa sinh thành,
Đền ơn cha mẹ nặng quần hai vai.*

quần không đáy : váy.

*Tháng tám có chiếu vua ra,
Cắm quần không đáy, người ta hãi hùng.
Không đi thì chợ không đông,
Đi thì phải lột quần (1) chông sao đang.*

*Có quần đi chợ bán hàng,
Không quần ra đứng đầu làng trông quan.*

(1) lột quần : cởi quần; cởi quần.

Ngày xưa, miền bắc Việt Nam, đàn bà mặc váy. Theo giáo sĩ Koffler, vào khoảng năm 1744, chúa Võ Vương (Đàng Trong) bắt đàn bà mặc quần dài, mặc áo dài. Đến đời vua Minh Mạng có lệnh cho đàn bà miền Bắc mặc áo quần như đàn bà miền Nam. Nhưng chỉ có đàn bà ở thành thị tuân theo luật lệ đó. Ở vùng quê vẫn mang váy, mang yếm, mặc áo có hai vạt trước thắt lại.

Từ năm 1945 trở về sau, cách mặc váy giảm dần. Ngày nay, hầu như ở miền Bắc không còn ai mặc váy nữa.

R

ra rǎng : ra sao, như thế nào.

1/Chàng :

*Hỏi cua, cua nói có,
Hỏi vò vọ, vò vọ (1) nói không,
Cơ chi (2) có miếu giữa đồng,
Để anh vô thề thẳng dạ (3), kéo lòng em nghi.*

Nàng :

*Em còn nghi ngại ra rǎng,
Mực tàu không thẳng cho bằng dạ anh.*

(1) vò vọ : một loại cua ở vùng nước ló (nước hơi mặn).

(2) cơ chi : giá mà.

(3) thẳng dạ : thẳng thắn tỏ rõ lòng mình.

2/Nàng :

*Tay cầm quạt giấy che trăng,
Thiếp thương chàng vô tận, chàng thương thiếp
ra rǎng hỏi chàng ?*

Chàng :

*Anh thương em vô lượng, vô cân,
Cầu không tay vịn, cũng lần mà qua.*

3/Chàng :

*Tiếng tăm em lấy chồng già,
Đêm nằm em thấy ớt cà ra rǎng ?*

Nàng :

*Tre già dẻo ngọt hơn măng,
t cà tra có hột, hơn thàng ớt tơ (1).*

(1) thàng ớt tơ : con trai còn tre tuổi.

ra ri : như thế này.

1/ Nàng :

*Vì anh một tí (1), vì em một tí,
Cho nên chi lỗ dĩ ra ri.
Thầy mẹ em đánh mắng,
Chú bác đòi lẩn sáo thả trôi.
Anh có mưu chi cứu trợ,
Kẻo khổ em rồi, anh ơi.*

Chàng :

*Vì anh một tí, vì em một tí,
Cho nên chi lỗ dĩ ra ri,
Thôi thôi để anh vô lạy cùng thân phụ,
Xin thân phụ nhóm tay (2) cho cháu nhờ.*

(1) một tí : một chút; một phần nhỏ.

(2) nhóm tay : nhẹ tay, nường tay.

2/ Núi Ngự không cây chim ngủ đất,
Sông Hương vắng khách đi kêu trời.
Ai ơi, cho hỏi một lời,
Vì sao non nước đổi dời ra ri ?

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

3/ Nàng :

*Tiếng đồn anh chăn vịt, nuôi gà,
Em hỏi anh, con vịt lội giữa giang hà ăn chi ?*

Chàng :

Tội em phận gái nên mới ra ri.

Chốn giang hà vệt lội, thiếu gì tép rong.

rá : đồ dùng đan bằng tre, hình tròn, thường đựng gạo hay các thứ rau cải.

*Thiếp nguyện với chàng một sàng (1) rau má,
Chàng nguyện với thiếp một rá rau mưng.
Chàng ăn thiếp nhịn xin đừng bỏ nhau.*

(1) sàng : đồ dùng đan bằng tre, hình tròn, lòng nông hơn rá, nông hơn thúng.

rạ : rựa.

*Em nói với anh như rìu chém đá,
Như rạ chém đất, như mật rót vào tai.
Dặn lòng đừng có nghe ai,
Nghe ai thì chớ vãng lai ngõ này.*

rạm đồng : một loại cua nhỏ sống ở ruộng nước.

*1/ Anh làm rể nhà em, ăn cơm với cá,
Em làm dâu nhà anh, ăn rau má với rạm đồng.*

*2/ Rạm đồng nấu với bẹ môn,
Đói no, mẹ cũng nuôi con nên người.*

rán : bỏ thức ăn trong chảo, rồi làm cho nóng.

*Anh về chẻ lạt (1) bó tro,
Rán sành (2) ra mỡ, em cho làm chồng !*

(1) lạt : sợi dây mỏng bằng tre dùng để buộc.

(2) sành : vật làm bằng đất nung có tráng men.

ràng : chuồng trâu; chuồng bò.

Chàng :

Chưa xuất gia hãy còn tòng phụ,
Xuất giá thì phải tòng phu.
Chàng cho thiệp trở lui về nuôi thân phụ đôi thu
cho thỏa lòng.

Nàng :

Trâu chưa mua thì ở trong ràng,
Trâu đã mua rồi thì dắt ra ngoài đàng.
Chàng cho thiệp lui về nuôi thân phụ thì thân
phụ chàng ai nuôi ?

ràng rang : thú thái, nhàn nhã.

Chim khôn kêu tiếng ràng rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.

rào : con sông nhỏ.

Em trông xuống dưới sông thấy gò đất trắng,
Em trông ra ngoài biển thấy buồm chạy lao xao,
Em trông vô trong rào thấy kẻ chài người vó,
kẻ đó, người đang.
Con cá nó buồn nó lội tung tăng,
Em buồn vì một nỗi biết than thầm với ai.

rày : nay.

- 1/ Anh xa em thiên hạ đều hay,
Bức thư ai họa, oan rày hồi oan !
- 2/ Ân tình chi anh lao xao như bọt nước,
Nhơn nghĩa chi anh mà tựa như mây bay.
Xưa kia sao gắn bó, ngày rày lững lơ ?
- 3/ Mặt nhìn mặt là hai cái mặt,
Tay bắt tay là bốn cái tay.
Dùng dằng tay nắm lấy tay,

Vạ (1) heo xin chịu, buông rày không buông.

(1) vạ : hình phạt người phạm tội ở làng xã ngày xưa.

*4/ Nước Hàm Long vừa trong vừa mát,
Em thương anh rày có Bờ Tát chứng tri.*

*5/ Tiếc công lao đào ao thả cá,
Ba bốn năm rày người lạ tới câu.*

*6/ Đi đâu ba bốn năm rày,
Khách (1) kêu trước ngõ, thường ngày thường kêu.*

(1) khách : chim khách. Mỗi khi nghe chim khách hót, người dân xứ Huế nghĩ rằng sẽ có khách đến nhà. Vì chiến tranh liên miên, nên ngày nay ở Huế không còn thấy loại chim khách này nữa.

răng : sao, tại sao.

*1/ Chó không rách, răng kêu là chó vá,
Cá dạn (1) giữa bàn chịu tiếng cá thu.
Cho nên chi người trung mắc nạn lao tù,
Để cho đĩa nịnh võng dù nghênh ngang.*

(1) dạn : sắp đặt.

2/Nàng :

*Cửa nhà gia thế thế nào,
Răng tới đây anh ở lân la (1) không về ?*

Chàng :

*Anh tới nơi đây nhám hướng đắp nền,
Lập vườn trồng đậu, giả đồ (2) quên không về.*

(Hò giả gạo)

(1) lân la : tìm cách tiếp xúc với một đối tượng nào đó.

(2) giả đồ : giả vờ.

3/Nàng :

Hiếu phụ mẫu bên em, răng mà chàng nhớ,

*Hiếu phụ mẫu bên chàng, rằng chàng quên ?
Nợ không vay mà tới trả, tới đền nghĩ chi ?*

Chàng :

*Hiếu phụ mẫu bên chàng thiên niên bất toại,
Hiếu phụ mẫu bên thiếp vạn đại chi tòng (1).
Chàng qua đến công ơn bên thiếp một buổi,
thiếp lại trả nghĩ nghìn năm bên chàng.*

(1) Việc hiếu với cha mẹ chàng ngàn năm không đủ,
Việc hiếu với cha mẹ bên thiếp vạn đời cũng phải theo.

4/ *Lập bồn rằng không kiếm trác bá diệp mà trồng,
Trồng chi lan với huệ thà bỏ bồn không cho rời.*

5/ *Ngày nay em tóc dài da trắng,
Rằng không nhớ khi miệng đắng, cơm hôi.
Tay anh bưng chén thuốc, tay anh đỡ dậy ngồi,
Ngày em nghe ai, em bỏ nghĩ anh răng đành.*

6/ *Ngày xưa em chửa có chồng rằng anh không
đem lòng xoắn vò,
Ngày em có chồng rồi, anh đón ngõ trao thư.
Trao thư em nỏ dám (1) cầm,
Thư rơi xuống đất, dạ tủi thềm với thư.*

(1) nỏ dám : chẳng dám.

7/Chàng :

*Ngộ tình cờ mà gặp được o,
Áo o (1) thì o mặc, rằng rận bò sang áo tui ?*

Nàng :

*Bởi anh non con mắt (2), ngõ qua chửa rõ, ngõ lại
chửa tỏ tường,
Cả một bầy bọ chét, lại nói rận nường bò sang !*

(Hò trêu ghẹo)

- (1) o : em, cô.
(2) non con mắt : nhìn không kỹ.

răng bằng : làm sao bằng được.

*Thiếp trông chàng như nhang (1) trông lửa,
Chàng mà trông thiếp như đại hạn trông mưa.
Chán chi nơi loan rước phượng đưa,
Răng bằng tình cũ nghĩa xưa mặn nồng.*

- (1) nhang : hương.

răng chừ : bao giờ, khi nào.

1/ *Biết răng chừ cho biển cạn cát bồi,
Cây bông sen nở trắng thiếp mới thôi nghĩa chàng.*

2/ *Răng chừ nước ráo thành mây,
Cho sông Hương hết chảy, dạ này mới thôi thương.*

3/Chàng :

*Răng chừ cạn lạch Đồng Nai,
Nát chùa Thiên Mụ, anh mới sai lời nguyên.*

Nàng :

*Răng chừ rau câu có lá, hòn đá hán bể tư,
Sông Hương khô nước, thiếp mới từ nghĩa anh.*

4/ *Tổ cha con mẹ nhọn mồm,
Tau ăn bánh ít nhụy tôm răng chừ ?
Tau ăn một củ khoai từ,
Có con mẹ Kẻ Lù làm chứng cho tau.*

(Vè Chười. "Tủ Điển Tiếng Việt " của Bùi Minh Đức; trang 987, 2004)

răng đành : sao đành, nỡ nào.

1/ Chàng :

Một, em cũng chối không,

*Hai, em cũng chối không.
Hôm qua anh đi ngang cửa ngõ, thấy em bỗng con thơ ?*

Nàng :

*Con ông anh, con bà chị, gọi em lại bằng dì,
Hắn nằm hắn khóc, em bỏ đi răng đành.*

(Hò già gạo)

2/ Nàng :

*Tay bưng đĩa muối, chén gừng,
Gừng cay, muối mặn, xin đừng bỏ nhau.*

Chàng :

*Tay bưng đĩa muối, sàng rau,
Phu thê ông Trời định, bỏ nhau răng đành.*

răng dặng : sao được.

*Chú chít khăn (1) đỏ,
Chú ngồi trên voi.
Em thương răng dặng,
Mà đòi em thương.*

(1) chít khăn : vắn khăn trên đầu.

răng được : sao được.

*1/ Đến đây thì ở lại đây,
Bao giờ bén rễ (1) xanh cây mới về.
Ra về răng được mà về ,
Non nước lời thề anh để lại cho ai ?
Trăm năm ai chó (2) bỏ ai,
Chỉ thêu thành gấm, sắt mài thành kim.*

(Lý Ta lý)

(1) bén rễ : rễ bám dính vào đất.

(2) chó : không nên.

2/Chàng :

*Giả đồ xin một miếng trâu,
Để sau xẻ ván bắc cầu mà sang.*

Nàng :

*Sông sâu, ván mỏng cong vòng,
Bắc cầu rằng được mà hòng qua sông !*

3/Chàng :

*Thương em đáo để lòng vàng,
Ước chi gần xã, gần làng em ơi.*

Nàng :

*Thương anh rằng được anh nà,
Xung quanh cửa ngõ người rào anh ơi !*

Chàng :

*Em thương anh cứ việc mà thương,
Dù ai ngăn ngõ, đón đàng có anh.*

(Hò già gạo)

rằng non : còn non, chưa chín.

*Một, anh dang ra khỏi trọt (1),
Hai, anh vọt (2) ra khỏi hàng rào.
Kéo vườn ba em mới tạo, quả hồng đào rằng non.*

(1) trọt : chỗ giọt nước từ hiên rơi xuống.

(2) vọt : nhảy qua một chướng ngại vật.

rằng rứa : tại sao.

1/Nàng :

*Em thương anh không dám thị (1) thiên (2),
Cứ nép cây ẩn bóng, đợi quyền mẹ cha.*

Chàng :

Mẹ cha răng rúa mà mẹ cha,
Nơi gần không gần, nơi xa đưa đày ?

(Hò già gạo)

(1) thị : nhìn.

(2) thiên : yên lặng.

2/ Hỏi anh răng rúa mà sầu,
Hay là thề thốt nơi mô sai lời.

3/ Ra đi răng rúa cho đành,
Ngày xưa vít ngọn, giao ngành vì ai ?

răng thấy : tại sao cảm thấy.

Gặp nhau răng thấy vui vui,
Về nhà mới thấy bụi ngùi nhớ anh.

râm cơn : bóng cây. (Cơn là cây; râm là không có ánh nắng).

Nàng :

Nhọc lòng đó liệu đâu hơn,
Nơi mô bóng mát râm cơn thì ngồi.

Chàng :

Bóng râm sao em không ngồi,
Em ra ngồi giữa nắng, trách ông trời không dim (1).

(1) dim : râm và mát.

rậm : cây mọc dày đặc xen lẫn nhau.

Ai về cho thiệp về theo,
Qua trướng trướng rậm, qua đèo đèo cao.

râu rĩ râu ri : buồn râu.

Râu rĩ râu ri, râu ria ra rậm rạp (1),
Rao rằng: rờ (2) râu râu rụng, răng rúa rờ ra ri (3)!

(1) râu ria ra rậm rạp : râu mọc dày đặc.

(2) rờ : sờ mó.

(3) rảng rúa rờ ra ri : tại sao mà ra như thế này.

rè : tiếng rung, pha tạp nhiều âm khác nhau.

Nàng :

*Thiệt vàng chẳng phải thau dẫu,
Xin đừng thử lửa mà đau lòng vàng.*

Chàng :

*Thiệt vàng sao tiếng nghe rè,
Hay là thợ bạc đổ hàn the vô rồi ?*

rện ràn : rộn ràng.

Câu đố :

*Hai nàng son phấn rện ràn,
Mỗi nàng công tới năm thàng đàn ông.
Ra đường trò chuyện lông bông (1),
Về nhà bị bỏ nằm không một mình.*

(Giải đáp : Đôi guốc)

(1) lông bông : lung tung.

ri : rùng.

*Voi ăn trong rú trong ri,
Voi ra uống nác (1) voi đi giữa đàng (2).*

(Ca dao)

(1) nác : nước.

(2) đàng : đường.

ri : thế này.

Chàng :

*Em thương một ngả, thầy mẹ bán gả một nơi,
Thôi rồi, em bậu có đôi,
Như con chim nhạn mắc nhựa, biết gỡ răng ròi (1)
mà bay?*

Nàng :

*Thương tình lang thì bỏ đàng cha mẹ,
Nghe cha mẹ thì bỏ dạ tình lang.
Khổ chi khổ lắm ri chàng ?
Hiếu với tình hai chữ, khó vẹn toàn cả hai !*

(1) rằng rồi : làm sao cho xong.

rình : kín đáo theo dõi để biết.

*Muốn ăn cơm đĩa trữ tình,
Có quán Âm Phủ (*) ma rình phía trong.*

(*) Quán Âm Phủ ở gần sân Vân Động Huế; thường bán cơm cho khách đi chơi đêm.

rọ : lồng đan bằng tre, hình trụ, dùng để nhốt gia súc khi vận chuyển.

*Hai đứa mình một lòng một bụng,
Giả như con gà đem trụng nước sôi,
Vị dù thầy mẹ có đan rọ thả trôi sông,
Thả trôi thì thả, thiếp không thôi nghĩa chàng.*

róc : tách bỏ phần mặt bên ngoài.

*Tay cầm trái cau vừa róc, vừa tiện,
Tay cầm ngọn trầu vừa rọc, vừa tèm.
Tưởng đạo vợ chồng trong ấm, ngoài êm,
Không hay xa nhau đôi ngả, nằm đêm tủi thềm.*

ròng : chảy thành dòng.

*Một đoạn anh đi, hai đoạn anh đứng, ba đoạn anh ngồi,
Cá tróc vì cũng vì nước chảy, đòn gánh gãy
bởi bụi tre cong.
Thiếp xa chàng bởi mụ mối dong,
Đêm năm canh hoài vọng, nước mắt ròng như mưa.*

rọt rẹt : tiếng động nhỏ.

*Con chi rọt rẹt sau hè,
Hay là con rắn mới tới ve (1) chuột chù.*

(1) ve : tán gái, cưa gái.

rộn : quấy rầy, làm phiền nhiễu.

*Ngưỡng mong ơn Phật với ơn Trời,
Tuổi thọ nay đã đến bảy mươi.
Rượu có mùi hương nên, uống mãi,
Thì là thuốc bổ cú ngâm chơi.
Thuở ra sân khấu không làm rộn,
Khi hạ vai tuồng ít hổ người (1).
Giở tấm gương vàng soi tóc bạc,
Sương pha tuyết điểm lại càng tươi.*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

(1) hổ người : mắc cỡ, xấu hổ, hổ thẹn.

rộng miệng : ăn nói hoạt bát, hùng hồn, không để ai lấn áp được.

*Đàn ông rộng miệng thì sang,
Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.*

rờ : sờ mó.

*Thôi thôi, tôi van cậu đừng rờ,
Tôi lạy cậu đừng mó,
Tuổi tôi còn bé chưa từng nguyệt hoa.
Tôi về, tôi gọi chị tôi ra,
Chị tôi đã lớn, nguyệt hoa đã tung.*

rốt : rời.

1/ Dầu hết tim (1) ròi, biết lấy gì kêu tỏ,

Hũ rượu hở nùi (2) nên đã lạt hơi.
Ồi hời chàng ơi, nghe ai mà duyên rớt, nợ rơi,
Kêu đất không thấu, kêu trời trời cao.

(1) tim : tim đèn.

(2) nùi : nút.

2/ Phượng xa loan, phượng thương loan nhỏ,
Én xa nhận, én tưởng nhận trông.
Kể từ ngày thiếp Bắc, chàng Đông,
Bưng chén cơm ăn, đôi đũa rớt, không vào lòng hột mớ.

3/ Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn;
Lựu xa đào, lựu ngã đào nghiêng.
Vàng trên tay rớt xuống không phiền,
Phiền người bội nghĩa biết mấy niên cho hết sầu.

rớt răng chù : rơi lúc nào.

Anh xa em, em cảm thấy u sầu,
Bưng bát cơm ăn, đôi đũa rớt răng chù không hay.

rú : núi có nhiều cây; rừng già.

1/Nàng :

Sống thời làm bạn với anh,
Em thác về rú rậm, chịu cảnh rừng xanh một mình.

Chàng :

Không đáo (1) tới mộ nàng, chớ đáo tới mộ nàng
thì hai hàng lụy nhỏ.
Tay anh ngắt (2) cỏ, miệng thổi lửa thấp hương (3).
Thế mô anh cũng lo cho tròn nhiệm vụ, không
đến nổi bờ nường (4) mà thở than.

(1) đáo : đến.

(2) ngắt : ngắt.

(3) hương : nhang.

(4) nường : nàng.

2/ *Phá Tam Giang một dải,
Rú Bạch Sa một dãy cát vàng.
Ngàn đời rú cát chuta tan,
Quảng Điền xít ấy còn sang, còn giàu.*

3/Nàng :

*Nước không chân răng gọi là nước đùng ?
Lửa không miệng răng nói lửa cười ?
Trai nam nhi đối đặng, thiếp chịu làm người
hầu non.*

Chàng :

*Rắn không chân răng rắn bò khắp rú ?
Gà không vú răng nuôi đặng chín mươi con ?
Trai nam nhi anh đà đối đặng, nàng phải chịu
làm hầu non cho chàng.*

rui : thanh tre (hay gỗ) đóng trên đòn tay theo chiều dọc để
lợp mái nhà.

*Trông ai mà nỏ (1) thấy ai,
Tranh mèn, rui mọt, mèn (2) ơi hỡi mèn.*

(1) nỏ : chẳng; không.

(2) mèn : trời.

rui rui may may : may rui.

*Muối mặn ba năm còn mặn,
Gừng cay chín tháng còn cay.
Đạo vợ chồng rui rui may may,
Đã có làm nên quốc trạng hay có ăn mày cũng
cứ theo nhau.*

ruổi : di chuyển nhanh trên một quãng đường dài.

*Xa xa bóng nhận giữa trời thu,
Nước biếc mây xanh lẫn một màu.
Chuồn chuồn tìm sâu trên vạt cỏ,
Le le nhón sóng cạnh bờ lau.
Lẹ làng nốt (1) ruổi bơi qua đó,
Êm thắm thuyền tình đậu ở đâu ?
Litu thủy, hành vân thanh điệu cổ,
Trên sông nghe vắng đã từ lâu !*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

(1) nốt : thuyền lớn.

ruộng mầu trâu đôi : giàu có.

*Ruộng mầu trâu đôi, chết rồi cũng bỏ,
Nhà cao cửa lớn, cũng nỏ đem theo.
Đồng tiền giữ chặt như keo,
Của đời người tạm mớ meo còn gì ?*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

ruột rà : có quan hệ huyết thống.

*Đáng cay cũng thể ruột rà,
Ngọt ngào cho lắm cũng là người dưng.*

ruột tằm : rối ren như tơ tằm.

*Nước trong xanh bên thành con yến trắng,
Thẳng cánh cò bay tới cõi xa xăm.
Anh đi mô không bóng không tâm,
Năm canh em đợi ruột tằm héo hon.*

rúa : củ nứa, ăn ngựa cỏ; một loại cây mọc trong rừng sâu, ẩm thấp; có nơi người ta cũng trồng nứa cho heo ăn.

Trời ơi, đi lính làm chi,

Nay trẩy (1) kinh kỳ, mai trẩy kinh đô.
Muối rang khô bỏ vô ống núa (2),
Gạo mất mùa, khoai rúa cũng không ?

(1) trẩy : đi đến nơi xa.

(2) ống núa : ống tre lồ ô.

rúa : thế, như thế.

1/Chàng :

Buôn bán làm chi cho nhọc công nương,
Quảng triêng vô bụi thẳng đường theo anh.

Nàng :

Nói chi mà để rúa anh,
Ai nuôi em lớn, ai sinh thành ra em ?

2/ Chàng thốt (1) ra, thiếp đây lụy sa không ráo,
Thốt ra chi mà thăm nào rúa chàng.

(1) thốt : nói.

3/ Có chồng rồi cũng cho anh biết,
Chưa có chồng cũng nói thiệt cho anh hay.
Có chi sắp mặt (1) xoay mà rúa em.

(1) sắp mặt : úp mặt, cúi mặt.

4/ Có nên rúa, không nên cũng rúa,
Lòng lại dặn lòng đừng đũa mô quên.
Hãy còn đường xuống, ngõ lên,
Công anh bằng biển, dạ em dền bằng non.

5/ Em thương anh thầy la, mẹ mắng,
Trong lòng em đắng như thể mộc hương.
Rúa em cũng liều hai chữ với gia nương,
Em theo anh cho trọn đạo cang thường thì thôi.

6/ Mẹ thương con mỗi mòn đôi mắt,
Thiếp nhớ chàng ruột thắt héo hơn.

Oi chàng ơi !
Chi mà tề tề rúa chàng,
Chi mà bạc bạc lấm chàng.
Phụ tình phàng duyên chi mấy,
Thiếp trông chàng mà chẳng thấy chàng đâu !
Oi người tình nơn ơi !

(Lý Vọng Phu)

7/ Một em cũng nói không, hai em cũng nói không,
Rúa lựu đào ai bẻ mà cuống dong ra ngoài.

8/Chàng:

Nàng ơi mau kết nghĩa phu thê,
Anh đây em đó, cặp nhau về có đôi.

Nàng :

Có đôi chi dễ rúa anh,
Ai nuôi em lớn, ai sinh thành em ra ?

9/ O tề o tề o tề,

Cái mặt thì rúa cái tề thì răng ?

rúa chơ : thế thì.

Chàng :

Rúa chơ em về Lưu Bảo ăn chi ?
Ruộng trưa (1) thì ít mà rú ri thì nhiều.

Nàng :

Có chi mà em sợ, có chi mà em lo,
Lửa đỏ trong lò là có gạo cho em ăn.

(1) ruộng trưa : ruộng nương.

rúa chủ : thế thì bây giờ.

1/Chàng :

*Anh phân với em đầu hôm cho chí sáng,
tảng rạng cho đến sang canh.
Rứa em tiếc chi một chút duyên lành mà không trao.*

Nàng :

*Thầy mẹ sinh em ra một chút má phấn hồng đào,
Rứa chừ nỗi niềm riêng ai chịu mà khiến em trao
duyên lành.*

2/ Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,
Đò về Vĩ Dạ thẳng ngã Ba Sinh.
Đoái nhìn Sông Hương nước chảy xinh xinh,
Rứa chừ sông bao nhiêu nước dạ em si tình bấy nhiêu.

rứa hoài : như thế mãi.

1/Nàng :

*Nhàn cư vi bất thiện là anh,
Có không, không có, thiên hạ cứ đồn quanh rứa hoài !*

Chàng :

*Thế gian khẩu thuyết vô bằng,
Không mà nói có, biết màn rằng đặng chừ (1)!*

(1) biết màn rằng đặng chừ : biết làm sao bây giờ.

2/ *Mẹ già ốm yếu, anh ơi,
Anh không lo thang thuốc răng cứ ham chơi rứa hoài ?*

3/ *Bướm vàng đậu đọt cau tơ (1),
Căn duyên chi chàng với thiếp mà lừng lơ rứa hoài ?*

(1) đọt cau tơ : ngọn cau non.

rứa mà : thế mà.

*Họ hàng hai dãy, phụ rể phụ dâu,
Châu án long đình, khay trà quả hộp,*

Cau lòng rượu ché, đôi heo mặc áo,
Trân châu mã não, sơn hô (1) hổ phách,
Cộ (2) uớt cộ khô, cộ chìm cộ nổi,
Bánh cây bánh cối, bánh hỏi bánh han,
Chỉ trắng năm ngang, chỉ vàng năm dọc,
Khay trà chén ngọc, đũa (3) trác mâm son.
Rúa mà còn chê dờ chê ngon, chê tròn chê méo,
Nói khôn nói khéo, nói léo xa gần.
Tốt áo tốt quần, ăn trên ngồi trước,
Trầu đũa rượu rước, xướng hát đờn (4) ca.

(Đám cưới. Khuyết danh)

(1) sơn hô : san hô.

(2) cộ : của cải.

(3) đũa : đũa.

(4) đờn : đàn.

rúa mần rảnh : thế thì tại làm sao.

Tiếng đờn anh thà võ qua vắn,
Rúa mần rảnh đến mùa lúa chín xóc (1) vàng (2) ra đi.

(1) xóc : đòn gánh hai đầu nhọn, đòn xóc.

(2) vàng : liềm; nông cụ dùng để cắt lúa.

rưng rưng : nước mắt ứa đọng từ từ nhỏ giọt.

Em thương anh thầy mẹ khiến dưng,
Hai hàng nước mắt cứ rưng rưng nhỏ hoài.

rười : một nửa đơn vị.

Người ta ba thứ người ta,
Người thì tiền rười, kẻ ba mươi đồng.

rượu : trạng thái ham muốn tình dục.

Tội nghiệp ông mô đó cũng đen,

*Đã già còn rượng, để bà ghen !
Phải chẳng nói được, làm không được !!!
Hay bởi ăn quen, nhịn chẳng quen.
Cả vú lấp miệng, đành lúng túng,
Già đòn non lẽ, dám ho hen.
Đại rồi còn nói khôn sao được,
Trót lỡ, xin bà thứ một phen.*

(Trót lỡ. An Đình Trân Kinh)

S

sa vô : lọt vào, rơi vào.

Sa vô nhà nó, ngẩng đầu không lên.

sang sông : đi theo chông.

*Vai mang khăn gói sang sông,
Mẹ kêu lạy mẹ, thương chồng con phải theo.*

sáng ngời : sáng loáng.

*Mâm đồng chùi láng đặt trên bộ ván sáng ngời,
Cháo đậu xanh kia với đường cát nọ, xin mời vào xơi.*

sàng : đồ dùng bằng tre, hình tròn, lòng nông.

Đi một ngày đàng (1), học một sàng khôn.

(1) **đàng** : đường.

sanh : sinh.

1/ *Thấy anh hay chữ, em hỏi thử một lời,
Thuở tạo thiên lập địa, ông Trời ai sanh ?*

2/Nàng :

*Trăm năm ngàn kiếp tiếp cũng không bỏ nghĩa chàng,
Nhớ khi hoạn nạn giữa đàng nhờ ai ?*

Chàng :

*Tử sanh, sanh tử tận tình,
Đâu ai ngăn đón, em cứ một mình em thương.*

sáo : tấm mảnh mảnh bằng tre dùng để chặn bắt cá.

*Nước lên cuốn sáo nhỏ đặng,
Trong tay anh có ngọc, nỏ bằng có em.*

sào : một thanh tre thẳng, dài, thường dùng để chống thuyền.

Chàng :

*Sông sâu sào vắn (1) khôn (2) dò,
Anh năng (3) đi lại, sợ dò không đưa.*

Nàng :

*Dò sao dò dăm không đưa,
Bởi anh đi sớm về trưa không chùng.*

(1) vắn : ngắn.

(2) khôn : khó khăn.

(3) năng : hay, thường.

say : cây sào dùng để chống cho sáo đứng vững.

1/ *Vì say sưa (1) cho nên sáo (2) bổ (3),
Cơ chi (4) say dầy (5) đông tổ quản chi.*

(1) sưa : thừa.

(2) sáo : tấm mảnh mảnh bằng tre dùng để chặn bắt cá.

- (3) bổ : ngả.
 (4) cơ chi : giá mà.
 (5) dày : găn sát nhau; trái nghĩa với thưa (sữa).

2/ *Con sáo sáo đậu nhành que sáo,
 Mãn mùa rồi sáo đậu que say.
 Mắc nợ nhà giàu, càng trả càng vay,
 Duyên chàng nợ thiếp đổi thay có Trời.*

sấn : xoắn chặt vào nhau.

*Đôi ta như chỉ xe đôi,
 Khi sấn, sấn rít (1), lơì (2), lơì cùng.*

- (1) rúa : như thế.
 (2) lơì : buông lỏng.

sấn mềo : tìm kiếm tình nhân.

*Chồng người vác giáo sấn beo,
 Chồng em vác đũa sấn mềo khắp nơi.*

sặng : gỗ.

Nàng :

*Lẻ củi sặng chẻ ra **vặng vò**,
 Bỏ vô lửa đỏ than lại **thành than**.
 Trai nam như chàng mà đối đặng,
 Thiếp xin kết nghĩa tào khang trọn đời.*

Chàng :

***Trâu** ăn giữa vạt ló (1) **lố**, đã **nguy** chửa **tê**.
 Trai nam như đà đối đặng, thiếp đã chịu
 theo về hay chửa.*

(Hò thủ tài đối đáp)

Văn, Võ, Thành Thang : Văn vương, Võ vương là hai vị vua đời nhà Chu (Nhà Châu); Thành Thang là vị vua sáng lập ra

nhà Thương. **Trâu, Lỗ, Ngụy, Tề** : bốn nước thời Xuân Thu Chiến Quốc.

(1) ló : lúa.

săng giống : gỗ tốt.

*Thân anh như săng giống đón (1) tran (2),
Thân em như ngôi lợp mái nhà quá xinh.*

(1) đón (đóng) : làm thành một vật nào đó.

(2) tran : cái bệ, cái giá đặt trên cao.

sầu đoanh : buồn rầu vấn vít.

*Gối loan trần trọc năm canh,
Mối sầu đoanh,
Lụy hồng lai láng.
Vì nợ ba sanh (1) !
Ai xui mình gánh một khối tình !
Góm ghê cho bấy nhiêu sợi tơ mảnh.
Thương càng thêm rối,
Rối trăm vòng, khốn (2) lần ra mối,
Thiệt lạ cho đời !
Muốn thôi thương,
Song mà chẳng đặng với trời.
Ôi, cơ chi (3) gằn gủi tác gang,
Niềm ân ái thử than đôi lời !
Nực buồn cười, ông xanh,
Đem buộc mình vô cuộc,
Nợ én oanh,
Dày dặt xuân xanh,
Cho thỏa lòng anh,
E tan khối tình.*

(Gối loan trần trọc. Khuyết danh. Điệu Nam Bình.)

(1) ba sanh : ba sinh; ba kiếp: kiếp trước, kiếp hiện tại, kiếp sau.

(2) khốn : khó giải quyết.

(3) cơ chi : giá mà.

sây : nhiều trái.

*Trai thanh cảnh gặp gái thanh cảnh,
Giả như mâm trầu gặp nhánh cau sây.
Ngộ tình cờ mới gặp nhau đây,
Hữu duyên thiên lý ngộ, bắt lấy tay giao hòa.*

sây lời : nói lỗ lời.

*Sây chùn gương được,
Sây lời khó phân.*

sĩa : trượt.

Câu đố :

*Bằng cái đĩa sĩa xuống ao,
Ba quân thiên hạ mà đào không lên.*

(Giải đáp : Bóng trăng dưới ao)

soi : cồn; dải phù sa nổi giữa dòng sông.

*Chèo thuyền bẻ bắp bên soi,
Bắp chưa có trái, mang oi (1) mà về.*

(1) oi : giỏ túm miệng. (Oi nhỏ thường đựng cua, cá).

số ba đào : số phận gian truân, gặp nhiều éo le, trắc trở, vất vả.

*Thương trăng tròn, thương trăng khuyết,
Thương tha thiết, trăm mối bên lòng,
Thương đóa hoa vừa nở, dập dìu ong bướm.
Thương đóa hoa tàn, lạt phấn phai hương,
Nào ai kể buồn trông ?*

*Thương mây bạc, gió đưa xiêu lạc, không biết về đâu !
Thương nước trôi bèo dạt, bèo dạt trôi nơi nao !
Thương số ba đào, chìm nổi lao đao;
Đời vất vả biết là bao !
Thương chim nhạn đêm đông kiếm bạn,
Bao quân tuyết sương !
Tuyết sương dày dạn, tiếng nhạn kêu thảm thương!
Thương kẻ si tình, theo dõi người thương.
Trông mòn mỗi ngày xanh,
Đành thương trông đỉnh Ngự chiều đông.
Thông reo nã nùng, mưa gió không ngừng.
Nào bạn tác ngày xuân, ai chịu lạnh cùng không?
Ngùi ngùi (1) thương, ca nhi giữa sông Hương,
Véo von gọi tình, năm canh,
Dầu dãi sương gió.
Cái thương sao cứ quanh bên mình,
Thương chi trọn (2) trăm nghìn mối thương,
Thương đâu vẹn trăm nghìn mối tình thương.*

(Thương trăng tròn, thương trăng khuyết. Khuyết danh. Diệu Tú Đại Cảnh)

(1) ngùi ngùi : bùi ngùi.

(2) thương chi trọn : thương sao cho trọn vẹn.

số chi mình : số phận của mình sao mà.

*Than thân trách phận (1), giận tình,
Số người ta rằng sớm thành đôi bạn,
Số chi mình long đong.*

(1) than thân trách phận : than thở số phận của mình.

sông cùn : sông cạn.

*Dấu sông cùn đã mòn đi nữa,
Dấu linh xưa còn ở lòng khơi.*

*Chúng dân kính mộ bóng ngài,
Chúc dâng mấy chữ hồ lời đại thừa.*

(Văn châu Mậu Thượng Ngàn. Từ câu 53 đến câu 56. Khuyết danh.
Châu văn Huế)

sờ : rờ mó.

*Mình về mình nhớ ta không ?
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.
Năm quan mua lấy miệng cười,
Mười quan không tiếc, tiếc người tình nhân.
Người tình nhân ta để trên coi (1),
Nấp vàng đây lại để nơi giường thờ (2).
Đêm qua ba bốn lần mơ,
Chiêm bao thì thấy, dậy sờ thì không.*

(1) coi : tráp đựng cau trầu.

(2) giường thờ : bàn thờ.

sớm mai : sáng sớm ngày hôm sau.

1/ *Em ra đi lấy chồng bỏ mẹ cho ai,
Đầu hôm quạnh vắng, sớm mai một mình.*

2/ Chàng :

*Lá đa rụng xuống sân đình,
Có nơi mô thanh thanh như em bậu, thì em chọn
cho mình một nơi.*

Nàng :

*Anh ra về nằm quán nằm đình,
Sớm mai giờ dần, đông chợ, tới đây mình chỉ cho.*

3/ *Túi (1) trời không biết bạn là ai,
Cho tui chào chung một tiếng, sớm mai lại nhìn.*

(1) túi : tối.

sơn cùng thủy tận : nơi xa xôi hẻo lánh.

*Anh nói với em sơn cùng thủy tận,
Em nói với anh nguyệt khuyết, sao băng.
Anh về, em vẫn trông chừng,
Trông mây, mây tản; trông rừng, rừng xanh.*

su : sâu.

1/ *Ru hời, ru hời là ru,
Bên cạn thì chống, bên su thì chèo.
Hai đứa mình kết nghĩa gieo neo,
Như giọt nước với cành bèo nuôi nhau.*

2/ *Ra đi mạ đã dạn dò,
Sông su chó lội, đò đầy chó qua.*

sút : tuột ra, bung ra.

*Em trách anh bạc, mà anh đây không bạc,
Bởi giao (1) kia sút ngạt nên đèn nọ lu đi.
Ba bốn năm ni em còn chờ đợi,
Hướng chi một ngày hôm ni.*

(1) giao : chỗ sâu tìm đèn.

sử sàm : xúi giục.

*Đình thần cũng cố nhện Tây,
Mà đánh giết đạo bởi đạo hay sử sàm.
Tây phiên đảo đến giao Nam,
Cũng vì bên đạo sử sàm Tây qua.*

(Về Thất Thủ Kinh Đô. Câu 61 đến 64.)

sữa : thừa.

*Tiệc công đan giỏ bỏ cà,
Giỏ sữa cà lọt (1), công đà uống công.*

(1) lọt : qua được chỗ hở.

sứt khu : bị mất một miếng ở phần cuối.

*Kim sứt khu, em đòi luôn chỉ thắm,
Hoa tàn rồi, em đòi cắm bình cao !*

sương : gánh.

*Liệu chiều thương được thì thương,
Em sương triêng (1) nặng đường trường còn xa.*

(1) triêng : một gánh gồm có đòn gánh, hai chiếc gióng và đồ vật để trong hai chiếc gióng. Sương triêng nặng là gánh một gánh nặng.

T

tà tà : từ từ.

*Có chi mô (1) mà chân lướng cuống,
Cứ tà tà ta bước song đôi.
Đi một mình tim sẽ mờ cõi,
Tóc sẽ lệch đường ngôi không đẹp.*

(Qua mấy ngô hoa. Mừng Mán. Câu 9 đến 12)

(1) có chi mô : có gì đâu.

tài chi : làm sao mà.

*Áo thương ai nửa chừng áo ướt,
Cũng bởi chàng chậm bước cho nên thầy với
mẹ bán gả trước em đi.
Thiếp có chồng, chàng có vợ tài chi không buồn.*

tàn canh : sắp hết đêm.

*Gà gáy tàn canh gà gáy giục,
Canh tàn gà gáy giục tàn canh.
Trăng soi soi đỉnh non Bình,
Gió đưa đưa chiếc thuyền tình sông Hương.*

(An Phủ Bửu Lộc)

tao : có hai nghĩa : 1) dây treo nôi; 2) tau, tôi.

1/ *Hai tay cầm bốn tao nôi,
Tao thẳng, tao dùi, tao nhớ, tao thương.*

2/ *Đêm năm canh không ngủ,
Ngày sáu khác hẳn ngày.
Cứ cầm bốn tao nôi, ru hời ru hời,
Trong dạ lại bồi hồi nhớ thương.*

tào lao : không đâu vào đâu, không có nội dung thiết thực.

*Không đại, không điên, cũng chẳng khùng,
Đêm nằm không ngủ lạ hay không ?
Lo tưởng ổi lỗi (1) lo tầm bậy (2),
Nghĩ chuyện tào lao nghĩ tứ tung.*

(Đêm nằm không ngủ. Ứng Bình Thúc Giạ)

(1) ổi lỗi : người bằng gỗ.

(2) tầm bậy : bậy bạ, vớ vẩn.

tàu-bô : sở lục lộ, sở công chánh. Việt hóa chữ *Travaux Publics*, tiếng Pháp.

*Thảm thương mấy chú tàu-bô,
Nón thời sơn đỏ, ngày mô cũng làm.*

tàu ô : tàu cướp biển.

*Đố em con rít mấy chun,
Tàu ô mấy chiếc, chợ Dinh mấy người ?*

tay hoa miệng huyết : tay khướ, miệng thổi còi tù huyết.

Câu đố :

*Sừng sững mà đứng giữa trời,
Tay hoa miệng huyết, gậy trời bên hông.*

(Trả lời : Ông cảnh sát lưu thông)

tắc rì : *tắc* là quay sang bên trái; *rì* là quay sang bên phải ; tiếng của người cày bừa điều khiển trâu. (họ: đứng lại).

*1/ Đôi ta thương chắc (1), chú bác trực trặc, cha mẹ
không ừ (2),
Giống như trâu không chạc mũi (3), biết tắc rì
đường mô ?*

(1) thương chắc : thương nhau.

(2) ừ : bằng lòng, đồng ý.

(3) chạc mũi : dây buộc vào mũi con trâu.

*2/ Sóng xao bể đục quên buôn bán,
Gió thổi vườn xuân lũng tắc rì.
Cái tình là cái chì chì,
Dẫu ai ai cũng cứ si theo tình.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

tắt mặt trời : mặt trời lặn.

*Cả ngày thì lại đi chơi,
Tối tắt mặt trời, đổ lúa vô xay.*

tần mần : sờ mó, mân me những thứ thuộc sở hữu của người khác.

*Đêm khuya một chiếc thuyền nan,
Một cô con gái, một quan đại thần.
Ban ngày quan lớn như thần,
Ban đêm quan lớn tần mần như ma.
Ban ngày quan lớn như cha,
Ban đêm quan lớn rầy rà như con.*

tấu : tâu, thưa.

*Anh về mần một con heo quay, một mâm xôi
nấu, tấu với chồng xuta.
Chồng xuta em vô duyên bạc phận, để lại duyên
thừa cho anh.*

tậu trâu : mua trâu.

*Tậu trâu, cưới vợ, làm nhà,
Cả ba việc ấy thật là khó khăn.*

te rẹt : bộ tịch làm oai, ra vẻ ta đây.

*Đôi củ khoai lang hột muối trường,
Ngấm trong đạm bạc đủ mùi hương.
No nao biển hoạn hơn mười bữa,
Lên xuống sông Gianh mấy dặm đường,
Te rẹt dám khoe càn võng đỏ,
Giãi dầu nên chuộng bát cơm lương.
Hỏi ta, ta biết như tình đó,
Biết lại càng thêm nổi xót thương !*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

té : thì ra.

*Tưởng năm Tân Mão có gì vui,
Té cũng xuân kia tới với lui.
Cọp mới hung hăng lia khỏi ngõ,
Mèo đà rón rén chực trên rui.
Vô ra thôi cũng loài nanh vuốt,
Khao khát lâu nay miếng béo bùi.
Tết nhứt, chiêm xào nhiều cá thịt,
Ngao ! ngao ! chi khỏi mỡ nhờn ui !*

(Xuân Tân Mão, 1951. An Đình Trần Kính)

té mô hay : ngờ đâu.

*Thiếp với chàng vô can vô có,
Bất lấy chữ tình mà thiếp nhớ với chàng thương.
Tưởng là vạn thọ vô cương (1),
Té mô hay chàng Nam thiếp Bắc trăm đường chàng ơi.*

(1) Vạn thọ vô cương : sống lâu muôn tuổi.

té tiền : du tiền.

*Thằng Cuội đứng giữa mặt trăng,
Cầm rìu, cầm rựa đốn sảng (1) kiên kiên.
Đem về làm nốt (2), làm thuyền,
Đi buôn đi bán té tiền cho vay.*

(1) sảng : gỗ.

(2) nốt : chiếc thuyền nhỏ

tép : một loại sinh vật sống ở nước ngọt, giống như tôm nhưng không có càng, rất nhỏ so với tôm.

*Tép đồng ăn với rau mùng,
Chồng ăn vợ nhịn, xin đừng bỏ nhau.*

tê : kia.

1/ Cô tê cắt cỏ một mình,
Cho tui cắt với chung tình làm đôi.
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Cho tui cắt với làm đôi vợ chồng.

2/Nam:

Gặp nhau đây nghiêng tai cho anh hỏi nhỏ,
không dám hỏi to,
Con hai đứa chúng mình chơi chung ngày trước
đã lật bò chi chưa ?

Nữ:

Con anh mô nữa mà ngóng mà trông,
Bữa qua em đi đồng (1), em để lại chỗ bờ sông tê rồi !
(Hò trêu ghẹo)

(1) đi đồng : đại tiện ngoài đồng ruộng.

3/ O tê đừng thấy tui nhỏ mà khinh,
Chứ con thần lẩn chút xíu cũng ôm cột đình sát sao.

4/ O tê đừng thấy tui nhỏ mà sầu,
Chứ con ong bé tẹo, nó chích bí chích bầu rụng rơi.

tê : kia.

1/Chàng :

Đã đành phận đồ đưa bến khác,
Thảm thương thân em chéch mác (1) lẻ đôi.
Rằng không kiếm nơi mô mà nương tựa,
Để phấn lạt, hoa trôi hết tê ?

Nàng :

Cực lòng em lắm, anh ơi,
Chậu nghiêng nước đổ, hoa trôi không cầm.

(1) chéch mác : xiên xẹo, xiêu vẹo.

2/Nàng :

*Sao Hôm đã lặn anh tê,
Chuyện chi xin nói để em về kéo khuya.*

Chàng :

*Anh đây lạt miệng thềm cau,
Em cho anh vay một miếng, ngày sau trả lời.*

(Hò già gạo)

3/Nữ :

***Năm** con chim **xanh** đậu cành cây **ngũ**,
Sáu con bọ **xít** sắc **lục** đó tê.
Trai nam nơn chàng mà đối đặng đây sẽ chịu bề
nâng khăn.*

Nam :

***Tám** con tù **huýt**, kêu cây **bát bát**,
Mười con chuồn đở **đít**, lượn **thập** ác nhà.
Tui đây đối lại, đó đã nghe chưa ?
Về xin cha mẹ mà định giờ nghi gia.*

(Hò thủ tài đối đáp)

xanh (cinq) là năm, **ngũ** là năm; **xít** (six) là sáu, **lục** là sáu đối lại
huýt (huit) là tám, **bát** là tám; **đít** (dix) là mười, **thập** là mười.

tê rúa : không chút tình nghĩa như thế.

*Mẹ thương con mõi mòn đôi mắt,
Thiếp nhớ chàng ruột thắt héo hon (1).
Ơi chàng ơi !
Chi mà tẻ tẻ rúa chàng,
Chi mà bạc bạc lấm chàng.
Phụ tình phàng duyên chi mấy,
Thiếp trông chàng mà chẳng thấy chàng đâu !
Ơi người tình nơn (2) ơi !*

(Lý Vọng Phu)

- (1) héo hon : héo queo
(2) tình nhờn : tình nhân, người yêu.

têm : lấy vôi trét vào lá trâu, xếp, cuộn lại thành lọn.

1/ Nghe về nghe về,
Nghe về bài tới.
Cơm chưa kịp xới,
Trầu chưa kịp têm.
Tao đánh một đêm,
Thua ba tiền rưỡi.
Về nhà vợ chửi.
Thằng mớic thằng quăng,
Đánh sao không ăn !?

(Về bài tới)

- 2/ Con quạ nó đứng đầu cầu,
Nó kêu bố mẹ, têm trầu khách ăn.
3/ Trai thì cày ruộng khiến trâu (1),
Làm gái phải biết bửa (2) cau têm trầu.

- (1) khiển trâu : điều khiển con trâu.
(2) bửa : chẻ.

tha phang (tha phương) : nơi xa lạ.

Huế đẹp, Huế thơ, Huế mơ, Huế mộng,
Huế hồng hồng tía tí, Huế nhạt nhạt khoan khoan,
Huế êm đềm như dòng nước Hương Giang,
Huế du dương như cảnh thông reo đỉnh Ngự.
Biết bao tình tự điệu hát cung đàn.
Nhớ ai đồng điệu tha phang,
Mượn câu hò nhẩn nhủ quăng đàng (1) xa xôi.

(1) đàng : đường.

thạch xoa : thức ăn giống như chè làm từ một loại rong biển.

*Thạch xoa một vốn bốn lời,
Anh về để vợ, cưới người thạch xoa.*

tham gió bỏ mây : không chung thủy, phụ bạc.

*Xin đừng tham gió bỏ mây,
Tham vườn táo rụng, bỏ cây nhỡn lông.*

tham việc : ham làm việc.

*Mẹ già tham việc tiếc công,
Cầm duyên con lại, thu đông mãi rồi.*

thạnh : thịnh vượng, phát đạt, giàu có.

*Ở đời, khi thịnh khi suy,
Khi chạy lau láu (1), khi đi không rời.*

(1) lau láu : nhanh, không vấp vấp.

thầy lay : không dính dáng đến mình.

*Năm canh xót (1) phận mây bèo,
Khổ nổi trăm chiều đời đoạn (2).
Ôi hỡi bạn đường xa, có thấu hay không ?
Còn đâu nữa mà trông.
Dã tràng xe cát, đã dư công.
Mắt nhìn ngọn đèn chong,
Đôi hàng lụy đượm trong doanh tròng (3) !
Ôi duyên ! ôi nợ ! ôi tình !
Khéo để cho mình lận bận (4) !
Duyên với nợ trả rồi vay,
Bỏ buộc chi đây !
Tang thương ai bày.
Chuyện thầy lay nghĩ lại càng cay.*

*Biết như vậy, xua chẳng gặp thời hay.
Bể dâu có rày !
Loan với phụng rẽ bầy xa bạn .
Nhìn thấy cảnh Bình Hương,
Chạnh lòng nghĩ lại càng thương.
Sầu muôn đoan tư lương,
Xót xa can trường !*

(Năm canh xót phận mây bèo. Khuyết danh. Điệu Nam Ai)

- (1) xót : xót xa, đau thương.
- (2) đòi đoan : đầy đoạ, chịu cảnh khổ sở.
- (3) doanh tròng : đầy tràn ra tròng con mắt.
- (4) lặn bặt : bặt bịu, lặn độn.

thẳng rẳng : rất thẳng.

*Hoa sen đượm mùi hương,
Lá xanh ngắt, bông đỏ tua vàng.
Hương sắc ấy, ai mà chẳng phải thương !
Này khá thương : sanh nơi bùn,
Ngâm trong nước, không lây bùn,
Minh đứng giữa phong trào thật là xinh.
Nhìn thêm xinh, kìa xem,
Trong thông ngoài thẳng, thẳng rẳng không nhành.
Không nhánh, không cành.
Xa càng ngào ngạt hương thính (1) !
Sánh trang quân tử,
Một bậc; một đóa gương (2) trong,
Để trong thiên hạ nhìn mặt.*

(Hoa sen. Khuyết danh. Điệu Kim Tiền.)

- (1) hương thính : hương thơm trong sạch, tinh khiết.
- (2) gương : gương sen, cái bầu đựng hột sen, nằm chính giữa bông sen.

thất tha thất thểu : thất tha thất thểu.

Con chim đa đa đậu nhánh đa đa,

Mãn mùa đa đa kêu ba tiếng thất tha thất theo.
Con chim chèo bẻo đậu nhánh mai tùng.
Chim quyên lỗ lú, trai anh hùng lỗ đôi.

thâm : có màu đen hơi vàng.

Thâm đông thì mưa
Thâm dứa thì khú,
Thâm vú thì nghén.

thấu : đến, tới nơi.

Chàng :

Ngó lên trên trời, trời cao trăm trượng,
Ngó xuống dưới biển, sóng lượn ba đào.
Mấy lâu ni lòng những ước ao,
Viếng thăm không đặng, gửi thư vào đã thấu chưa?

Nàng :

Đôi ba nơi thầy mẹ nói tới, em chưa ì,
Anh có thương em thì thửng thửng,
chớ gửi thơ từ làm chi.

thầu đầu : cây thầu đầu còn gọi là cây sâu đông, vào mùa đông rụng hết lá.

Trái bồ hòn trong tròn ngoài méo,
Trái thầu đầu trong héo ngoài tươi.
Thấy anh ít nói ít cười,
Ôm duyên chờ đợi chín mười con trắng.

thầy chùa : người giữ chùa và lo việc cúng bái, có vợ con như người thường; không phải là thầy tu.

Con vua thì lại làm vua,
Con ông thầy chùa thì quét lá đa.

thầy mạ : cha mẹ.

1/ *Thôi thôi ôm áo ra về,
Thầy mạ khó kiếm, phu thê dễ tìm.*

2/Chàng :

*Tai anh nghe thầy mạ bán gả em đi,
Cũng bằng đưa dao vô cắt ruột anh, em ơi !*

Nàng :

*Ví dầu (1) thầy mạ nhận lễ một trăm mâm,
Em cũng xin trả lại để kết nghĩa tri âm cùng chàng.*

(1) ví dầu : dầu cho.

3/ *Đêm khuya thiệp mới hỏi chàng,
Công ơn thầy mạ đèn vàng xứng không.*

thấy quê : trông như người quê mùa.

*Ai ăn chè Cửa Hậu,
Xin chớ quên bậu nấu chè.
Chè này ăn ngậm mà nghe,
Ngẩn ngơ chi rứa, thấy quê lắm chàng.*

théc : ngủ.

*Ru con, con théc cho muôi (1),
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.
Mua vôi chợ Quán (2), chợ Cầu (3),
Mua cau Nam Phổ (4), mua trầu chợ Dinh (5).
Chợ Dinh bán áo con trai,
Triều Sơn (6) bán nón, Mậu Tài (7) bán kim.*

(1) con théc cho muôi : con ngủ cho ngon.

(2) chợ Quán thuộc huyện Phú Vang.

(3) chợ Cầu ở làng Phù Lương thuộc huyện Quảng Điền.

(4) Nam Phổ thuộc huyện Phú Vang.

- (5) chợ Dinh nằm bên bờ sông Hương, cuối đường Chi Lăng , phường Phú Hiệp, khu phố Gia Hội. Trước kia vùng này có nhiều dinh thự của các ông hoàng, bà chúa, nên chợ có tên là chợ Dinh.
- (6) Triều Sơn thuộc huyện Hương Trà.
- (7) Mậu Tài thuộc huyện Phú Vang.

then : thanh gỗ hay thanh tre.

1/ *Mẹ ra đi cửa đóng then cài (1),
Anh thương em chi cho lắm cũng đứng ngoài ngõ vô.*

2/Nàng :
*Trai như anh chán chi nơi nhà rường (1) đá tảng,
cửa ngõ ván then cài,
Thương chi em nghiêng nghèo đời khó lạc loài tám thân.*

Chàng :
*Trai như anh giàu sang không mộ (2), nơi bá hộ
cũng ché,
Chẳng qua Trời định đất đê mà thương.*

- (1) nhà rường: nhà có sườn bằng gỗ. (*Nhà rột* là nhà có sườn bằng tre).
- (2) mộ : ham, mến, chuộng.

thèo quèo để người : chướng tai gai mắt.

*Tổn tiền rước hỏi cưới cheo,
Rước về cái mụ thèo quèo để người.*

thế mô : đàn nào, thế nào.

- 1/ *Thế mô thầy mẹ cũng thương mình,
Bụi tre cửa ngõ để dành đàn nôi.
Khúc đọt chẻ mỏng đàn nôi,
Khúc gốc đẽo gọt để ngồi ru con.*
- 2/ *Thế mô thầy mẹ cũng thương mình,
Sanh con ra ai há để đoạt tâm tình của con.*

thì : thời, một thời gian ngắn.

*Ai ơi chơi lấy kéo già,
Măng mọc có lúa, người ta có thì.*

thiệt : thật. Hồ Thị Hoa, vợ vua Minh Mạng được vua Gia Long khen có nhiều đức tánh và ban cho tên mới là *Thật*; từ đó *thật* trở thành tên húy, nói trại ra là *thiệt*.

1/ *Bậu có chồng chưa, bậu thưa cho thiệt,
Kẻo để anh làm tội nghiệp thân anh.*

2/ *Chín con chưa thiệt là chồng,
Hướng hồ em bậu tay không mới về.*

3/ *Bắt tay ngồi lại gần đây,
Không mấy khi ta gặp bên này.
Cho đó rõ niềm tây,
Lời đắng cay.*

*Tuy xa đàng, không xa mặt,
Chung tình lại càng vui,
Càng thêm vui.*

*Ai khéo xui mình gặp,
Một cặp đa tình.*

*Thiệt tại Trời xui mình,
(Hay là lối ba sinh),*

Hay đó là lối ba sinh.

Xin cho bền dạ, giữ dạ.

Dầu gặp người quen,

Xin cho bền dạ, giữ dạ.

(Ngồi lại gần đây. Khuyết danh. Điệu Kim Tiền)

4/ *Gặp anh hùng cho em hỏi thiệt anh hùng,
Ai trung, ai nịnh nói cùng em hay ?*

thiệt mặt : gặp mặt, thấy mặt.

*Chớ nghe thiên hạ nói chơi,
Rằng chừ (1) thiệt mặt, hẳn hòi (2) hầy hay.*

(1) răng chừ : khi nào.

(2) hẳn hòi : hẳn hoi.

thò lò : lòi ra, lộ ra, chảy ra.

*Học trò thò lò mũi xanh,
Cầm cái bánh đúc chạy quanh nhà thầy.*

thốc : ào tới từng đợt nhanh và mạnh.

*Em bứt xuống đò, hai mái chèo chèo thốc,
Ngó lên cánh buồm, gió giục buồm lay.
Ôi thôi rồi, duyên nợ chạy vạy,
Khác chi ngọn bèo tan ra khốn (1) trông hiệp lại,
buồn thay hỡi buồn.*

(1) khốn : khó mà.

thốt : mổ.

Chàng :

*Tai nghe gà lạ gáy hay,
Gáy lên năm ba tiếng để gà đây gáy cùng.*

Nàng :

*Gà tui (1) đang nhốt trong lồng,
Muốn gáy lên năm ba tiếng, sợ con gà bên nó (2)
sang thốt cái mồng gà bên ni (3) !*

(1) tui : tôi.

(2) nó : kia.

(3) ni : này.

thốt : nói, bày tỏ.

Anh thốt ra đến đâu, dạ em sầu từng đấy,

Nghĩ cuộc chung tình chưa được mấy lâu.

thời chó : thì thôi.

Thương thời thương, chẳng thương thời chó,

Làm chi lỗ đở, như hẹn nợ thêm buồn.

Bên chùa đã động (1) tiếng chuông,

Gà thượng thôn đã gáy, chim nguồn đã kêu.

(1) động : đánh mạnh.

thu : giấu, để vào chỗ không ai biết.

Đêm nằm em phải thu cho kín,

Lơ đễnh không chừng lũ chuột tha.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

thủ thiềng : thủ thành, bảo vệ thành trì.

Ngó lên trên tháp Canh Tiên (1),

Cảm thương ông Hậu thủ thiềng ba năm.

(1) Tháp Canh Tiên là nơi Võ Tánh và Ngô Tùng Châu tử tiết lúc giữ thành Qui Nhơn.

thuở mô đến chừ : từ lúc nào đến bây giờ.

Hai hàng nước mắt như mưa,

Cái khăn lau không ráo,

Cái áo chặm không khô.

Công anh đổ xuống ao hồ,

Quy thưa bầm dạ thuở mô đến chừ.

thủ chứt chơi : thủ giỡn chơi trong một thời gian ngắn.

Nàng :

Ơi người tía đậu hôm mai,

Da đen như quạ, lại đòi nàng tiên !

Chàng :

Đen anh, đen mặt đen môi,

Trắng em, trắng búng sán chòi,

Thử chút chơi, chớ ai cười của nợ đời làm chi (1).

(1) làm chi : làm gì.

thương chi : thương làm gì.

Thương chi cho uống công mình,
Bạn về xứ bạn bỏ mình bơ vơ.

thương chùng : thương kín đáo không cho ai hay biết.

Miếng trầu, miếng thuốc là nghia tao khang,
Điều ăn, tiếng nói, thầy mẹ đón can thế nào.
Miệng thế gian sắc tựa gươm dao,
Thôi thôi hai đứa mình thương chùng, nhớ trộm,
được chùng nào thì thương.

thương thì để dạ : thương thì để trong lòng không thổ lộ cho ai hay.

Thấy anh thanh cảnh muốn thương,
Thương thì để dạ, không biết quê hương chốn nào.

tốt : phần dưới của cây lúa còn lại trên ruộng sau khi gặt.

Mãn mùa tốt rạ rơm khô,
Bạn về quê bạn biết nơi mô (1) mà tìm.

(1) nơi mô : nơi đâu, nơi nào.

tô : cái chén lớn, cái bát nhỏ.

Rạng chân trời,
Thức dậy, ơi chàng ơi !
Cơm vài bát (1), tô nước xanh tươi, sớm mai (2)
dùng bữa.
Ngoài xa vắng, tâm hồn ta mang nặng tình quê.
Mặc thói đời chê cười phê tặc.
Đời an phận người tự do.

Sống giữa sơn hà, mặt người lam lũ,
Dạ hiền lương là hơn.
Cùng năm tháng, sương nắng chi sồn (3).
Lúa tốt khoe vàng,
Vợ cùng con hân hoan.
Vái đất trời gió mưa thuận hòa,
Ta cày, ta cấy.
Khuyên ai đừng bỏ đất hoang.

(1) bát : chén lớn.

(2) sớm mai : sáng sớm ngày hôm sau.

(3) chi sồn : không nản lòng.

tối trời : đã về đêm, không có ánh sáng.

Tối trời, đèn tắt, cơm sôi,
Heo kêu, con khóc, chồng đòi ... tòm tem !
Bây giờ đèn đã cháy rồi,
Heo no, con nín, tòm tem thì tòm.

tội chi : đại gì.

Vô đây, mời bạn vô đây,
Vô đây bàn đặt ghế xây sẵn sàng.
Tội chi đứng sá ngời đàng,
Sương sa muối cắn, cảm thương hàn ai nuôi ?

(Hò già gạo)

tội chi mô : đại gì đâu.

Thiếp gặp chàng như rồng mây gặp hội,
Chàng gặp thiếp như chim Phụng gặp cội cành ngô.
Mấy lâu kẻ Hán người Hồ,
Nay chừ (1) hữu duyên thiên lý ngộ,
Tội chi mô mà không nâng niu cho thiệt (2) tận tình.

(1) nay chừ : bây giờ đây.

(2) thiệt : thật.

tôm sú : một loại tôm nước ngọt, nhỏ con.

Nàng :

*Đố anh tìm được vảy cá trê,
Tìm đặng (1) gan tôm sú, em về với anh !*

Chàng :

*Đố em tìm đặng trứng mèo,
Tìm ra đuôi cóc, anh cheo (2) ba bò !*

(Hò thủ tài đối đáp)

(1) tìm đặng : tìm được.

(2) cheo : nạp, nộp.

tôn ti họ hàng : tất cả những người cùng huyết thống.

*Khi thương, thương cả lối đi;
Khi ghét, ghét cả tôn ti họ hàng.*

tờ tợ như : gần giống như.

*Án tình chi người ta lao xao như buổi chợ,
Án tình chi như đôi đứa mình chừ tờ tợ như ngọn gió cô.
Em gặp anh đây thì phân đi gửi lại cho rồi,
Kẻ một mai kia thiệp có chồng, chàng có vợ dễ
đứng ngồi mà phân.*

tợ như : giống như.

*Nút xa khuy răng đành hỡi áo,
Thiếp xa chàng ngài (1) đạo làm răng (2).
Lời thề núi lở, non băng,
Chàng đành xa thiệp tợ như trăng xa trời.*

(1) ngài : nghĩa.

(2) làm răng : làm sao.

tởn : khiếp sợ.

- 1/ Một lần là tởn đến già,
Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.
- 2/ Dạ dày báo hại nên nông nổi,
Một chuyến ni đây tởn cả đời ! ...

(Đời Thúc Giạ. Trang 126. Ung Bình Thúc Giạ. Nxb Bốn Phương, Sài Gòn - 1961)

tra : già, nhiều tuổi.

- 1/ Ai bảo rằng già chả có duyên ?
Niên giáp tuy tra, lòng vẫn trẻ.
Đức tài tuy kém, sức còn nguyên,
Thơ tình gặp bạn, ngâm không chán,
Rượu khiến mua vui, uống đã ghiền.
Thử hỏi trăm năm, cười mấy độ ?
Đại gì lúc sống chẳng huyền thuyên !

(An Đình Trần Kinh)

- 2/ Có phước mới lấy vợ tra,
Sạch cửa sạch nhà lại ngọt cơm canh.
Vô phước mới lấy trẻ ranh,
Ăn no ngủ kỹ khổ anh trăm bề !
- 3/ Hãy cứ vui đi kéo nữa già,
Đời người cũng ví tựa bông hoa.
Chiều tàn sớm nở không bao lúc,
Lần lượt xuân về đón cái tra.

Lần lượt xuân về đón cái tra,
Xuân muôn năm trẻ mãi không già,
Sao mình chẳng được như xuân nhi.
Hễ thấy xuân về lại sợ tra.

Hễ thấy xuân về lại sợ tra,
Nhìn xuân lại càng thấy mình già.
Ôm lòng cố giữ lòng tươi trẻ,
Muốn đập tan đi cái mộng tra.

Muốn đập tan đi cái mộng tra,
Những toan không nhận cái lòng già,
Nhưng thời gian chẳng nhận cho mình được,
Tự ý mình không nhận cái tra.

(Hồng Hoa)

4/ Tuổi mình nay mới tám mươi ba,
Ăn cửu tuần chơi trước gọi là.
Đông đủ một bầy con cháu trẻ,
Giai hơi hai đứa vợ chồng tra.
Rậm người (1) gắm lại hơn nhiều cửa,
Rộng bụng lo chi nỗi hẹp nhà.
Chén rượu câu thi mừng lễ thọ,
Mua vui chung với bạn làng ta.

(Thào Am Nguyễn Khoa Vy ăn lễ cửu tuần trước năm 83 tuổi).

(1) rậm người : đông người, nhiều người.

tra đi hỏi lại : chất vấn.

Anh lui về cậy người mai mối cho xong,
Thân phụ em có tra đi phúc lại, đã có tay em
vòng, miệng em thưa.

tra : nồi đất nung đáy sâu.

Dượng chửa qua làm gà chi sớm,
Dượng qua rồi bắt tra lên hon.
Miếng mô ngon ngon để dành cho dượng,
Miếng mô sượng sượng (1) để mạ con mình ăn.

(1) sượng sượng : chưa được thật chín sau khi nấu hay nướng.

trách : nồi đất nung đáy cạn, thường dùng để kho cá.

*Buổi chợ đông mua làm trách bể,
Tan chợ rồi biết để cho ai.*

trái ấu (củ ấu) : trái ấu có hai gai, màu đen, cứng; ruột trái ấu ăn bùi ngon như hạt mít; cây ấu mọc nổi trên mặt nước.

1/ *Khi thương trái ấu cũng tròn,
Khi ghét trái bồ hòn (1) cũng méo.*

(1) bồ hòn : cây mọc hoang trong rừng. Có nơi trồng cây bồ hòn, cao chừng 10 đến 15 thước. Vỏ cây và trái cây ngâm nước có tính sát trùng, dùng để tắm cho gia súc hay giặt áo quần thay xà-phòng (savon).

2/ *Thân em như củ ấu gai,
Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen.
Ai ơi, ném thử mà xem,
Ném ra mới biết rằng em ngọt bùi.*

trạo lầy : đổi lấy.

*Giêng hai (1) môn khoai lộn lạo (2),
Tháng chín tháng mười gạo trạo lầy nưta.*

(1) giêng hai : tháng giêng, tháng hai.

(2) lộn lạo : lẫn lộn.

trắc : trực trặc, trắc trở, trở ngại.

*Hai tay bưng bát nước đầy,
Bưng lên dùng trắc, để xuống đây dùng triền (1).*

(1) triền : nghiêng đổ.

trắc nết : khó dạy, cứng đầu cứng cổ.

*Sông sâu phải cắm sào dài,
Voi kia trắc nết phải kiếm anh nài (1) cao tay.*

(1) anh nài : người giữ voi.

trấn triu : dẫn đo, cân nhắc, suy tính quá kỹ.

Mẹ anh có tính trấn triu,

Dại chi em đâm trốt vô (1) đó, để ném mùi đáng cay.

(1) đâm trốt vô : chui đầu vào.

trăng lòa : trăng lơ mờ.

Trăng lên khỏi núi trăng lòa,

Bởi em quá vội nên mạ cha mất nhờ.

trăng lờ : trăng mờ

Trên trăng dưới nước, anh giao ước một lời,

Dẫu trăng lờ nước cạn, mấy đời phụ nhau.

trăng lu : trăng mờ.

1/ *Lấy chồng đi cho kịp xuân thu,*

Kẻo mà bóng xế, trăng lu bạn cười.

2/ *Mẹ ôm con ngồi cầu Á Tử,*

Vợ trông chồng đứng núi vọng Phu.

Biết rằng chừ bóng xế trăng lu,

Con ve ve kêu mùa hạ, biết mấy thu gặp chàng.

3/ *Trăng lu vì bởi mây mù,*

Đôi ta xa cách vì mồm thế gian.

4/ *Trăng lu cũng bởi đám mây,*

Duyên em trác trở cũng vì dây tơ hồng.

trăng lụn : trăng lặn.

Canh một thơ thẩn ra vào,

Chờ trăng, trăng xế, chờ ba, ba tàn (1).

Canh hai tháp ngọn đèn loan,

Chờ người quân tử thở than đôi lời.
Canh ba sương nhuộm cành mai,
Bóng trăng em ngỡ bóng ai mơ màng.
Canh tư xích cửa then vàng,
Một mình vò võ đêm trăng xế lờn.
Canh năm mê mẩn tâm thần,
Đêm tàn, trăng lụn, rặng đông lên rồi.

(Lý Dạ khúc)

(1) ba tàn : hoa tàn.

tráp : hộp bằng gỗ thường dùng để đồ lễ cưới.

Nên ra đây tráp, bưng coi (1),
Không nên thì anh để xuống cho người khác bưng.

(1) coi : cái tráp đựng cau trầu, thuốc lá.

trân : cứng, không mềm dẻo.

Khoai lang củ sượng, củ trân,
Siêng ăn nhác mần, lựa củ cho to.

trật cù chia : trật lất.

Lang than thân, lang đào lên bới xuống,
Muống than thân, muống ngút đọt nấu canh.
Anh than thân, vợ con chưa có,
Người nói nọ, kẻ nói kia.
Liều mình như thể bắn bia;
May ra thì trúng, rủi có trật cù chia cũng thôi.

trầu bài : trầu để nguyên lá; khác với trầu têm là trầu đã bôi vôi và xếp, cuộn lại thành lọn.

Ví dầu ai có xa ai,
Tới đây chiếu trái trầu bài như xưa.

*Tới đây ăn miếng tràu bài,
Khách khứa chi đó mà nài tràu têm.*

trầu cay : một loại tràu có vị nồng, làm cho tê đầu lưỡi.

1/ *Ba đồng một mớ (1) trầu cay.
Sao anh không hỏi những ngày còn không (2) ?
Nay em tay bế tay bồng,
Xin anh đừng lui tới mà chông em ghen.*

(1) mớ : tập hợp những vật cùng loại với nhau.

(2) những ngày còn không : lúc chưa có chồng.

2/ *Ba đồng một mớ (1) trầu cay.
Sao anh không hỏi từ ngày còn không.
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra.*

trầu hổi : tràu héo khô.

*Ba phen trầu hổi cả ba,
Phen này hổi nữa thiệt là duyên em.*

trầu ngang : tràu tầm thường; không phải là tràu ngon, tràu tốt.

*Thuở em đang xinh,
Anh đây xin đi một buồng cau xanh,
Một chai rượu đỏ.
Nay chừ, anh đi một trăm lát vỏ,
Năm miếng trầu ngang.*

trầy : đi đến một nơi xa.

*Nước chảy xuôi, con cá buôi lội ngược,
Nước chảy ngược, con cá vược lội ngang.*

*Thuyền em xuống bến Thuận An,
Thuyền anh lại trảy lên ngàn anh ơi !*

(Ung Bình Thúc Giạ)

tréc : cái trách; cái nồi đất nhỏ, đáy cạn, dùng để kho, rang hay nấu các thức ăn.

*Tai em nghe anh đi học đường này.
Em đi chợ Phường Tích (1),
Mua chín cái tréc,
Em đào chín cái lò :
Tréc nấu canh ngò,
Tréc nấu canh cải,
Tréc nấu nải chuối xanh,
Tréc nấu canh rau má,
Tréc kho cá chim chim,
Tréc kho rim thịt vịt,
Tréc kho thịt con gà,
Tréc kho cà đu đủ,
Tréc nấu củ môn tây,
Em thương anh bóng xế trăng xây,
Đêm trông ngày tưởng, chín tréc này quên nêm (2).*

(1) Phường Tích : một làng thuộc tỉnh Quảng Trị, giáp giới với tỉnh Thừa Thiên.

(2) nêm : thêm đồ gia vị vào thức ăn cho vừa miệng.

trèo non : leo núi.

*Trèo non mới biết non cao,
Nuôi con mới biết công lao mẹ già.*

tria : gieo hạt.

Nàng :

*Em thương anh không biết cho chi,
Cho anh một nạm (1) bấp rang,*

Để sớm trồng, mai mọc thiếp với chàng bén duyên !

Chàng:

*Anh hỏi em đồng địa ở mô ?
Trời mưa ba năm không thấm, trời hạn
chín tháng không khô !
Em gắng công đi chỉ, anh trúa vô mọc liền.
(Hò trêu ghẹo)*

(1) nạm : nắm.

triêng : đòn gánh.

*Thôi rồi gióng đã xa triêng,
Tiếc ơi là tiếc, con chim quyen xa lồng.*

triêng : một gánh gồm có đòn gánh, hai chiếc gióng và đồ vật để trong hai chiếc gióng.

1/ *Buôn bán chi cho cực thân nàng.
Quãng (1) triêng vô bụi,
Đi theo cậu, cho an nhàn tấm thân.*

(1) quãng : vút bỏ.

2/ *Vai bên tả thì gánh triêng củi,
Vai bên hữu thì gánh triêng than.
Trên đầu đội nón ba-sang,
Áo năm thân em ngả ra bọc gạo, nuôi lấy mẹ chàng,
chàng ơi.*

trĩn : cái hũ.

Nàng :

*Thấy anh cũng muốn thương thâm,
Sợ e mai kia trĩn một, múc làm gạo đôi.*

Chàng :

*Em ơi lo chi trìn một gáo đôi,
Nước trong một trìn nấu hai nồi cũng xong.*

trọ : cái đầu, cái sọ.

*Vè vè vè ve, nghe vè con cá,
Cứu trong thiên hạ là con cá voi,
Đi ngược về xuôi là con cá đuối,
Cá hay nói thoại (1) là cá hồng leo,
Cá hay chạy theo là cá hồng chó,
Cá chi to trọ là con cá chai,
Bất hiếu, bất hòa là con cá trật,
Cá biết làm giặc là con cá cò,
Cá biết làm thơ là con cá mực,
Con cá không đực là con cá mái,
Ngồi khoanh tay lại là cá hồng dâu,
Cá ở vực sâu là con cá vược,
Cá không bắt được là con cá tràng,
Cá không biết đàn là con cá lạc,
Một bầy cá bạc, một bầy cá xanh,
Có lưỡi không nanh là con cá móm,
Cá với hàng xóm là con cá ong.
Tức giận lung tung là con cá ghẻ,
Ai khiêng, ai đê là cá long hội,
Bạo lặn, bạo lội là con cá tràu đò,
Ai nói hò đờ là con cá óc nóc,
Nhiều xương nhiều xóc là con cá bò,
Cái ăn, cái kho là con cá bống,
Lộn chộn lạng chạng (2) là con cá sơn,
Khéo bào, khéo trơn là con cá phèn,
Cá chi chạy xuôi là con cá lúi,
Cá chi bạo duội ấy cá lưỡi cày,
Quyết góp lại đây để mình kể cá,*

*Ngó xuống dưới phá có con cá thu,
Ngó xuống dưới su (3) có con cá ngưi,
Ngó vô trong lừ, có con cá sao,
Ngó xuống dưới ao, có con cá hèn.*

(Về con cá. Về Thừa Thiên - Huế, Tôn thất Bình (Chủ biên), Trần Hoàng, Triều Nguyên, Huế - 2001)

- (1) nói thụt : nói dối, nói theo lời người ta vừa nói.
(2) lộn chộn lạng chạng : lộn xộn.
(3) su : sâu.

tróc : bong ra từng mảng.

*Con cá tróc vì bởi vì nước chảy,
Cần câu nọ gãy bởi bụi hóp (1) cong.
Bởi anh mượn người mới lái không xong,
Nên duyên em trác trở, xui tằm lòng khó nguôi.*

- (1) hóp : một loại tre thân nhỏ.

trôm lơ : lồm sồm vào.

*Nghe vè nghe ve,
Nghe vè đánh bạc.
Đầu hôm xao xác,
Bạc tốt như tiên.
Nửa khuya hết tiền,
Bác như chim cú.
Cái đầu xù xụ,
Con mắt trôm lơ.
Hình dáng thất thơ,
Như con chó đoi.
Chân đi cà khới,
Dạo khắp xóm làng.
Quần rách toang hoang,*

Lấy tay mà túm.

(Về đánh bạc)

tròn vành vạnh : tròn trịa, tròn đều đặn.

Câu đố :

*Tròn vành vạnh như cạnh tía tô,
Đi nam, đi bắc, đi mô cũng về.*

(Giải đáp : Cái nón lá)

tròng : chiếc thuyền nhỏ, chiếc ghe nhỏ.

*Chẳng qua cái số long đong,
Cột trầu, trầu số (1); cột tròng, tròng trôi.*

(1) số : thoát ra khỏi nơi bị nhốt.

tròng ngao : thuyền nhỏ.

*Tráng gió tròng ngao xoay mũi lại,
Cỏ cây Côn Hén ngoảnh đầu qua.*

(Ung Bình Thúc Giạ)

trót : lỡ làm một điều gì.

*Chuồn chuồn mắc phải nhện vương,
Đã trót quán quýt thì thương nhau cùng.*

trót : trọn vẹn.

*Có thương thì thương cho trót,
Có trực trực thì trực trực cho luôn.
Đừng làm như con thỏ nọ đứng đầu truông,
Khi vui giỡn bóng, khi buồn giỡn trăng.*

trở : nở.

1/ *Một mình lo bảy lo ba,
Lo cau trổ muện, lo già hết duyên.*

2/ *Em còn thương nhớ lông bông,
Vị như lúa trổ ngoài đồng chắc chi.*

trộ mưa : trận mưa.

*May mô may, khéo mô khéo,
Như cơn cỏ (1) héo gặp trộ mưa rào.*

(1) cơn cỏ : cây cỏ.

trống võ : trống đánh

Chàng :

*Bên trong cửa Ngọ Môn, kèn kêu, trống võ,
Bên ngoài cửa Ngọ Môn, súng nổ đêm ngày.
Duyên chàng nợ thiếp chớ đổi, đừng thay.
May thì làm nên danh vọng, rủi có ăn mày
cũng theo nhau.*

Nàng :

*Thiếp với chàng vương mang mấy câu tình tự,
Trên thì núi Ngự, dưới có sông Hương.
Trăm năm thiếp quyết hai chữ cương thường,
Sợ là sợ chàng ham vui cảnh khác, bỏ duyên
nàng khổ thân.*

trốt : cái đầu.

1/ *Thầy mẹ không thương thì cúi trốt lạy dài,
Lẽ mô thầy mẹ lại không đoái hoài đến ta.*

2/Chàng :

*Anh muốn hỏi em một lời,
Mặt Trời có đỏ, trốt Trời ở mô ?*

Nàng :

*Anh về van đất, đấỵ ơi,
Ra đấỵ em chỉ trốt Trời cho anh !*

(Hò trêu ghẹo)

trở tới trở lui : đi tới đi lui.

*Kêu ai ơi chẳng thấy ai ơi,
Kêu rồi trở tới trở lui.
Căn duyên trác trở bởi Trời,
Nợ xa đàng nợ, duyên đổi đời đàng duyên.*

Trời côì : ông Trời ở trên cao.

- 1/ *Chuông đánh một dùi, kêu mô cũng thấỵ,
Trống đánh ngàn dùi, nhập khẩu vô tang.
Ai bằng duyên thiệp, phậỵ chàng,
Trời côì đã định kết ngãi đá vàng cùng nhau.*
- 2/ *Hai ta một tống khác làng,
Trời côì đã định, thưng chàng phải thưng.*
- 3/ *Nghe lời anh thì thất hiếỵ với cha mẹ,
Nghe lời cha mẹ thì thất ngĩa với anh.
Chẳng qua Trời côì đã định, non xanh đã đề.*
- 4/ *Nước trăm khe chảy về sông vịnh,
Trời côì đã định, nên chi con nước nợ mới
chảy vòng cung.*
- 5/ *Tình anh xa trăm trượng, ngĩa em ngái ngàn lầỵ,
Trời côì đã định thưng thầỵ phải thưng.*
- 6/ *Trồng tre, cầu tre cho thành phía,
Trồng mía, cầu mía cho thành hàng.
Ông Trời côì đã định thiệp với chàng gặp nhau.*

Trời vắn : ông Trời xui khiến.

*Chàng Nam thiếp Bắc,
Họa ông Trời vắn mới gặp nhau.*

trợt : trượt.

*Hòn đá cheo leo, em trèo lên trợt xuống,
Trong lòng luống cuống em chẳng muốn xa anh.
Quản bao trên thác dưới gành (1),
Cũng liều lặn lội hy sanh (2) theo chàng.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

(1) gành : ghềnh.

(2) hy sanh : hy sinh.

trúc : đổ nhào xuống.

*Chười cho nước lụt cột cờ,
Lư hương trúc ngã (1), bàn thờ trúc nghiêng.*

(1) ngã : chuyển từ vị trí thẳng sang vị trí nghiêng.

trùng triềng : tròng trành; nghiêng qua nghiêng lại.

*Thầy mẹ đặt gióng sửa triềng (1),
Nhẹ nhờ, nặng chịu, chớ không dám trùng triềng lung
lay.*

(1) triềng : gánh, bao gồm đòn gánh, hai chiết dóng và đồ vật đặt trong dóng.

trự : đồng tiền.

*1/ Mây hồng trần bay giăng vòng nguyệt,
Nước thủy triều xao xuyên dòng sông.
Mấy đời lươn nọ hóa rồng,
Cô có thương tui cho năm đồng mười trự,*

kết nghĩa vợ chồng dám đầu.

2/ *Nhân lai vô sự,*

*Đánh tài bàn năm, ba trụ mà chơi.
Không ai rước, cũng chẳng ai mời.
Đã chẳng gặp, gặp thời cú việc,
Phỗng một, rác mười cho quả quyết.
Đồng trên, đê dưới mới phân minh.
Có duyên nên bài bắt cũng xinh.
Xây ngang dọc tùy tình ta sở thích,
Phỗng cặp Chi chi (1) nghe rúc rích,
Nóng nảy thời Nhất xích (2) nhảy mà ra.
Thiếu hai lưng nên phải đợi ông già (3),
Mò đến cụ thôi đà sung sướng nhỉ.
Cũng có lúc treo tranh trái bĩ (4),
Vì tình nhau xin chớ nghĩ ăn tiền.
Người đời sướng nhất chơi tiền.*

(Đánh tài bàn. Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

- (1) Chi chi : con bài Chi chi tượng trưng cho đàn bà.
- (2) Nhất xích : con bài Nhất xích tượng trưng cho đàn ông.
- (3) Ông già : con bài có "hai lưng", tên gọi của lối chơi tài bàn.
- (4) "Treo tranh trái bĩ"(Tục ngữ) : chỉ nghĩ đến ăn tiền.

3/ *Anh ra đi thì quế chưa trồng,*

*Anh trở về thì quế đã trở (1) bông trăm nhành.
Một nhành mười tám bông xanh,
Ba bông bảy trụ, đó anh mấy tiền ?*

(1) trở : nở.

trước răng sau rúa : trước sau như một; không thay đổi.

*Tay cầm con dao, trao qua cái rổ,
Cắt cổ con kê (1),*

*Hai ta lấy huyết mà thề.
Trước răng sau rứa, chớ hề lãng xao.*

(1) con kê : con gà.

trương gan : dẫu khó khăn vẫn cố làm.

Nàng :

*Dễ tức cười con cóc nó leo thang,
Trèo lên tụt xuống, cứ trương gan mà trèo !*

Chàng :

*Chín tầng mây con cóc nỏ thềm leo,
Cóc ở hang sâu, cóc kêu một tiếng, mưa gieo bốn bề !*

tui : tôi.

1/ *Anh có thương tui thì thương cho chắc,
Có trọc trặc thì trọc trặc cho luôn.*

*Đừng như con thỏ nợ đứng đầu truông,
Khi vui dõn (1) bóng, khi buồn dõn trăng.*

(1) dõn : nhón, chơi, vui đùa.

2/ *Chim Liều nó biểu chim Quỳnh,
Biểu to biểu nhỏ biểu mình thương tui.*

3/ *Chồng chi anh, vợ chi tui,
Chẳng qua là cái nợ đời chi đây !*

4/ *Con tui buồn ngủ buồn ghé,
Con tầm đã chín, con dê đã muối.
Con tầm đã chín thì nuôi,
Con dê đã muối làm thịt mà ăn.*

5/Nàng :

Khó làm bạn với giàu duyên đâu cho xứng,

*Bạc đức lộn với chì răng cho đúng lượng đúng cân.
Thiếp giàu chàng có thua sút đôi phân,
Ngày xưa thánh hiền có dạy phú với bần hổ tương.*

Chàng :

*Lam lũ thân bần tiện, điền địa cốt nhục sân,
Tui phận nghèo đâu dám gia lân.
Cô giàu sang kiếm nơi giàu sang mà bầu bạn,
Tui đây đói khó nghèo hèn có dám đâu.*

6/ *Khoan khoan, ơi mụ chèo đò,
Cho tui về với một đoàn cho vui.*

7/ *Mưa lâm râm ướt dầm cây hẹ (1),
Tui thương một người có mẹ không cha.*

(1) cây hẹ : lá cây hẹ làm rau, củ cây hẹ làm thuốc trị bệnh suyễn.

tui với mình : em với anh (anh với em).

Chàng :

*Xa em gan ruột như bào,
Chưa vui gặp gỡ, có nào chia phối ?*

Nàng :

*Thương mình khốn nỗi trở lui,
Bởi chúng (1) thiên hạ nhạo tui với mình.*

(1) bởi chúng : bởi vì.

túi : tối, về đêm.

1/ *Chim bay về núi túi rồi,
Anh không toan liệu, cứ ngồi rửa răng (1) ?*

(1) rửa răng : vậy sao.

2/Nàng :

Chim bay về núi, túi rồi,

Anh không đi ngủ, còn ngồi chi đây ?

Chàng :

*Đêm nay ra đứng giữa trời,
Em cầm tờ giấy bạch, nghe lời anh phân.*

Nàng :

*Muốn phân, ngồi lại mà phân,
Ai xa cho biết, ai gần cho hay !*

3/ *Mây xây, núi túi, chim tìm tổ,
Khách cách đường trường, nốt (1) cột lau.
Lồng không đào cao, nường phậu (2) xấu,
Lơ thơ liễu yếu, chị đầu (3) đau.*

(Tuy Lý Vương)

(1) nốt : chiếc thuyền nhỏ.

(2) nường phậu : người hầu gái.

(3) đầu : đào.

túm : buộc các mép lại với nhau cho kín.

*Làm thân con gái chẳng lo,
Ngủ trưa đứng buổi dậy đo mặt trời.
Áo quần thì rách tả tơi,
Lấy rơm mà túm mỗi nơi một đùm.*

tư lương : tình cảm riêng tư.

Chàng :

*Kể từ ngày anh khăn gói ra đi,
Quán mô đông không dám ghé, sợ lỗi lời thề cùng em.*

Nàng :

*Nước dưới sông, ai đem chén đo lường,
Hai đứa mình thương nhau cho trọn, đừng có
tư lương bạn cười.*

tùng ni : như thế này.

Chàng :

*Em lấy chồng đi kéo muện xuân thu,
Công ơn cha mẹ hai chữ lao cù (1) trả sau.*

Nàng :

*Chũm đót non đem vô quét hai hàng lá liễu,
Thiếp nghe lời chàng sợ thất hiếu với mẹ cha.
Kể từ ngày mẹ đẻ em ra,
Ai mớm cơm, trún cháo mà em lớn tùng ni ?*

(1) lao cù : cù lao, sự khó nhọc của cha mẹ trong việc nuôi dạy con.

tươm tươm : đàng hoàng, chững chạc.

*Anh về tươm năm miếng trầu cho tinh khiết,
Bỏ vô hộp thiếc, khay cẩn xà cừ.
Mượn người mối lái tươm tươm,
Thế mô chú thể ni (1) Thầy Mạ cũng ù (2) cho anh.*

(1) thế mô chú thể ni : thế nào chú như thế này.

(2) ù : đồng ý, tán thành.

U, Ứ

ủ dột : buồn chán, rầu rĩ.

*Có nên cũng tốt, không nên cũng tốt,
Biểu anh đừng ủ dột sầu bi.
Mình thương thời có lệnh mẹ cha,
Dẫu xa nhau cũng an tâm đành dạ, chớ thở than ra
họ cười.*

uống lừng : uống không nhiều, uống một phần bát nước.

*Đói lòng ăn nửa trái sim,
Uống lừng bát nước đi tìm người thương.
Người thương ở tận non xanh,
Đóng thuyền nhẹ ván tìm quanh ngã nguồn.*

ụt ịt : tiếng heo kêu.

Con gà tục tác (1) lá chanh,

*Con heo ụt ịt đòi hành đòi tiêu,
Con chó khóc ãng khóc ngòi,
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.*

(1) tục tác : tiếng gà kêu.

ưng : ua, bằng lòng.

*Lỡ duyên em phải ưng anh,
Tiếc con tôm bạc (1) nấu canh rau dền.*

(1) tôm bạc : một loại tôm trắng, có nhiều ở vùng Cầu Hai, Nước Ngọt.

ước chi : mong sao.

*Nồi đồng sôi, nồi đất cũng sôi,
Anh thương em, mẹ góa con cô.
Nơi ăn chẳng có, nơi ngồi cũng không.
Ước chi đó vợ, đây chồng,
Đáy ôm con phượng, đó bông con loan.*

V

vã (từ cổ) : nói, tỏ bày, tỏ tình.

*Trái dưa gang ngoài vàng trong trắng,
Trái mướp đắng trong trắng ngoài xanh.
Kể từ ngày vã tiếng thương anh,
Đầu nơi mô phố nói, lầu vàng cũng không.*

vách mảy : ngòi gác chéo chân, chân này trên chân kia với thái độ thỏa mãn.

*Đình hưu vách mảy lại ngâm nga,
Tức cảnh câu thi Tết gọi là.
Khỏe cánh tìm hương con bướm liệng,
Vui lòng rủ bạn tiếng oanh ca.
Ngành cây cổ thụ đương sây lá,*

*Ngọn bút tao đàn cú trở hoa.
Tuổi thọ trời cho, ai có hỏi,
Thưa rằng nay đã tám mươi ba.*

(Ung Binh Thúc Giạ)

vại : cái lu lớn làm bằng đất nung, thường dùng để chứa gạo, ngũ cốc hay chứa nước.

*Ai về Phú Lễ thì về,
Nửa khoai bộn bề (1), gạo vại ngon thơm.*

(1) bộn bề : phong phú, đầy rẫy.

van vái : van lạy, cầu xin.

*Anh có thương em thì về tìm năm miếng trầu,
một chén rượu, lạy vái đời chồng trước em đi.
Em về cho van vái như ri :
"Sống khôn, thác thiêng,
Mộ an phận mộ,
Để gái thuyền duyên đời đời "*

van : làng nổi trên sông của những người thường làm nghề chài lưới.

*Nước đầu cầu, khúc sâu, khúc cạn,
Chèo qua Ngọc Trản đến van Kim Long.
Sương sa, gió thổi lạnh lùng,
Sóng xao, trăng lặn chạnh lòng nhớ thương.*

vang vẳng : âm thanh vang vọng lại từ xa.

*Bên bãi xa xa, canh gà gáy sáng,
Phương trời vang vẳng, tiếng nhạn kêu sương.
Thuyền em đậu giữa sông Hương,
Trông mặt trời cho mau rạng,*

Thấy người thương của em về.

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

vàng (từ cổ) : âm thanh trong trẻo.

*Trải mấy xuân duyên hài cầm sắt,
Vàng cung thương diu dặt tiếng tơ.
Những từ cá nước duyên ưa,
ng điềm chương ngọn bầy giờ trở sanh.*

(*Văn châu Thiên Y Thánh Mẫu*. Từ câu 61 đến 64. Khuyết danh. Châu văn Huế)

vạt : mảnh đất tròng trọt, thường là một mảnh đất nhỏ.

1/ *Một mình đứng giữa vạt dưa,
Không ăn mà chịu, oan chưa bạn tề !*

2/ *Ngồi buồn chẳng dám trách ai,
Trách con tầm phi nghĩa, chẳng đoái hoài vạt dâu.*

vày vò : vùng vằng.

*Lạnh lòng ta đắp chiếu cho,
Giận ai nên nổi vày vò bỏ đi ?*

vấn : ngần.

*Ngồi buồn không biết than thở với ai,
Chờ trăng lên khỏi núi thờ vấn than dài với trăng.*

vằng : dụng cụ để cắt lúa, cắt cỏ.

*Giới chi anh, vằng gác, hái treo,
Ruộng không lo cấy, đèo queo (1) mà nằm.*

(1) đèo queo mà nằm : nằm ngủ ráng không muốn thức dậy.

vắt : quàng ngang qua một vật rồi bỏ thòng xuống.

Áo vắt vai chạy dài xuống phủ,

Em có chồng rồi, anh biết ngủ với ai ?

vận : mặc, bận.

Nàng :

*Tiếng đồn anh buôn bán thạo thông,
Cớ sao anh vận cái quần không dây ?*

Chàng :

*Đêm khuya giấc ngủ lâu tây,
Mãi ham chơi với bạn nên dây xa quần.*

vất : vút.

*Ăn được ngủ được là tiên,
Không ăn không ngủ là tiền vất đi.*

vấy : dính.

*Anh ơi, chó ché em đen,
Ở gần lò rèn có vấy hơi than.*

ve : dụ dỗ con gái, làm cho xiêu lòng.

*Cầm chài mà vãi bụi tre,
Con gái mười bảy đi ve ông già !*

vẽ : chỉ dẫn, hướng dẫn.

Nàng :

*Cá có **đâu** mà anh ngồi **câu đó**,
Biết có **không** mà **công khó** anh ơi.
Anh ra đây em vẽ cho một nơi cá nhiều.*

Chàng :

*Anh **ngồi đây**, **ngày đôi** ba lượt (1),
Biết **mất công** (công), **mong cất** con cá diếc lên.*

(Hò thủ tài đối đáp)

(1) lượt : lần.

Bài hò đối đáp này dùng nhiều chữ *nói lái* :

có đâu	=>	câu đó
có không	=>	công khó
ngồi đây	=>	ngày đôi
mất công (công)	=>	mong cất

vẽ chước : bày cách làm một việc gì đó.

*Anh muốn gần em,
Em vẽ chước cho.
Cầm một buồng cau, một chai rượu,
Anh giả đồ (1) đến chơi.*

(1) giả đồ : giả vờ.

vén : lật lên, khoát lên cho gọn.

*Tai nghe anh đau bụng nằm dài,
Em lên trên phố cân vài lạng nhưng.
Hoàng kỳ hai lượng sắc chung,
Tay bưng chén thuốc, tay lại vén mừng.
Khuyên anh dậy uống thuốc sống cùng với em.*

ví dầu : cho dù.

1/ *Cầu mô cao bằng cầu danh vọng,
Nghĩa mô trọng bằng nghĩa chồng con.
Ví dầu nước chảy đá mòn,
Có xa nhau ngàn dặm cũng còn nhớ thương.*

2/ *Đói no thiếp cũng theo chàng,
Ví dầu ăn ngọn rau vàng cũng ngon.*

3/ *Một nong tầm năm bảy nong kén,
Một nong kén tám chín nén tơ.*

*Em thương anh tối đợi sáng chờ,
Ví dầu tóc bạc như tơ cũng đành.*

4/ *Trăm năm cũng đợi cũng chờ,
Ví dầu tóc bạc như tơ cũng đành.*

5/ *Ví dầu tình bậu muốn thôi,
Bậu gieo tiếng dữ để rồi bậu xa.
Bậu ra cho khỏi tay choa,
Cái xương bậu cũng nát, cái da bậu cũng sờn.*

vì răng rứa : tại sao vậy.

*Cứ làm thình mãi vì răng rứa ?
Ứng tính toan chi hỡi ngợ ngang (1)?*

(1) hỡi ngợ ngang : hãy còn do dự, lo sợ.

vò vọ : một loại cua nhỏ, chân dài, ít thịt.

*Vò vọ chấm với muối rang,
Ai mô cũng nhớ Thuận An mà về.*

vỏ đuốc (từ củ) : bó đuốc.

*Xa xa vỏ đuốc thuyền ngư phủ,
Dợn bóng tinh hà ngó cũng xinh !*

(Ứng Bình Thúc Giạ)

vong : quên.

1/ *Con chim sáo sáo đậu đầu que (1) sáo (2),
Mãn mùa sáo lại đậu que say (3).
Khi thương không kịp trở tay,
Khi vong không kịp coi ngày mà vong.*

(1) que : một vật cứng, nhỏ và dài.

(2) sáo : tấm mảnh mảnh bằng tre dùng để chặn bắt cá.

(3) say : cây sào dùng để chống đỡ cho sáo đứng vững.

2/ Một tấm tranh treo, ngãi em nghèo xin đừng phụ,
Nhà ngói chín tầng, xin bạn cũ đừng vong.
Lời thề cùng anh khi bóng xế giữa đồng,
Thương sao thành vợ thành chồng thì thương.

3/ Tráng lên chưa cao trăng đã vội xế,
Em không ở tệ mà trách đó vội vong.
Đau gan, đau ruột, đau đến tấm lòng,
Bằng như ai dơ dao vàng cắt ruột thả giữa dòng
nước trôi.

vót : dùng dao bào cho nhẵn, cho tròn hay cho mỏng.

Đời cha cho chí đời con,
Muốn vót cho tròn thì phải chẻ vuông.

vọt : nhảy.

1/ Chuyện lạ lòng thay chẳng thấy mô !
Bỗng nhiên chú cóc mọc đuôi lò.
Lom khom vọt trước không ra vọt,
Lặn độn bò sau khôn nổi bò !
Theo dõi làm chi thành vấn vít,
Dứt đi không hết luống lò thò.
Như mây đã muốn thay lòng tục,
Mượn phép từ bi cõi lốt cho.

(Sử Viên Thành)

2/ Lèo lạt xong xuôi mới nhổ neo,
Ra khơi thuận gió thả dây lèo.
Sóng thần trước mặt đang xô tới,
Tàu khói sau lưng chọt đuổi theo.
Lớp đớp trên không vang tiếng súng,
Chơi vơi giữa phá chạnh thân bèo.

Ông Tây vọt xuống thuyền ông hỏi,
Vô sự cho đi thoát khỏi nghèo.

(Ung Bình Thú Giạ)

3/ Nàng :

Trời nắng mưa, nắng gió nên chi bãi cát nọ nắng bồi,
Quân tử cật tới đó, ai khá hỏi quân tử tân.
Thôi thôi em liều mình nhảy xuống sông Ngân,
Thác đi cho trọng ái ân hai người.

Chàng :

Trời nắng mưa, nắng gió, nên chi bãi cát nọ nắng
lở, nắng bồi,
Quân tử cật tới đó, em phải hỏi quân tử tân !
Tội gì vọt xuống sông Ngân,
Oan hồn thực nữ ái ân hai chàng.

(Hò trêu ghẹo)

vô can vô cố : không dính dáng.

Thiếp với chàng vô can vô cố,
Bắt lấy chữ tình mà thiếp nhớ chàng thương.

vỗ : dùng đũa đánh vào trống.

Bên trong cửa Ngọ Môn, trống reo kèn vỗ (1),
Bên ngoài cửa Ngọ Môn, súng nổ đêm ngày.
Duyên chàng với nợ thiếp, dùng rày (2) đổi mai thay,
May thì làm nên danh vọng, rủi có ăn mày
cũng theo nhau.

(1) trống reo kèn vỗ : tiếng trống đánh, kèn reo.

(2) rày : nay.

vơ làm chông : lấy chông vùi vã, không cần suy nghĩ.

1/ Chơi hoa không biết màu hoa,

Cầm cân không biết cân già, cân non.
Còn duyên trốn tránh trai tơ,
Hết duyên ông lão cũng vợ làm chồng !

2/ Còn duyên kén những trai tơ,
Hết duyên ông lão cũng vợ làm chồng.

vợ mọn : vợ bé, vợ hầu.

Chán chi nơi ăn ở tốt lành,
Em đem thân đi làm vợ mọn để ô danh với đời.

vun quén : chăm sóc.

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,
Nào ai vun quén cho mầy mầy ăn ?

Ta đừng bội nghĩa vong ân,
Uống nơi nước nọ nhớ chùng nguồn kia.

Nhớ ơn gầy dựng (1) xuta kia,
Núi công bể đức đầm đìa móc sương.

Nhớ ơn chín tháng cưu mang,
Sanh thành dưỡng dục nhọc nhằn biết bao !

Nhớ ơn đào tạo cần lao,
Mai hôm luyện tập, ra vào khuyển rắn.

On kia nặng biết mấy cân ?
Mênh mông trời bể mấy tầng cao sâu.

Dầu không kết cỏ về sau,
Cũng đừng phụ bạc ngõ hầu nên thân.

(Lý Giang nam)

(1) gầy dựng : xây dựng, gây dựng.

vụng toan : toan tính vụng về.

*Mẹ già vốn tính vụng toan.
Bông búp không bán,
Chừ bông tàn bán cho ai ?*

X

xa ngái : xa xôi, rất xa.

1/ *Hôm sớm như gần ông bạn cũ,
Bút nghiên càng nặng khối tình chung.
Quan san ngàn dặm, nhà xa ngái,
Vân thọ đôi đường nỗi nhớ nhung.*

(Cụ Kinh Chỉ Phan Văn Hy nhớ cụ Thúc Giạ)

2/ *Xa ngái nhau chi mấy dặm trường,*

*Gió mửa thêm chạnh tiết Trùng Dương.
Hoa lau trở bạc đầu phơi tuyết,
Đóa cúc phai vàng mặt giải sương.
Trám giận nghìn thương câu cảm tác,
Một say mười tỉnh chén tha hương.
Non Hồng thử dạo lên cho đến,
Bẻ nhánh thù du giữ lấy hương.*

(Ứng Bình Thúc Gia)

xán : ném mạnh xuống.

*Đi về đập hủ xán ve (1),
Đi xuống dò dọc mà nghe em hò.*

(1) hủ, ve : hai loại bình đựng rượu.

xắt : cắt ra thành từng lát.

Nàng :

*Em đưa cho anh một đĩa rau muống chiên,
Anh trồng rau sống lại, em xin giao duyên ngàn đời !*

Chàng :

*Anh đưa cho em một miếng mỡ xào,
Em xắt sao thành lát, thì rau muống chiên mọc liền !*

xấp mười : gấp mười lần.

*Vẻ xuân tươi hoa cười ngọc thốt,
Trên thiên đình có một không hai.
Tóc mây mái phụng trâm gài,
Thanh cao cách điệu xấp mười thuyền quyên.*

(Văn châu Đức Thiên Y Thánh Mẫu. Từ câu 21 đến câu 24. Khuyết danh. Châu văn Huế)

xây lưng : quay lưng.

*Em có thương thì phải nguyện như ai.
Chớ có thấy non cao mà sắp mặt (1),
Chớ có thấy biển rộng, sông dài mà xây lưng.*

(1) sắp mặt : úp mặt, cúi mặt.

xe quàng xe xiên : xe vội vã, bất chấp đúng sai, phải trái.

*Ông Tư sao khéo đa đoan,
Xe đây sao lại xe quàng xe xiên ?*

xem bằng : xem như.

*Phận gái lấy được chồng khôn,
Xem bằng cá vượt Vũ Môn hóa rồng.*

xê vô : xen vào.

*Ai xê vô lọt ván tháo cầu,
Lan xa cách huệ, huệ sầu chơi vơi.*

xê vô kết nghĩa : nhào vào làm bạn trăm năm.

*Mẹ thầy anh khi tỉnh, khi say,
Em xê vô kết nghĩa, sợ dặc dầy (1) tấm thân.*

(1) dặc dầy : mòn mỏi, xơ xác.

xi-mon : xi-măng. Việt hóa chữ ciment, tiếng Pháp.

*Cầu Đông Ba dở ra làm lại,
Cầu Trường Tiền đúc lại xi-mon.
Đường đi lên đi xuống đã mòn,
Anh qua cửa ngõ không ghé lại, rể con chi bạc tình.*

xí xăng : bận rộn, rối rít.

*Cảm thương danh lợi cả hai thành,
Kẻ chống, người chèo bộ xí xăng.*

*Ghét cùm bè trôi che bóng nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành trăng.
Chim khôn nhát bầy, nhìn không đậu,
Cá dại ham môi thấy phải ăn.
Câu hát trên sông thêm chạnh nỗi,
Ông chài lơ lửng có nghe chăng ?*

(Ứng Bình Thúc Gia)

xích : xô dịch.

*Thuyền ai trôi trước,
Cho em lướt tới cùng.
Chiều đã về, trời đất mông lung,
Phải duyên thì xích lại, cho đỡ nào nùng đêm sương.*

xoan : xuân; còn khỏe mạnh, tươi tắn như thời còn trẻ.

*Trai ba mươi tuổi còn xoan,
Gái ba mươi tuổi đã toan về già.*

xoàng : chóng mặt, hoa mắt.

*Vì ai nên lá ngâu tàn,
Con ong say bởi nhị (1), con bướm xoàng vì hoa.*

(1) nhị : nhụy.

xoay lưng : quay lưng.

Chàng :

*Chào anh một tiếng thẹn chi,
Trước đừng ơn hậu, sau xa đi cũng đành.*

Nàng :

*Chào anh, anh ngoảnh mặt đi,
Anh xoay lưng lại, chào chi mà chào.*

xoắn vó : bám lấy.

1/ *Thuở xuân xanh sao anh không xoắn vó,
Nay em đã có chồng rồi, anh còn đón ngõ trao thơ ?
Trao thơ em chẳng dám cầm,
Hai hàng châu lụy nhỏ dầm như mưa.*

2/ *Tiền tài hai chữ son khuyên ngược,
Nhơn ngãi đôi đường mực số xuôi.
Nhân tình bạc bẽo như vôi,
Khi chưa xoắn vó, lúc rồi lũng lơ.*

(Thảo Am Nguyễn Khoa Vy)

xổn : bốt.

*Nửa đêm trừ tịch đốt lò hương,
Dở sách xưa xem chuyện Tống Đường.
Nghe tiếng chuột reo khi xổn gió,
Nhìn con bướm liệng buổi tan sương.
Liều dảng trước cửa khoe màu lục,
Mai nở quanh sân đượm sắc vàng.
Đề vịnh có đôi câu chuyết thảo,
Gởi thăm thi sĩ bạn từ chương.*

(Ung Bình Thúc Giạ)

xu xa : xô qua, xô lại; đẩy qua, đẩy lại.

- *Ai sinh cồn cạn này ra,
Áo quần rách nát thịt da gầy mòn.
- Trước mụi (1) xu xa, sau lái cũng xu xa,
Đứa mô không đẩy thì trôi cả bà liền con.*

(Hò Đẩy nớt)

(1) mụi : mũi đò.

xung : giận dữ.

*Đàn ông cho đến đàn bà,
Hưu trí (1) hưu dưỡng (2) ai mà chẳng xung.
Nam Triều chán chi kẻ anh hùng,
Để Thuận An thất thủ khổ trong đoạn tình.*

(Về Thất Thủ Kinh Đô. Câu 5 đến 8)

- (1) hưu trí : nghỉ việc khi đã già.
- (2) hưu dưỡng : nghỉ việc để dưỡng sức.

xứ mô : nơi nào.

*Cây khô tươi nước cũng khô,
Phận nghèo đi tới xứ mô cũng nghèo.*

xưa tê : ngày trước, xưa kia.

*Xưa tê câu rỏ (1) ngó xinh,
Bây giờ câu rạo (2) vô tình giả lơ (3).*

- (1) câu rỏ là có râu (nói lái).
- (2) câu rạo là cạo râu (nói lái).
- (3) giả lơ : giả bộ như không thấy, không biết.

Y

yêng : anh.

*1/ Ngày xuân thi rượu cứ nghệ nga.
Vui sướng như yêng mới thật là,
Nhắc điệu hát xưa cho Liễu (*) hát,*

*Đặt bài ca mới để Châu ca.
Vuốt râu đứng lắng Oanh kêu bạn,
Vách mả ngồi xem Cúc nở hoa.
Phúc Lộc đã nhiều, gồm cả thọ,
Tuổi trời hơn tớ đến mười ba.*

(Cụ Kinh Chỉ Phan Văn Hy họa thơ Tết của cụ Thúc Giạ)

(*) Liễu, Châu, Oanh, Cúc : tên các ca sĩ đương thời.

*2/ Trưa trập trưa trề trể chợ rồi,
Chợ (1) nhau ngoài sá (2) để rồi lư.
Trầu cau bộ mạ (3) yêng mang lại,
Mai một (4) cấy dôn (5) sướng mấy hồi.*

- (1) chợ : thấy.
- (2) sá : đường.
- (3) bộ mạ : cha mẹ.
- (4) mai một : ngày sau.
- (5) cấy dôn : lấy chồng.

--- o o o ---

* *

Sau thời gian sưu tầm và nghiên cứu phương ngữ trong thi ca, chúng tôi nhận thấy phương ngữ Huế thâm nhập nhiều vào thi

ca Huế. Phương ngữ Huế thâm nhập vào dân ca, thâm nhập vào nhạc lễ, thơ mới và cả trong âm nhạc xuất phát từ cung đình.

Nhờ phương ngữ Huế mà thi ca Huế mang bản sắc địa phương đặc biệt tự nhiên; nhờ phương ngữ Huế mà thi ca Huế có phong vị đậm đà, gợi cảm, trữ tình.

Thi ca Huế không lãng mạn, bay bướm như những bài Thơ Mới chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp; không văn hoa, thâm trầm, sâu sắc như những bài thơ Đường chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa; thi ca Huế đượm màu sắc dân tộc, hồn nhiên, chất phác nhờ phương ngữ Huế.

Những ai là người gốc Huế, tắm nước sông Hương, uống nước sông Hương, ăn bún lá chợ Tuần, bánh canh Nam Phổ, mít Nguyệt Biều hay những ai sinh sống ở Huế nhiều năm, biết thưởng thức bún bò Gia Hội, bánh khoái cầu Đông ba, bánh bèo Bến Cạn, cơm hến bến Đò Cồn; đã từng nghe tiếng hò trên phá Tam Giang, tiếng chuông chùa Linh Mục; họ dễ dàng cảm thông ý nghĩa sâu xa của phương ngữ Huế và thấu hiểu được cái giá trị văn chương của nó.

Phương ngữ Huế là một phần văn hóa phi vật chất của dân tộc Việt Nam.

□ □ □

Sách báo tham khảo

- * **Ba** (Nguyễn Hữu) : *Dân ca Việt Nam. Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Sài Gòn 1961.*
- * **Bình** (Tôn Thất) : *Huế - Lễ hội dân gian.* Hội văn nghệ Thừa Thiên - Huế xuất bản, 1997.
- * **Chương** (Lê Văn) : *Đặc khảo Hồ Huế.* Nxb Thuận Hóa, 2000.
- * **Đức** (Bùi Minh Đức) : *Từ Điển Tiếng Huế.* 2004.
- * **G. Aubaret** : *Grammaire Annamite suivie d'un Vocabulaire Français - Annamite et Annamite - Français.* Paris - Imprimerie Impériale, M DCCC LXVII
- * **Gérard Moussay** : *Dictionnaire Căm Viet Français. Tự điển Chàm Việt Pháp.* Centre culturel Căm. Trung Tâm Văn Hóa Chàm, Phan Rang - 1971.
- * **Hoàng Yến** : *La musique à Huế.* Bulletin des Amis du Vieux Huế, Juillet-Septembre 1919.
- * **Huỳnh Tịnh Paulus Của** : *Đại Nam Quốc Âm tự vị.* Saigon-Imprimerie Rey. Curisol & Cie. Tome I, 1895; Tome II, 1896.
- * **Kiểm** (Thái Văn) : *Cố Đô Huế.* Nha Văn Hóa Bộ Giáo Dục xuất bản, 1960.
- * **Lại Thủy** (Trần Kiều) : *Âm nhạc cung đình triều Nguyễn.* Nxb Thuận Hóa, 1997.
- * **Liêm** (Hà Thúc) : *Khảo luận về Ứng Bình Thúc Giạ Thị.* Nxb Thuận Hóa, 2004.
- * **Lộc** (Bình Nguyên) : *Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt Nam.* Bách Bộc xuất bản. Lá Bối tổng phát hành, 1971.
- * **Luận** (Ứng) : *Ca dao xứ Huế.* Sở Văn hóa Thông tin Thừa Thiên - Huế xuất bản, 1999.
- * **Phan** (Vũ Ngọc) : *Tục ngữ và ca dao Việt nam.* Nhà xuất bản Văn Hóa Xã Hội, 1971.
- * **Thanh Tịnh** : *Quê Mẹ.* Bút Việt, 10/4/1975.
- * **Thúc giạ** (Ứng Bình) :
 - *Tình Thúc Giạ.* Xuất bản tại Huế, 1942.
 - *Bán buồn mua vui.* Xuất bản tại Huế, 1954.
 - *Đời Thúc Giạ.* nxb Bốn Phương. Sài Gòn, 1961.
 - *Tiếng hát Sông Hương.* Tôn Nữ Hỷ Khương xuất bản, Chợ Lớn, 1972.

- * **Thùy Mai** (Trần) : *Dân ca Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, 2003.
- * **Tiến Tựu** (Hoàng) : *Bình giảng ca dao*. Nxb Giáo dục, 1998.
- * **Tử Chi** : *Người Mường ở Hòa Bình*. 1994.
- * **Thảo Am** (Nguyễn Khoa Vy): *Câu hò mái nhì*. 1957.

Các tác phẩm chữ Nôm:

- * **Đoàn Thị Điểm**. Đặng Trần Côn nguyên tác : *Chinh Phụ Ngâm*.
- * **Nguyễn Bình Khiêm** : *Bạch Vân Âm Quốc Ngữ Thi Tập*.
- * **Nguyễn Du** : *Truyện Kiều*.
- * **Nguyễn Đình Chiểu** : *Lục Vân Tiên*.
- * **Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Thiện** nhuận sắc: *Hoa Tiên*.
- * **Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiệu** : *Cung Oán Ngâm Khúc*.
- * **Phan Trần** (Truyện).
- * **Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập**.

Quốc-văn giáo-khoa thư :

- Lớp Đồng ấu.
- Lớp Dự bị.
- Lớp Sơ đẳng.

Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận biên soạn. Nha Học Chính Đông Pháp xuất bản, 1935.

Đặc san Quốc Học Đồng Khánh. Bắc Cali, 2002.

□ □ □

Mục lục

Lời nói đầu	
9	
Chương I : Tiếng Việt cổ	
11	
a) Proto Việt Mường	11
b) Vài từ Việt cổ	14
Chương II : Phương ngữ Huế	
29	
Chương III : Phương ngữ Huế trong thi ca	
51	
Sách tham khảo	
395	

* *

Cùng một tác giả

- * L'émigration
Histoire et Problème 1995
- * Religions
Guerres et Paix 1998
- * Câu Hò Tiếng Hát xứ Huế
(An Tiêm) 2002
- * Sắc Thái Văn Hóa Việt nam
(Gió Đông Gió Tây) 2005
- * Tôn giáo
Chiến tranh và Hòa bình
(Sen Trắng) 2005
- * Ông Trời trong thi ca Việt Nam
(Bến Đò Cồn) 2008
- * Phương Ngũ Huế trong Thi Ca xứ Huế
(Có Răng Nói Rửa) 2012
- * Những mảnh hồn nhỏ
(Gió Mùa Đông) 2012

* * *

Địa chỉ liên lạc

Mr BỬU BIÊN
15, rue Prairial
95400 Champigny Sur Marne
France

Email : buubien@aol.com